

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THUÝ HẰNG

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH
TỈNH NGHỆ AN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THUÝ HẰNG

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH
TỈNH NGHỆ AN**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ SỐ: 931 01 10**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS TRƯƠNG THỊ MỸ NHÂN
2. TS. HỒ THỊ HƯƠNG MAI**

Chữ ký
7/2

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An*” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn. Các tài liệu, số liệu và kết quả sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đã cam đoan nêu trên.

Tác giả



Hoàng Thị Thúy Hằng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
ANTT		An ninh trật tự
BHXXH		Bảo hiểm xã hội
CBAM	Carbon Border Adjustment Mechanism	Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon của Liên minh Châu Âu
CCHC		Cải cách hành chính
CN		Công nghiệp
CNTT		Công nghệ thông tin
DDCI	District and Department Competitiveness Index	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở ngành
DPPA	Direct Power Purchase Agreement	Hợp đồng mua bán điện trực tiếp
DN		Doanh nghiệp
DNNVV		Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐH, CĐ		Đại học, cao đẳng
ĐTM		Đánh giá tác động môi trường
ESG	Environmental, Social, Governance	Môi trường, Xã hội, Quản trị
EGS	Environmental goods and services	Hàng hóa và dịch vụ môi trường
EPA	Environmental Protection Agency	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ
ETS	Emission Trading System	Hệ thống giao dịch phát thải
EU	European Union	Liên minh Châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FPI	Foreign Portfolio Investment	Đầu tư gián tiếp nước ngoài
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Tự do
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GRDP	Gross Regional Domestic Product	Tổng sản phẩm trên địa bàn (tỉnh, thành phố)
GMT	Global Minimum Tax	Thuế tối thiểu toàn cầu

GVCs	Global Value Chains	Chuỗi giá trị toàn cầu và liên kết
R&D	Research and Development	Nghiên cứu và Phát triển
HDND		Hội đồng nhân dân
KCN		Khu công nghiệp
KKT		Khu kinh tế
LĐ-TB&XH		Lao động thương binh và xã hội
LNG	Liquefied Natural Gas	Khí thiên nhiên hóa lỏng
Net Zero	Net Zero Emissions	Phát thải ròng bằng "0"
NHNN		Ngân hàng Nhà nước
NSLĐ		Năng suất lao động
NSNN		Ngân sách nhà nước
MNE	Multinational enterprises	Công ty/Doanh nghiệp đa quốc gia
PCCC		Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở Việt Nam
QĐ		Quyết định
TNDN		Thu nhập doanh nghiệp
TFP	Total Factor Productivity	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế	Organization for Economic Cooperation and Development
ODA	Official Development Assítanc	Viện trợ phát triển chính thức
IPA	Investment Promotion Agency	Cơ quan xúc tiến và đầu tư
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
JETP	Just Energy Transition Partnership	Quan hệ đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng
UBND		Ủy ban nhân dân
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
UNEP	United Nations Environment Programme	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
USD		Đô la Mỹ

USDA	United States Department of Agriculture	Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ
VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VSIP	Vietnam - Singapore Industrial Park	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore
WB	World Bank	Ngân hàng thế giới
WCED	World Commission on Environment and Development	Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển
WHA	Warehouse and Factory Industry Corporation	Khu công nghiệp WHA Industrial Zone
XTĐT		Xúc tiến đầu tư

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH	14
1.1. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh cấp tỉnh.....	14
1.2. Đánh giá chung	29
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH.....	34
2.1. Khái quát chung vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh	34
2.2. Các số vấn đề cơ bản về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh	42
2.3. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh ở một số địa phương và bài học đối với tỉnh Nghệ An	72
Chương 3: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN.....	82
3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh ở tỉnh Nghệ An	82
3.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	95
3.3. Đánh giá chung thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024	128
Chương 4: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN	133
4.1. Quan điểm và mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An.....	133
4.2. Bối cảnh mới ảnh hưởng đến thu hút vốn fdi xanh tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	137
4.3. Các giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030, định hướng 2045	142
4.4. Kiến nghị.....	154
KẾT LUẬN.....	161
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Các hướng tiếp cận chính về khái niệm FDI xanh	19
Bảng 2.1. So sánh kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh các tỉnh.....	80
Bảng 3.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024).....	89
Bảng 3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024).....	91
Bảng 3.3. Tổng hợp các hạng mục đầu tư hạ tầng trọng điểm của tỉnh Nghệ An.....	96

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Tình hình dân số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024.....	83
Biểu đồ 3.2. Tình hình lực lượng lao động theo thành thị/nông thôn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	84
Biểu đồ 3.3. Cơ cấu kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024.....	85
Biểu đồ 3.4. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	85
Biểu đồ 3.5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép giai đoạn 2018 - 2024.....	87
Biểu đồ 3.6. Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)	90
Biểu đồ 3.7. Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)	92
Biểu đồ 3.8. Kết quả giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	93
Biểu đồ 3.9. Kết quả giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	94
Biểu đồ 3.10. Xếp hạng điểm DTI của các đơn vị sở ban ngành tỉnh Nghệ An năm 2024.....	98
Biểu đồ 3.11. Thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024	99
Biểu đồ 3.12. Ý kiến của cán bộ đánh giá thực trạng tạo lập môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của Chính quyền tỉnh Nghệ An.....	100

Biểu đồ 3.13. Ý kiến của cán bộ về những hoạt động XTĐT của Chính tỉnh Nghệ An đã làm để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh	114
Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ cán bộ đã từng nghe về việc thu hút vốn trực tiếp nước ngoài xanh	117
Biểu đồ 3.15. Ý kiến của đại diện doanh nghiệp về các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại Nghệ An	119
Biểu đồ 3.16. Ý kiến của đại diện doanh nghiệp về những khó khăn/thách thức đối với doanh nghiệp FDI xanh tại Nghệ An.....	120
Biểu đồ 3.17. Ý kiến của cán bộ về khó khăn/ thách thức trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An.....	121
Biểu đồ 3.18. Mức độ hài lòng của doanh nghiệp sau khi đầu tư FDI xanh tại Nghệ An.....	124
Biểu đồ 3.19. Ý kiến của doanh nghiệp về giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Nghệ An	125
Biểu đồ 3.20. Ý kiến của cán bộ về giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An	127

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Thu hút FDI xanh là yêu cầu tất yếu trong tiến trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của quốc gia và địa phương. Bởi FDI xanh không chỉ gia tăng quy mô vốn, mà đã trở thành kênh tài trợ cho các dự án bền vững về môi trường, chẳng hạn chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp ở các nền kinh tế mới nổi (Mehakdeep Singh & cộng sự, 2025) [97], góp phần tạo việc làm xanh và kiến tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững. Vì thế, thu hút FDI xanh không chỉ dừng lại ở quy mô đăng ký, số dự án, đóng góp ngân sách, việc làm, kim ngạch xuất khẩu... mà vấn đề cốt lõi là năng lực của Nhà nước trong định hướng, lựa chọn, điều phối và giám sát dòng vốn để phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Tuy nhiên, các lý thuyết nghiên cứu về vốn FDI chưa luận giải đầy đủ bản chất của vốn FDI xanh, tiêu chí nhận diện vốn FDI xanh, cũng như chưa tích hợp đầy đủ các động lực mới như rủi ro chuyển đổi khí hậu, định giá carbon, tiêu chuẩn ESG, tài chính xanh và yêu cầu truy xuất phát thải trong chuỗi cung ứng, cơ chế tác động và hệ nhân tố ảnh hưởng đối với FDI xanh, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam thực hiện cam kết Net-zero 2050. Cũng như chưa làm rõ cơ chế quản lý địa phương quyết định chất lượng xanh của dòng FDI sau khi dự án được lựa chọn, cấp phép và triển khai.

Gần 40 năm kể từ khi Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài ra đời (12/1987), FDI đã khẳng định vai trò là một trong những nguồn lực quan trọng của nền kinh tế. Dù tỷ trọng FDI trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội đã giảm so với các giai đoạn trước, năm 2024 dòng vốn này vẫn chiếm tới 16,5% và tiếp tục hiện diện ở 18/21 ngành kinh tế quốc dân, ở toàn bộ 34 địa phương sau sắp xếp. Điều đó cho thấy FDI vẫn đang là nguồn lực tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế. TS Phan Hữu Thắng (2025), FDI xanh quyết định tương lai tăng trưởng của Việt Nam [17]. Với quy mô và mức độ lan tỏa lớn như vậy, yêu cầu định hướng lại dòng vốn để phù hợp hơn với mục tiêu phát triển bền vững trở nên cấp thiết.

Trong những năm gần đây, thu hút FDI xanh ở Việt Nam đã có chuyển biến tích cực và ngày càng trở thành một hướng ưu tiên trong chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài. Nền tảng của xu hướng này là việc Việt Nam vẫn duy trì sức hấp dẫn

cao đối với dòng vốn FDI nói chung, với vốn FDI thực hiện năm 2024 đạt khoảng 25,35 tỷ USD, là mức cao nhất từ trước đến nay. Việt Nam đã bước đầu hình thành nền tảng thu hút FDI xanh, nhưng để biến FDI xanh thành dòng vốn chủ đạo, Việt Nam cần tiếp tục cải cách thể chế, nâng cấp hạ tầng năng lượng và tăng năng lực hấp thụ công nghệ xanh của doanh nghiệp và địa phương.

Trong bối cảnh chung đó, Nghệ An là địa phương có nhiều lợi thế để trở thành điểm đến mới của vốn FDI xanh của khu vực Bắc Trung Bộ, với vị trí kết nối Bắc - Nam, hành lang Đông - Tây, hệ thống khu công nghiệp đang mở rộng, dư địa về phát triển logistics, cảng biển, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ đô thị. Thực tiễn cho thấy, những năm gần đây Nghệ An từ một địa phương có điểm xuất phát thấp đến nay đã vươn lên trở thành điểm sáng trong thu hút FDI của cả nước. Tính đến cuối năm 2024, tỉnh ghi nhận 169 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký hơn 5,686 tỷ USD [32], trong đó có 31 dự án thuộc các ngành sản xuất công nghệ tiên tiến như linh kiện điện tử, phụ tùng ô tô, linh kiện quang học, ắc quy tính năng cao... Các khu công nghiệp lớn của Nghệ An đang mở rộng nhanh (VSIP Nghệ An III khoảng 180 -181 ha; WHA mở rộng giai đoạn mới), qua đó đặt ra nhu cầu khẩn cấp về bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, hạ tầng xanh dùng chung và cơ chế số hóa theo dõi phát thải ở cấp khu công nghiệp [33]. Song, thực tế cho thấy: Tỷ lệ dự án FDI áp dụng công nghệ xanh, tiêu chuẩn môi trường cao còn thấp; Cơ chế sàng lọc, thẩm định dự án chưa tích hợp tiêu chí phát thải, năng lượng, nước và quản trị ESG; Hệ thống dữ liệu đầu tư còn phân tán, thiếu công cụ số để minh bạch thông tin. Khoảng trống này tạo ra độ trễ so với xu thế “xanh - số”, làm suy giảm lợi thế cạnh tranh trong thu hút FDI thế hệ mới.

Bên cạnh đó, bối cảnh mới về cam kết giảm phát thải, xây dựng nền kinh tế carbon thấp, hướng đến mục tiêu đưa phát thải ròng bằng không (Net-Zero) vào năm 2050 đã tạo ra một ràng buộc trong việc xác lập mô hình tăng trưởng xanh ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương. Những định hướng này buộc các địa phương, trong đó có Nghệ An phải chuyển dịch mô hình thu hút vốn theo hướng ưu tiên dự án công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị xanh toàn cầu. Trên nền các ràng buộc và cơ hội quốc gia đó, Nghệ An bước vào chu kỳ quy hoạch mới 2021-2030, tầm nhìn 2050, định hướng phát triển công

nghiệp, dịch vụ logistics, cảng biển và đô thị động lực, qua đó mở ra không gian chính sách để lựa chọn dự án FDI có hàm lượng công nghệ và tiêu chuẩn môi trường cao được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 [20]. Muốn vậy, Nghệ An cần tăng cường thu hút có lựa chọn FDI nhằm bổ sung nguồn vốn, gia tăng đóng góp của FDI xanh.

Vì thế, cần thiết phải nghiên cứu làm rõ khái niệm, tiêu chí và cơ chế tác động của vốn FDI xanh trong điều kiện Nghệ An đang công nghiệp hóa nhanh; nhận diện các điểm nghẽn trong quản lý nhà nước đối với thu hút vốn FDI xanh ở Nghệ An, đặc biệt là sàng lọc dự án, phối hợp liên ngành, dữ liệu số, hạ tầng xanh và năng lực hậu kiểm; và cung cấp cơ sở đề xuất giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI xanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Với những lý do trên, lựa chọn đề tài: ***“Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An”*** thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm làm rõ các khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hệ thống tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh. Trên phương diện thực tiễn, luận án khuyến nghị các giải pháp khả thi nhằm tăng cường thu hút vốn FDI xanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt các mục tiêu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến thu hút vốn FDI xanh.
- Xây dựng, bổ sung cơ sở lý luận về thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh.
- Phân tích, so sánh kinh nghiệm thu hút vốn FDI xanh của một số địa phương trong nước có đặc điểm tương đồng, từ đó rút ra các bài học cho tỉnh Nghệ An.
- Phân tích thực trạng thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An trong giai đoạn từ 2018-2024.
- Đề xuất giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI xanh của tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Với các mục tiêu, nhiệm vụ trên, câu hỏi trung tâm của luận án: Chính quyền tỉnh Nghệ An cần quản lý như thế nào để thu hút hiệu quả vốn FDI xanh, bảo đảm vừa gia tăng quy mô và chất lượng dòng vốn, vừa nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và lan tỏa công nghệ trên địa bàn tỉnh?

Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể:

(1) Vốn FDI xanh là gì? Cơ sở lý luận về thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh? Các tiêu chí nào đánh giá kết quả thu hút vốn FDI xanh của một địa phương?

(2) Các tiêu chí nào phản ánh hiệu quả thu hút vốn FDI xanh của tỉnh Nghệ An? Các nhân tố nào ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn FDI xanh của tỉnh Nghệ An, đặc biệt là chất lượng thể chế địa phương, hạ tầng, nguồn nhân lực, quy hoạch, năng lực xúc tiến đầu tư và năng lực giám sát môi trường?

(3) Những kết quả đạt được, hạn chế và điểm nghẽn trong thu hút vốn FDI xanh của tỉnh Nghệ An là gì? Nguyên nhân của những hạn chế đó về thể chế, chính sách, tổ chức thực hiện, năng lực bộ máy hay điều kiện phát triển của địa phương?

(4) Trong bối cảnh phát triển mới đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Nghệ An cần hoàn thiện những định hướng và giải pháp nào để nâng cao hiệu quả thu hút vốn FDI xanh theo hướng chọn lọc, bền vững, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường và lan tỏa công nghệ?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các hoạt động thu hút vốn FDI xanh của chính quyền tỉnh Nghệ An.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi về chủ thể

Phạm vi nghiên cứu xác định chủ thể là chính quyền tỉnh Nghệ An, trong đó:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An là chủ thể quyết định và giám sát, có chức năng ban hành nghị quyết về định hướng phát triển, cơ chế chính sách và ưu đãi trong thẩm quyền; thực hiện giám sát việc tổ chức thực hiện của UBND tỉnh trong thu hút vốn FDI xanh, qua đó bảo đảm tính tuân thủ pháp luật, tính công khai minh bạch và tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý địa phương.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là chủ thể tổ chức thực thi trực tiếp các hoạt động thu hút vốn FDI xanh. Vai trò này được thể hiện xuyên suốt chu trình quản lý nhà nước, từ khâu xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư; thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính liên quan; đến quản lý, theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình triển khai dự án, bao gồm việc bảo đảm các yêu cầu về môi trường, công nghệ và tiêu chí phát triển bền vững của dự án FDI xanh.

3.2.2. Phạm vi về nội dung

Luận án nghiên cứu các hoạt động thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh gồm (i) *Tạo lập môi trường đầu tư*; (ii) *Ban hành và thực thi các chính sách ưu đãi đầu tư trong thẩm quyền được phân cấp*; (iii) *Tổ chức xúc tiến đầu tư*; (iv) *Sàng lọc thẩm định dự án, giám sát thực hiện cam kết xanh*. Trong đó, vốn FDI xanh được xác định là (i) *vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành kinh tế xanh* và (ii) *vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào quy trình công nghệ sản xuất sạch ở những ngành kinh tế truyền thống phát thải cao*.

3.2.3. Phạm vi về không gian

Luận án nghiên cứu thu hút vốn FDI xanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3.2.4. Phạm vi về thời gian

Dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2018-2024, dữ liệu sơ cấp thu thập năm 2025 (Thời gian thực hiện 3 tháng, từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025), các giải pháp định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Tiếp cận thu hút vốn FDI xanh của tỉnh Nghệ An trên nền tảng lý thuyết lợi thế so sánh (*Xác định và lượng hóa “lợi thế so sánh xanh” của địa phương từ nguồn lực truyền thống và tài nguyên môi trường như năng lượng tái tạo, chất lượng môi trường, cảnh quan sinh thái*), kết hợp với Lý thuyết phát triển bền vững và tăng trưởng xanh (*Nhận diện FDI xanh và đánh giá tác động của FDI đến đồng thời các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường; coi chính sách công là công cụ tái định hướng dòng vốn và cơ cấu ngành theo hướng giảm phát thải, sử dụng hiệu quả*

tài nguyên), và lý thuyết chuỗi giá trị (*đặt thu hút FDI xanh trong cấu trúc liên kết ngược, xuôi, ngang để thúc đẩy lan tỏa công nghệ sạch, chuẩn mực quản trị môi trường và “xanh hóa” hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương*) là nền tảng đề xuất khung lý luận cho luận án. Cụ thể:

Lý thuyết về lợi thế so sánh, khởi nguồn từ David Ricardo trong tác phẩm “On the Principles of Political Economy and Taxation” [65] năm 1817 và được phát triển theo hướng hiện đại bởi Heckscher, Ohlin và Samuelson, khẳng định mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ có khả năng chuyên môn hóa hiệu quả hơn ở những ngành gắn với loại nguồn lực mà mình có lợi thế tương đối dồi dào. Tiếp cận này cho phép luận án xác định “lợi thế so sánh xanh” của Nghệ An không chỉ từ lao động, vốn, đất đai, vị trí địa lý mà còn từ tiềm năng năng lượng tái tạo, chất lượng môi trường và cảnh quan sinh thái. Trên cơ sở đó, việc ưu tiên thu hút vốn FDI xanh vào các ngành như năng lượng tái tạo, nông nghiệp sạch, công nghiệp chế biến công nghệ cao và du lịch sinh thái được lý giải một cách khoa học, đồng thời nhấn mạnh vai trò của chính quyền cấp tỉnh trong việc chuyển hóa lợi thế tiềm năng thành lợi thế thực tế thông qua chính sách và cải thiện thể chế.

Lý thuyết lợi thế so sánh có thể sử dụng trong việc xây dựng mô hình định lượng, lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI xanh, trong đó Biến giải thích (independent variables) phản ánh lợi thế so sánh của Nghệ An: Tài nguyên - môi trường (tiềm năng năng lượng tái tạo, tỷ lệ che phủ rừng, đường bờ biển...); Lao động (tỷ lệ lao động qua đào tạo, chi phí lao động); Hạ tầng (số khu công nghiệp, cảng biển, đường cao tốc...). Biến trung gian (mediating) thể hiện vai trò quản lý kinh tế: Chất lượng thể chế địa phương, chỉ số PCI, DDCI, mức độ hoàn thiện chính sách ưu đãi FDI xanh...

Bên cạnh đó, thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An còn tiếp cận dựa trên Lý thuyết phát triển bền vững. Phát triển bền vững được đặt nền tảng trong báo cáo “Our Common Future” của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED, 1987), xác định phát triển là sự kết hợp hài hòa mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở đó, các khung lý thuyết về tăng trưởng xanh của OECD (2011), “Towards Green Growth” [102], UN (2011) với “Towards a Green Economy” [120] và WB với “Inclusive Green Growth” (2012) [136] nhấn mạnh vai trò của chính sách công trong

việc định hướng dòng vốn và cơ cấu ngành theo hướng giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo tồn vốn tự nhiên. Lý thuyết này cung cấp cơ sở để xác định FDI xanh, đồng thời xây dựng hệ tiêu chí nhận diện FDI xanh, đánh giá tác động của thu hút vốn FDI đến tăng trưởng (đóng góp GRDP, việc làm, xuất khẩu, mức độ thân thiện với môi trường...) và phân tích vai trò của chính quyền tỉnh trong thiết kế, thực thi chính sách, quy hoạch và hạ tầng nhằm tái định hướng thu hút vốn FDI phù hợp với chiến lược phát triển bền vững và tăng trưởng xanh của địa phương. Điều này là “cầu nối” giữa mục tiêu quy hoạch kinh tế - xã hội, chiến lược tăng trưởng xanh của tỉnh và chính sách thu hút vốn FDI.

Lý thuyết chuỗi giá trị toàn cầu và liên kết (Global Value Chains - GVCs) cho rằng các dòng FDI không chỉ đơn thuần mang lại vốn mà còn hình thành và củng cố các mối liên kết ngược, liên kết xuôi và liên kết ngang trong hệ thống sản xuất. Thông qua liên kết ngược, doanh nghiệp FDI mua nguyên vật liệu, dịch vụ và đầu vào từ các doanh nghiệp nội địa; thông qua liên kết xuôi, sản phẩm của khu vực FDI được tiêu thụ, phân phối hoặc tiếp tục chế biến bởi doanh nghiệp trong nước; trong khi đó, liên kết ngang thể hiện qua việc chia sẻ, lan tỏa công nghệ, kinh nghiệm quản trị, kỹ năng lao động và các chuẩn mực hoạt động giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Trong bối cảnh FDI xanh, cấu trúc liên kết này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi trở thành kênh chủ yếu để lan tỏa công nghệ sạch, quy trình sản xuất ít phát thải và các chuẩn mực quản trị môi trường tiên tiến sang khu vực doanh nghiệp trong nước, qua đó góp phần “xanh hóa” toàn bộ chuỗi giá trị tại địa phương. Chính quyền tỉnh Nghệ An có thể vận dụng khung lý thuyết này để thiết kế và triển khai các chính sách thúc đẩy liên kết giữa FDI xanh và doanh nghiệp địa phương.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp phương pháp định tính và phương pháp điều tra xã hội học, cụ thể:

- *Phương pháp tổng hợp và phương pháp hệ thống hóa*: Luận án sử dụng phương pháp tổng hợp, phương pháp hệ thống hóa để tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và hình thành khung lý thuyết về thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh.

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Trên cơ sở số liệu thứ cấp được thu thập, luận án sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm đánh giá thực trạng thu vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An. Đồng thời, sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để phân tích, đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế, nguyên nhân.

- *Phương pháp so sánh*: Luận án sử dụng phương pháp so sánh theo thời gian và so sánh giữa một số địa phương tương đồng nhằm tìm kiếm những điểm tương đồng và khác biệt trong thu hút, sử dụng vốn FDI ở Nghệ An, đồng thời đặt kết quả thu hút vốn FDI xanh ở Nghệ An trong bức tranh chung của thu hút vốn FDI xanh trên phạm vi cả nước. Phương pháp so sánh nhằm xác định mức độ, xu hướng biến động của các chỉ tiêu liên quan đến vốn FDI và vốn FDI xanh theo không gian, thời gian nghiên cứu kết hợp lập bảng biểu so sánh mức độ tăng, giảm và phân tích nguyên nhân.

- *Phương pháp khảo sát dựa trên bảng hỏi*

Nhằm đánh giá khách quan về kết quả thu hút vốn FDI xanh của Chính quyền tỉnh Nghệ An, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với hai nhóm đối tượng là: (1) Cán bộ thực thi chính sách về thu hút vốn FDI (bao gồm cả FDI xanh) và chính sách phát triển năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh; (2) Doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.

Phương pháp chọn mẫu:

Đối với cán bộ tỉnh Nghệ An: Tác giả tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi đại diện của các cán bộ thực thi chính sách tại các Sở Tài chính (bao gồm cả Sở Kế hoạch - Đầu tư trước đây), Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây), Sở Xây dựng (bao gồm Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng trước đây) và Ban Quản lý khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An. Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản (Simple Random Sampling - SRS), đảm bảo mọi phần tử trong tổng thể có cơ hội được chọn như nhau. Theo phương pháp này, tác giả tiến hành các bước: (1) xác định nhóm cán bộ cần khảo sát, theo đó, nhóm cán bộ có liên quan đến vốn FDI xanh là 365 trường hợp; (2) xác định kích thước mẫu, theo lý thuyết điều tra chọn mẫu, mẫu tối thiểu là 30 đơn vị, tác giả đã lựa chọn mức 200

đơn vị (cán bộ), tỷ lệ cứ 1,8 cán bộ sẽ chọn 1 cán bộ để khảo sát; (3) Tạo danh sách cán bộ và gán cho mỗi cán bộ một số thứ tự; (4) Tiến hành bốc thăm ngẫu nhiên, chọn các phần tử tương ứng với số ngẫu nhiên đã tìm để khảo sát. Từ đó, lựa chọn được 200 cán bộ để phát phiếu khảo sát, số phiếu thu về và sử dụng được là 194, tức cứ 1,9 cán bộ chọn 1 trường hợp để khảo sát. Với cơ cấu mẫu như trên có thể đảm bảo độ tin cậy và tính đại diện của cuộc khảo sát.

Số lượng phiếu phát ra 200 phiếu, số phiếu thu về 195 phiếu, số phiếu hợp lệ đưa vào phân tích là 194 phiếu. Trong đó, có 106 cán bộ là nam giới (54,6%) và 88 cán bộ là nữ giới (45,4%); Độ tuổi trung bình của cán bộ là sinh năm 1986 (39 tuổi); Trình độ chuyên môn khá cao với trình độ cao đẳng - đại học và sau đại học chiếm đa số (trình độ Cao đẳng - đại học chiếm 64,9%, trình độ sau đại học chiếm 12,4%) còn lại 22,7% cán bộ có trình độ Sơ - trung cấp. Vị trí công tác là lãnh đạo quản lý chiếm 33,0% (64 người). Khu vực cư trú ở đô thị chiếm 41,8% (81 người) và nông thôn là 58,2% (113 người).

Đối với các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Tác giả tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi đại diện của các doanh nghiệp là lãnh đạo doanh nghiệp có vốn FDI tỉnh Nghệ An ở các khu công nghiệp. Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống (Systematic Sampling). Tác giả tiến hành qua các bước như sau: (1) Xác định tổng thể (N) và quy mô mẫu (n). Số doanh nghiệp FDI cập nhật đến năm 2025 tại Nghệ An là 227. Do việc khảo sát đối với doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp FDI nói riêng là rất khó khăn, nên cần dự kiến lựa chọn mẫu với khoảng tỷ lệ 1/4 (tức là cứ 4 doanh nghiệp thì chọn 1 doanh nghiệp để khảo sát), như vậy cơ cấu mẫu là khoảng 56 trường hợp; (2) tính khoảng cách mẫu $k=N/n=4$; (3) Chọn số ngẫu nhiên trong danh sách, đã chọn được số 40; (4) Từ số ngẫu nhiên này, cứ cách khoảng cách k lại chọn 1 doanh nghiệp để tiến hành khảo sát. Tổng cộng, tác giả đã khảo sát được 60 doanh nghiệp FDI. Với phương pháp chọn mẫu và dung lượng mẫu như trên có thể đảm bảo độ tin cậy và tính đại diện của kết quả khảo sát đối với đề tài luận án về thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An.

Số phiếu phát ra 60 phiếu, số phiếu hợp lệ đưa vào phân tích là 58 phiếu. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các doanh nghiệp là công nghiệp sản xuất - chế biến (28 DN, chiếm 48,27%), còn lại là nông nghiệp hữu cơ (12 DN, chiếm 20,69%), dịch vụ

kỹ thuật - công nghệ xanh (8DN, chiếm 13,79%), công nghệ hỗ trợ (7DN, chiếm 12,07%) và cuối cùng là năng lượng tái tạo (3DN, chiếm 5,17%). Trung bình thời điểm các doanh nghiệp này đầu tư vào Nghệ An là khoảng cuối năm 2019 đầu năm 2020 (Trong các doanh nghiệp được khảo sát, doanh nghiệp đầu tư sớm nhất vào Nghệ An là vào năm 2016 và muộn nhất là vào năm 2023).

Thời gian thực hiện 3 tháng, từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025. Luận án tập trung vào thu thập dữ liệu về: (i) Chính sách ưu đãi, biện pháp UBND Tỉnh Nghệ An đã triển khai; (ii) Những yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI xanh; (iii) Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại Tỉnh Nghệ An; (iv) Những khó khăn, thách thức trong thu hút vốn FDI xanh tại Tỉnh Nghệ An; (v) Mức độ hài lòng.

Các số liệu điều tra xã hội học sau khi thu thập được sẽ được nhập liệu bằng phần mềm CSPro và “làm sạch”. Số liệu điều tra được sử dụng phân tích thống kê với phần mềm SPSS 27.

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Nguồn số liệu thứ cấp thu thập từ: (i) Các báo cáo đánh giá thực trạng thu hút, giải ngân và đánh giá hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam, nhu cầu thu hút vốn FDI của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính (nay là Bộ Tài Chính). (ii) Báo cáo đánh giá tác động của FDI đối với môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); (iii) Các báo cáo đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI xanh vào Việt Nam và các quốc gia trên thế giới của WB, IMF; (iv) Số liệu từ Sở Kế hoạch - Đầu tư (nay là Sở Tài chính) và các cơ quan liên quan ở Tỉnh Nghệ An; (v) Số liệu thứ cấp tổng hợp được từ nghiên cứu các trường hợp điển hình trong các luận án tiến sĩ, các đề tài khoa học, các sách tham khảo chuyên ngành. Số liệu thứ cấp trong giai đoạn 2018-2024 sử dụng trong mô hình nghiên cứu định lượng, sẽ được bóc tách từ số liệu của Tổng cục Thống kê.

5. Đóng góp mới của đề tài luận án

5.1. Đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận

Thứ nhất, luận án bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh theo hướng: (i) Làm rõ khái niệm thu hút vốn FDI xanh ở cấp tỉnh từ góc độ quản lý kinh tế, theo đó thu hút vốn FDI xanh là quá trình chính quyền địa phương chủ động tạo lập thể chế, điều kiện và công cụ quản lý

nhằm lựa chọn, dẫn dắt và giám sát các dòng vốn FDI có công nghệ sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát thải thấp và có khả năng lan tỏa tích cực đến phát triển bền vững; (ii) Mở rộng nội hàm thu hút FDI từ mục tiêu gia tăng quy mô vốn sang đồng thời nhấn mạnh chất lượng dòng vốn, hiệu quả môi trường, và đóng góp đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế xanh của địa phương; (iii) Bổ sung và hệ thống hóa nội dung quản lý nhà nước của chính quyền cấp tỉnh đối với thu hút FDI xanh theo chuỗi xuyên suốt từ xây dựng chiến lược, quy hoạch, tạo lập môi trường đầu tư, ban hành chính sách ưu đãi có chọn lọc, xúc tiến đầu tư xanh, thẩm định và sàng lọc dự án, đến kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết về môi trường, công nghệ và trách nhiệm xã hội của nhà đầu tư; (iv) Xây dựng khung tiêu chí đánh giá thu hút FDI xanh cấp tỉnh. Khung lý luận này góp phần khắc phục hạn chế của các nghiên cứu trước đây thường tiếp cận FDI xanh ở tầm vĩ mô hoặc tiếp cận FDI nói chung theo góc nhìn kinh tế đơn thuần, chưa làm rõ vai trò của chính quyền cấp tỉnh như một chủ thể quản lý, chưa gắn thu hút FDI xanh với sàng lọc dự án, giám sát sau cấp phép, phát triển liên kết địa phương và thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh.

Thứ hai, về cách tiếp cận và phương pháp, luận án tiếp cận thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An theo hướng tích hợp lý thuyết quản lý kinh tế với lý thuyết phát triển bền vững, lý thuyết tăng trưởng xanh, lý thuyết thể chế, lý thuyết lợi thế cạnh tranh địa phương và lý thuyết lan tỏa công nghệ. Cách tiếp cận này cho phép chuyển nghiên cứu từ việc mô tả chính sách thu hút đầu tư theo từng mảng riêng lẻ sang phân tích tổng thể cơ chế quản lý, mức độ phù hợp của công cụ chính sách và hiệu quả thực thi trong bối cảnh phát triển xanh, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt giữa các địa phương.

5.2. Đóng góp mới về mặt thực tiễn

Khác với các nghiên cứu trước, kết quả nghiên cứu thực trạng thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024, dựa trên dữ liệu khảo sát 58 doanh nghiệp FDI và 194 cán bộ thực thi chính sách và dữ liệu thứ cấp theo chuỗi thời gian từ 2018-2024 cho thấy: (i) Các biện pháp thu hút vốn FDI xanh của chính quyền tỉnh Nghệ An đã có nhiều thay đổi theo hướng không chỉ tăng khả năng thu hút dự án xanh, mà còn nâng cao chất lượng sàng lọc, sử dụng hiệu quả nguồn lực; (ii) Khả năng thu hút vốn FDI xanh ở Nghệ An còn khoảng cách khá lớn so với

tiềm năng; (iii) Đã gắn giải pháp thu hút FDI xanh với điều kiện phát triển cụ thể của Nghệ An như vị trí chiến lược của vùng Bắc Trung Bộ, yêu cầu phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế, lợi thế về năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, logistics, cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực và năng lực phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án góp phần hoàn thiện cách tiếp cận thu hút vốn FDI xanh ở cấp địa phương từ góc nhìn quản lý kinh tế.

Thay vì tiếp cận thu hút vốn FDI xanh thuần túy dưới góc độ đầu tư quốc tế hay kinh tế môi trường, luận án đặt vấn đề trong khuôn khổ quản lý kinh tế của chính quyền cấp tỉnh, nhấn mạnh vai trò của thể chế, công cụ và năng lực điều hành của chính quyền địa phương trong việc sàng lọc, tổ chức thực thi và giám sát dòng vốn FDI xanh. Gợi mở khung nhìn “quản trị dòng vốn xanh” ở cấp tỉnh, tạo cơ sở để phát triển các mô hình giải thích vai trò của năng lực nhà nước địa phương đối với chất lượng FDI, thay vì chỉ đo lường bằng quy mô vốn và số dự án.

Thứ hai, luận án làm rõ nội hàm và cấu trúc khái niệm “thu hút vốn FDI xanh cấp tỉnh” trên nền tảng hệ thống lý thuyết quản lý kinh tế kết hợp các lý thuyết liên ngành như lý thuyết lợi thế so sánh, lý thuyết phát triển bền vững và lý thuyết chuỗi giá trị

Trên cơ sở lý thuyết phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, đầu tư trực tiếp nước ngoài và quản lý nhà nước về kinh tế, luận án chuẩn hóa khái niệm thu hút vốn FDI xanh cấp tỉnh gồm mục tiêu, tiêu chí xanh, chủ thể, công cụ, quy trình và kết quả. Việc xác định rõ các thành tố giúp hình thành khung phân tích thống nhất, tạo nền tảng cho so sánh giữa các địa phương và cho các nghiên cứu tiếp theo theo hướng đánh giá chính sách và định lượng.

Thứ ba, luận án xây dựng và vận dụng khung phân tích thu hút vốn FDI xanh trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và xác lập mô hình tăng trưởng.

Bằng việc tích hợp các yếu tố mới như chuyển đổi số, cam kết phát triển xanh, mục tiêu phát thải ròng bằng không, cùng với đặc thù tổ chức chính quyền hai cấp

sau sắp xếp địa giới hành chính, luận án góp phần mở rộng không gian nghiên cứu quản lý kinh tế đối với FDI, chuyển từ tư duy thu hút vốn sang tư duy quản trị chất lượng dòng vốn, xem vốn FDI xanh như công cụ tái cơ cấu và nâng cao năng suất, đổi mới công nghệ, giảm phát thải và tăng sức chống chịu của kinh tế địa phương.

Thứ tư, luận án đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá thu hút vốn FDI xanh ở cấp tỉnh trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, có tính đến đặc thù cơ cấu kinh tế ngành và không gian phát triển của Nghệ An.

Hệ thống tiêu chí được thiết kế nhằm phản ánh đồng thời quy mô, chất lượng, mức độ “xanh” và tác động lan tỏa của FDI; có xét đến đặc thù cơ cấu ngành, không gian phát triển, hạ tầng và thị trường lao động của Nghệ An. Bộ tiêu chí vừa có ý nghĩa khoa học trong đo lường và so sánh, vừa tạo nền tảng cho các mô hình phân tích sâu hơn về mối quan hệ giữa thu hút vốn FDI xanh với tăng trưởng bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Thứ nhất, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm về thu hút vốn FDI xanh tại tỉnh Nghệ An trong bối cảnh mới, chỉ ra khoảng cách giữa tiềm năng và kết quả thực tế, cũng như các “điểm nghẽn” trong cơ chế, chính sách, hạ tầng, tổ chức thực thi và phối hợp.

Thứ hai, từ góc độ quản lý kinh tế, luận án đề xuất hệ thống giải pháp và công cụ quản lý thu hút vốn FDI xanh phù hợp với điều kiện Nghệ An, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Hệ thống giải pháp tập trung vào: hoàn thiện thể chế và quy trình quản trị dự án; thiết lập tiêu chí sàng lọc gắn với chuẩn xanh và công nghệ; thiết kế cơ chế ưu đãi theo nguyên tắc gắn ưu đãi với kết quả và tuân thủ tiêu chuẩn; đổi mới mô hình xúc tiến đầu tư trên nền tảng số; củng cố năng lực điều hành, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương hai cấp. Các giải pháp được thiết kế theo từng nhóm chủ thể và từng khâu trong chu trình dự án.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được trình bày trong 04 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH CẤP TỈNH

Với những đóng góp to lớn của vốn FDI đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các quốc gia, cùng với yêu cầu chuyển đổi xanh, giảm phát thải, thực hiện cam kết mục tiêu net zero vào năm 2050, đồng thời ứng phó với những diễn biến khó lường của biến đổi khí hậu, các quốc gia, trong đó có Việt Nam đều hướng đến thu hút vốn FDI có chọn lọc, thay vì chạy theo quy mô vốn trước đây. Trước bối cảnh đó, các công trình nghiên cứu về vốn FDI xanh và thu hút vốn FDI xanh, vì thế cũng khá đa dạng và phong phú, tiếp cận theo nhiều cách khác nhau nhằm làm rõ xu hướng vận động của dòng vốn FDI theo mục tiêu thu hút và cách thức quản lý hiệu quả dòng vốn này. Song hầu hết các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều giao nhau ở những vấn đề lớn: một là nghiên cứu về đầu tư trực tiếp và chất lượng tăng trưởng; hai là chuyển đổi xanh, giảm phát thải và tài chính khí hậu; ba là thu hút FDI thể hệ mới, trong đó thu hút vốn FDI xanh từ góc nhìn quản lý. Luận án “Thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An” lựa chọn cách tiếp cận theo khách thể nghiên cứu (vốn FDI xanh) và đối tượng nghiên cứu (Hoạt động thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh) nhằm làm rõ khái niệm về vốn FDI xanh, những đặc trưng của vốn FDI xanh có ảnh hưởng, tạo ra sự khác biệt trong mục tiêu, nguyên tắc và phương thức/công cụ thu hút vốn FDI xanh so với các loại vốn FDI khác; đồng thời xác lập các cơ sở lý thuyết để hình thành khung phân tích về thu hút vốn FDI xanh bao quát từ khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung thu hút, xây dựng hệ tiêu chí và xác định nhân tố ảnh hưởng. Chính quyền cấp tỉnh là chủ thể thiết kế, tổ chức thực thi, giám sát và điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư.

1.1.1. Các nghiên cứu trong và ngoài nước về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Trong lý thuyết kinh tế quốc tế truyền thống, FDI thường được nghiên cứu như dòng vốn đầu tư dài hạn gắn với quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể của

nhà đầu tư nước ngoài đối với doanh nghiệp tại nước tiếp nhận. Các mô hình kinh điển giải thích FDI dựa trên lợi thế sở hữu, lợi thế địa điểm và lợi thế nội bộ hóa của doanh nghiệp đa quốc gia; từ đó nhấn mạnh động cơ tìm kiếm thị trường, tìm kiếm hiệu quả, tìm kiếm tài nguyên và tìm kiếm tài sản chiến lược. Ở giai đoạn này, FDI được xem chủ yếu như nguồn bổ sung vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý, năng lực xuất khẩu và việc làm cho nước tiếp nhận [70].

Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa dựa vào FDI đã bộc lộ mặt trái ở nhiều nền kinh tế đang phát triển. Một số dự án FDI mang công nghệ trung bình hoặc lạc hậu, tiêu hao năng lượng, tạo nước thải, khí thải và chất thải rắn lớn; trong khi lợi ích lan tỏa về công nghệ và liên kết nội địa không tương xứng với ưu đãi nhận được. Vì vậy, từ thập niên 1990, tranh luận về FDI và môi trường dần trở thành một mạch nghiên cứu độc lập. Hai giả thuyết nổi bật là “thiên đường ô nhiễm” và “hào quang ô nhiễm”. Giả thuyết thiên đường ô nhiễm cho rằng doanh nghiệp có thể dịch chuyển hoạt động ô nhiễm sang nơi có tiêu chuẩn môi trường thấp. Giả thuyết hào quang lại nhấn mạnh doanh nghiệp đa quốc gia có khả năng mang công nghệ, tiêu chuẩn quản trị và thực hành môi trường tốt hơn vào nước tiếp nhận.

Sự phát triển của chương trình nghị sự phát triển bền vững và biến đổi khí hậu đã đưa nghiên cứu FDI sang giai đoạn mới. FDI không chỉ được hỏi “vào bao nhiêu”, “tạo bao nhiêu việc làm” hoặc “tăng xuất khẩu bao nhiêu”, mà còn phải trả lời “có làm giảm cường độ phát thải không”, “có nâng cấp năng lực công nghệ xanh không”, “có tạo liên kết xanh với doanh nghiệp trong nước không”, “có phù hợp với quy hoạch năng lượng và tài nguyên của địa phương không”. Bộ công cụ FDI Qualities của OECD phản ánh sự dịch chuyển này khi coi khử carbon là một trong bốn trụ cột đánh giá chất lượng FDI.

Từ góc độ quản lý kinh tế, sự chuyển dịch từ FDI số lượng sang FDI chất lượng và FDI xanh có hàm ý sâu sắc. Nhà nước không chỉ mở cửa và khuyến khích đầu tư, mà còn phải thiết kế các quy tắc lựa chọn, tiêu chí ưu đãi và cơ chế giám sát nhằm bảo đảm dòng vốn phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy cạnh tranh thu hút FDI đang bước vào “thế hệ mới”. OECD (2026) nhận định mô hình FDI dựa vào sản xuất xuất khẩu giá trị gia tăng thấp của Việt Nam có thể đã tới giới hạn nếu không nâng cấp công nghệ, kỹ năng và chuyển đổi xanh [108].

Bối cảnh mới cũng ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm về FDI xanh. IEA (2025) cho thấy đầu tư năng lượng sạch và hạ tầng liên quan năm 2025 lớn gấp khoảng hai lần đầu tư vào dầu, khí và than [84]. BloombergNEF. (2026) cũng ghi nhận đầu tư chuyển dịch năng lượng toàn cầu năm 2025 đạt kỷ lục mới [61]. Điều này tạo cơ hội cho các địa phương đang mở rộng không gian công nghiệp, nhưng cũng làm tăng yêu cầu cạnh tranh.

FDI xanh ngày càng gắn với chính sách khí hậu của nước tiếp nhận. Các nghiên cứu IMF năm 2024 không coi chính sách môi trường là rào cản tất yếu đối với FDI, mà xem chính sách khí hậu là tín hiệu tạo thị trường cho công nghệ carbon thấp. Điều này đảo ngược một phần tư duy cũ cho rằng tiêu chuẩn môi trường càng thấp càng dễ hút FDI. Trong bối cảnh mới, nhà đầu tư xanh lại cần tiêu chuẩn rõ, cơ chế định giá carbon có lộ trình, quy trình cấp phép tin cậy và khả năng sử dụng năng lượng tái tạo để đáp ứng yêu cầu từ tập đoàn mẹ và khách hàng toàn cầu.

FDI xanh được nhìn qua lăng kính của năng lực hấp thụ địa phương. Các công trình năm 2025 của Ghodsi, Micocci và Rungi, cũng như nhóm nghiên cứu về lan tỏa FDI và năng lực hấp thụ, cho thấy tác động của doanh nghiệp nước ngoài đến đổi mới xanh trong nước phụ thuộc vào con đường công nghệ và khả năng của doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và hệ sinh thái vùng [80]. Dòng FDI toàn cầu chịu tác động đồng thời của cạnh tranh địa chính trị, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chính sách công nghiệp xanh, thuế tối thiểu toàn cầu, yêu cầu truy xuất phát thải và các chuẩn mực ESG. UNCTAD (2025) cho thấy FDI toàn cầu năm 2024 suy giảm nếu loại trừ các dòng vốn trung chuyển tài chính, trong khi đầu tư vào các lĩnh vực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cũng gặp sức ép do tài trợ dự án quốc tế chậm lại [131]. Trong cùng thời gian, OECD (2022) nhấn mạnh FDI không thể chỉ được đánh giá bằng quy mô vốn đăng ký, mà phải được đánh giá

bằng chất lượng đóng góp vào năng suất, đổi mới, việc làm, bình đẳng và khử carbon [105]. Điều đó làm thay đổi nền tảng lý luận của thu hút FDI ở các địa phương: cạnh tranh bằng đất rẻ, lao động rẻ và ưu đãi thuế không còn đủ; địa phương phải cạnh tranh bằng thể chế, hạ tầng xanh, nhân lực, năng lượng sạch, năng lực dữ liệu và khả năng bảo đảm thực thi cam kết xanh.

Đối với Việt Nam, yêu cầu này càng rõ sau cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, việc hoàn thiện cơ chế mua bán điện trực tiếp, quỹ hỗ trợ đầu tư, danh mục phân loại xanh và lộ trình thị trường carbon [21].

Một trong những điểm khó của nghiên cứu FDI xanh là chưa có định nghĩa duy nhất được chấp nhận tuyệt đối. Các tổ chức quốc tế và học giả thường tiếp cận khái niệm này theo ba hướng. Hướng thứ nhất định nghĩa FDI xanh theo ngành, tức FDI vào sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường như năng lượng tái tạo, xử lý nước, xử lý chất thải, thiết bị tiết kiệm năng lượng, công nghệ kiểm soát ô nhiễm. Hướng thứ hai định nghĩa theo quy trình, tức bất kỳ dự án FDI nào áp dụng công nghệ sạch hơn, tiết kiệm tài nguyên hơn, ít phát thải hơn so với chuẩn phổ biến của ngành đều có thể được xem là xanh. Hướng thứ ba định nghĩa theo dự án carbon thấp, tập trung vào các hoạt động giúp giảm phát thải khí nhà kính như năng lượng tái tạo, xe điện, hydrogen xanh, lưu trữ năng lượng, vật liệu mới và hạ tầng thích ứng khí hậu.

Golub, S. S., Kauffmann, C., & Yeres, P. (2011) [81] là nguồn tham chiếu quan trọng khi đề xuất định nghĩa hai bộ phận: FDI trong các ngành hàng hóa, dịch vụ môi trường và FDI trong các quy trình giảm thiểu thiệt hại môi trường thông qua công nghệ sạch hơn hoặc hiệu quả năng lượng cao hơn. Điểm mạnh của định nghĩa này là bao quát cả “ngành xanh” và “xanh hóa ngành hiện hữu”. Nếu chỉ định nghĩa theo ngành, nhiều dự án sản xuất thông thường nhưng áp dụng công nghệ rất sạch sẽ bị bỏ sót. Nếu chỉ định nghĩa theo quy trình, việc đo lường lại khó hơn vì cần dữ liệu kỹ thuật về công nghệ, năng lượng và phát thải.

UNCTAD tiếp cận FDI xanh từ thực hành xúc tiến đầu tư. Theo cách này, FDI xanh bao gồm đầu tư vào quy trình sản xuất giảm phát thải khí nhà kính,

đầu tư vào năng lượng sạch, và đầu tư vào nghiên cứu, sản xuất sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ giúp giảm phát thải. UNCTAD (2016) lưu ý các ngành này thường thâm dụng công nghệ và vốn, công nghệ thay đổi nhanh, do đó các cơ quan xúc tiến đầu tư phải có năng lực chuyên ngành đủ sâu để nhận diện cơ hội, xây dựng danh mục dự án và hỗ trợ nhà đầu tư [130]. Cách hiểu này rất gần với nhu cầu quản lý cấp tỉnh vì địa phương không thể chỉ ban hành khẩu hiệu “thu hút FDI xanh”, mà cần chuyển hóa thành danh mục ngành, tiêu chí dự án và hồ sơ xúc tiến cụ thể.

IMF gần đây sử dụng cách nhận diện thực chứng hơn khi xem FDI xanh là các dự án FDI thuộc công nghệ carbon thấp, sau đó phân tích mối liên hệ giữa chính sách khí hậu và dòng vốn vào các dự án đó. Pienknagura, S. (2024) cho thấy số lượng chính sách khí hậu đang có hiệu lực ở nước tiếp nhận có quan hệ dương với dòng FDI xanh, đồng thời không làm giảm rõ rệt FDI không xanh [112]. Jaumotte và cộng sự (2024) cũng chỉ ra rằng chính sách khí hậu mạnh hơn có thể thúc đẩy FDI vào năng lượng tái tạo ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, đặc biệt nơi có tiềm năng điện mặt trời và mức phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch thấp hơn. Cách tiếp cận này giúp nổi khái niệm FDI xanh với công cụ chính sách cụ thể [88].

Đối với Việt Nam, việc ban hành danh mục phân loại xanh theo Quyết định 21/2025/QĐ-TTg là bước chuyển đáng chú ý. Danh mục này không định nghĩa riêng “FDI xanh”, nhưng tạo cơ sở pháp lý để xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường, qua đó liên kết với ưu đãi, tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Với luận án cấp tỉnh, đây là nền tảng để đề xuất tiêu chí nhận diện dự án FDI xanh: dự án FDI nên được coi là xanh khi vừa thuộc ngành/lĩnh vực phù hợp danh mục xanh, vừa chứng minh được tiêu chuẩn công nghệ, năng lượng, phát thải, quản trị môi trường và khả năng tạo lan tỏa xanh [22].

Tóm lại, những chuyển dịch này cho thấy FDI xanh là một khái niệm động. Ở giai đoạn đầu, nó được hiểu chủ yếu là FDI vào ngành môi trường. Ở giai đoạn hiện nay, FDI xanh phải được hiểu như tổ hợp của vốn, công nghệ, quản trị, tiêu chuẩn môi trường, chuỗi cung ứng và năng lực lan tỏa.

Bảng 1.1. Các hướng tiếp cận chính về khái niệm FDI xanh

Hướng tiếp cận	Nội dung nhận diện	Ưu điểm	Hạn chế khi áp dụng cấp tỉnh
Theo ngành/lĩnh vực	FDI vào năng lượng tái tạo, xử lý nước, chất thải, thiết bị môi trường, dịch vụ môi trường.	Dễ thống kê, phù hợp xây dựng danh mục xúc tiến đầu tư.	Có thể bỏ sót dự án trong ngành truyền thống nhưng sử dụng công nghệ rất sạch.
Theo quy trình/công nghệ	FDI áp dụng công nghệ sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải so với chuẩn ngành.	Phản ánh đúng quá trình xanh hóa sản xuất.	Cần dữ liệu kỹ thuật, chuẩn so sánh và năng lực thẩm định cao.
Theo dự án carbon thấp	Dự án thuộc công nghệ carbon thấp như điện tái tạo, lưu trữ, xe điện, hydrogen xanh, vật liệu xanh.	Gắn trực tiếp với mục tiêu khí hậu và dữ liệu dự án quốc tế.	Có nguy cơ thiên về một số ngành mới, chưa bao quát đầy đủ nông nghiệp xanh, du lịch xanh.
Theo taxonomy xanh	Dự án được xác nhận đáp ứng tiêu chí môi trường trong danh mục phân loại xanh.	Có giá trị pháp lý, kết nối với tín dụng xanh và trái phiếu xanh.	Cần hướng dẫn triển khai thống nhất ở địa phương, tránh xác nhận hình thức.

Nguồn: Phân tích của tác giả

Bên cạnh việc làm rõ khái niệm về vốn FDI xanh, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cũng đi sâu vào phân tích đặc điểm của vốn FDI xanh.

Theo đó, hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng, khác với FDI thông thường có thể tạo tác động môi trường tích cực hoặc tiêu cực tùy công nghệ và quản trị, FDI xanh phải hướng đến giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên hiệu quả, xử lý ô nhiễm hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ giúp nền kinh tế chuyển đổi xanh. Vì vậy, mục tiêu môi trường không phải phần phụ trợ của dự án, mà là một cấu phần trong giá trị kinh tế của dự án. Amendolagine, V., Lema, R., & Rabellotti, R. (2021) chỉ ra rằng FDI xanh trong lĩnh vực năng lượng tái tạo có thể làm sâu sắc năng lực đổi mới bền vững của các tập đoàn đa quốc gia, vừa xanh hóa cơ sở công nghệ chung vừa tăng chuyên môn hóa trong các công nghệ xanh cụ thể [58]. FDI xanh có khả năng tạo lan tỏa nhưng lan tỏa không tự động. Nghiên cứu của Amendolagine & cộng sự (2023) về công ty con của doanh nghiệp đa quốc gia cho thấy việc trở thành công ty con của MNE có định hướng xanh có tác động tích

cực đến số lượng và chất lượng bằng sáng chế xanh tại nước tiếp nhận; tuy nhiên mức độ chuyển giao phụ thuộc vào đặc điểm nước tiếp nhận, công nghệ cụ thể và phương thức thâm nhập thị trường [59]. Castellani và cộng sự (2022) cũng cho thấy FDI mới có thể tác động tích cực đến chuyên môn hóa công nghệ môi trường ở các vùng châu Âu, nhưng hiệu quả phụ thuộc vào nền tảng công nghệ vùng [63].

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm lại tập trung nghiên cứu tác động của vốn FDI xanh đến tăng trưởng, việc làm, tạo lập môi trường bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế tiêu tốn tài nguyên, năng lượng.

Nhánh nghiên cứu thực nghiệm thứ nhất tập trung vào quan hệ giữa FDI, tăng trưởng xanh và môi trường. Dornean, Chiriac và Rusu (2022), nghiên cứu các nước EU, nhấn mạnh mối liên hệ giữa FDI và môi trường bền vững, đồng thời cho thấy lựa chọn của nhà đầu tư chịu ảnh hưởng bởi chất lượng môi trường kinh doanh và tiêu chuẩn phát triển [69]. Phung, Rasoulinezhad và Lương Thị Thu Hằng nghiên cứu các nền kinh tế Đông Nam Á và kết luận FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng xanh, đặc biệt ở nhóm có trình độ phát triển tài chính cao hơn. Kết quả này ủng hộ giả thuyết hào quang trong điều kiện thể chế và tài chính đủ tốt [110].

Nhánh thứ hai tập trung vào đổi mới xanh và lan tỏa công nghệ. Castellani và cộng sự (2022), sử dụng dữ liệu FDI Markets và OECD-REGPAT cho 1.050 vùng NUTS3 ở châu Âu, kết luận FDI mới có thể làm tăng chuyên môn hóa vùng trong công nghệ môi trường [63]. Zheng, Y. (2023), phân tích dữ liệu doanh nghiệp Trung Quốc và cho thấy lan tỏa tri thức từ FDI xanh không đồng nhất theo liên kết ngang, liên kết thượng nguồn và hạ nguồn; tác động tích cực rõ hơn xuất hiện qua liên kết hạ nguồn [142]. Những kết quả này cảnh báo rằng địa phương không nên kỳ vọng lan tỏa tự phát, mà cần chính sách kết nối nhà đầu tư FDI với doanh nghiệp địa phương theo chuỗi cung ứng. V.Amendolagine, R.Lema, R.Rabellotti (2021) [133]; Hay Y.Zheng (2023), Spillover from Green FDI: Evidence from Green Innovation in China [140]; Davide Castellani, et al (2022), Greenfield foreign direct investments and regional environmental technologies đăng trên Res. Pol., 51 (1) (2022), Article 104405 [66]; V.Amendolagine, R.Lema, R.Rabellotti (2021) [133], Y.Zheng (2023) [140], Davide Castellani, Giovanni Marin, Sandro Montresor, Antonello Zanfei (2022) [66]. Hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định có mối quan hệ chặt chẽ giữa

FDI xanh với đổi mới sáng tạo bền vững của các doanh nghiệp đa quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu đang ở giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi xanh. Để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) đang tìm cách nâng cao năng lực đổi mới bền vững và nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu toàn cầu hóa các nỗ lực xanh của mình. Thông qua việc phân tích chuỗi dữ liệu mới về 1217 dự án FDI xanh trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo trên toàn thế giới trong giai đoạn 1997 - 2015, nghiên cứu rút ra các kết luận sau: *Đầu tiên*, FDI xanh nâng cao định hướng tổng thể về tính bền vững của các MNE. Chúng vừa có tác động xanh hóa cơ sở công nghệ tổng thể của doanh nghiệp vừa tăng tính chuyên môn hóa trong các công nghệ xanh cụ thể. *Thứ hai*, FDI xanh có tác động tích cực đáng kể đến mức độ và chất lượng năng lực đổi mới của MNE trong công nghệ bền vững. Nói cách khác, các MNE mở rộng khả năng đổi mới của mình theo hướng định hướng bền vững hơn và tăng cường các hoạt động đổi mới liên quan đến công nghệ xanh. *Thứ ba*, về lâu dài, FDI xanh khiến cho các quốc gia chú trọng thành lập mới các công ty công nghệ hơn là mua lại các doanh nghiệp nước ngoài. Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng đối với các chính sách được thiết kế nhằm tăng cường quá trình chuyển đổi bền vững.

Nhánh thứ ba xem xét chất lượng FDI và phát thải đô thị. Các nghiên cứu về Trung Quốc cho thấy nâng cấp chất lượng FDI có thể làm giảm phát thải carbon đô thị, trong đó đổi mới công nghệ xanh giữ vai trò trung gian. Điều này gợi mở tiêu chí cho luận án cấp tỉnh: đánh giá thu hút FDI xanh không chỉ theo vốn đăng ký, mà còn theo mức độ chuyển dịch cơ cấu ngành, mức tiêu hao năng lượng, phát thải trên đơn vị sản phẩm, chi tiêu R&D, bằng sáng chế xanh, tỷ lệ mua hàng nội địa và tỷ lệ lao động kỹ năng [76].

Nhánh thứ tư tranh luận về tác động của chính sách môi trường đến FDI. Satoğlu, E. B., & Salmon, J. R. (2024) nghiên cứu 38 quốc gia giai đoạn 2003-2020, phân tách chính sách môi trường thành công cụ thị trường, phi thị trường và hỗ trợ công nghệ; kết quả cho thấy độ nghiêm ngặt của chính sách môi trường, đặc biệt nhóm phi thị trường và hỗ trợ công nghệ, có tác động dương và có ý nghĩa tới FDI [116]. OECD (2022) cũng phát triển chỉ số EPS để đo mức độ nghiêm ngặt của chính sách môi trường qua thời gian và công cụ [106].

Đinh Đức Trường cho thấy FDI ở Việt Nam từng có tác động tiêu cực tới môi trường trong một số ngành như dệt may, hóa chất, thuộc da, chế biến thực phẩm, phản ánh nguy cơ thiên đường ô nhiễm nếu thiếu sàng lọc và giám sát [26]. Đào Hoàng Tuấn (2023) nhấn mạnh FDI xanh, FPI xanh và ODA xanh còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng vốn đầu tư xanh, đồng thời đề xuất gắn ưu đãi đầu tư với yêu cầu xanh và hoàn thiện DPPA [28]. Lê Trọng Nghĩa (2024), nghiên cứu thu hút FDI xanh từ EU, trong bối cảnh tiêu chuẩn xanh và kinh tế tuần hoàn ngày càng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư [11].

Tóm lại, FDI xanh có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng xanh, đổi mới công nghệ và cải thiện môi trường, nhưng tác động phụ thuộc vào thể chế, chính sách khí hậu, hạ tầng, tài chính, năng lực hấp thụ và liên kết chuỗi. Không thể suy luận rằng mọi FDI trong ngành công nghệ cao đều tự động xanh, hoặc mọi FDI vào địa phương đều tạo lan tỏa xanh. Do đó, cần xây dựng bộ tiêu chí nhận diện và đánh giá thu hút FDI xanh phù hợp cấp tỉnh, có khả năng phân biệt giữa dự án xanh thực chất và dự án chỉ có nhãn xanh.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh

Hoạt động thu hút vốn FDI xanh được hình thành trên nền tảng chuyển dịch từ duy trì thu hút FDI theo quy mô sang thu hút FDI theo chất lượng, trong đó chất lượng không chỉ được đo bằng vốn đăng ký, số dự án, việc làm hay kim ngạch xuất khẩu, mà còn bằng mức độ đóng góp của dự án đối với giảm phát thải, đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, liên kết chuỗi giá trị xanh và phát triển bền vững. Tài liệu tổng quan đính kèm cũng xác định rõ hướng tiếp cận này khi cho rằng bối cảnh biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng đang làm thay đổi mục tiêu thu hút FDI, từ FDI thâm dụng tài nguyên, lao động giá rẻ sang FDI công nghệ cao, ít gây ô nhiễm và tạo năng suất lao động cao. Theo đó, nghiên cứu về thu hút FDI xanh không chỉ dừng ở việc phân tích “dòng vốn xanh” mà còn mở rộng sang các hoạt động quản lý nhà nước như hoạch định mục tiêu, xây dựng chính sách ưu đãi, cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư, sàng lọc dự án và giám sát cam kết môi trường.

Ở cấp quốc gia, thu hút FDI xanh liên quan đến luật đầu tư, luật bảo vệ môi trường, chính sách thuế, chính sách năng lượng, thị trường carbon, quy chuẩn kỹ thuật, hiệp định thương mại và cam kết khí hậu. Ở cấp tỉnh, thẩm quyền hẹp hơn nhưng vai trò lại rất trực tiếp: tỉnh quy hoạch không gian công nghiệp, chuẩn bị mặt bằng, cải cách thủ tục, cung cấp dịch vụ hành chính, phát triển hạ tầng kết nối, đổi mới doanh nghiệp, lựa chọn danh mục dự án, phối hợp thẩm định môi trường, giám sát thực hiện và giải quyết vướng mắc sau cấp phép. Trên bình diện quốc tế, UNCTAD là một trong những tổ chức đặt nền móng quan trọng cho cách tiếp cận thu hút FDI xanh từ góc độ xúc tiến đầu tư và chính sách công. UNCTAD (2016) cho rằng các cơ quan xúc tiến đầu tư không thể chỉ quảng bá lợi thế chi phí, đất đai hay thị trường, mà cần chủ động định vị các cơ hội đầu tư xanh, thiết kế danh mục dự án phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn để làm việc với các nhà đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, hạ tầng xanh, xử lý chất thải, công nghệ tiết kiệm năng lượng và dịch vụ môi trường [126]. Báo cáo *Promoting Green FDI: Practices and Lessons from the Field* nhấn mạnh rằng các cơ quan xúc tiến đầu tư ở những địa phương khác nhau có thể đóng góp vào phát triển xanh thông qua cách tiếp cận đổi mới, thích ứng với điều kiện địa phương và gắn xúc tiến đầu tư với mục tiêu bền vững. Các nghiên cứu của UNCTAD về xúc tiến đầu tư cho mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của thể chế xúc tiến đầu tư. Theo UNCTAD (2022), muốn định hướng FDI vào các mục tiêu phát triển bền vững, các chính phủ và cơ quan xúc tiến đầu tư phải chuyển từ mô hình xúc tiến thụ động sang mô hình xúc tiến chủ động, có lựa chọn, có danh mục dự án ưu tiên và có cơ chế theo dõi tác động sau cấp phép [128]. OECD tiếp cận vấn đề thu hút FDI xanh thông qua khung “FDI Qualities”, tức chất lượng của FDI đối với phát triển bền vững. Theo OECD (2022), chính sách FDI hiện đại cần hướng tới bốn nhóm tác động: năng suất và đổi mới sáng tạo; chất lượng việc làm và kỹ năng; bình đẳng giới; và khử carbon [105]. Bộ công cụ chính sách FDI Qualities được thiết kế để giúp chính phủ xác định ưu tiên cải cách thể chế nhằm tăng cường tác động tích cực của FDI đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Điểm đáng chú ý là OECD không coi FDI xanh chỉ là FDI vào một vài ngành “xanh” theo nghĩa hẹp, mà đặt trọng tâm vào việc làm thế nào để dòng vốn FDI

giúp nền kinh tế chuyển dịch sang mô hình phát triển ít carbon hơn. Điều này mở rộng nội hàm hoạt động thu hút FDI xanh: không chỉ thu hút dự án năng lượng tái tạo hay xử lý môi trường, mà còn thu hút các dự án sản xuất có công nghệ sạch, quản trị ESG, chuỗi cung ứng phát thải thấp và khả năng lan tỏa tiêu chuẩn xanh sang doanh nghiệp nội địa. Một hướng nghiên cứu nổi bật gần đây tập trung vào mối quan hệ giữa chính sách khí hậu, chính sách môi trường và khả năng thu hút FDI xanh. Pienknagura, S. (2024), trong nghiên cứu của IMF về chính sách khí hậu như chất xúc tác cho FDI xanh, cho rằng các chính sách khí hậu mạnh hơn có thể thúc đẩy dòng vốn FDI vào các hoạt động carbon thấp, đặc biệt là năng lượng tái tạo [112]. Trái lại, trong bối cảnh các tập đoàn đa quốc gia chịu áp lực ESG, cơ chế điều chỉnh carbon biên giới, tiêu chuẩn chuỗi cung ứng xanh và cam kết Net Zero, một môi trường chính sách khí hậu rõ ràng, ổn định, có thể dự báo lại trở thành tín hiệu tích cực đối với nhà đầu tư xanh. Cùng hướng tiếp cận đó, Jaumotte et al., (2024) phân tích các chính sách thúc đẩy FDI xanh tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển [87]. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tăng cường chính sách khí hậu có thể thúc đẩy FDI vào năng lượng tái tạo, đặc biệt ở các quốc gia có tiềm năng điện mặt trời; nếu thu hẹp khoảng cách chính sách khí hậu so với các nền kinh tế phát triển, các nước đang phát triển có thể huy động thêm nguồn tài chính tư nhân đáng kể cho đầu tư năng lượng tái tạo. Nghiên cứu này hàm ý rằng chính sách thu hút FDI xanh cần bao gồm cả nhóm chính sách “đẩy” và “kéo”: loại bỏ rào cản đối với năng lượng tái tạo, nâng cấp hạ tầng lưới điện, cải thiện thủ tục cấp phép, thiết kế cơ chế mua bán điện, bảo đảm quyền tiếp cận năng lượng sạch cho nhà đầu tư và tạo khuôn khổ pháp lý ổn định cho các ngành carbon thấp. Bên cạnh chính sách khí hậu, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của hạ tầng xanh, môi trường kinh doanh xanh và năng lực công nghệ địa phương. Castellani, Marin, Montresor và Zanfei (2022) nghiên cứu tác động của FDI mới vào các vùng châu Âu và cho thấy FDI có thể thúc đẩy chuyên môn hóa vùng trong công nghệ môi trường [63]. Nghiên cứu kết hợp dữ liệu OECD-REGPAT và FDI Markets tại 1.050 vùng NUTS3 của châu Âu giai đoạn 2003-2014, qua đó chỉ ra rằng FDI không chỉ mang vốn mà còn có khả năng làm sâu sắc năng lực công nghệ môi trường của vùng tiếp nhận. Kết quả này có ý nghĩa lớn đối với cấp tỉnh: nếu địa phương có nền tảng công nghệ, nhân lực và hệ

sinh thái đổi mới phù hợp, FDI xanh có thể trở thành công cụ nâng cấp năng lực phát triển công nghệ xanh của địa phương, chứ không chỉ là nguồn vốn bổ sung.

Một số nghiên cứu tập trung vào mục tiêu và nguyên tắc thu hút vốn FDI xanh.

Một trong những mục tiêu được nhấn mạnh nhiều nhất trong các công trình ngoài nước là định hướng FDI vào phát triển bền vững và các mục tiêu khí hậu. UNCTAD (2016) cho rằng cơ quan xúc tiến đầu tư cần đóng vai trò chủ động trong việc định vị cơ hội đầu tư xanh, giới thiệu các dự án phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và hỗ trợ chính phủ chuyển FDI vào các lĩnh vực như năng lượng sạch, xử lý chất thải, hạ tầng tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch và dịch vụ môi trường [126]. Ở đây, mục tiêu thu hút FDI xanh không dừng ở việc tăng vốn đầu tư, mà là dùng FDI như công cụ để xanh hóa nền kinh tế địa phương.

Cùng hướng đó, UNCTAD (2017), trong báo cáo về thúc đẩy đầu tư vào các mục tiêu phát triển bền vững cho rằng hoạt động xúc tiến đầu tư cần gắn với các dự án SDGs, bao gồm hạ tầng, năng lượng tái tạo, nước sạch, y tế, giáo dục, nông nghiệp bền vững và các lĩnh vực có tác động phát triển cao [127]. Đối với chính quyền cấp tỉnh, luận điểm này hàm ý rằng mục tiêu thu hút FDI xanh phải được cụ thể hóa thành danh mục ngành, dự án, địa bàn và đối tác ưu tiên, thay vì kêu gọi đầu tư theo kiểu đại trà.

OECD (2022), tiếp cận mục tiêu thu hút FDI xanh theo hướng “tối đa hóa đóng góp phát triển” của FDI. Theo OECD, FDI không chỉ là nguồn vốn mà còn là kênh nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, kỹ năng lao động và chuyển đổi carbon thấp [105]. World Bank cũng đặt hoạt động xúc tiến đầu tư trong mối quan hệ với chuyển đổi kinh tế và mục tiêu phát triển. Theo hướng dẫn về chính sách và xúc tiến đầu tư, chính phủ cần dùng FDI để đạt được các mục tiêu phát triển, đồng thời phải thu hút, duy trì và kết nối FDI với doanh nghiệp trong nước để gia tăng lợi ích kinh tế (World Bank, 2022).

Một mục tiêu nổi bật khác là thúc đẩy chuyển đổi năng lượng và triển khai công nghệ carbon thấp. Nghiên cứu của Pienknagura, S. (2024), thuộc IMF cho thấy các chính sách khí hậu có quan hệ tích cực với dòng FDI xanh vào các công nghệ carbon thấp; đồng thời, chính sách khí hậu không nhất thiết làm giảm dòng FDI không xanh, nên chi phí tổng thể của quá trình chuyển đổi có thể nhỏ hơn lo ngại trước đây [112].

Về nguyên tắc, các công trình ngoài nước trước hết nhấn mạnh nguyên tắc chọn lọc và định hướng chất lượng. OECD (2022) cho rằng chính sách FDI cần chuyển từ mục tiêu thu hút “nhiều FDI hơn” sang thu hút “FDI tốt hơn”, tức những dự án có đóng góp thực chất cho năng suất, đổi mới, kỹ năng, bình đẳng và khử carbon [106]. Nguyên tắc thứ hai là phù hợp với điều kiện địa phương và chiến lược phát triển lãnh thổ. UNCTAD (2016) cho rằng các cơ quan xúc tiến đầu tư ở những địa điểm và hoàn cảnh khác nhau có thể đóng góp cho phát triển xanh thông qua các cách tiếp cận đổi mới, được thiết kế phù hợp với điều kiện địa phương [126]. Nguyên tắc thứ ba là minh bạch, ổn định và có thể dự báo trong chính sách. OECD (2022), khuyến nghị môi trường đầu tư phải dựa trên chính sách mở, minh bạch, không phân biệt đối xử, pháp quyền, liêm chính, phòng chống tham nhũng, thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm và chất lượng điều tiết [105]. Nguyên tắc thứ tư là gắn ưu đãi với điều kiện xanh và tác động phát triển, thay vì ưu đãi đại trà. CCSI và WAIPA chỉ ra rằng các chiều cạnh bền vững của FDI vẫn được các cơ quan xúc tiến đầu tư và chính sách ưu đãi xử lý chưa đồng đều (CCSI & WAIPA, 2010). Điều này gợi ý rằng chính quyền cấp tỉnh cần thiết kế ưu đãi đầu tư theo điều kiện: dự án được hưởng hỗ trợ cao hơn khi đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, sử dụng lao động kỹ năng cao, liên kết với doanh nghiệp địa phương và thực hiện công bố ESG. OECD cho thấy xúc tiến đầu tư cấp dưới quốc gia phụ thuộc mạnh vào chất lượng quan hệ thể chế trong vùng, giữa các vùng và với chính quyền trung ương (OECD, 2023). Đối với chính quyền cấp tỉnh, điều này đặc biệt quan trọng vì nhiều điều kiện để thu hút FDI xanh không nằm hoàn toàn trong quyền hạn của tỉnh, như chính sách điện, carbon, thuế, hải quan, tiêu chuẩn môi trường quốc gia hay cam kết thương mại quốc tế. Do đó, tỉnh cần phối hợp với trung ương, vùng, khu kinh tế, ban quản lý khu công nghiệp và cơ quan xúc tiến đầu tư quốc gia để bảo đảm thông điệp chính sách thống nhất. Nguyên tắc thứ tám là không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng ngắn hạn. Các nghiên cứu của IMF về chính sách khí hậu và FDI xanh cho thấy chính sách khí hậu mạnh hơn có thể đi cùng với mức FDI xanh cao hơn, đặc biệt trong các lĩnh vực carbon thấp (Pienknagura, S. (2024) [111]; Jaumotte et al., (2024) [87]).

Song song với việc nghiên cứu tác động của FDI, nhiều công trình cũng tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI và vốn FDI xanh.

Các mô hình lý thuyết và thực nghiệm cho thấy những nhân tố như quy mô thị trường, môi trường pháp lý, chất lượng thể chế và cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thu hút FDI của một quốc gia hay một địa phương (Alfaro et al., 2004; Blomström, 2003; Blonigen, 2005; Blonigen & Piger, 2014; Head & Mayer, 2014; Villaverde & Maza, 2012). Trong đó, quy mô thị trường được xem là yếu tố quan trọng vì nó phản ánh tiềm năng tiêu thụ và mở rộng sản xuất của nhà đầu tư; môi trường pháp lý và chất lượng thể chế quyết định mức độ minh bạch, ổn định và khả năng bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư; còn cơ sở hạ tầng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, logistics và khả năng kết nối của doanh nghiệp FDI (Bénassy-Quéré et al., 2007; Cheng & Kwan, 2000; Egger et al., 2019; Head & Ries, 2005; Jensen, 2008; Kleinert & Toubal, 2011; Sabir et al., 2019); Francesca Micocci, Mahdi Ghodsi and Armando Rungi (2025) [78].

Một nhóm công trình quan trọng tập trung phân tích **các yếu tố quyết định và công cụ chính sách** để thu hút FDI xanh. Pienknagura et al (2024) chỉ ra rằng số lượng và cường độ của các chính sách khí hậu có quan hệ cùng chiều với dòng vốn FDI xanh, đặc biệt trong các công nghệ carbon thấp. Tương tự, Jaumotte et al. (2024) cho thấy việc tăng cường chính sách khí hậu có thể thúc đẩy FDI vào năng lượng tái tạo tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển; nghiên cứu này còn ước tính rằng nếu các nước thu hẹp khoảng cách chính sách khí hậu so với các nền kinh tế phát triển, phần vốn tư nhân huy động cho đầu tư năng lượng tái tạo có thể được cải thiện đáng kể [77]. Bổ sung cho hướng tiếp cận đó, Satoğlu và Salmon (2024) cho thấy mức độ nghiêm ngặt của chính sách môi trường không phải lúc nào cũng làm giảm FDI; tác động của nó phụ thuộc vào loại công cụ chính sách và trình độ thu nhập của quốc gia. Kết quả này hàm ý rằng thu hút FDI xanh không đơn thuần là nói lỏng tiêu chuẩn môi trường để cạnh tranh, mà có thể đạt được thông qua thiết kế thể chế ổn định, tín hiệu chính sách rõ ràng và năng lực thực thi đủ mạnh .

Các động lực của đổi mới sáng tạo tại các nền kinh tế phát triển cũng có nhiều điểm tương đồng với các nhân tố quyết định vốn FDI xanh. Trên thực tế, đổi

mới sáng tạo thường gắn chặt với những không gian lãnh thổ cụ thể và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi bối cảnh xã hội, thể chế và mạng lưới liên kết ngành tại địa phương (Rodríguez-Pose & Crescenzi, 2008) [114]. Jeffrey L Furman, Michael E Porter, Scott Stern (2002) [89] đã xác định bốn động lực chủ yếu của đổi mới sáng tạo, bao gồm: sự sẵn có của nguồn lao động có kỹ năng cao; môi trường cạnh tranh có khả năng khuyến khích và tương thưởng cho đổi mới; nhu cầu nội địa mạnh đối với các sản phẩm tiên tiến; và mức độ liên kết giữa các ngành có liên quan. Những yếu tố này đều chịu sự chi phối đồng thời của chính sách điều tiết và mức độ mở cửa thương mại quốc tế (Sakakibara & Porter, 2000).

Từ đó có thể thấy rằng, giữa các nhân tố quyết định FDI và các nhân tố thúc đẩy đổi mới sáng tạo tồn tại sự giao thoa đáng kể. Đây cũng là cơ sở quan trọng để phát triển các nghiên cứu về FDI xanh, bởi loại hình đầu tư này không chỉ đòi hỏi môi trường đầu tư thuận lợi theo nghĩa truyền thống, mà còn cần hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chất lượng thể chế và năng lực công nghệ đủ mạnh để hấp thụ, lan tỏa và phát huy hiệu quả của các công nghệ xanh.

Nghiên cứu của Alia AlMazrouie & Haitham Nobanee (2020) [55] đã nhấn mạnh rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh được nhắc đến như một giải pháp cho những vấn đề môi trường, nó mang lại công nghệ sạch và ý tưởng không gây ô nhiễm cho hoạt động kinh doanh của các công ty, đối thủ cạnh tranh và nhà cung cấp. Nghiên cứu của Haudi & cs (2020) [83] đã đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI gồm: Lao động (tiền công - tiền lương, kỹ năng lao động); Thuế; Giao thông và cơ sở hạ tầng; Quy mô và tốc độ tăng trưởng; Mức độ ổn định chính trị; Nguyên liệu thô; Các chính sách thu hút.

Nghiên cứu của Gopalan & Sharipova (2021) [82] về các yếu tố thu hút dòng vốn FDI xanh vào châu Á. Nghiên cứu dựa trên thông tin cấp dự án từ cơ sở dữ liệu độc quyền về dòng vốn FDI xanh để lập bản đồ bối cảnh FDI xanh ở châu Á gồm 10 thành viên của ASEAN và Ấn Độ cùng với các nền kinh tế ở khu vực Trung Quốc đại lục bao gồm Đặc khu Hành chính Hồng Kông và Trung Hoa Dân Quốc Đài Loan. Kết quả cho thấy các yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ gồm: tăng trưởng thị trường trong nước, sự gần gũi thị trường với khách hàng, môi trường pháp lý; Ngược lại các yếu tố

về lao động, chi phí thấp có ý nghĩa thống kê yếu. Mặt khác, các tác giả đánh giá rằng mỗi quốc gia có thể mạnh với xu hướng thu hút riêng.

Lê Mai Trang (2023) [24] nhận định rằng, trong gần 4 thập kỷ (1986-2022), Việt Nam được xem là hình mẫu thành công trong thu hút FDI nhờ môi trường đầu tư hấp dẫn, nền tảng chính trị ổn định và tiềm năng tăng trưởng kinh tế khá cao. Từ năm 2017 đến nay, các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục rót vốn mạnh vào Việt Nam, vẫn xem Việt Nam là điểm đến hấp dẫn với những lợi thế về địa lý, thể chế và môi trường đầu tư ngày càng được hoàn thiện. Bài nghiên cứu cũng phân tích xu hướng vận động của dòng vốn FDI xanh và đề xuất các giải pháp (chính sách hỗ trợ đầu tư, xúc tiến đầu tư...) để thu hút được nguồn vốn FDI xanh vào Việt Nam.

Nghiên cứu của Phạm Hồng Biên (2023) [1] về thu hút vốn FDI của Nhật Bản nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh đã dựa vào mô hình Topsis để đánh giá tiềm năng của các địa điểm thu hút FDI của Nhật Bản vào Quảng Ninh theo hướng tăng trưởng xanh bằng các tiêu chí đánh giá và lựa chọn góp phần nâng cao hiệu quả, tính cạnh tranh của các dự án FDI vào Quảng Ninh. Nghiên cứu 6 yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI Nhật bản bao gồm: Cơ sở hạ tầng xanh (C1), Vận tải phát thải khí cacbon thấp (C2), Quản lý nước bền vững (C3), Quản lý chất thải bền vững (C4), Công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường (C5), Các yếu tố khác (C6).

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1.2.1. Những điểm đã được thống nhất có tính kế thừa

Về nội dung:

Thứ nhất, các nghiên cứu thống nhất rằng FDI vẫn là nguồn lực quan trọng đối với các nền kinh tế đang phát triển, nhưng chất lượng FDI mới là vấn đề quyết định trong giai đoạn chuyển đổi xanh. FDI có thể bổ sung vốn, công nghệ, quản trị, việc làm và thị trường, nhưng cũng có thể tạo ô nhiễm, phụ thuộc công nghệ và cạnh tranh bất lợi nếu thiếu sàng lọc.

Thứ hai, các công trình đều nhìn nhận FDI xanh là dòng vốn có mục tiêu môi trường và công nghệ sạch, dù còn khác nhau về cách đo lường. Điểm gặp nhau là

FDI xanh phải góp phần giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên, phát triển sản phẩm/dịch vụ môi trường hoặc xanh hóa quy trình sản xuất. Sự khác nhau nằm ở ranh giới: có công trình đo theo ngành, có công trình đo theo dự án carbon thấp, có công trình đo theo công nghệ và phát thải.

Thứ ba, vai trò của Nhà nước được thừa nhận rộng rãi. FDI xanh phụ thuộc mạnh vào chính sách khí hậu, tiêu chuẩn môi trường, hạ tầng, tài chính, năng lượng, thể chế và năng lực xúc tiến. Nhà nước không chỉ đặt quy định mà còn tạo thị trường, điều phối hạ tầng, giảm rủi ro chính sách và hỗ trợ đổi mới. Ở cấp tỉnh, vai trò này thể hiện rõ qua quy hoạch, thủ tục, quỹ đất, KCN, xúc tiến, hỗ trợ và giám sát.

Thứ tư, các nghiên cứu đều gợi ý cần đánh giá FDI xanh bằng hệ tiêu chí đa chiều. Quy mô vốn chỉ là một chỉ báo. Cần đo cơ cấu ngành, công nghệ, phát thải, năng lượng, đổi mới, liên kết, việc làm, tuân thủ và năng lực quản trị. Đây là nền tảng để luận án xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thu hút FDI xanh tỉnh Nghệ An.

Về cách tiếp cận

Các công trình liên quan tiếp cận từ đa dạng góc nhìn chuyên ngành kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển, quản lý kinh tế, tài chính doanh nghiệp.

Về phương pháp

Các công trình liên quan chủ yếu sử dụng phương pháp định tính, điều tra xã hội học khi nghiên cứu về FDI xanh, thu hút vốn FDI xanh.

1.2.2. Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu

Khoảng trống thứ nhất là khoảng trống khái niệm và đo lường. Dù FDI xanh được sử dụng ngày càng nhiều, vẫn chưa có định nghĩa thống nhất cho cấp tỉnh ở Việt Nam. Một số nghiên cứu dùng FDI vào ngành môi trường; một số dùng FDI vào năng lượng tái tạo; một số dùng dự án công nghệ cao hoặc sản xuất sạch. Điều này làm cho so sánh địa phương khó khăn và dễ dẫn đến đánh giá chủ quan.

Khoảng trống thứ hai là khoảng trống cấp độ phân tích. Phần lớn công trình quốc tế nghiên cứu cấp quốc gia, nhóm nước hoặc vùng kinh tế lớn; các nghiên cứu trong nước thường nghiên cứu Việt Nam nói chung hoặc một ngành/lĩnh vực. Nghiên cứu cấp tỉnh còn ít, đặc biệt nghiên cứu về chủ thể chính quyền cấp tỉnh trong chu

trình thu hút FDI xanh. Trong khi đó, ở Việt Nam, địa phương giữ vai trò trực tiếp trong chuẩn bị mặt bằng, hạ tầng, thủ tục, xúc tiến, hỗ trợ và giám sát dự án.

Khoảng trống thứ ba là khoảng trống về chu trình chính sách. Nhiều nghiên cứu đề cập giải pháp như ưu đãi, xúc tiến, cải thiện môi trường đầu tư, nhưng chưa cấu trúc thành chu trình từ hoạch định mục tiêu, thiết kế công cụ, xúc tiến, sàng lọc, hỗ trợ, giám sát đến đánh giá.

Khoảng trống thứ tư là khoảng trống về tiêu chí định lượng ở cấp tỉnh. Các chỉ tiêu như số dự án, vốn đăng ký, vốn thực hiện đã quen thuộc, nhưng chỉ tiêu về tỷ trọng FDI xanh, cường độ phát thải, tỷ lệ điện sạch, tỷ lệ nước tuần hoàn, liên kết doanh nghiệp, R&D xanh, đào tạo kỹ năng xanh và dữ liệu tuân thủ môi trường còn thiếu.

Khoảng trống thứ năm là khoảng trống về bối cảnh mới của Nghệ An. Tỉnh đang đứng trước đồng thời nhiều thay đổi: quy hoạch tỉnh mới, mở rộng Khu kinh tế Đông Nam, phát triển thêm KCN, cạnh tranh FDI với Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh và các địa phương khác; yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, vận hành mô hình chính quyền địa phương mới và thích ứng với chính sách quốc gia về DPPA, taxonomy xanh, carbon market. Chưa có công trình nào phân tích toàn diện thu hút FDI xanh Nghệ An trong bối cảnh này.

Khoảng trống thứ sáu là khoảng trống về năng lực hấp thụ và lan tỏa. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh thu hút dự án nhưng ít đi sâu vào câu hỏi: doanh nghiệp địa phương có tham gia chuỗi cung ứng xanh không, trường nghề có đào tạo được lao động kỹ năng xanh không, dữ liệu môi trường có được sử dụng để quản lý không, và FDI xanh có giúp nâng cấp mô hình tăng trưởng địa phương không.

1.3. HƯỚNG TIẾP CẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN

Hướng tiếp cận thứ nhất: xem thu hút vốn FDI xanh gắn với quá trình chuyển đổi xanh, tăng trưởng kinh tế xanh, bền vững dựa trên lý thuyết về FDI xanh, tăng trưởng xanh và quản trị thích ứng (adaptive governance) để phân tích, làm rõ cách chính quyền cấp tỉnh điều chỉnh chính sách thu hút vốn FDI xanh trong điều kiện mới: cam kết trung hòa các bon, tiêu chuẩn môi trường ngày càng chặt chẽ, xu hướng tái định vị chuỗi cung ứng toàn cầu và sức ép cạnh tranh ngày càng tăng giữa các quốc gia nói chung và các địa phương.

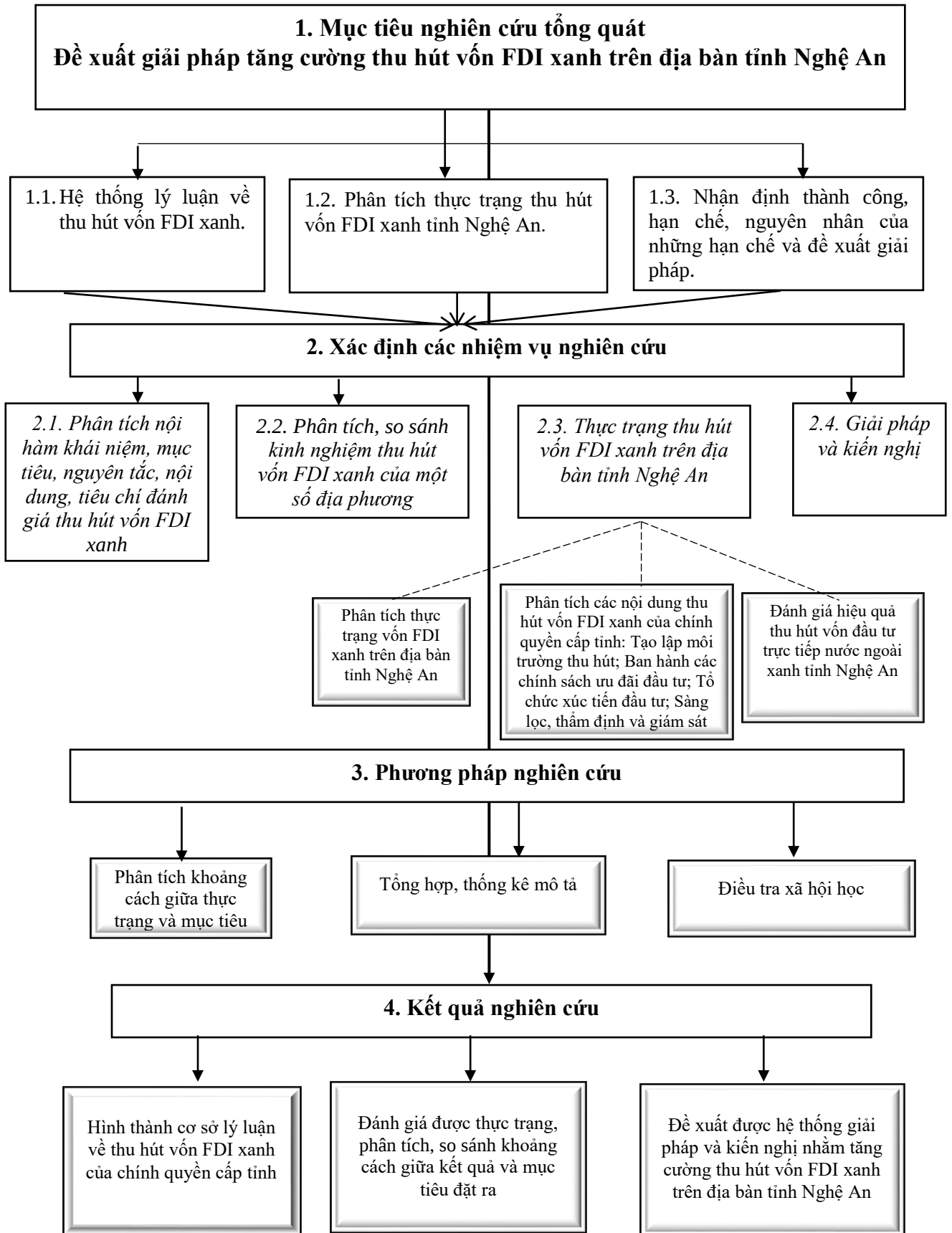
Hướng tiếp cận thứ hai: Tiếp cận thu hút vốn FDI xanh từ góc nhìn của chuyên ngành Quản lý kinh tế, trong đó lấy chính quyền cấp tỉnh làm chủ thể trung tâm, phân tích vai trò “kiến tạo phát triển” của UBND Tỉnh thông qua các chức năng quản lý như: (i) Hoạch định chiến lược thu hút vốn FDI xanh và tạo lập môi trường đầu tư; Ban hành và thực thi chính sách ưu đãi, cải thiện môi trường đầu tư; (iii) Xúc tiến đầu tư; (iv) Sàng lọc, thẩm định dự án đầu tư, giám sát thực hiện cam kết xanh. Cách tiếp cận này giúp luận án khác với nghiên cứu kinh tế quốc tế thuần túy, vì trọng tâm không chỉ là dòng vốn mà là năng lực quản lý dòng vốn.

Hướng tiếp cận thứ ba là kết hợp ba lớp tiêu chí: tiêu chí nhận diện FDI xanh, tiêu chí đánh giá kết quả thu hút, tiêu chí đánh giá năng lực chính sách của tỉnh. Tiêu chí nhận diện trả lời dự án nào là xanh. Tiêu chí kết quả trả lời tỉnh thu hút được bao nhiêu và chất lượng ra sao. Tiêu chí năng lực chính sách trả lời chính quyền đã làm gì và làm hiệu quả đến đâu.

Hướng tiếp cận thứ tư là gắn FDI xanh với đặc thù không gian phát triển Nghệ An. Nghệ An có diện tích lớn, không gian phát triển đa dạng, Khu kinh tế Đông Nam, vùng ven biển, vùng miền núi phía Tây và hành lang kết nối Lào - biển. Vì vậy, thu hút FDI xanh cần phân theo không gian: công nghiệp xanh và logistics ở khu kinh tế/khu công nghiệp; nông nghiệp xanh và chế biến sâu ở vùng nguyên liệu; năng lượng và kinh tế tuần hoàn ở các khu vực phù hợp; du lịch xanh ở vùng biển và sinh thái.

Hướng tiếp cận thứ năm là đưa chuyển đổi số vào quản lý FDI xanh. Chính quyền tỉnh có thể xây dựng cơ sở dữ liệu dự án FDI, dữ liệu đất công nghiệp, dữ liệu hạ tầng, dữ liệu thủ tục, dữ liệu môi trường và dashboard giám sát. Với dự án xanh, dữ liệu là công cụ chống greenwashing. Nếu có hệ thống theo dõi tiêu thụ năng lượng, nước thải, chất thải, phát thải và cam kết ESG, tỉnh sẽ quản lý theo rủi ro, cảnh báo sớm và nâng tính minh bạch.

Hướng tiếp cận thứ sáu là đặt thu hút FDI xanh trong cạnh tranh liên vùng. Nghệ An vùng Bắc Trung Bộ và hành lang kết nối Bắc - Nam, Đông - Tây. Luận án cần phân tích lợi thế so sánh và điểm nghẽn của Nghệ An: quỹ đất, chi phí, vị trí, lao động, chính quyền, hạ tầng, cảng biển, sân bay, chuỗi cung ứng và chất lượng dịch vụ đầu tư.



Sơ đồ 1.1. Khung phân tích của luận án

Nguồn: Đề xuất của tác giả

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH

2.1.1. Các khái niệm

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo IMF (2009) [85]: “FDI là một loại hình đầu tư xuyên biên giới, trong đó nhà đầu tư cư trú tại một nền kinh tế có được lợi ích lâu dài và mức độ ảnh hưởng đáng kể đến việc quản lý một doanh nghiệp cư trú tại một nền kinh tế khác”.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Cùng với xu hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, chuyển đổi năng lượng, hướng đến mục tiêu tăng trưởng và phát triển xanh dựa vào năng lượng, quan niệm về FDI cũng có những bước thay đổi từ FDI truyền thống sang FDI lan tỏa công nghệ, FDI xanh. Cho đến nay, đã có nhiều quan niệm khác nhau về FDI xanh của các tổ chức thế giới như UNCTAD (2008, 2010), WB (2010), OECD (2011, 2015)... UNCTAD (2008) [123.] cho rằng, có hai loại hình FDI xanh: (1) Là FDI tuân theo tiêu chuẩn môi trường của quốc gia; (2) FDI đầu tư vào việc sản xuất trực tiếp các sản phẩm và dịch vụ môi trường tại nước nhận đầu tư. Đến năm 2010, UNCTAD (2010) [124] tiếp tục đưa ra quan điểm về FDI xanh, là FDI góp phần giảm thiểu thiệt hại về môi trường, tức là sử dụng công nghệ sạch hơn hoặc tiết kiệm năng lượng lớn, như công nghệ carbon thấp. Khái niệm “xanh” là công nghệ hay hoạt động mà quan tâm đến những vấn đề môi trường rộng hơn, chứ không chỉ là biến đổi khí hậu; và “phát triển bền vững” là một khái niệm rộng quan tâm tới sử dụng tiềm lực tự nhiên với vấn đề kinh tế và xã hội [117]. Nói cách khác, khi đề cập FDI xanh, UNCTAD nhấn mạnh về 2 yếu tố: (i) Đầu tư vào các ngành trực tiếp sản xuất các sản phẩm và dịch vụ môi trường và (ii) Các quy trình, công nghệ nhằm giảm thiểu các-bon.

World Bank (2010) [139] cho rằng, FDI xanh là hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm hay nguyên vật liệu tái tạo/thay thế. WB coi FDI xanh là phần FDI tư nhân “chảy” vào các dự án năng lượng tái tạo, công trình

xanh, hạ tầng thích ứng khí hậu và nông nghiệp thích ứng khí hậu, nhằm thực hiện các mục tiêu NDC và Thỏa thuận Paris. OECD (2011, 2015) tác giả Stephen S. Golub et al (2011) [118], FDI xanh là các dự án FDI hướng vào lĩnh vực sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường; (2) Là các dự án FDI trong các quy trình sản xuất, công nghệ giảm tác động xấu về môi trường như sử dụng năng lượng sạch hoặc tiêu hao ít năng lượng.

Như vậy, các tổ chức thế giới đều có điểm chung khi nhận diện FDI xanh, đó chính là (i) Các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất hàng hóa, dịch vụ xanh như ngành thiết bị, sản xuất, phân phối năng lượng tái tạo, quản lý nước, chất thải và tái chế; hoặc (ii) Đầu tư trực tiếp nước ngoài có sử dụng công nghệ sạch hơn và hiệu quả năng lượng hơn vào những ngành liên quan và nhạy cảm với môi trường, có khả năng cắt giảm thải cao như: sản xuất, khai khoáng, nông nghiệp và lâm nghiệp, xây dựng và giao thông.

Tóm lại, trong phạm vi luận án, *FDI xanh được hiểu là hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành kinh tế xanh như năng lượng tái tạo, quản lý nước chất thải, tái chế... và FDI đầu tư vào quy trình công nghệ xanh của các ngành truyền thống có phát thải cao nhằm mục tiêu giảm ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.*

- Khái niệm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

OECD (2025) [107]. Vốn FDI là dòng vốn đầu tư trực tiếp xuyên biên giới nhằm thiết lập quan hệ lợi ích lâu dài giữa nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhận đầu tư, qua đó tạo ra quyền kiểm soát hoặc ít nhất là ảnh hưởng đáng kể đối với hoạt động quản lý doanh nghiệp; về mặt thống kê, FDI thường được nhận diện từ ngưỡng 10% quyền biểu quyết trở lên và bao gồm vốn cổ phần, lợi nhuận tái đầu tư cùng một số khoản vốn vay nội bộ liên quan.

- Khái niệm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Trên cơ sở khái niệm về FDI xanh, vốn FDI, vốn FDI xanh có thể được hiểu là dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện vào các dự án, ngành hoặc hoạt động carbon thấp, thân thiện với môi trường, qua đó góp phần giảm phát thải, thúc đẩy phổ biến công nghệ xanh và hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững của tác giả IMF (2024) [86].

Vốn FDI xanh trong luận án được hiểu là một trong những loại vốn FDI, được hình thành trong quá trình đầu tư trực tiếp vào các ngành kinh tế xanh như sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thu gom, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải; hoặc vào quy trình công nghệ xanh của các ngành truyền thống có phát thải cao nhằm mục tiêu phát thải, giảm ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia kêu gọi đầu tư.

2.1.2. Phân loại vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

2.1.2.1. Theo đối tượng đầu tư

- Đầu tư vào sản xuất hàng hóa và dịch vụ môi trường: Đó là vốn FDI đầu tư vào ngành công nghiệp liên quan đến môi trường như: (i) Sản xuất và phân phối năng lượng tái tạo (Sản xuất các sản phẩm cắt giảm được khí hiệu ứng nhà kính và cung cấp các dịch vụ liên quan: sản xuất tấm lợp pin mặt trời, cối xay gió, sản xuất sản phẩm sử dụng năng lượng hiệu quả (ô tô điện, bóng đèn sử dụng năng lượng điện hiệu quả,...); và (ii) dịch vụ công nghệ, dịch vụ quản lý chất thải...

- Đầu tư vào quy trình sản xuất giúp giảm thiểu hủy hoại môi trường (quy trình sản xuất tiết kiệm năng lượng; sử dụng kỹ thuật xây dựng xanh trong xây dựng, ứng dụng công nghệ giảm phát thải trong nông nghiệp...), mục tiêu là tăng số lượng công nghệ và bí quyết công nghiệp thân thiện môi trường trong nhiều lĩnh vực hơn.

2.1.2.2. Theo lĩnh vực đầu tư

Đây là cách phân loại phổ biến dựa trên sản phẩm hoặc dịch vụ đầu ra của dự án. Có thể phân chia vốn FDI xanh là khoản vốn FDI đầu tư vào sáu ngành sau: điện, sản xuất, vận tải, xây dựng, quản lý chất thải và nông nghiệp. Các ngành này được phân loại theo khía cạnh về môi trường, chứ không phải theo khía cạnh kinh tế, dựa trên phân loại của IPCC.

Hoặc có thể chia theo lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ môi trường:

- Hàng hóa môi trường: Theo Khoản 17 Điều 3 Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 của Chính phủ định nghĩa “*Hàng hóa môi trường là công nghệ, thiết bị, sản phẩm được sử dụng để bảo vệ môi trường*”. Các hàng hóa môi trường tập trung vào các nhóm sản phẩm là: (1) Các công nghệ, thiết bị kiểm soát ô nhiễm (Hệ thống

xử lý khí thải, nước thải, rác thải, thiết bị tái chế...); (2) Năng lượng tái tạo (Tấm pin năng lượng mặt trời, thiết bị điện gió, sản xuất nhiên liệu sạch...); (3) Thiết bị quan trắc dùng để phân tích, đo lường thông số môi trường (Thiết bị viễn thám, GPS, máy sắc ký, máy quang phổ...); (4) Sản phẩm thân thiện môi trường (Sản phẩm dán nhãn xanh, chứng nhận Cradle to Cradle, EPA Safer Choice, USDA Bio Based, USDA Organic, Eco Friendly...).

- Dịch vụ môi trường: Theo Khoản 1 Điều 144 Luật Bảo vệ môi trường 2020 định nghĩa *“Dịch vụ môi trường là ngành kinh tế cung cấp dịch vụ đo lường, kiểm soát, hạn chế, phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; xử lý chất thải, các chất ô nhiễm khác; bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ khác có liên quan”*. Các dịch vụ môi trường phổ biến gồm: Tư vấn hồ sơ môi trường, xử lý nước thải và nước cấp, quản lý và xử lý chất thải, quan trắc môi trường, dịch vụ môi trường rừng.

Theo QĐ số 21/2025/QĐ-TTG về Dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh bao gồm: (A) Năng lượng (10 dự án); (B) Giao thông vận tải (3 dự án); (C) Xây dựng (2 dự án); (D) Tài nguyên nước (3 dự án); (Đ) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (12 dự án); (E) Công nghiệp chế biến, chế tạo (6 dự án); (G) Dịch vụ môi trường (9 dự án).

2.1.3. Đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Ngoài các đặc điểm chung của vốn FDI (gắn với quyền kiểm soát và lợi ích dài hạn; đi kèm công nghệ, trí thức và mô hình quản lý; ảnh hưởng bởi môi trường đầu tư của tỉnh và năng lực thể chế địa phương; tạo khả năng liên kết trong chuỗi giá trị toàn cầu; gắn với những rủi ro về cạnh tranh; có tác động kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và nước nhận đầu tư nói chung), thì vốn FDI xanh còn có cả đặc điểm riêng, ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu và phương thức quản lý nguồn vốn này. Cụ thể:

Thứ nhất: Vốn FDI xanh hướng tới mục tiêu cân bằng giữa 3 trụ cột của phát triển bền vững (kinh tế - xã hội - môi trường)

Vốn FDI truyền thống lấy tối đa hóa lợi nhuận tài chính làm trọng tâm thì vốn FDI xanh là vừa tác động đến mục tiêu kinh tế vừa hướng tới tiến bộ xã hội

và vừa mục tiêu về bảo vệ môi trường. Các nghiên cứu có thể kể đến của các tổ chức quốc tế OECD, WB, IMF, UNCTAD đều thống nhất rằng, dòng vốn FDI xanh khi được đầu tư vào các quốc gia đặt mục tiêu lợi nhuận, mở rộng thị trường, tiếp cận tài nguyên như các dòng vốn FDI khác. Song các mục tiêu lợi nhuận đó gắn với các nguồn tài nguyên tái tạo, hay các lĩnh vực xanh, sạch giảm phát thải khí nhà kính, kiểm soát ô nhiễm, giảm tác động của biến đổi khí hậu. Vốn FDI xanh vừa tăng nguồn vốn cho các nước nhận đầu tư, vừa cung cấp công nghệ tiên tiến giảm phát thải, từ đó vốn FDI xanh giúp quốc gia dịch chuyển sang nền kinh tế carbon thấp.

Có thể khẳng định, Vốn FDI xanh là nguồn lực thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, tăng trưởng kinh tế, tránh suy thoái môi trường, mất đa dạng sinh học và khai thác quá mức tài nguyên. Đồng thời, vốn FDI xanh tạo ra việc làm chất lượng cao, đảm bảo phúc lợi của người lao động và tiến bộ xã hội.

Thứ hai: Vốn FDI xanh không chỉ phụ thuộc vào ngành kinh tế đã đầu tư mà còn phụ thuộc vào quy trình và công nghệ mà dòng vốn FDI đó mang đến

Mức độ “xanh” của vốn FDI xanh không chỉ quyết định bởi ngành kinh tế đã đầu tư mà phụ thuộc vào quy trình sản xuất, công nghệ và chuẩn vận hành mà nhà đầu tư mang tới. Một dự án trong ngành được xem là “xanh” về lý thuyết chưa chắc là xanh trong thực tế nếu công nghệ lạc hậu, tiêu hao năng lượng lớn hoặc tạo phát thải cao. Ngược lại, ngay cả trong ngành truyền thống, nếu quy trình sạch, công nghệ hiện đại và kiểm soát phát thải nghiêm ngặt thì dự án có thể tạo hiệu ứng xanh thực chất. Đặc tính này khiến việc thu hút FDI xanh trở thành bài toán chất lượng công nghệ hơn là tên gọi ngành nghề. Tỉnh không thể chỉ dựa vào danh mục “ngành ưu tiên” mà phải đánh giá chiều sâu kỹ thuật của từng dự án. Chính đặc điểm này đặt ra yêu cầu chính quyền phải tăng năng lực thẩm định công nghệ, phải xây dựng bộ tiêu chí xanh để phân loại dự án, có năng lực giám sát sau cấp phép.

Thứ ba: Vốn FDI xanh đầu tư vào ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ xanh và hiệu ứng lan tỏa

Vốn FDI xanh thường mang theo công nghệ xanh, quy trình tinh gọn và hệ thống quản trị dựa mạnh vào tri thức. Tính chất “xanh” của vốn FDI xanh không chỉ

là giảm phát thải, mà còn là độ phức tạp công nghệ. Những công nghệ này đòi hỏi nguồn nhân lực có kỹ năng về công nghệ, và một hệ sinh thái thể chế đủ tinh vi để vận hành. Từ đặc điểm về công nghệ và hàm lượng tri thức, chính quyền cấp tỉnh phải không ngừng nâng cao năng lực thể chế để đánh giá, thẩm định, giám sát các dự án FDI xanh, có các chính sách phát triển nhân lực công nghệ, chuẩn bị hạ tầng số, ... để đáp ứng yêu cầu. Mặt khác, đặc điểm này đã tạo ra “hiệu ứng hào quang ô nhiễm” ở nước nhận đầu tư, buộc các doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi cung ứng xanh phải tự nâng cấp công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường để không bị loại ra khỏi chuỗi giá trị xanh.

Thứ tư: Vốn FDI xanh nhạy cảm với thể chế xanh của địa phương, được định hình bởi các cam kết khí hậu toàn cầu.

Vốn FDI xanh mang tính phụ thuộc thể chế rất cao vì dòng vốn này chỉ thực sự “xanh” khi được đặt trong một khung cam kết và quy tắc rõ ràng: các mục tiêu Thỏa thuận Paris, lộ trình Net zero, tiêu chuẩn ESG, cơ chế định giá và quản lý carbon ... trong chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia và địa phương. Do đó, vốn FDI xanh thường nhạy cảm với khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo, sự sẵn sàng của hạ tầng khu công nghiệp sinh thái và cam kết của chính quyền địa phương. Từ đặc điểm đó, chính quyền cấp tỉnh muốn thu hút FDI xanh hiệu quả cần cụ thể hóa cam kết quốc gia về tăng trưởng xanh, giảm phát thải, Net zero thành chiến lược, quy hoạch, quy định và bộ tiêu chí lựa chọn dự án FDI ở cấp tỉnh; Bảo đảm khung thể chế minh bạch, ổn định và có khả năng dự đoán, thiết lập hệ thống đo lường, báo cáo và kiểm tra phát thải, tăng năng lực điều phối liên ngành và liên cấp.

Thứ năm: Quy mô vốn FDI xanh lớn và dài hạn, gắn với tính cam kết dài hạn của nhà đầu tư FDI xanh.

Vốn FDI xanh thường gắn với các lĩnh vực có hạ tầng công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hệ thống xử lý chất thải tuần hoàn và chứng nhận xanh. Do đó quy mô vốn FDI xanh thường lớn, chu kỳ thu hồi vốn kéo dài và mức độ chuyên môn hóa cao như năng lượng tái tạo, vật liệu xanh hay công nghiệp tuần hoàn. Chính cấu trúc vốn dài hạn này khiến nhà đầu tư đặc biệt nhạy cảm với rủi

ro chính sách, bao gồm sự thay đổi trong quy hoạch năng lượng, cơ chế giá, ưu đãi thuế, tiêu chuẩn môi trường hoặc các quy định liên quan đến tín dụng xanh và định giá carbon. Các nhà đầu tư FDI xanh thường có xu hướng cam kết hoạt động lâu dài tại địa phương, đồng thuận trong cam kết và thực thi. Vì thế, nếu có sự thiếu ổn định hoặc không nhất quán nào trong khung chính sách đều có thể làm gia tăng chi phí vốn, kéo dài thời gian hoàn vốn và làm giảm tính hấp dẫn của dự án. Điều này đòi hỏi chính quyền địa phương cần có sự nhất quán trong chính sách, minh bạch trong quản trị, công bằng giữa các nhà đầu tư để thu hút bền vững các dòng vốn FDI xanh.

Thứ sáu: Vốn FDI xanh có tác động tích cực đến môi trường và cấu trúc của tăng trưởng

Đặc điểm của vốn FDI xanh nằm ở chỗ giá trị của nó không đóng khung trong phạm vi từng dự án, mà tạo hiệu ứng lan tỏa sang công nghệ sạch, chuẩn môi trường, mô hình quản trị bền vững và tái cấu trúc ngành theo hướng hiện đại. Điều này khiến FDI xanh trở thành “động lực hệ thống” hơn là “dòng vốn đơn lẻ”. Hay nói cách khác, vốn FDI xanh tạo ra giá trị kép, một mặt dự án đóng góp cho tăng trưởng thông qua việc làm và thu ngân sách, mặt khác, bản chất “vốn xanh” tạo ra những ngoại ứng tích cực mà vốn FDI truyền thống không có được. Vốn FDI xanh góp phần dịch chuyển nền kinh tế sang ngành giá trị cao, ít phát thải: năng lượng tái tạo, điện tử xanh, công nghiệp sinh học, logistics thông minh. Cơ cấu kinh tế vì thế thay đổi theo hướng hiện đại hơn. Công nghệ xanh được truyền dẫn sang doanh nghiệp trong nước thông qua liên kết chuỗi cung ứng, tạo động lực “nâng chuẩn” toàn bộ nền sản xuất. Từ đặc tính ấy, chính quyền cấp tỉnh đối mặt với một yêu cầu cao hơn nhiều so với thu hút FDI truyền thống. Không chỉ chạy theo quy mô vốn, địa phương cần biết chọn lọc và định hướng: phải xác định rõ ngành xanh ưu tiên, kiểm soát tiêu chuẩn môi trường, bảo đảm năng lực thẩm định công nghệ và ràng buộc trách nhiệm carbon. Chính quyền không chỉ là người cấp phép; họ phải vận hành như người kiến tạo hệ sinh thái, điều phối hạ tầng xanh, dữ liệu, nhân lực và thể chế để dòng vốn tốt lan tỏa được vào cấu trúc kinh tế địa phương.

2.1.4. Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương

Khác với vốn FDI truyền thống, vốn FDI xanh không chỉ góp phần bổ sung sự thiếu hụt vốn trong nước, tạo việc làm, tăng nguồn thu cho NSNN, mà vốn FDI xanh còn góp phần tạo ra hiệu ứng lan tỏa, thiết lập hệ sinh thái xanh thông qua các vai trò sau đây:

Thứ nhất, vốn FDI xanh góp phần bổ sung, tái cấu trúc nguồn vốn và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực địa phương

Từ góc nhìn đầu tư cấp tỉnh, thu hút vốn FDI xanh vừa là bổ sung cho sự thiếu hụt tích lũy vốn nội địa, vừa là tái cấu trúc nguồn vốn đầu tư theo hướng bền vững. Vốn FDI xanh không chỉ làm tăng quy mô vốn đầu tư xã hội, mà còn kéo cơ cấu vốn dịch chuyển sang các ngành có suất sinh lợi dài hạn, ít rủi ro “bị loại bỏ” do quy định môi trường. Bối đặc điểm của vốn FDI xanh là gắn liền với ngành, lĩnh vực có công nghệ sạch, quy mô vốn lớn và dài hạn.

Thứ hai, vốn FDI xanh góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh của quốc gia nói chung và địa phương nói riêng

Vốn FDI xanh giúp nâng năng suất và tăng sức cạnh tranh vì vốn FDI xanh mang đến công nghệ sạch, quy trình sản xuất tiên tiến và chuẩn quản trị hiện đại. Khi doanh nghiệp FDI xanh hoạt động, họ buộc phải sử dụng thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, tự động hóa và quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn toàn cầu. Những điều này làm tăng năng suất biên của lao động trong nội bộ dự án và tạo ra hiệu ứng lan tỏa sang doanh nghiệp nội địa thông qua đào tạo, liên kết chuỗi và chuyển giao công nghệ. Vốn FDI xanh góp phần cải thiện và nâng cao đóng góp của FDI, từ đó tăng năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, vốn FDI xanh thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của địa phương theo hướng xanh và bền vững

Vốn FDI xanh thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển từ khai thác tài nguyên, gia công lắp ráp sang công nghệ cao, dịch vụ hiện đại, nông nghiệp sạch, du lịch xanh và năng lượng tái tạo. Vốn FDI xanh tạo ra các “cực tăng trưởng mới”, buộc địa phương phải nâng cao trình độ, năng lực quản lý. Muốn thu hút được vốn FDI xanh, địa phương phải nâng cấp hệ thống hạ tầng cứng (khu công nghiệp sinh thái, hạ tầng

năng lượng tái tạo, xử lý rác thải tuần hoàn) và hạ tầng mềm (chất lượng dịch vụ hành chính công, đào tạo nhân lực xanh), từ đó tạo ra năng lực cạnh tranh động dài hạn cho toàn bộ nền kinh tế cấp tỉnh.

Thứ tư, vốn FDI xanh góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững ở địa phương

Nhờ ứng dụng các mô hình sản xuất sạch, công nghệ tiên tiến hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, các dự án FDI xanh sẽ hạn chế suy thoái môi trường, giảm chi phí xử lý ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ các tài nguyên đất, rừng, nước sạch, tạo các nền tảng cho phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, vốn FDI xanh hỗ trợ địa phương thực hiện các cam kết, chiến lược xanh, thúc đẩy công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vốn FDI xanh tạo việc làm ổn định, giảm rủi ro sức khỏe cộng đồng do giảm ô nhiễm, bảo tồn cảnh quan, tạo nền tảng cho du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững hơn.

Thứ năm, vốn FDI xanh đổi mới toàn diện mô hình quản lý kinh tế cấp tỉnh

Sự hiện diện của vốn FDI xanh tạo ra áp lực buộc chính quyền các địa phương phải thay đổi tư duy quản lý kinh tế chuyển từ trải thảm đỏ sang sàng lọc, từ tăng số lượng dự án sang chất lượng dự án. Đồng thời, chính quyền địa phương phải có bộ tiêu chí sàng lọc nghiêm ngặt. Đồng thời, tăng cường liên kết, kích hoạt hiệu ứng lan tỏa khu vực FDI và doanh nghiệp nội địa. Vì thế, kết quả thu hút vốn FDI xanh phản ánh năng lực quản lý của chính quyền địa phương.

2.2. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH

2.2.1. Một số khái niệm liên quan về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

*** Khái niệm thu hút vốn FDI:**

Thu hút vốn FDI là khái niệm được các tổ chức quốc tế quan tâm, không chỉ định nghĩa mà còn đưa ra các tiêu chuẩn để đo lường hiệu quả của thu hút.

OECD (2015) [103], “Thu hút FDI không chỉ là mời gọi dòng vốn, mà là tạo ra môi trường để dòng vốn đó cam kết lợi ích lâu dài (lasting interest). Một quốc gia thành công trong thu hút FDI là quốc gia tạo được sự minh bạch, khả năng dự đoán của chính sách và đối xử công bằng giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài”.

UNCTAD (2022) [128], “Thu hút FDI trong kỷ nguyên mới phải chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng - nghĩa là dòng vốn phải đóng góp vào phát triển bền vững, tạo việc làm tử tế và chuyển giao công nghệ carbon thấp”.

Dù cách tiếp cận khác nhau, song tựu trung lại, *thu hút vốn FDI là việc Chính phủ quốc gia hoặc chính quyền địa phương ban hành các chính sách, thực thi các công cụ, biện pháp để các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư trực tiếp với nhiều hình thức khác nhau.*

*** *Khái niệm thu hút vốn FDI xanh:***

Thu hút vốn FDI xanh là việc Chính phủ các quốc gia hoặc chính quyền địa phương ban hành các chính sách, thực thi các công cụ, biện pháp để các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư trực tiếp bằng các hình thức khác nhau *có áp dụng các quy trình sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc đầu tư vào sản xuất sản phẩm và dịch vụ môi trường phù hợp với lợi ích chung của cả nhà đầu tư và nước nhận đầu tư.*

*** *Khái niệm thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh***

Từ quan niệm FDI xanh chính là các dự án “low carbon activities” (hoạt động carbon thấp) của IMF (2024), hay FDI vào các ngành hàng hóa, dịch vụ môi trường và FDI vào các quá trình giảm thiểu tổn hại môi trường, tức là sử dụng công nghệ sạch hơn, tiết kiệm năng lượng hơn của OECD (2021) [104], và đầu tư carbon thấp theo ba nhóm điển hình đó là đưa quy trình carbon thấp vào hoạt động doanh nghiệp xuyên quốc gia, phát triển năng lượng sạch, sản xuất sản phẩm, dịch vụ carbon thấp của UNCTAD (2023) [129], OECD, UNCTAD đều cho rằng, xúc tiến đầu tư chính là các cam kết của Chính phủ nhằm ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm của doanh nghiệp FDI, đồng thời quảng bá, hỗ trợ thiết lập hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ sau đầu tư là một trong những công cụ để thu hút FDI xanh.

Thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh là hoạt động có chủ đích của chính quyền tỉnh, thành phố trong việc tạo lập môi trường đầu tư, lựa chọn ngành và dự án ưu tiên, tổ chức xúc tiến đầu tư, hỗ trợ thủ tục và đồng hành cùng

nhà đầu tư nhằm hấp dẫn và gia tăng các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào: (1) ngành kinh tế xanh; (2) những lĩnh vực, dự án và quá trình sản xuất có hàm lượng công nghệ sạch, hiệu quả sử dụng năng lượng cao, phát thải thấp ở những ngành kinh tế truyền thống nhằm đóng góp tích cực cho mục tiêu tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của địa phương.

Thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh cần chú trọng những vấn đề sau:

- Xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc xanh trong cả vòng đời của dự án, bao gồm cả khâu thu hút đầu vào và đánh giá hiệu quả của dòng vốn FDI xanh đầu ra đối với môi trường.

- Các công cụ, chính sách nhằm thu hút vốn FDI xanh thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp tỉnh, trong phạm vi được phân cấp.

- Khái niệm thu hút vốn FDI xanh luôn gắn với: lựa chọn dự án thông qua bộ tiêu chí xanh; điều phối chính sách giữa môi trường, đầu tư, năng lượng và quy hoạch; bảo đảm khả năng lan tỏa công nghệ, năng suất và ESG; hướng dòng vốn phục vụ tái cấu trúc kinh tế theo hướng bền vững.

- Không đồng nhất thu hút vốn FDI xanh với kết quả thu hút. Nếu không tách bạch hai lớp này thì khái niệm sẽ bị chồng lấn giữa nội dung quản lý và chỉ tiêu đánh giá hoạt động thu hút.

- Thu hút vốn FDI xanh là quá trình sử dụng tổng hợp nhiều công cụ, biện pháp, và các chính sách ưu đãi để tăng tính cạnh tranh trong thu hút sẽ dần thay thế bằng công cụ tạo lập môi trường đầu tư và kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh cần phải chuyển trọng tâm từ việc gia tăng số lượng dự án FDI xanh sang thu hút có chọn lọc, ưu tiên các dự án FDI có công nghệ sạch, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, liên kết chuỗi và thân thiện với môi trường.

- Thu hút vốn FDI xanh với quy hoạch tỉnh và cấu trúc phát triển ngành.

- Chủ thể quản lý quá trình thu hút vốn FDI xanh là chính quyền cấp tỉnh.

- Đối tượng quản lý: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các dự án trong lĩnh vực xanh hoặc quy trình sản xuất ít gây ô nhiễm môi trường trong thẩm quyền được phân cấp.

2.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

2.2.2.1. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Thứ nhất, thu hút vốn FDI xanh nhằm tăng quy mô huy động gắn với chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng bền vững. Cũng như hoạt động thu hút vốn FDI, chính quyền địa phương tăng quy mô huy động vốn từ các dự án FDI xanh, đồng thời tối ưu hóa quy mô tích lũy vốn thông qua cơ chế sàng lọc chủ động. Các hoạt động thu hút vốn FDI xanh khuyến khích các nhà đầu tư lựa chọn những lĩnh vực theo mục tiêu và lợi thế so sánh của địa phương từ đó điều chỉnh lợi thế so sánh của địa phương từ tài nguyên thô và lao động giá rẻ sang hạ tầng xanh và nhân lực chất lượng cao.

Thứ hai, thu hút vốn FDI xanh nhằm nâng cao chất lượng vốn FDI. Các dự án FDI truyền thống thường có xu hướng chuyển gánh nặng về xử lý các vấn đề môi trường cho chính quyền nước nhận đầu tư, dịch chuyển từ nơi có tiêu chuẩn môi trường cao đến nơi có tiêu chuẩn môi trường thấp, quy định chưa đầy đủ để cắt giảm chi phí tuân thủ. Nhưng với vốn FDI xanh thì hoàn toàn ngược lại, các DN FDI xanh lựa chọn nơi tiếp nhận đầu tư có định hướng phát triển bền vững, hệ thống pháp lý minh bạch, năng lực quản trị tốt. Đối với vốn FDI xanh, các lựa chọn mà các nhà đầu tư đưa ra liên quan đến phương pháp sản xuất và tiêu thụ năng lượng có thể có tác động đáng kể đến sản lượng khí nhà kính (GHG) toàn cầu. Các khoản đầu tư vào công nghệ thu giữ khí nhà kính hoặc những công nghệ đóng vai trò thay thế các nguồn dựa trên carbon có tác động lớn và không thể thiếu khi xem xét lượng khí thải liên quan và biến đổi khí hậu theo thời gian. Vì thế, vốn FDI xanh thay đổi nhận thức về chi phí môi trường cũng như mục tiêu phát triển bền vững, hoạt động sàng lọc của chính quyền địa phương ngay từ khâu tiền kiểm đã giúp địa phương chủ động kiểm soát lượng phát thải CO₂ mà không làm tổn hại đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Mục tiêu thu hút vốn FDI xanh không chỉ là tăng vốn mà còn là nâng cao chuẩn mực quản trị công, chất lượng thể chế, hạ tầng và năng lực thực thi chính sách xanh.

Thứ ba, thu hút vốn FDI xanh nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa công nghệ xanh và khai thác lợi thế so sánh của địa phương. Vốn FDI xanh đầu tư vào các lĩnh vực đòi hỏi công nghệ sạch, quy trình sản xuất tiên tiến và tiêu chuẩn ESG nghiêm ngặt. Vì thế các doanh nghiệp trong nước muốn tham gia vào chuỗi cung ứng buộc phải thực hiện nâng cấp công nghệ, đổi mới quản trị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hướng tới mục tiêu xanh. Cơ chế này giúp lan tỏa tri thức quản lý xanh, chuyển hóa mô hình tăng trưởng mới của tỉnh. Bên cạnh đó, các địa phương có lợi thế so sánh khác nhau về vị trí địa lý, tài nguyên, lao động, kết cấu hạ tầng, định hướng phát triển. Thu hút vốn FDI xanh đòi hỏi tỉnh phải nhận diện đúng tiềm năng để tập trung vào các lĩnh vực có khả năng chuyển hóa lợi thế địa phương trở thành lợi thế cạnh tranh xanh.

Thứ tư, thu hút vốn FDI xanh nhằm giúp địa phương thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Trong bối cảnh quốc gia cam kết về giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng thì chính quyền địa phương không đứng ngoài cuộc. Thu hút vốn FDI xanh trở thành công cụ để địa phương hiện thực hóa các mục tiêu đó. Từ góc nhìn của quản lý kinh tế cấp tỉnh, thu hút vốn FDI xanh là giải pháp chiến lược giúp địa phương tái cấu trúc mô hình phát triển hiện đại, hiệu quả và bền vững.

2.2.2.2. Nguyên tắc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

Thứ nhất, thu hút vốn FDI phải đảm bảo thẩm quyền phân cấp thể chế cấp tỉnh.

Thu hút vốn FDI không chỉ là hoạt động kinh tế, mà là quá trình điều hành dựa trên thể chế nhiều cấp, do đó việc đảm bảo thẩm quyền được phân cấp trong khuôn khổ pháp lý thống nhất nhằm hướng mọi chính sách ưu đãi và sàng lọc xanh phù hợp với Quy hoạch của tỉnh và chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Việc tuân thủ phạm vi phân cấp ngăn chặn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh bằng cách nói lỏng các tiêu chuẩn môi trường để tranh giành dự án. Như vậy, nguyên tắc này bảo đảm rằng thu hút vốn FDI xanh được triển khai trong khuôn khổ pháp lý thống nhất, tôn trọng vai trò điều phối của Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động và trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp tỉnh trong quản lý và lựa chọn dòng vốn phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

Thứ hai, thu hút vốn FDI phải đảm bảo nguyên tắc không đánh đổi sinh thái và an sinh xã hội lấy tăng trưởng kinh tế ngắn hạn.

Về bản chất, nguyên tắc này đặt yêu cầu rằng lợi ích kinh tế ngắn hạn không thể được ưu tiên hơn chất lượng môi trường, sức khỏe cộng đồng và sự ổn định xã hội. Nguyên tắc này dựa trên luận điểm rằng tăng trưởng chỉ bền vững khi chi phí môi trường và xã hội được nội hóa trong quyết định đầu tư. Điều đó nghĩa là dự án FDI phải đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ sạch, kiểm soát phát thải, tuân thủ quy hoạch môi trường và bảo đảm điều kiện lao động an toàn, thay vì chuyển gánh nặng chi phí sang cộng đồng hay môi trường tự nhiên. Với chính quyền cấp tỉnh, việc tuân thủ nguyên tắc này vừa thể hiện trách nhiệm quản trị, vừa ngăn ngừa rủi ro “nhập khẩu ô nhiễm”, suy thoái tài nguyên và xung đột xã hội. Thực hiện nguyên tắc này là rào cản ngăn chặn rủi ro biến địa phương thành “Vịnh thiên đường ô nhiễm” cũng như thực hiện các cam kết về môi trường.

Thứ ba, chuyển đổi thu hút vốn FDI xanh đảm bảo mục tiêu tăng trưởng có chất lượng

Thu hút vốn FDI chuyển đổi “thu hút bằng mọi giá” bằng “thu hút vốn có chọn lọc”, “quản trị thụ động” sang “kiến tạo chủ động”, chuyển đổi “thu hút dựa trên hiệu quả tài chính và quy mô dự án” bằng “thu hút dựa trên hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường”. Thu hút có chọn lọc là yêu cầu cốt lõi để bảo đảm chất lượng “xanh” thực chất của dự án FDI. Nguyên tắc này là điều kiện để tỉnh chứng minh năng lực tiếp nhận dòng vốn chất lượng cao. Nếu tỉnh tiếp tục đánh giá dự án chủ yếu bằng quy mô vốn hoặc hiệu quả tài chính, thì các lợi ích xanh - vốn là bản chất của FDI xanh - sẽ không được phản ánh trong quá trình lựa chọn và thẩm định. Điều đó dẫn đến thu hút nhằm dự án, giảm hiệu quả lan tỏa và mất cơ hội phát triển dài hạn. Từ đó, vốn FDI xanh thực sự trở thành động lực tăng trưởng chất lượng cao.

Thứ tư, nguyên tắc lựa chọn dự án dựa trên chất lượng công nghệ và tiêu chuẩn môi trường

Thu hút vốn FDI xanh phải đặt chất lượng công nghệ, mức độ phát thải, hiệu quả sử dụng tài nguyên và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn ESG làm tiêu chí trung tâm. Điều

này bảo đảm rằng tỉnh tránh được việc thu hút các dự án lỗi thời để sau đó phải mất rất nhiều nguồn lực ép buộc doanh nghiệp thực hiện xanh hóa vốn FDI. Nguyên tắc này đòi hỏi tỉnh phải nâng cao năng lực thẩm định công nghệ, xây dựng bộ tiêu chí xanh rõ ràng và bảo đảm tính minh bạch trong quy trình đánh giá dự án.

Thứ năm, nguyên tắc đảm bảo tương thích mục tiêu thu hút và mục tiêu phát triển bền vững của địa phương

Các dự án FDI xanh không thể tồn tại biệt lập, mà phải gắn với nền kinh tế nội địa. Mọi dòng vốn FDI xanh khi đổ vào tỉnh phải có tính tương thích chiến lược với định hướng tái cấu trúc nền kinh tế, mục tiêu môi trường của địa phương. Nguyên tắc hài hòa yêu cầu tỉnh đánh giá dự án trong một chỉnh thể thống nhất giữa kinh tế - xã hội - môi trường, bảo đảm chuyển dịch cơ cấu kinh tế đồng bộ, tránh tình trạng phát triển nóng hay quá tải cho hạ tầng năng lượng và môi trường của địa phương.

Thứ sáu, nguyên tắc bảo đảm năng lực hấp thụ và lan tỏa giá trị xanh

Hiệu quả của vốn FDI xanh không chỉ phụ thuộc vào dự án mà còn ở khả năng hấp thụ công nghệ và tri thức của địa phương. Vì vậy, chính quyền địa phương phải bảo đảm nguồn nhân lực phù hợp, hạ tầng xanh, hạ tầng số và tạo cầu nối liên kết giữa doanh nghiệp FDI xanh với doanh nghiệp vệ tinh nội địa. Nguyên tắc này nhấn mạnh vai trò của chính quyền trong kiến tạo môi trường để công nghệ sạch và mô hình quản trị tiên tiến lan tỏa rộng rãi, tạo tác động dài hạn đến năng suất và cơ cấu kinh tế.

2.2.3. Nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

2.2.3.1. Tạo lập môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh là quá trình chính quyền tỉnh đồng bộ hệ thống thể chế, quy hoạch, hạ tầng, nguồn nhân lực, dịch vụ công và cơ chế giám sát nhằm biến địa phương thành điểm đến tin cậy cho các dự án FDI sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên, phát thải thấp và tuân thủ các chuẩn mực môi trường xã hội quản trị. Điểm nhấn của cách tiếp cận này là tính định hướng chủ đích, tức thu hút vốn FDI không chỉ theo tiêu chí quy mô vốn mà theo chất lượng dòng vốn, hướng dòng vốn vào các lĩnh vực kinh tế xanh, ít gây ô nhiễm nhưng vẫn tạo việc làm bền vững và khai thác lợi thế so sánh của tỉnh.

Về mặt chủ thể, cơ chế kiến tạo môi trường thu hút vốn FDI xanh thể hiện rõ qua phân vai giữa HĐND và UBND tỉnh. Trước hết, HĐND tỉnh giữ vai trò quyết định và giám sát ở tầm chính sách, thể hiện qua việc ban hành nghị quyết về định hướng thu hút đầu tư, thông qua quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quyết định phân bổ ngân sách và chương trình đầu tư công cho các hạng mục hạ tầng xanh, hạ tầng số, xử lý môi trường, đào tạo nhân lực. Đồng thời, HĐND tỉnh thực hiện chức năng giám sát đối với việc tuân thủ pháp luật về môi trường và hiệu quả của chính sách ưu đãi, hạn chế tình trạng thu hút dự án bằng ưu đãi nhưng để lại chi phí ngoại ứng môi trường và xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ thể điều hành và tổ chức thực thi, chịu trách nhiệm cụ thể hóa nghị quyết của HĐND thành chương trình, kế hoạch, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quy trình thủ tục, cơ chế phối hợp liên ngành và dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư; từ đó tạo ra “trải nghiệm thể chế” cho nhà đầu tư theo hướng minh bạch, nhất quán và có khả năng dự đoán.

Trên cơ sở đó, tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh cần dựa vào ba nhóm căn cứ: Một là *căn cứ pháp lý và thể chế*, bao gồm quy định về đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn phát thải, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và các yêu cầu quản trị bền vững; đây là khung ràng buộc để tỉnh thiết kế chính sách vừa thu hút vừa kiểm soát rủi ro. Hai là *căn cứ quy hoạch và chiến lược phát triển của tỉnh*, bao gồm quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, định hướng không gian công nghiệp, đô thị, năng lượng và môi trường; chính quy hoạch là “bản đồ” để sàng lọc dự án theo mức độ phù hợp với chuyển dịch cơ cấu xanh và mục tiêu giảm phát thải. Ba là *căn cứ thị trường và xu hướng đầu tư quốc tế*, thể hiện qua yêu cầu truy xuất nguồn gốc và dấu chân carbon, tiêu chuẩn chuỗi cung ứng xanh, và nhu cầu của các tập đoàn đa quốc gia đối với điểm đến có hạ tầng sạch và quản trị ổn định; nhóm căn cứ này giúp tỉnh thiết kế chính sách “đúng tín hiệu”, bảo đảm năng lực cạnh tranh trong thu hút dòng vốn chất lượng cao.

Về nội dung quản lý, UBND và HĐND tỉnh tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh thông qua các chính sách sau:

Thứ nhất là định hướng ngành và tiêu chí dự án FDI xanh gắn với lợi thế so sánh của địa phương. Tỉnh cần xác định rõ danh mục ưu tiên theo logic lợi thế so sánh xanh. Trên nền đó, HĐND tỉnh ban hành nghị quyết định hướng và tiêu chí sàng lọc, còn UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí tác nghiệp để phân loại dự án theo mức độ xanh, mức phát thải, mức tiêu hao tài nguyên, kế hoạch xử lý chất thải, hàm lượng công nghệ, cam kết chuyển giao công nghệ và chất lượng việc làm.

Thứ hai là thiết kế chính sách ưu đãi và cơ chế chuyển đổi dòng vốn theo nguyên tắc có điều kiện. Để vừa thu hút vừa hạn chế dự án gây ô nhiễm, ưu đãi cần chuyển từ ưu đãi đại trà sang ưu đãi dựa trên kết quả và chuẩn mực. Theo đó, tỉnh ưu tiên các dự án năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến công nghệ cao, vật liệu mới, nông nghiệp sạch, logistics ít phát thải và du lịch sinh thái; đồng thời áp dụng điều kiện về công nghệ, cường độ phát thải, hiệu suất năng lượng, tỷ lệ tái chế và kế hoạch quản trị môi trường. Đặc biệt, “chuyển đổi vốn” không chỉ là chọn dự án mới, mà còn là tái cấu trúc danh mục FDI hiện hữu thông qua chương trình nâng cấp xanh, yêu cầu lộ trình đổi mới công nghệ, cơ chế khuyến khích đầu tư bổ sung vào dây chuyền sạch, và sàng lọc dần các dự án lạc hậu. HĐND tỉnh hỗ trợ bằng việc thông qua ngân sách cho các chương trình hạ tầng và đào tạo, còn UBND tỉnh triển khai cơ chế một cửa, hướng dẫn, hậu kiểm, và vận hành gói hỗ trợ kỹ thuật giúp doanh nghiệp đáp ứng chuẩn mực xanh.

Thứ ba là cải cách thủ tục hành chính và tăng minh bạch thể chế theo hướng thân thiện với nhà đầu tư xanh. UBND tỉnh cần chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, thẩm định, cấp phép đầu tư và môi trường theo hướng số hóa hồ sơ, liên thông giữa đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và điện năng; đồng thời công khai dữ liệu quy hoạch, quỹ đất, hạ tầng, tiêu chuẩn môi trường, chi phí tuân thủ. Cải cách hành chính trong trường hợp này không chỉ nhằm rút ngắn thời gian, mà còn nhằm giảm bất định thể chế, qua đó giảm chi phí giao dịch của nhà đầu tư xanh.

Thứ tư là phát triển hạ tầng xanh và hạ tầng số như “nền” của năng lực hấp thụ vốn FDI xanh. Ưu tiên đầu tư công và huy động đối tác công tư cho các hạng mục có tính chất then chốt đối với dự án ít phát thải, như cấp điện ổn định từ nguồn sạch, logistics tối ưu, và dịch vụ xử lý môi trường tập trung.

Thứ năm là chính sách phát triển nguồn nhân lực và chất lượng việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu xanh. UBND tỉnh phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý môi trường, vận hành công nghệ sạch và kỷ luật công nghiệp; đồng thời có chính sách thu hút lao động chất lượng cao. HĐND tỉnh hỗ trợ bằng cơ chế ngân sách và giám sát mục tiêu việc làm theo chất lượng, tránh tình trạng thu hút dự án ít giá trị gia tăng, sử dụng nhiều lao động giản đơn nhưng rủi ro môi trường cao.

Thứ sáu là thúc đẩy liên kết chuỗi và lan tỏa công nghệ sạch để nâng cấp khu vực doanh nghiệp địa phương.

Tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh sẽ thiếu bền vững nếu chỉ dừng ở “đón dự án”, mà không tạo được liên kết với doanh nghiệp trong nước. UBND thiết kế chính sách phát triển nhà cung ứng địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa nâng chuẩn quản trị môi trường, chất lượng và truy xuất để tham gia chuỗi cung ứng xanh; đồng thời khuyến khích dự án FDI xanh có kế hoạch mua sắm nội địa, đào tạo, chuyển giao công nghệ và hợp tác đổi mới sáng tạo.

Như vậy, tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh là một chức năng quản lý kinh tế mang tính kiến tạo, trong đó HĐND tỉnh định hình “luật chơi” và bảo đảm nguồn lực cùng giám sát, còn UBND tỉnh tổ chức thực thi và điều hành tổng thể. Trọng tâm chính sách là định hướng dòng vốn vào ngành xanh, chuyển đổi danh mục FDI theo chuẩn mực phát thải và công nghệ, đồng thời bảo đảm việc làm và khai thác lợi thế so sánh thông qua hạ tầng xanh, nhân lực chất lượng, thể chế minh bạch và cơ chế liên kết chuỗi giá trị tại địa phương.

2.2.3.2. Ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư xanh

Ban hành chính sách ưu đãi đầu tư trong thu hút vốn FDI xanh là quá trình chính quyền cấp tỉnh thiết kế và áp dụng hệ thống công cụ, chính sách khuyến khích mang tính chọn lọc nhằm tăng sức hấp dẫn tương đối của địa phương đối với các dự án FDI có công nghệ sạch, hiệu quả năng lượng, phát thải thấp và đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng xanh.

Về cơ chế quản lý, HĐND tỉnh thực hiện vai trò quyết định chủ trương, định hướng ưu đãi (thông qua chủ trương, mục tiêu và nguyên tắc ưu đãi: ưu đãi

có chọn lọc, ưu đãi có điều kiện, ưu tiên ngành xanh, hạn chế dự án rủi ro môi trường, gắn ưu đãi với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch cơ cấu xanh, tạo việc làm bền vững); Quyết định phân bổ và cho phép sử dụng nguồn lực địa phương; thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền về quy hoạch, đất đai, định hướng sử dụng đất, từ đó tạo không gian để triển khai ưu đãi đất đai (quỹ đất sạch, khu công nghiệp sinh thái), giám sát thực hiện ưu đãi đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng quy trình hay không.

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cụ thể hóa chủ trương của HĐND thành Quyết định, quy chế, chương trình (bộ tiêu chí dự án FDI xanh, quy trình xét ưu đãi, cơ chế một cửa, hướng dẫn thủ tục, tổ chức thực hiện ưu đãi theo quy định); Lựa chọn dự án và áp dụng ưu đãi theo điều kiện, ưu đãi gắn với cam kết xanh, thiết kế cơ chế ưu đãi theo kết quả (mức hỗ trợ tăng theo mức độ đáp ứng tiêu chí, xanh, giá trị gia tăng, chất lượng việc làm), đồng thời tổ chức quỹ đất sạch, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng KCN, cải cách thủ tục hành chính để giảm chi phí giao dịch cho nhà đầu tư xanh.

Ban hành chính sách ưu đãi đầu tư nhằm thu hút vốn FDI xanh dựa trên các căn cứ sau: *Thứ nhất*, căn cứ pháp lý và thể chế, gồm quy định pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai, môi trường, cơ chế ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, cùng các tiêu chuẩn phát thải, yêu cầu ESG và cam kết khí hậu; đây là khung giới hạn và đồng thời là cơ sở để tỉnh cụ thể hóa ưu đãi theo hướng xanh. *Thứ hai*, căn cứ quy hoạch và chiến lược phát triển của tỉnh, gồm quy hoạch tỉnh, định hướng ngành ưu tiên, mục tiêu chuyển dịch cơ cấu xanh, mục tiêu giảm phát thải và chương trình phát triển khu công nghiệp, năng lượng, logistics, đô thị; ưu đãi chỉ phát huy hiệu quả khi tuân thủ đúng quy hoạch và mục tiêu dài hạn. *Thứ ba*, căn cứ thị trường và hành vi nhà đầu tư, thể hiện qua mức độ nhạy cảm của nhà đầu tư đối với chi phí đất, thuế, chi phí tuân thủ môi trường, hạ tầng sạch và tính ổn định chính sách; căn cứ này giúp thiết kế ưu đãi đúng “đòn bẩy” và hạn chế cạnh tranh ưu đãi bằng mọi giá.

Phương thức ban hành và tổ chức thực thi ưu đãi: *Thứ nhất*, chính quyền cấp tỉnh chuyển từ ưu đãi theo dự án chung sang ưu đãi theo danh mục ngành xanh và tiêu chí xanh, tức xác định rõ nhóm dự án ưu tiên và đặt ngưỡng điều kiện về công

nghe, phát thải, sử dụng năng lượng, xử lý chất thải, tỷ lệ tái chế và kế hoạch quản trị môi trường. *Thứ hai*, áp dụng cơ chế ưu đãi gắn với kết quả, trong đó mức ưu đãi tăng theo mức độ đóng góp xanh và giá trị gia tăng, như tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, mức giảm phát thải, mức độ nội địa hóa xanh, năng suất lao động và chất lượng việc làm. *Thứ ba*, thiết lập cơ chế tiền kiểm kết hợp hậu kiểm, nghĩa là thẩm định điều kiện hưởng ưu đãi trước khi cấp và giám sát thực hiện cam kết trong quá trình vận hành, nhằm bảo đảm ưu đãi trở thành công cụ tái định hướng dòng vốn thay vì tạo kẽ hở chính sách.

Nội dung chính sách ưu đãi đầu tư vốn FDI xanh: *Thứ nhất*, ưu đãi về thuế theo hướng khuyến khích đổi mới công nghệ sạch và giảm phát thải, bao gồm cơ chế hỗ trợ nghĩa vụ thuế trong giới hạn pháp luật, đồng thời gắn với điều kiện công nghệ, hiệu quả năng lượng và mức độ tuân thủ môi trường. *Thứ hai*, ưu đãi về đất đai và tiếp cận mặt bằng sản xuất, bao gồm miễn giảm tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bố trí quỹ đất sạch trong khu công nghiệp sinh thái hoặc cụm công nghiệp định hướng xanh, kèm yêu cầu về hệ thống xử lý môi trường và tiêu chuẩn vận hành. *Thứ ba*, nhóm ưu đãi và hỗ trợ khác nhằm giảm chi phí giao dịch và chi phí tuân thủ của nhà đầu tư xanh, như cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, hỗ trợ đào tạo lao động kỹ thuật, bảo đảm tiếp cận hạ tầng xanh và hạ tầng số, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và kết nối xúc tiến thương mại theo chuỗi cung ứng xanh. *Thứ tư*, cơ chế khuyến khích chuyển đổi xanh đối với dự án FDI hiện hữu, thông qua hỗ trợ nâng cấp công nghệ, đầu tư bổ sung dây chuyền sạch và lộ trình giảm phát thải, nhằm tái cấu trúc danh mục FDI của tỉnh theo hướng ít ô nhiễm hơn nhưng vẫn duy trì việc làm và năng lực sản xuất.

Ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư của chính quyền cấp tỉnh nhằm tăng khả năng thu hút các dự án FDI xanh quy mô lớn, công nghệ cao và thời gian đầu tư dài hạn, qua đó nâng chất lượng dòng vốn thay vì chỉ tăng số lượng dự án. Định hình cơ cấu ngành theo hướng xanh và giá trị gia tăng cao, giảm dần các dự án thâm dụng tài nguyên và rủi ro ô nhiễm, đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế so sánh xanh của địa phương. Tạo việc làm bền vững và nâng kỹ năng lao động nhờ ưu tiên dự án công nghệ sạch và quản trị hiện đại. Giảm chi phí ngoại ứng môi

trường, tăng mức tuân thủ tiêu chuẩn phát thải và củng cố hình ảnh địa phương như điểm đến đầu tư xanh ổn định. Nâng năng lực quản trị kinh tế của chính quyền cấp tỉnh thông qua cơ chế ưu đãi minh bạch, có điều kiện và được giám sát bằng dữ liệu, tạo nền tảng cạnh tranh dài hạn trong thu hút và chuyển đổi dòng vốn FDI theo hướng xanh.

2.2.3.3. Tổ chức xúc tiến đầu tư xanh

Tổ chức xúc tiến đầu tư trong thu hút vốn FDI xanh là quá trình UBND tỉnh chủ trì xây dựng, triển khai và điều phối các hoạt động quảng bá, kết nối và hỗ trợ nhà đầu tư nhằm thu hút các dự án FDI công nghệ sạch, hiệu quả năng lượng, phát thải thấp, phù hợp mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh. Đây là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động thu hút vốn FDI, kết hợp đồng thời bốn chức năng: cung cấp thông tin, định hướng dòng vốn, lựa chọn nhà đầu tư theo tiêu chí xanh, và hỗ trợ triển khai dự án.

Về chủ thể, HĐND tỉnh giữ vai trò định hướng và giám sát thông qua nghị quyết về ưu tiên ngành xanh, mục tiêu giảm phát thải, bố trí nguồn lực cho xúc tiến và phát triển hạ tầng nền; đồng thời giám sát tính minh bạch, hiệu quả và mức độ tuân thủ tiêu chí xanh trong các chương trình xúc tiến. UBND tỉnh là chủ thể tổ chức thực thi, trực tiếp chỉ đạo cơ quan xúc tiến đầu tư, các sở ngành và địa phương cấp dưới xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư xanh, thiết kế gói chính sách, triển khai hoạt động tiếp cận nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ “một cửa” và điều phối hỗ trợ sau cấp phép.

Căn cứ tổ chức xúc tiến đầu tư thu hút vốn FDI xanh: *Thứ nhất*, căn cứ pháp lý và thể chế, gồm hệ thống quy định về đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn phát thải, cơ chế cấp phép môi trường, cùng các yêu cầu ESG và cam kết khí hậu, tạo “khung chuẩn” để sàng lọc và ràng buộc trách nhiệm nhà đầu tư. *Thứ hai*, căn cứ quy hoạch và chiến lược phát triển của tỉnh, gồm quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, định hướng chuyển dịch cơ cấu xanh, mục tiêu giảm phát thải và danh mục ngành ưu tiên, bảo đảm xúc tiến đi đúng không gian phát triển và không phá vỡ cân bằng sinh thái. *Thứ ba*, căn cứ thị trường và xu hướng đầu tư quốc tế, thể hiện qua dịch chuyển chuỗi cung ứng xanh, yêu cầu truy xuất nguồn gốc và dấu chân

carbon, cùng sức ép tuân thủ tiêu chuẩn môi trường tại các thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, giúp tỉnh lựa chọn đúng phân khúc nhà đầu tư và định hình thông điệp xúc tiến phù hợp.

Phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư thu hút vốn FDI xanh: *Thứ nhất*, chính quyền cấp tỉnh xác lập trọng tâm xúc tiến theo ngành xanh và lợi thế so sánh xanh, bằng cách xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư gắn với lợi thế tài nguyên môi trường, vị trí và hạ tầng, ưu tiên các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến công nghệ cao ít phát thải, nông nghiệp sạch, vật liệu mới, logistics phát thải thấp và du lịch sinh thái; đồng thời ban hành bộ tiêu chí dự án FDI xanh để sàng lọc ngay từ khâu tiếp cận. *Thứ hai*, chính quyền cấp tỉnh tổ chức truyền thông và cung cấp thông tin có mục tiêu, công khai hóa quy hoạch, quỹ đất, điều kiện hạ tầng, tiêu chuẩn môi trường, gói ưu đãi xanh, cam kết của tỉnh về ổn định thể chế; triển khai qua công thông tin số, bộ hồ sơ “đầu tư xanh” theo ngành, hội nghị xúc tiến, roadshow quốc tế và kênh ngoại giao kinh tế để tiếp cận đúng tập đoàn mục tiêu. *Thứ ba*, chính quyền cấp tỉnh tổ chức cơ chế hỗ trợ và dịch vụ đầu tư chuyên biệt, thiết lập đầu mối “một cửa” cho nhà đầu tư xanh, hỗ trợ thủ tục đầu tư và môi trường, cung cấp dữ liệu môi trường và năng lượng, bảo đảm tiến độ giải phóng mặt bằng, kết nối hạ tầng và chuỗi cung ứng địa phương; đồng thời phối hợp viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nội địa để hình thành hệ sinh thái hấp thụ công nghệ sạch, phát triển nhà cung ứng đạt chuẩn xanh. *Thứ tư*, chính quyền cấp tỉnh theo dõi và đánh giá sau xúc tiến, thực hiện hậu kiểm cam kết xanh, giám sát tuân thủ môi trường và chất lượng việc làm, kịp thời xử lý rủi ro để bảo đảm xúc tiến không chuyển thành “thu hút bằng mọi giá”.

Nội dung xúc tiến đầu tư thu hút vốn FDI xanh: *Thứ nhất*, xúc tiến theo định hướng ngành và tiêu chí xanh. Tỉnh xác lập danh mục ngành ưu tiên và phân khúc nhà đầu tư mục tiêu như năng lượng tái tạo, điện tử xanh, vật liệu mới, công nghiệp sinh học, nông nghiệp sạch, logistics ít phát thải và du lịch sinh thái; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí xanh để sàng lọc ngay từ khâu tiếp cận, bảo đảm dự án đáp ứng chuẩn công nghệ, phát thải, sử dụng tài nguyên và kế hoạch quản trị môi trường. Cách làm này giúp chuyển xúc tiến từ “thu hút bằng mọi giá” sang “thu hút có chọn

lọc”, ưu tiên chất lượng dòng vốn, khả năng tạo việc làm bền vững và phù hợp lợi thế so sánh của tỉnh. *Thứ hai*, xúc tiến thông qua thông tin và truyền thông có mục tiêu. UBND tỉnh chủ động công bố và “đóng gói” thông tin đầu tư xanh theo ngôn ngữ mà nhà đầu tư cần, gồm tiềm năng năng lượng sạch, quỹ đất và hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, năng lực xử lý môi trường, nguồn nhân lực kỹ thuật, cùng cam kết chính sách ổn định và minh bạch. Các kênh triển khai bao gồm nền tảng số phục vụ nhà đầu tư, hội nghị xúc tiến, diễn đàn ngành, roadshow quốc tế và phối hợp ngoại giao kinh tế, nhằm tiếp cận đúng tập đoàn và đúng chuỗi cung ứng mà tỉnh muốn tham gia. *Thứ ba*, xúc tiến thông qua hỗ trợ và dịch vụ đầu tư chuyên biệt cho nhà đầu tư xanh. Tỉnh thiết lập cơ chế “một cửa hỗ trợ nhà đầu tư xanh” để tư vấn tiêu chí xanh, cung cấp dữ liệu môi trường, hỗ trợ thủ tục đất đai, xây dựng và môi trường, đồng thời cam kết tiến độ xử lý hồ sơ, giải phóng mặt bằng và kết nối hạ tầng năng lượng. Song song, tỉnh tổ chức kết nối nhà đầu tư với viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp địa phương để hình thành hệ sinh thái hấp thụ công nghệ sạch, phát triển nhà cung ứng nội địa và tạo lan tỏa chuẩn mực quản trị môi trường trong chuỗi giá trị.

Xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao chất lượng dòng vốn FDI, tăng tỷ trọng dự án công nghệ sạch, hiệu quả năng lượng, phát thải thấp và phù hợp định hướng ngành ưu tiên của tỉnh, giảm rủi ro môi trường và chi phí ngoại ứng, củng cố uy tín “điểm đến đầu tư xanh” nhờ tiêu chí sàng lọc rõ ràng và cơ chế giám sát nhất quán, tạo việc làm theo hướng bền vững, nâng kỹ năng lao động và tăng giá trị gia tăng thông qua dự án có hàm lượng công nghệ cao và quản trị hiện đại, tăng liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp địa phương, thúc đẩy lan tỏa công nghệ sạch và chuẩn mực ESG, qua đó “xanh hóa” chuỗi giá trị tại địa phương, nâng năng lực quản trị kinh tế của chính quyền cấp tỉnh thông qua chuẩn hóa quy trình xúc tiến, số hóa thông tin đầu tư và tăng hiệu quả phối hợp liên ngành, tạo nền tảng cạnh tranh dài hạn trong thu hút FDI xanh.

2.2.3.4. Sàng lọc thẩm định dự án, giám sát thực hiện cam kết xanh

Sàng lọc, thẩm định dự án và giám sát thực hiện cam kết xanh trong thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh là quy trình quản lý hành chính khép kín,

đóng vai trò là bộ lọc thể chế nhằm đảm bảo chất lượng thực chất của dòng vốn FDI xanh. Chính quyền địa phương lựa chọn, đánh giá trên cơ sở tiêu chí về công nghệ sạch, hiệu quả sử dụng tài nguyên, mức phát thải thấp và tuân thủ chuẩn mực môi trường - xã hội, nhằm bảo đảm rằng dòng vốn FDI được tiếp nhận thực sự phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của tỉnh. Đây là chuỗi hoạt động liên tục, từ khâu “vào” (sàng lọc, thẩm định) đến khâu “trong quá trình thực hiện” (giám sát cam kết) để thu hút hiệu quả dòng vốn “FDI xanh”.

Hoạt động này được triển khai dựa trên một số nhóm căn cứ chủ yếu:

Căn cứ pháp lý: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Chiến lược tăng trưởng xanh, các nghị định về đánh giá tác động môi trường, quy chuẩn phát thải, quy định về khu công nghiệp sinh thái, cùng với các cam kết quốc tế về khí hậu (Paris, Net Zero...).

Căn cứ chiến lược - quy hoạch: chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, định hướng cơ cấu ngành và mục tiêu giảm phát thải của địa phương.

Căn cứ kỹ thuật và chuẩn mực quốc tế: tiêu chuẩn ESG, các bộ chỉ số FDI chất lượng cao của OECD, UNCTAD, hướng dẫn về đầu tư xanh, bộ tiêu chí công nghệ sạch, tiêu hao năng lượng và cường độ carbon theo ngành.

Chính quyền cấp tỉnh thực hiện sàng lọc, thẩm định và giám sát cam kết xanh thông qua một số phương thức chính: Xây dựng bộ tiêu chí dự án FDI xanh và quy trình thẩm định nhiều bước. Phân loại dự án theo mức độ rủi ro môi trường, cường độ phát thải, mức độ sử dụng tài nguyên, yêu cầu công nghệ. Lồng ghép tiêu chí xanh vào toàn bộ quy trình thẩm định: từ chấp thuận chủ trương, cấp phép đầu tư đến thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và thiết kế kỹ thuật.

Thẩm định công nghệ và phương án môi trường một cách độc lập, chuyên sâu: Yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thông tin chi tiết về dây chuyền công nghệ, tiêu hao năng lượng, nước, nguyên liệu và kế hoạch quản lý chất thải. Tham vấn chuyên gia, viện nghiên cứu, hoặc tổ chức kiểm định độc lập đối với các dự án có tác động môi trường lớn hoặc công nghệ phức tạp.

Ràng buộc pháp lý về cam kết xanh trong quyết định chấp thuận đầu tư: Ghi nhận rõ các chỉ tiêu về phát thải, sử dụng năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, tỷ lệ đầu tư cho công nghệ sạch, lộ trình nâng cấp công nghệ... như điều kiện kèm theo. Quy định chế tài cụ thể nếu vi phạm: phạt tiền, buộc khắc phục, tạm dừng hoặc chấm dứt dự án.

Thiết lập hệ thống giám sát và báo cáo định kỳ: Xây dựng cơ chế quan trắc môi trường tự động, kết nối dữ liệu với cơ quan quản lý; yêu cầu doanh nghiệp báo cáo định kỳ về phát thải, sử dụng năng lượng, thực hiện ESG. Tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên đề các dự án có nguy cơ cao; công khai thông tin vi phạm để tăng trách nhiệm giải trình.

Khi được triển khai hiệu quả, sàng lọc - thẩm định - giám sát cam kết xanh mang lại những kết quả cốt lõi:

Ngăn chặn sớm các dự án “FDI nâu”, công nghệ lạc hậu, tiêu hao tài nguyên, phát thải lớn, tránh “nhập khẩu ô nhiễm” và chi phí xử lý môi trường trong tương lai.

Bảo đảm tính “xanh thực chất” của dòng vốn FDI, giúp danh mục dự án phù hợp với chiến lược tăng trưởng xanh và cam kết khí hậu của quốc gia, địa phương.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả môi trường đầu tư và uy tín thể chế của tỉnh, tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư có trách nhiệm, qua đó tăng khả năng thu hút các tập đoàn công nghệ cao, chuỗi cung ứng xanh.

Thúc đẩy lan tỏa tiêu chuẩn công nghệ và quản trị môi trường sang doanh nghiệp nội địa, góp phần cải thiện năng suất, giảm phát thải và tái cấu trúc kinh tế theo hướng bền vững.

Tóm lại, sàng lọc thẩm định dự án và giám sát cam kết xanh chính là “bộ lọc thể chế” bảo đảm rằng thu hút vốn FDI xanh đảm bảo chất lượng cụ thể của từng dự án và của cả cơ cấu dòng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2.2.4. Tiêu chí đánh giá thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

Thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh không chỉ đo bằng sự gia tăng về quy mô vốn, mà quan trọng hơn là mức độ xanh hóa của dòng vốn, chất

lượng quản trị và tác động của vốn FDI xanh đến tạo việc làm, bảo vệ tài nguyên, môi trường, lan tỏa công nghệ, và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tiêu chí đánh giá thu hút vốn FDI xanh của chính quyền cấp tỉnh bao gồm: Tiêu chí đánh giá đầu vào chính sách -> Tiêu chí đánh giá quá trình tổ chức thu hút -> Đầu ra -> Kết quả, tác động đến phát triển bền vững.

Đo lường tiêu chí đánh giá đầu vào chính sách và quá trình thực thi thường được tiến hành thông qua phương pháp điều tra xã hội học và tiêu chí kết quả, tác động dựa vào số liệu thống kê thứ cấp.

2.2.4.1. Hệ thống tiêu chí định tính đánh giá thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

Các tiêu chí định tính tập trung đo lường chất lượng thể chế, công cụ chính sách, thủ tục hành chính và mức độ sẵn sàng của địa phương trong việc kiến tạo môi trường đầu tư xanh. Đây là các chỉ tiêu thể hiện quyết tâm chính trị và năng lực quản trị công của chính quyền cấp tỉnh. Việc đo lường các tiêu chí này chủ yếu được thực hiện thông qua khảo sát xã hội học, đánh giá của chuyên gia, và phân tích các văn bản quy phạm pháp luật địa phương.

(i) Nhóm tiêu chí về thể chế thu hút vốn FDI xanh:

Thể chế thu hút vốn FDI xanh nhất quán làm giảm rủi ro chính sách và tăng tính dự báo cho các nhà đầu tư chiến lược có chu kỳ vốn dài. Nhóm tiêu chí về thể chế phản ánh chất lượng môi trường chính sách và năng lực quản trị mà nhà đầu tư cảm nhận trước khi quyết định địa điểm. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Mức độ tích hợp mục tiêu xanh trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiêu chí đầu tiên là tính rõ ràng của chiến lược và quy hoạch. Một tỉnh muốn thu hút FDI xanh phải có định hướng ngành rõ, không gian công nghiệp hợp lý, chuẩn môi trường minh bạch và thông điệp nhất quán. Đo lường tiêu chí này thông qua phân tích các văn bản quy hoạch của tỉnh.

- Tính nhất quán của chiến lược thu hút vốn FDI xanh của tỉnh. Phương pháp đo lường thông qua khảo sát mức độ nhất quán chính sách theo cảm nhận của doanh nghiệp.

- Chuẩn mực, tiêu chuẩn xanh địa phương: Danh mục ngành nghề ưu tiên xanh và hạn chế; yêu cầu công nghệ môi trường tối thiểu, tiêu chí phát thải.

(ii) Nhóm tiêu chí về công cụ chính sách và môi trường đầu tư thu hút vốn FDI xanh

Môi trường đầu tư thuận lợi, các ưu đãi đầu tư có tính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sâu vào công nghệ sạch, các lĩnh vực xanh. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Cải cách thủ tục hành chính cho dự án xanh: Nhà đầu tư xanh quan tâm tới độ tin cậy của cam kết chính quyền, thời gian xử lý thủ tục, sự phối hợp giữa các sở ngành, khả năng truy cập thông tin và mức độ số hóa. Các dự án công nghệ cao, năng lượng sạch hoặc sản xuất đạt chuẩn ESG thường cần nhiều giấy phép kỹ thuật. Nếu thủ tục phân tán, nhà đầu tư sẽ đánh giá rủi ro triển khai cao. Vì vậy, môi trường đầu tư xanh phải là môi trường thủ tục nhanh nhưng không dễ dãi, minh bạch nhưng không hình thức.

+ Thời gian xử lý hồ sơ: Thời gian càng ngắn thì chứng tỏ môi trường đầu tư càng có tính cạnh tranh.

+ Mức độ số hóa quy trình.

+ Tính minh bạch, mức độ giảm chi phí tuân thủ.

- Công cụ ưu đãi và hỗ trợ có điều kiện xanh: mức độ ưu đãi thuế, đất đai, hạ tầng, tín dụng ưu đãi.

- Mức độ sẵn sàng hạ tầng xanh: Hạ tầng xanh không chỉ là cây xanh trong khu công nghiệp. Nó bao gồm điện ổn định và có khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo, hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn, cấp nước bền vững, hạ tầng quản lý chất thải, logistics kết nối cảng biển và đường bộ, hạ tầng số, hạ tầng quan trắc môi trường và dịch vụ kiểm định. Các công trình về khu công nghiệp sinh thái đều cho thấy hạ tầng dùng chung và cộng sinh công nghiệp giúp giảm chi phí tuân thủ và tăng hấp dẫn đầu tư xanh.

(iii) Nhóm tiêu chí về quy trình sàng lọc, lựa chọn và giám sát dự án FDI xanh

Quy trình sàng lọc, lựa chọn và giám sát dự án FDI xanh giúp loại bỏ các dự án có rủi ro sinh thái cao, tạo sân chơi bình đẳng, ngăn chặn sự cạnh tranh không

lành mạnh từ các doanh nghiệp gây ô nhiễm để cắt giảm chi phí sản xuất. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Cơ chế sàng lọc xanh trước cấp phép: đánh giá tác động môi trường, tiêu chí công nghệ, tiêu chí phát thải, tiêu chí sử dụng tài nguyên, rủi ro ô nhiễm.
- Giám sát, thanh tra, hậu kiểm theo rủi ro: tần suất, chất lượng kiểm tra, xử lý vi phạm môi trường, cơ chế cảnh báo sớm.

(iv) Nhóm tiêu chí về thực hành xanh và vai trò của lãnh đạo

Vai trò của lãnh đạo thể hiện “quyết tâm chính trị” dài hạn của chính quyền địa phương, kích cầu địa phương cho sản phẩm thân thiện với môi trường thông qua mua sắm công xanh, đồng thời giảm thiểu rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng do thiên tai gây ra. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Tầm nhìn và tính tiên phong của chính quyền cấp tỉnh trong thực hành xanh. Đánh giá thông qua tỷ lệ ngân sách của tỉnh dành cho bảo vệ môi trường.
- Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như dịch vụ tư vấn môi trường, hỗ trợ pháp lý xanh...
- Tính minh bạch môi trường và trách nhiệm xã hội. Các dự án xanh phải được cộng đồng tin cậy. Chính quyền cần công khai thông tin môi trường ở mức phù hợp, tổ chức đối thoại với cộng đồng, xử lý khiếu nại và theo dõi thực hiện cam kết.

Các tiêu chí có thể được đánh giá thông qua Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) do Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố từ năm 2023.

(v) Nhóm tiêu chí về phát triển chuỗi và liên kết hệ sinh thái

Sự liên kết hệ sinh thái chặt chẽ giúp chuyển tải các yêu cầu về ESG và sản xuất có trách nhiệm đến các nhà cung cấp nội địa, ngăn ngừa đứt gãy chuỗi giá trị và thúc đẩy “Vàng hào quang ô nhiễm” lan tỏa công nghệ sạch. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Mức độ hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ thân thiện môi trường. Nhà đầu tư xanh thường cần nhà cung cấp đạt chuẩn chất lượng và môi trường. Nếu doanh nghiệp địa phương chưa đủ năng lực, dự án FDI phải nhập khẩu đầu vào hoặc mua từ địa phương khác, làm giảm lan tỏa. Vì vậy, chính quyền cấp

tỉnh cần chương trình nâng cấp doanh nghiệp hỗ trợ, chuẩn hóa quản lý chất lượng, hỗ trợ kiểm toán năng lượng, chứng nhận môi trường và kết nối mua hàng giữa FDI với doanh nghiệp nội địa. Đánh giá tiêu chí thông qua phân tích chính sách thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành của tỉnh.

- Cơ chế khuyến khích liên kết công nghệ và đào tạo nhân lực xanh giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. FDI xanh đòi hỏi kỹ sư, công nhân kỹ thuật, chuyên gia môi trường, cán bộ quản lý năng lượng, nhân lực dữ liệu, nhân lực kiểm định và dịch vụ tư vấn ESG. Địa phương có trường nghề, đại học, cơ sở đào tạo và cơ chế đào tạo theo đơn đặt hàng sẽ có lợi thế hơn địa phương chỉ có lao động phổ thông. Đánh giá tiêu chí thông qua phân tích các hình thức liên kết trong hoạt động FDI xanh (liên doanh, liên kết); Mức độ phát triển chuỗi, hình thành các khu công nghiệp phụ trợ; Liên kết trong hệ thống quản trị điều hành (CEO) giữa DN trong và ngoài nước; Mức độ đào tạo nâng cao kỹ năng của người lao động trong khu vực FDI xanh.

2.2.4.2. Hệ thống tiêu chí định lượng đánh giá thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

Các tiêu chí định lượng tập trung đo lường kết quả đầu ra và tác động của vốn FDI xanh đến phát triển bền vững của tỉnh. Các chỉ tiêu đo lường được bằng số liệu thống kê cụ thể thông qua các công bố. Hệ thống chỉ tiêu định lượng này được thiết kế tương thích với bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, áp dụng đối với các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, bao gồm 42 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí xanh đóng vai trò cốt lõi ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 18/02/2025 của Chính phủ.

(i) Nhóm tiêu chí về quy mô và cơ cấu dòng vốn FDI xanh

Tiêu chí đầu tiên là quy mô và tốc độ tăng vốn FDI xanh, gồm vốn đăng ký, vốn tăng thêm, góp vốn mua cổ phần nếu có, và vốn thực hiện. Tuy nhiên, vốn đăng ký cần được phân tích cùng vốn thực hiện vì dự án xanh thường có vòng đời dài và phụ thuộc lớn vào hạ tầng. Một tỉnh có nhiều vốn đăng ký nhưng giải ngân thấp vẫn chưa thể coi là thành công thực chất.

- *Quy mô vốn đăng ký*: là tổng số vốn góp bằng tiền hoặc tài sản hợp pháp, lợi nhuận để lại và các hình thức vốn khác do nhà đầu tư nước ngoài cam kết đưa vào địa phương để tiến hành hoạt động đầu tư. Vốn đăng ký gồm vốn cam kết của nhà đầu tư nước ngoài theo giấy phép cấp mới (đối với các dự án thực hiện lần đầu hoặc dự án độc lập với các dự án đang hoạt động mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong kỳ); và vốn cấp bổ sung (đối với các dự án đầu tư nhằm mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường của dự án đầu tư hiện có đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong các năm trước). Quy mô vốn đăng ký cho biết sức hấp dẫn của môi trường đầu tư cũng như mức độ tin cậy của nhà đầu tư đối với địa phương tiếp nhận vốn FDI xanh.

- *Quy mô vốn thực hiện*: là số vốn thực tế do các doanh nghiệp FDI xanh đã đầu tư tại địa phương tiếp nhận vốn, bao gồm chi phí xây dựng các công trình, nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị... Quy mô vốn thực hiện thể hiện tính hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư, cơ chế quản lý nhà nước, cũng như hiệu lực thực thi của các văn bản pháp luật. Về mặt lý thuyết, vốn FDI xanh thực hiện nhỏ hơn vốn FDI xanh đăng ký của dự án.

Quy mô vốn FDI xanh đăng ký và thực hiện càng lớn thể hiện địa phương đó thu hút vốn FDI xanh càng tốt. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa quy mô vốn đăng ký và vốn thực hiện cho thấy mức độ thực hiện của hoạt động đầu tư trong năm đó. Khoảng cách đó được thể hiện thông qua tỷ lệ giải ngân. Đó là tỷ lệ phần trăm của vốn FDI thực hiện trên tổng vốn FDI đăng ký theo thời gian nhất định, được tính bằng công thức:

$$\text{Tỷ lệ giải ngân} = \frac{\text{Quy mô vốn thực hiện}}{\text{Quy mô vốn đăng ký}} \times 100\%$$

Tỷ lệ giải ngân lớn cho thấy sự thống nhất giữa cam kết và thực hiện của hoạt động đầu tư. Ngược lại, tỷ lệ nhỏ cho thấy có những vấn đề nảy sinh trong quá trình giải ngân vốn như thủ tục hành chính, sự lưỡng lự của nhà đầu tư khi bắt tay vào hoạt động đầu tư, hay điều kiện toàn cầu và khu vực có biến động...

Ngoài ra, còn có chỉ tiêu quy mô vốn trên một dự án đầu tư đánh giá độ lớn của các dự án FDI xanh tại địa phương tiếp nhận vốn đầu tư. Quy mô vốn FDI xanh đăng ký và thực hiện được tính theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Quy mô vốn FDI xanh đăng ký} &= \frac{\text{Quy mô vốn FDI xanh đăng ký}}{\text{Số dự án}} \times 100\% \\ \text{Quy mô vốn FDI xanh thực hiện} &= \frac{\text{Quy mô vốn FDI xanh thực hiện}}{\text{Số dự án}} \times 100\% \end{aligned}$$

Quy mô vốn FDI xanh cho biết phản ứng của nhà đầu tư nước ngoài (tăng cường đầu tư, bổ sung vốn, hoặc thoái vốn) trước những thay đổi về chính sách, môi trường đầu tư của nước sở tại và của địa phương tiếp nhận vốn đầu tư.

- *Cơ cấu vốn*: Tiêu chí thứ hai là cơ cấu FDI xanh theo ngành và lãnh thổ, đây là chỉ tiêu thể hiện sự cân bằng trong xu thế phát triển của dòng vốn FDI xanh. Tỉnh cần đo tỷ trọng dự án và vốn FDI xanh trong tổng FDI, tỷ trọng vào ngành công nghệ cao, năng lượng sạch, sản xuất ít phát thải, nông nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ xanh, logistics xanh, dịch vụ môi trường. Đồng thời, cần đo phân bố theo khu kinh tế, khu công nghiệp và các vùng phát triển. Cơ cấu vốn FDI xanh có thể được phân theo các tiêu chí về đối tác đầu tư, ngành kinh tế, vùng kinh tế.

Cơ cấu vốn FDI xanh đăng ký/thực hiện phân theo đối tác đầu tư thể hiện bằng số lượng các nước có vốn đầu tư vào địa phương có gắn với vị thế của các nước đó trong nền kinh tế thế giới.

Cơ cấu vốn FDI xanh đăng ký/thực hiện phân theo ngành kinh tế: Các lĩnh vực đầu tư của FDI xanh rất đa dạng, từ sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, sản xuất nông - lâm - thủy sản và lĩnh vực dịch vụ.

Cơ cấu vốn FDI xanh đăng ký, thực hiện chia theo vùng kinh tế: Phần lớn các dự án FDI thu hút được thường tập trung ở các đô thị lớn, vùng có cơ sở hạ tầng, điều kiện phát triển kinh tế thuận lợi, trình độ nhân lực phát triển tạo ra sự thiếu đồng bộ cho thấy mức độ kém hiệu quả nguồn vốn này.

(ii) *Nhóm tiêu chí đánh giá đóng góp kinh tế và hiệu quả hoạt động*

Đây là các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả thu hút vốn FDI xanh tập trung đánh giá hiệu quả nguồn vốn và mức độ tích hợp của vốn FDI xanh vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh. Các chỉ tiêu bao gồm:

- Đóng góp vào tổng đầu tư xã hội: là tỷ lệ phần vốn FDI xanh trong tổng nguồn vốn đầu tư xã hội của nước chủ nhà. Vốn FDI xanh tăng làm tăng tổng nguồn vốn đầu tư xã hội, đồng thời tạo ra tác động tràn đến đầu tư nội địa, thị trường lao động, và công nghệ của nước chủ nhà. Do đó, đóng góp của vốn FDI xanh vào tổng đầu tư toàn xã hội càng cao càng cho thấy hiệu quả kinh tế của FDI là lớn.

$$\text{Đóng góp của FDI xanh vào tổng đầu tư xã hội} = \frac{\text{Quy mô vốn FDI xanh thực hiện}}{\text{Tổng NV đầu tư XH}} \times 100\%$$

- Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế: được thể hiện qua tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI xanh vào GDP của quốc gia.

$$\text{Đóng góp của FDI xanh vào tăng trưởng kinh tế} = \frac{\text{GDP của khu vực FDI xanh}}{\text{Tổng GDP cả nước}} \times 100\%$$

Đóng góp vào GDP lớn là một trong những dấu hiệu quan trọng để nhận biết hiệu quả kinh tế cao của khu vực FDI xanh.

- Tác động của FDI xanh đối với cán cân thanh toán địa phương: được thể hiện thông qua giá trị xuất khẩu ròng của khu vực FDI xanh (Xuất khẩu trừ đi Nhập khẩu), thể hiện năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và mức độ đóng góp vào nguồn thu ngoại tệ của tỉnh.

(iii) Nhóm tiêu chí đánh giá tác động xã hội và lan tỏa công nghệ

Là nhóm chỉ tiêu đo lường mức độ chuyển giao công nghệ sạch, chất lượng việc làm và mối liên kết giữa khu vực FDI xanh và khu vực tư nhân trong nước. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- Tỷ lệ lao động khu vực FDI xanh: thể hiện thông qua số lượng việc làm mà khu vực FDI xanh tạo ra trong tương quan với các khu vực kinh tế khác, thông thường được xác định bằng tỷ lệ phần trăm trong tổng lao động có việc làm trong các ngành kinh tế.

$$\text{Tỷ lệ lao động tạo ra của khu vực FDI xanh} = \frac{\text{Số LĐ trong khu vực FDI xanh}}{\text{Tổng LĐ cả vùng}} \times 100\%$$

Tỷ lệ lao động tạo ra của khu vực FDI xanh cao cho biết dòng vốn FDI xanh có chất lượng tốt trong việc tạo công ăn việc làm tại khu vực đầu tư.

- Mức độ chuyển giao công nghệ: Được thể hiện thông qua (i) số hợp đồng chuyển giao công nghệ tại nước sở tại; (ii) tỷ trọng các dự án đầu tư đến từ các nước nắm giữ công nghệ nguồn (như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ...); (iii) mức độ hiện đại và cập nhật của các công nghệ được chuyển giao; (iv) chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của khu vực FDI ; (v) tỷ lệ nội địa hóa. Các chỉ tiêu này càng cao càng cho thấy mức độ chuyển giao công nghệ lớn của các doanh nghiệp FDI xanh vào nước sở tại.

- Liên kết của khu vực FDI xanh với doanh nghiệp trong nước: Đo lường qua tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu đầu vào được sản xuất trong nước và tỷ lệ tổ chức kinh tế có vốn FDI liên kết trực tiếp với nhà sản xuất, nhà cung ứng nội địa.

(iv) Nhóm tiêu chí đánh giá tác động đến môi trường

Đây là nhóm chỉ tiêu mang tính định lượng sinh thái cốt lõi, là ranh giới phân định rõ nét giữa tăng trưởng truyền thống và tăng trưởng xanh của tỉnh.

- Tỷ lệ doanh nghiệp FDI không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường: thể hiện tính hiệu quả trong công tác thực thi pháp lý môi trường của chính quyền cấp tỉnh, tiêu chí này được ước lượng bằng tỷ trọng như sau:

$$\text{Tỷ lệ DN FDI gây ô nhiễm môi trường} = \frac{\text{SLDN FDI không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường}}{\text{Tổng số DN FDI}} \times 100\%$$

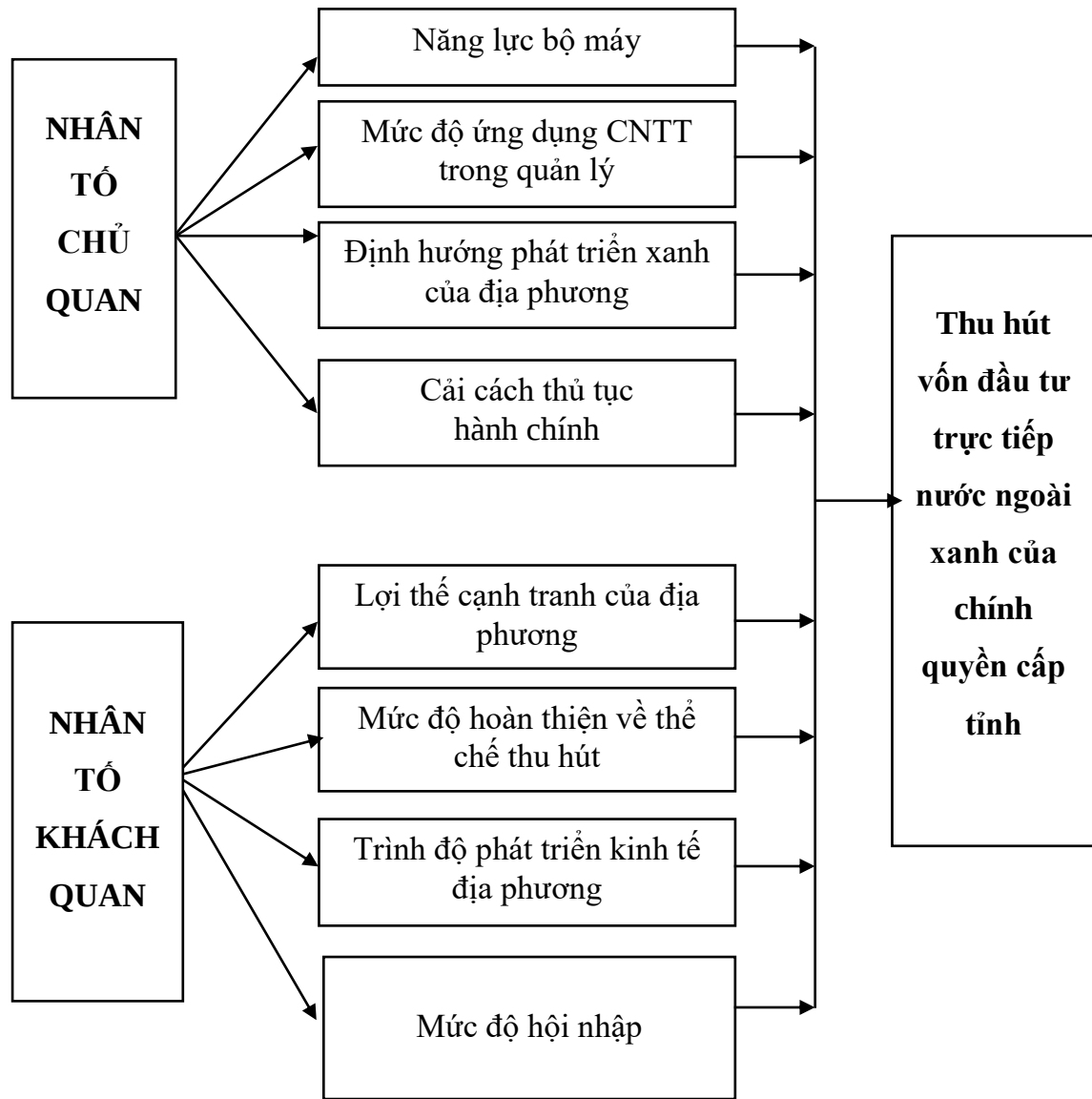
- Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng: Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp FDI có áp dụng quy trình công nghệ và giải pháp tiết kiệm năng lượng trong tổng số doanh nghiệp hoạt động

- Tỷ lệ doanh nghiệp FDI đạt chứng nhận quản lý môi trường: đo lường sự chuẩn hóa về hệ thống quản lý môi trường của các doanh nghiệp FDI, thể hiện qua công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ DN FDI đạt chứng nhận quản lý môi trường} = \frac{\text{SLDN FDI đạt chứng nhận quản lý môi trường}}{\text{Tổng số DN FDI}} \times 100\%$$

- Chi phí bảo vệ và phục hồi môi trường: Định lượng số tiền chi trả thực tế hàng năm của các doanh nghiệp FDI xanh cho hoạt động cải tạo môi trường.

2.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh



Sơ đồ 2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của chính quyền cấp tỉnh

Nguồn: Đề xuất của tác giả

2.2.5.1. Nhân tố chủ quan

Nhân tố chủ quan là các yếu tố thuộc về năng lực, nhận thức, hành động và điều kiện nội tại của chính quyền cấp tỉnh trong quá trình thu hút vốn FDI xanh. Đây là nhóm nhân tố có thể điều chỉnh thông qua chính sách, cải cách hành chính và phân bổ nguồn lực của chính quyền địa phương.

Một là: Năng lực của bộ máy quản lý chính quyền cấp tỉnh

Năng lực bộ máy quản lý của chính quyền cấp tỉnh ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thu hút vốn FDI xanh thông qua bốn khâu then chốt. Trước hết, năng lực điều hành và phối hợp liên ngành quyết định mức độ minh bạch, nhất quán và tính dự báo của môi trường đầu tư, qua đó làm giảm chi phí giao dịch và rủi ro chính sách đối với nhà đầu tư xanh. Thứ hai, năng lực tham mưu và pháp chế chi phối chất lượng ban hành chính sách ưu đãi, thể hiện ở khả năng thiết kế ưu đãi đúng trọng tâm và gắn với điều kiện xanh, đồng thời bảo đảm tính khả thi và ổn định trong thực thi. Thứ ba, năng lực tổ chức xúc tiến đầu tư quyết định mức độ hiệu quả của hoạt động kết nối nhà đầu tư, thông qua lựa chọn thị trường, chuẩn bị danh mục dự án, cung cấp thông tin và cơ chế hỗ trợ theo hồ sơ dự án. Cuối cùng, năng lực chuyên môn và giám sát quyết định hiệu quả sàng lọc dự án, giúp nhận diện và loại bỏ rủi ro greenwashing, bảo đảm dự án đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ và môi trường trong suốt vòng đời vận hành; qua đó nâng cao chất lượng, tính bền vững và uy tín điểm đến của vốn FDI xanh của địa phương.

Hai là: Mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý của chính quyền địa phương

Mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý của chính quyền cấp tỉnh tác động đến thu hút vốn FDI xanh thông qua việc giảm chi phí giao dịch, tăng minh bạch và tính dự báo, nâng chất lượng ra quyết định dựa trên dữ liệu, và tăng năng lực giám sát tuân thủ xanh, từ đó ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn FDI xanh trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ giúp số hóa và chuẩn hóa thủ tục, triển khai một cửa điện tử, theo dõi tiến độ hồ sơ, công khai quy trình và thời hạn xử lý, từ đó giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế chi phí không chính thức và tăng niềm tin của nhà đầu tư. Đồng thời, kết nối dữ liệu giữa các sở ngành làm giảm tình trạng chồng chéo, “đứt gãy” trong phê duyệt đất đai, xây dựng, môi trường, qua đó nâng cao tính nhất quán của môi trường đầu tư đối với các dự án xanh vốn có yêu cầu tuân thủ cao. Bên cạnh đó, khi có hạ tầng dữ liệu và công cụ phân tích, chính quyền có thể thiết kế ưu đãi theo hướng “đúng mục tiêu”, gắn với tiêu chí xanh đo lường được (công nghệ, suất tiêu hao năng lượng, phát thải, tuần hoàn), đồng thời mô phỏng tác động chính sách và kiểm soát chi phí ưu đãi. Công nghệ nâng hiệu quả xúc tiến thông qua cơ sở dữ liệu dự án và quỹ đất, cổng thông tin đầu tư đa ngôn

ngữ, bản đồ số hạ tầng KCN và dịch vụ hỗ trợ, CRM theo dõi nhà đầu tư tiềm năng, và kênh tương tác trực tuyến. Cuối cùng, mức độ ứng dụng công nghệ giúp xây dựng bộ tiêu chí sàng lọc định lượng, tích hợp dữ liệu môi trường đất đai quy hoạch, và triển khai hệ thống giám sát hậu kiểm (báo cáo điện tử, theo dõi KPI xanh, cảnh báo rủi ro). Khi thông tin được cập nhật và liên thông, chính quyền có thể thẩm định nhanh nhưng chặt, phát hiện dấu hiệu greenwashing và kiểm soát tuân thủ trong quá trình vận hành.

Ba là: Định hướng phát triển xanh của địa phương

Định hướng phát triển xanh của địa phương ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI xanh vì nó tạo ra “tín hiệu chiến lược” về mức độ cam kết, ưu tiên ngành và chuẩn mực môi trường, từ đó dẫn dắt hành vi lựa chọn địa điểm của nhà đầu tư. (i) Thông qua tạo lập môi trường đầu tư, định hướng xanh giúp tỉnh thiết lập khuôn khổ quy hoạch và quản trị phát triển theo hướng minh bạch và nhất quán, đồng bộ hóa quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng khu công nghiệp và tiêu chuẩn môi trường, qua đó làm giảm rủi ro chính sách và tăng tính dự báo cho dự án xanh. (ii) Thông qua ban hành chính sách ưu đãi, định hướng xanh định hình cách thiết kế ưu đãi theo hướng có trọng tâm và có điều kiện, ưu tiên các dự án ít phát thải, công nghệ sạch, kinh tế tuần hoàn, đồng thời gắn ưu đãi với cam kết thực hiện và kết quả môi trường để hạn chế tình trạng “xanh hóa hình thức”. (iii) Thông qua tổ chức xúc tiến đầu tư, định hướng xanh giúp địa phương xác định rõ thị trường mục tiêu và đối tác phù hợp, chuẩn bị danh mục dự án xanh khả thi, truyền thông nhất quán về lợi thế chuyển đổi xanh và năng lực hạ tầng xanh, từ đó nâng tỷ lệ chuyển đổi từ tiếp xúc sang quyết định đầu tư. (iv) Thông qua sàng lọc dự án, định hướng xanh cung cấp tiêu chí lựa chọn và chuẩn mực đánh giá ngay từ đầu vào, giúp loại bỏ dự án công nghệ lạc hậu hoặc rủi ro môi trường, đồng thời tạo nền tảng cho cơ chế giám sát và hậu kiểm trong suốt vòng đời dự án, qua đó nâng cao chất lượng và tính bền vững của dòng vốn FDI xanh.

Bốn là: Mức độ cải cách thủ tục hành chính của chính quyền địa phương cấp tỉnh

Mức độ cải cách thủ tục hành chính của chính quyền địa phương cấp tỉnh ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn FDI xanh vì cải cách làm giảm chi phí giao dịch,

tăng tính minh bạch và tính dự báo, qua đó nâng cao niềm tin của nhà đầu tư đối với một nhóm dự án có yêu cầu tuân thủ cao như FDI xanh. Cải cách thủ tục giúp chuẩn hóa quy trình, công khai tiêu chuẩn, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và tăng tính liên thông giữa các sở ngành, từ đó giảm “độ ma sát thể chế” trong các khâu nhạy cảm như đất đai, xây dựng, môi trường, đấu nối hạ tầng. Cải cách thủ tục giúp ưu đãi trở nên khả thi và đáng tin cậy hơn nhờ quy trình xét duyệt rõ ràng, đầu mối trách nhiệm cụ thể và cơ chế giải quyết nhanh vướng mắc, đồng thời giảm tình trạng ưu đãi tồn tại trên văn bản nhưng khó tiếp cận trong thực tiễn, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư, cải thiện khả năng phản hồi và đồng hành theo hồ sơ dự án, giúp tăng tỷ lệ chuyển đổi từ tiếp xúc sang quyết định đầu tư, đặc biệt đối với các nhà đầu tư xanh thường coi trọng chuẩn mực quản trị và tính minh bạch, đồng thời tăng hiệu quả sàng lọc bằng cách xác lập tiêu chí rõ ràng, quy trình thẩm định nhất quán và cơ chế hậu kiểm khả thi, nhờ đó vừa rút ngắn thời gian ra quyết định vừa hạn chế rủi ro.

2.2.5.2. Nhân tố khách quan

Nhân tố khách quan là những yếu tố bên ngoài hoặc vượt quá khả năng kiểm soát trực tiếp của chính quyền cấp tỉnh, nhưng có tác động quan trọng đến khả năng thu hút vốn FDI xanh. Các nhân tố này tạo ra bối cảnh, cơ hội hoặc ràng buộc đối với hoạt động thu hút đầu tư của địa phương.

Một là: Lợi thế cạnh tranh trong thu hút vốn FDI xanh của địa phương

Lợi thế cạnh tranh của địa phương trong thu hút vốn FDI xanh (bao gồm vị trí, hạ tầng và KCN xanh, chất lượng nhân lực, năng lực cung ứng và liên kết chuỗi, chất lượng thể chế, hình ảnh điểm đến xanh...) tác động đến khả năng thu hút vốn FDI xanh thông qua việc nâng cao chất lượng và hiệu quả tạo lập môi trường đầu tư, tính hoàn thiện, hiện đại trong việc ban hành chính sách ưu đãi, năng lực xúc tiến đầu tư và khả năng sàng lọc dự án xanh của chính quyền địa phương. Lợi thế cạnh tranh giúp địa phương hình thành môi trường đầu tư có tính hấp dẫn và độ tin cậy cao nhờ hạ tầng đồng bộ, dịch vụ công hiệu quả, mặt bằng sạch và hệ sinh thái hỗ trợ sản xuất ít phát thải, qua đó làm giảm chi phí triển khai và rủi ro vận hành của dự án xanh; tạo điều kiện để ưu đãi được thiết kế theo hướng “đúng và đủ”, tập

trung vào các nút thắt của dự án xanh như hạ tầng môi trường, năng lượng sạch, logistics xanh và đào tạo kỹ năng, đồng thời giúp địa phương giảm lệ thuộc vào ưu đãi dần trải bằng cách dựa nhiều hơn vào chất lượng nền tảng cạnh tranh. Lợi thế cạnh tranh làm tăng sức thuyết phục của thông điệp xúc tiến và khả năng “chốt” dự án, vì địa phương có câu chuyện giá trị rõ ràng, danh mục dự án khả thi, đối tác cung ứng phù hợp và năng lực hỗ trợ triển khai nhanh, đồng thời giúp địa phương nâng chuẩn lựa chọn dự án và thực thi sàng lọc chặt chẽ hơn mà vẫn giữ được sức hấp dẫn, qua đó ưu tiên dự án công nghệ sạch, phát thải thấp, giá trị gia tăng cao và loại bỏ dự án rủi ro môi trường.

Hai là: Mức độ hoàn thiện về thể chế thu hút cấp tỉnh

Mức độ hoàn thiện của thể chế ở cấp tỉnh ảnh hưởng quyết định đến khả năng thu hút vốn FDI xanh vì thể chế càng rõ ràng, ổn định và có khả năng thực thi thì càng giảm bất định, giảm chi phí tuân thủ và tăng độ tin cậy đối với nhóm nhà đầu tư nhạy cảm với chuẩn mực môi trường và quản trị. Thể chế hoàn thiện giúp hình thành môi trường minh bạch và dự đoán được nhờ hệ thống quy định, quy trình và trách nhiệm được chuẩn hoá, hạn chế chồng chéo trong đất đai, quy hoạch, môi trường và xây dựng, từ đó giảm rủi ro chính sách và chi phí giao dịch cho dự án xanh. Thể chế hoàn thiện bảo đảm ưu đãi được thiết kế có căn cứ pháp lý, có điều kiện xanh rõ ràng và có cơ chế triển khai khả thi. Hệ thống pháp luật là hành lang pháp lý đảm bảo cho các hoạt động đầu tư, hệ thống pháp luật càng thông thoáng, đầy đủ chặt chẽ thì môi trường đầu tư càng thuận lợi, đặc biệt sự phù hợp thông lệ quốc tế vừa mềm dẻo, hấp dẫn cũng là điều kiện quan trọng để thu hút vốn FDI xanh.

Ba là: Trình độ phát triển kinh tế của địa phương

Trình độ phát triển kinh tế của địa phương thường tác động cùng chiều đến mức độ hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nhân lực và chất lượng tạo lập môi trường đầu tư. Khi quy mô và mức độ phức tạp của nền kinh tế gia tăng, địa phương vừa có động lực cải cách mạnh hơn vừa có nguồn lực lớn hơn để chuyên nghiệp hoá bộ máy, chuẩn hoá quy trình và nâng hiệu lực thực thi, qua

đó củng cố tính minh bạch, ổn định và nhất quán của thể chế. Đồng thời, năng lực huy động và phân bổ nguồn lực được cải thiện tạo điều kiện đầu tư đồng bộ hạ tầng kinh tế, xã hội và hạ tầng số, giảm chi phí logistics và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Trên nền tảng đó, thị trường lao động phát triển hơn thúc đẩy tích lũy vốn nhân lực thông qua mở rộng đào tạo, thu hút và giữ chân lao động kỹ năng, nâng cao năng lực tiếp nhận công nghệ. Sự cải thiện đồng thời của thể chế, hạ tầng và nhân lực làm tăng tính dự báo và hiệu quả dịch vụ công, qua đó nâng cao chất lượng môi trường đầu tư và củng cố sức hấp dẫn của địa phương đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là các dự án đòi hỏi chuẩn mực quản trị và tuân thủ cao.

Bốn là: Hội nhập quốc tế

Mức độ hội nhập quốc tế của quốc gia và của địa phương tác động có hệ thống đến khả năng thu hút vốn FDI xanh ở cấp tỉnh thông qua việc tái cấu trúc không gian thể chế, thị trường và chuẩn mực phát triển theo hướng tiệm cận các tiêu chuẩn toàn cầu góp phần mở rộng thị trường, nâng chuẩn thể chế và lan toả công nghệ. Ở cấp địa phương, hội nhập thể hiện qua mức độ kết nối với đối tác quốc tế, năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và chất lượng logistics, giúp giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng hình thành hệ sinh thái cung ứng phù hợp với yêu cầu ESG và truy xuất nguồn gốc. Tổng hợp lại, hội nhập vừa tạo lực kéo thị trường vừa tạo lực ép chuẩn mực, khiến nhà đầu tư có xu hướng lựa chọn các tỉnh có năng lực hấp thụ và thực thi tốt hơn về thể chế, hạ tầng, nhân lực và giám sát tuân thủ xanh, từ đó nâng cao khả năng thu hút FDI xanh.

2.3. KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI TỈNH NGHỆ AN

2.3.1. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại một số địa phương

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với những thách thức lớn về biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng, dòng vốn FDI có sự dịch chuyển mạnh mẽ sang các lĩnh vực kinh tế xanh, năng lượng tái tạo và chuỗi cung ứng bền vững. Các địa phương như Quảng Ninh, Thanh Hoá đã sớm nhận diện xu hướng và có những chiến lược đón đầu làn sóng đầu tư này.

2.3.1.1. Kinh nghiệm của Thanh Hoá

Thanh Hoá là địa phương thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, có vị trí chiến lược kết nối Bắc Bộ và Trung Bộ, phía Bắc giáp Ninh Bình, Phú Thọ, phía Tây giáp Sơn La và Lào, phía Nam giáp Nghệ An, phía đông giáp biển Đông. Thanh Hóa là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Nghệ An trong thu hút vốn FDI xanh và là địa phương láng giềng có nhiều điểm tương đồng với Nghệ An về vị trí địa lý, quy mô dân số, tiềm năng kinh tế. Thanh Hoá có diện tích: 11.115 km² (năm 2024), lớn thứ 5 cả nước sở hữu đa dạng gồm miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển với đường bờ biển dài 102 km. Tốc độ tăng trưởng cao và quy mô nền kinh tế ngày càng lớn, là minh chứng về sự đột phá của Thanh Hoá, với những con số ấn tượng: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 10,24%. Quy mô GRDP năm 2025 ước đạt 357.760 tỉ đồng, gấp 1,9 lần năm 2020, cao nhất các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và đứng thứ 8 cả nước; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 3.750 USD/người, gấp 1,7 lần năm 2020 [41].

Đánh giá về thu hút vốn FDI xanh, Thanh Hóa là trường hợp điển hình về chuyển đổi nền tảng FDI công nghiệp quy mô lớn sang định hướng xanh. Tính đến tháng 01/2026, có 192 dự án còn hiệu lực với các nhà đầu tư đến từ 21 quốc gia và vùng lãnh thổ, tổng vốn đăng ký 16 tỉ USD, đứng thứ 9 cả nước [49]. Các tập đoàn lớn đầu tư hạ tầng KCN, tạo nền tảng đón dòng vốn FDI chất lượng cao như Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) đang triển khai KCN Thăng Long Thanh Hoá với quy mô 167 ha, tổng vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng (khoảng 115,8 triệu USD). KCN kỳ vọng là cơ sở hạ tầng hiện đại và tiêu chuẩn môi trường khắt khe sẽ thu hút các doanh nghiệp Nhật Bản có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Song hành với việc củng cố nền tảng, Thanh Hoá đang nỗ lực tạo dựng “cú hích” mới thông qua chuyển đổi sang mô hình công nghiệp xanh. Điểm nổi bật là cơ cấu dự án đã có sự chuyển dịch rõ rệt, không chỉ tập trung vào công nghiệp nặng như điện, xi măng hay thép mà mở rộng sang công nghệ cao, vật liệu xây dựng mới - phản ánh xu thế chuyển đổi sản xuất bền vững.

Lĩnh vực năng lượng tái tạo cũng đang được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm và định hướng nghiên cứu một cách bài bản. Điển hình như Tập đoàn Geo (CHLB

Đức) đã ký biên bản ghi nhớ với UBND tỉnh Thanh Hoá về việc khảo sát và nghiên cứu đầu tư nhà máy điện gió tại KKTNS. Theo đó, tập đoàn này đang mong muốn phát triển dự án năng lượng gió quy mô lớn, đồng thời hợp tác xây dựng trung tâm đào tạo kỹ thuật điện gió nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ. Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh đã thu hút thêm 2 dự án FDI có tổng vốn đăng ký 173,8 triệu USD. Trong đó, Dự án KCN Thăng Long Thanh Hoá (giai đoạn 1) do Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) đầu tư, quy mô 167ha, tổng vốn 115,8 triệu USD; Dự án KCN WHA Smart Technology 2 - Thanh Hoá do Tập đoàn WHA (Thái Lan) đầu tư, quy mô 174,9ha, vốn 58 triệu USD. Các KCN này được quy hoạch theo định hướng xanh và hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong quản lý năng lượng và môi trường. Ngoài ra, Dự án staBOO của Công ty cổ phần staBOO Thanh Hoá với vốn đầu tư từ Thụy Sĩ là dự án nhà máy sản xuất ván tre ép công nghiệp, sản phẩm vật liệu xanh thay thế gỗ tự nhiên có nhu cầu lớn trên thị trường quốc tế.

Để đạt được những thành tựu trên, Chính quyền tỉnh Thanh Hoá đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việc đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông - logistics cũng được đẩy mạnh nhằm tăng cường khả năng kết nối vùng và năng lực cạnh tranh trong thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới. Cụ thể:

Một là: Tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh

Môi trường thu hút vốn FDI xanh được tạo lập theo 3 lớp: (i) Lớp thể chế điều hành: duy trì thông điệp phát triển theo hướng “chọn lọc dự án, ưu tiên chất lượng”, nhờ đó hình thành kỳ vọng ổn định của nhà đầu tư về định hướng xanh và mức độ nghiêm túc thực thi. Khi kỳ vọng ổn định, nhà đầu tư sẵn sàng “đầu tư dài hạn” (vốn lớn, công nghệ cao, tiêu chuẩn môi trường cao) thay vì dự án ngắn hạn, tận dụng lao động giá rẻ; (ii) Lớp hạ tầng và không gian công nghiệp: Thanh Hoá chuẩn bị mặt bằng phát triển theo cụm, gắn với hạ tầng logistics, năng lượng, xử lý môi trường, giúp giảm chi phí tuân thủ xanh cho doanh nghiệp. Về bản chất, “xanh hoá thu hút vốn FDI” không chỉ là tiêu chí môi trường, mà là giảm tổng chi phí vòng đời tuân thủ (nước, điện, xử lý chất thải, báo cáo ESG, kiểm toán môi trường); (iii) Lớp dịch vụ công và chi phí giao dịch: cải cách thủ tục, đẩy mạnh nhiều hình

thức xúc tiến đầu tư đa dạng, từ xúc tiến tại chỗ đến quốc tế, trong đó đặc biệt chú trọng xúc tiến đầu tư chất lượng, có chọn lọc. Cùng với đó là cải cách thủ tục hành chính, triển khai hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, dịch vụ công trực tuyến toàn trình... nhằm tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và hiệu quả.

Hai là: Ban hành chính sách ưu đãi đầu tư hướng xanh

Kinh nghiệm của Thanh Hoá là dịch chuyển từ ưu đãi đại trà sang ưu đãi có điều kiện, tức ưu đãi được “mã hoá” bằng các chuẩn đầu vào và đầu ra xanh. Thực chất là biến ưu đãi thành công cụ điều tiết cấu trúc FDI, cụ thể: (i) Ưu đãi gắn điều kiện: ưu đãi về đất đai, hạ tầng, hỗ trợ thủ tục... được thiết kế theo logic “đổi ưu đãi lấy cam kết”: công nghệ sạch hơn, tiêu hao năng lượng thấp hơn, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị chất thải, chứng chỉ/tiêu chuẩn môi trường, báo cáo ESG. Cách làm này tạo ra cơ chế tự sàng lọc: nhà đầu tư không đáp ứng được cam kết sẽ tự rút; (ii) Ưu đãi theo hành vi xanh chứ không chỉ theo ngành: thay vì chỉ ưu đãi theo “ngành ưu tiên”, kinh nghiệm tốt là ưu đãi theo “hành vi/chuỗi giá trị xanh” (tỷ lệ tái chế, tiết kiệm nước, giảm phát thải, sản phẩm phục vụ chuyển dịch xanh...). Các chính sách thu hút vốn FDI xanh của Thanh Hoá tập trung giải quyết các vấn đề mà nhà đầu tư xanh quan tâm như: Mặt bằng sạch, ưu đãi tài chính, chiến lược tăng trưởng. Vấn đề đất đai được Thanh Hoá quan tâm hàng đầu khi dồn toàn lực cho công tác giải phóng mặt bằng nhanh chóng, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Đồng thời, Thanh Hoá tận dụng triệt để khung chính sách ưu đãi vượt trội dành cho KKT Nghi Sơn (địa bàn đặc biệt khó khăn) bao gồm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn tiền thuê đất trong thời gian dài, và miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu trong nước chưa sản xuất được. Cụ thể, các dự án FDI được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Không chỉ dừng lại ở tiếp cận thu hút vốn FDI về mặt bằng và ưu đãi thuế thông thường, mà định hướng chiến lược phát triển bền vững và hợp tác toàn cầu đã giúp Thanh Hóa đi đầu trong tiếp cận thu hút vốn FDI xanh. Sự chủ động mời gọi các tập đoàn phát triển công nghiệp xanh chuyên

nghiệp là cơ sở xây dựng hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào các KCN xanh [50]. Điều này vừa giảm áp lực trong công tác xúc tiến đầu tư vừa tận dụng năng lực chuyên nghiệp của các nhà đầu tư quốc tế tạo ra hạ tầng hiện đại và thân thiện môi trường.

Đặc biệt, Thanh Hóa tạo dựng thương hiệu điểm đến FDI xanh với khẳng định *“Thanh Hóa ưu tiên hỗ trợ tối đa cho các dự án khu công nghiệp xanh, phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư để hoàn tất thủ tục pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển lâu dài và hiệu quả”* đã tạo ra giá trị và sức cạnh tranh lớn cho các KCN trở thành điểm sáng trong thu hút vốn FDI xanh [51].

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Quảng Ninh

Quảng Ninh là trường hợp nghiên cứu điển hình về sự chuyển đổi mô hình kinh tế. Từ một địa phương phụ thuộc nặng nề vào khai thác than và nhiệt điện, Quảng Ninh vươn lên trở thành địa phương dẫn đầu về chất lượng điều hành kinh tế và quản trị môi trường. Thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiều chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Những chính sách đó đã giúp Quảng Ninh trở thành địa chỉ tin cậy, uy tín, tạo động lực thu hút các dự án chiến lược, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Hơn nữa, trong bối cảnh dịch chuyển dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, với tiềm năng vượt trội và định hướng phát triển bền vững, Quảng Ninh đang nắm bắt cơ hội vàng để thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, đặc biệt là FDI xanh, hướng tới mô hình tăng trưởng mới, thân thiện với môi trường.

Giai đoạn 2020-2025, Quảng Ninh ghi dấu ấn đặc biệt trong thu hút đầu tư, với tổng số 150 dự án mới được cấp phép, 90 dự án điều chỉnh tăng vốn vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, tổng vốn thu hút gần 324.000 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với giai đoạn 2015-2020 và đạt 280% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra. Đáng chú ý, thu hút FDI vào các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, đạt gần 8,16 tỷ USD, chiếm 83% tổng vốn FDI toàn tỉnh, tăng 5,7 lần so với giai đoạn trước. Từ môi trường đầu tư thuận lợi, hành chính minh bạch, nhanh gọn, hiệu quả, 6 tháng đầu năm 2025, Quảng Ninh thu hút

tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 61.858 tỷ đồng, trong đó vốn FDI đạt 292,01 triệu USD [40].

Tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 173,64 triệu USD và 10 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn đạt 116,47 triệu USD. Đặc biệt, Quảng Ninh ghi nhận 1.150 doanh nghiệp thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động lên hơn 11.400 doanh nghiệp.

Đến nay, nhiều tập đoàn, doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn trong nước và nước ngoài liên tiếp đến tìm hiểu, đề xuất triển khai dự án tỷ USD tại Quảng Ninh như Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc... Mới đây, Tập đoàn Xây dựng Thái Bình Dương (Trung Quốc) đến nghiên cứu và đề xuất lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án hầm đường bộ qua Vịnh Cửa Lục. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 10.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2030.

Các dự án FDI tập trung vào công nghệ cao, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng lớn, có thương hiệu quốc tế và khả năng lan tỏa mạnh, thể hiện rõ định hướng thu hút có chọn lọc, nâng cao chất lượng.

Để có được những kết quả trên, Tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều biện pháp nhằm tạo lập môi trường thuận lợi, có tính cạnh tranh trong thu hút vốn FDI xanh; ban hành nhiều chính sách ưu đãi, tổ chức đa dạng các hình thức xúc tiến đầu tư và đánh giá theo vòng đời dự án.

Một là: Tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh

Định hướng chiến lược của chính quyền tỉnh là cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số để giảm chi phí tuân thủ, là “hạ tầng mềm” phục vụ thu hút đầu tư có chọn lọc. Nghị quyết cấp tỉnh giai đoạn 2021- 2025 đặt trọng tâm giảm chi phí thời gian và chi phí không chính thức, tăng minh bạch và khả năng dự báo chính sách. Kết quả cải cách hành chính năm 2025 toàn diện trên 6 lĩnh vực trọng tâm: Về công tác chỉ đạo điều hành, tỉnh đã ban hành đồng bộ các chương trình, kế hoạch, quyết định về chỉ đạo quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số và cải thiện năng lực cạnh tranh, đặc biệt là tinh gọn bộ máy nâng cao năng lực hiệu quả điều hành; Về cải cách thể chế, tỉnh kịp thời ban hành 78 văn bản, 63 kế hoạch chỉ đạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Về cải cách thủ tục hành chính, tỉnh tập

trung triển khai mô hình trung tâm phục vụ hành chính công một cấp; Về cải cách tổ chức bộ máy, tỉnh tinh giảm 306 đơn vị sự nghiệp công lập, 278 phòng chuyên môn và tương đương; Về xây dựng chính quyền số, tỉnh đã cập nhật 38 cơ sở dữ liệu, kết nối và khai thác 15 hệ thống [52]. Kết quả cho thấy sự quyết liệt chỉ đạo của tỉnh.

Bên cạnh đó, phát triển không gian phát triển xanh là giải pháp chiến lược để tạo lập môi trường đầu tư thu hút vốn FDI xanh. Tỉnh dựa vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 để định hình cấu trúc công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tạo mặt bằng chính sách cho công nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn. Quy hoạch được phê duyệt ở cấp trung ương (QĐ số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) giúp nhà đầu tư tin vào tính ổn định dài hạn của định hướng phát triển. Mặt khác, tỉnh nhấn mạnh yêu cầu môi trường trong KCN, KKT (như là mục tiêu 100% KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn...), qua đó giảm chi phí tuân thủ xanh cho doanh nghiệp khi lựa chọn địa điểm đầu tư.

Hai là: Ban hành các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư nhằm thu hút vốn FDI xanh trên địa bàn

Ở Quảng Ninh, ưu đãi đầu tư “hướng xanh” không chỉ là miễn giảm thuế, mà là tổ hợp gồm: (i) ưu đãi theo khung pháp luật quốc gia, (ii) cơ chế “ưu đãi đặc biệt”, và (iii) hỗ trợ địa phương (đất đai, thủ tục, hạ tầng, lao động, đổi mới sáng tạo) để giảm chi phí vòng đời dự án. Cụ thể:

- Khung ưu đãi theo pháp luật quốc gia (tỉnh triển khai theo địa bàn, lĩnh vực: Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm theo lĩnh vực/địa bàn ưu đãi, áp dụng thống nhất toàn quốc; Quảng Ninh ban hành thêm hướng dẫn dễ tiếp cận cho nhà đầu tư qua cổng thông tin xúc tiến và hỗ trợ đầu tư.

- Ưu đãi tiền thuê đất/thuê mặt nước, miễn giảm theo quy định đất đai và theo địa bàn, thường gắn với KCN, KKT; tỉnh đóng vai trò then chốt ở khâu thủ tục, bố trí quỹ đất và “đưa hạ tầng đến chân hàng rào” để ưu đãi thực sự đi vào dự án.

- Ưu đãi đầu tư đặc biệt theo Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (áp dụng cho các dự án thuộc đối tượng ưu đãi đặc biệt theo Luật Đầu tư). Đây là “gói” ưu đãi mạnh hơn thông thường, bao gồm mức thuế suất ưu đãi đặc biệt và ưu đãi tiền thuê đất theo điều kiện quy mô, công nghệ, chuỗi giá trị... bằng chi phí lao động thấp.

Ba là: Tổ chức xúc tiến đầu tư theo định hướng xanh

Kinh nghiệm nổi bật của Quảng Ninh là chuyển xúc tiến đầu tư từ “mời gọi rộng” sang xúc tiến có mục tiêu và theo chu trình hỗ trợ khép kín. Trọng tâm không chỉ dừng ở gia tăng quy mô vốn, mà chuyển mạnh sang lựa chọn các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, có khả năng lan tỏa và tham gia sâu vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu. Trên nền tảng hạ tầng hiện có, tỉnh đã công khai, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quy hoạch các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển, đồng thời rà soát quỹ đất, tăng tốc giải phóng mặt bằng và chuẩn bị nguồn lao động. Cùng với đó là ưu tiên nguồn lực hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hệ thống giao thông kết nối, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp.

Đáng chú ý, mô hình xúc tiến đầu tư được triển khai theo “chu trình khép kín”, từ hỗ trợ thủ tục ban đầu đến đồng hành sau đầu tư, qua đó tạo dựng niềm tin lâu dài với cộng đồng doanh nghiệp. Mặt khác, các ưu đãi tài chính được tỉnh quan tâm thông qua Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND quy định chế độ miễn tiền thuê đất cho các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, giáo dục, y tế. Đặc biệt, các dự án tại địa bàn KKT được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng thể hiện sự kiên quyết với các dự án gây ô nhiễm nhằm định hướng chuyển đổi từ “nâu” sang “xanh”, giảm tỷ trọng ngành khai khoáng, tăng tỷ trọng dịch vụ du lịch và công nghiệp chế biến chế tạo sạch cũng như chủ trương phát triển chuỗi cung ứng khép kín và kinh tế tuần hoàn.

Mặc dù Quảng Ninh có những bước tiến quan trọng trong thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp xanh, nhưng tỷ lệ nội địa hóa còn thấp, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chưa nhiều, chủ yếu sản xuất linh kiện đơn giản, hàm lượng công nghệ chưa cao; liên kết ngành chưa chặt chẽ, thiếu các chuỗi giá trị hoàn chỉnh, chưa khai thác hết hiệu quả hợp tác và chia sẻ nguồn lực; hạ tầng kết nối liên vùng tuy được đầu tư mạnh nhưng hiệu quả khai thác chưa tương xứng [46].

2.3.2. Bài học rút ra cho tỉnh Nghệ An

Dựa trên phân tích kinh nghiệm thu hút vốn FDI xanh của các địa phương Thanh Hóa, Quảng Ninh có thể so sánh theo bảng sau:

**Bảng 2.1. So sánh kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp
nước ngoài xanh các tỉnh**

Tiêu chí	Thanh Hóa	Quảng Ninh	Định hướng Nghệ An
Mô hình chủ đạo	KCN sinh thái quy mô lớn	Chuyển đổi “nâu” sang “xanh”	KCN sinh thái gắn với năng lượng tái tạo
Lợi thế khai thác	Quỹ đất, chính sách KKT	Hạ tầng giao thông, Cửa khẩu	Quỹ đất, các ưu đãi tài chính, lĩnh vực nông lâm thủy sản đang bỏ ngõ
Chính sách đột phá	Giải phóng mặt bằng thần tốc	Cấp phép nhanh chóng, chỉ số PGI vượt trội	Giải phóng mặt bằng, lĩnh vực đầu tư trọng điểm
Lĩnh vực mũi nhọn	Lọc hóa dầu, chế biến lâm sản	Điện tử, năng lượng mặt trời	Điện tử, Nông lâm thủy sản, năng lượng mặt trời
Công cụ thể chế	Áp dụng cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”	Dẫn đầu Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI)	Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, số hóa toàn bộ quy trình

Từ kinh nghiệm của các địa phương trên, Nghệ An có thể rút ra những bài học chiến lược sâu sắc để định hình con đường phát triển của riêng mình:

- Nhất quán định hướng phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường để tăng trưởng ngắn hạn: Điều này đặt ra cho chính quyền tỉnh Nghệ An cần phải thống nhất trong tư duy quản lý, bắt đầu từ định hướng phát triển xanh để đưa ra những giải pháp thu hút. Nhất quán từ chủ trương, chiến lược, đến thiết lập rào cản rõ ràng ngay từ khâu phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Cải cách hành chính dựa trên tư duy quản trị xanh (PGI): Nghiên cứu và áp dụng bộ chỉ số PGI vào công tác quản lý nhà nước về thu hút vốn FDI xanh sẽ tăng cường sự minh bạch và đồng hành cùng các DN FDI xanh. Thành lập Tổ công tác đặc biệt chuyên hỗ trợ các dự án FDI xanh sẽ giúp nhà đầu tư xanh thuận lợi hơn về thủ tục hành chính, giải quyết nhanh về đánh giá tác động môi trường và cấp phép xây dựng.

- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp sinh thái: Các nhà đầu tư xanh rất quan tâm đến hạ tầng xanh sẵn có, đặc biệt là năng lượng. Do đó, đầu tư xây dựng các KCN sinh thái đạt chuẩn, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và hệ thống cung cấp năng lượng (điện, nước) sạch sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh vượt trội. Đồng thời,

Nghệ An có thể xây dựng thương hiệu thu hút vốn FDI xanh rõ nét hơn, bằng những hoạt động xúc tiến đầu tư hướng tới “điểm đến xanh”.

- Ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư đồng thời với quyết liệt trong giải phóng mặt bằng: Việc xây dựng các cơ chế đặc thù cho các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt các dự án quy mô lớn, công nghệ cao và có tính lan tỏa. Đồng thời sự bứt phá trong thu hút vốn FDI xanh từ tốc độ giải phóng mặt bằng nhanh chóng là minh chứng rõ nét từ kinh nghiệm của Thanh Hóa. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư đánh giá cao mức độ hấp dẫn của thị trường đầu tư của địa phương.

- Kết hợp hài hòa giữa thu hút vốn FDI xanh và thúc đẩy xanh hóa vốn FDI hiện có: Thu hút vốn FDI xanh và xanh hóa vốn FDI hiện hữu có quan hệ chặt chẽ nhưng không đồng nhất. Để vừa thu hút vừa quản lý, tỉnh cần thiết lập hệ thống chính sách đồng bộ trong đó thu hút vốn FDI xanh và xanh hóa vốn FDI hiện hữu là hai trụ cột bổ trợ. Đối với dự án cấp mới, cần áp dụng bộ tiêu chí sàng lọc ngay từ đầu, còn đối với dự án đang hoạt động, cần có cơ chế, giám sát, đánh giá và phân loại, yêu cầu lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp. Việc thiết lập các chính sách đồng bộ nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, tạo lực đẩy cộng sinh nâng tầm năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Chương 3

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN

3.1. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH Ở TỈNH NGHỆ AN

3.1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An

3.1.1.1. Vị trí địa lý

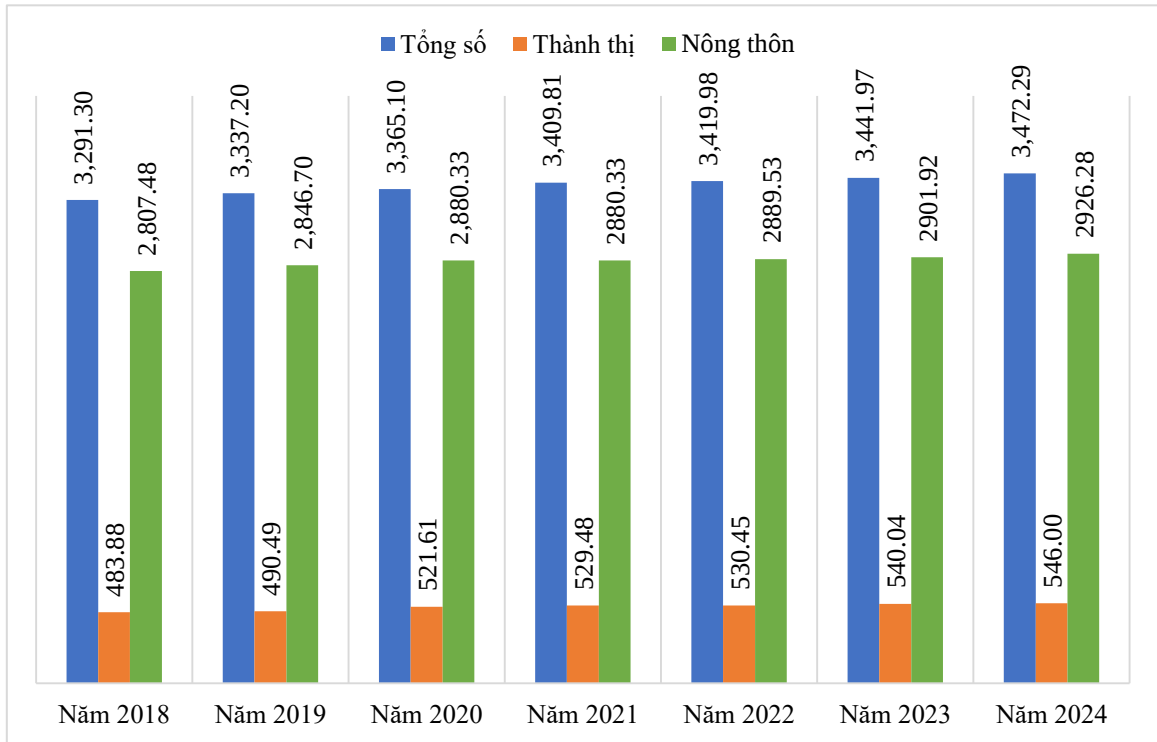
Nghệ An nằm trung tâm vùng Bắc Trung bộ, là địa phương có diện tích lớn thứ tư cả nước (sau sáp nhập) khoảng 16.490 km², có đầy đủ 3 dạng địa hình là vùng núi, đồng bằng và ven biển. Tập trung thu hút các dự án thuộc các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các huyện miền núi phía Tây Nghệ An; Phát triển ngành du lịch sinh thái, du lịch biển, nghỉ dưỡng, khách sạn, khu vui chơi giải trí cao cấp,... ở vùng ven biển; Phát triển các ngành nghề sử dụng nhiều lao động, ứng dụng công nghệ thông tin tại các vùng đồng bằng.

Vị trí trên trục giao thông Bắc - Nam và khả năng kết nối với Lào, cùng với địa hình bằng phẳng tại các huyện ven biển như Nghi Lộc, Diễn Châu, Hoàng Mai và tuyến cao tốc Hà Nội - Nghệ An là các điều kiện thuận lợi để phát triển các KCN. Ngoài ra, tiếp cận năng lượng sạch là yêu cầu bắt buộc đối với các nhà đầu tư xanh, do đó, với điều kiện tự nhiên thuận lợi triển khai năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió... có thể hình thành chuỗi cung ứng năng lượng xanh cũng như đảm bảo an ninh năng lượng cho các KCN công nghệ cao.

3.1.1.2. Dân số

Nghệ An là tỉnh có dân số đứng thứ 4 cả nước, năm 2024 dân số trung bình đạt 3,47 triệu người, với 1,65 triệu người là lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên, trong đó số người đang việc làm 1,6 triệu người. Đây là lợi thế nhưng cũng là thách thức về giải quyết việc làm cho người lao động. Mặt khác phân bố không đều do sự phân hóa rõ nét về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển. Khu vực đồng bằng, ven biển có mật độ dân số cao nhưng càng về phía tây mật độ dân số có xu hướng giảm dần. Đặc điểm này làm tăng chi phí đào tạo, di chuyển lao động và phát triển hạ tầng xã hội quanh các khu công nghiệp; do đó, lợi thế về số lượng lao động chưa tự động chuyển thành lợi thế nhân lực đối với FDI xanh.

Đơn vị: Nghìn người

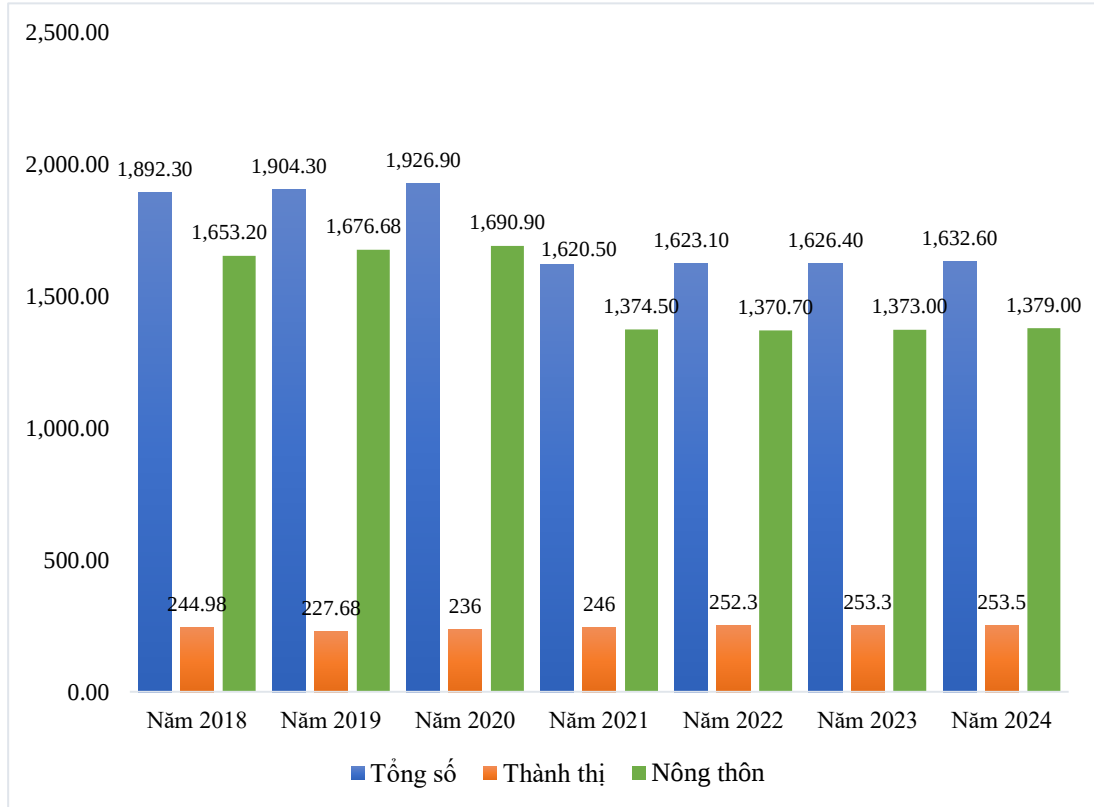
**Biểu đồ 3.1. Tình hình dân số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024***Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An***- Lực lượng lao động**

Lợi thế lao động của Nghệ An cần được xem xét đồng thời trên ba phương diện: quy mô, chất lượng và khả năng dịch chuyển. Nguồn cung dồi dào có thể hỗ trợ các dự án quy mô lớn, nhưng FDI xanh đòi hỏi ngày càng nhiều kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ có năng lực về công nghệ sạch, quản trị năng lượng, môi trường và tiêu chuẩn ESG. Vì vậy, sức hấp dẫn từ lợi thế lao động giá rẻ không còn quyết định.

Cơ cấu lao động đang làm việc theo thành phần kinh tế có sự chuyển dịch song còn chậm: tỷ trọng lao động ở khu vực ngoài Nhà nước vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối (90-91%), lao động khu vực Nhà nước chiếm tỷ trọng cao thứ 2 và có xu hướng tăng nhẹ (từ 7,59% năm 2019 lên 8,72% năm 2023) trong khi tỷ trọng lao động khu vực FDI tăng song vẫn còn rất nhỏ (1,33% năm 2019 lên 1,96% năm 2023). Tỷ trọng lao động FDI còn nhỏ cho thấy tác động lan tỏa trực tiếp của khu vực này tới thị trường lao động địa phương còn hạn chế. Theo tiếp cận năng lực hấp thụ, nếu doanh nghiệp trong tỉnh và lực lượng lao động chưa đủ khả năng tiếp nhận công nghệ, FDI có thể vận

hành như một khu vực tương đối biệt lập. Đây là ràng buộc quan trọng đối với mục tiêu gia tăng liên kết nội địa và chuyển giao công nghệ xanh.

Đơn vị: Nghìn người



Biểu đồ 3.2. Tình hình lực lượng lao động theo thành thị/nông thôn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

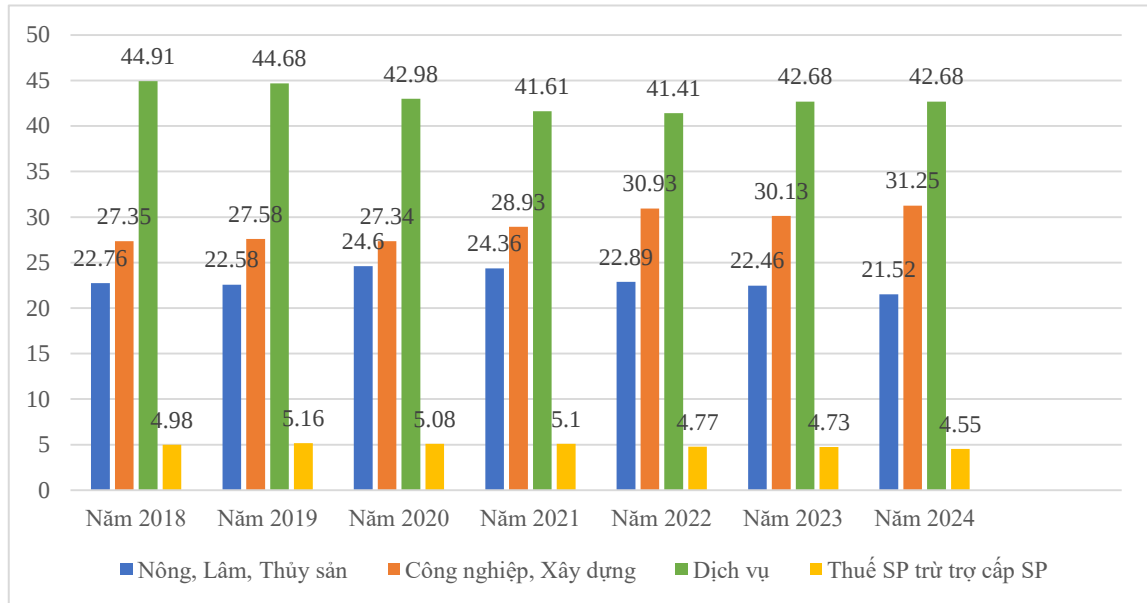
Giai đoạn 2018 - 2024, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở Nghệ An tăng đều qua các năm (năm 2018 tỷ lệ là 60% thì đến 2024 tăng lên 70,1% - Theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 22/1/2025) [39]. Tuy nhiên, đào tạo nhân lực FDI xanh gần như chưa có, do đó, khoảng trống này có thể làm tăng chi phí tuyển dụng, đào tạo lại và làm giảm khả năng hấp thụ công nghệ, giảm sức hút đối với các DN FDI xanh.

3.1.1.3. Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024

Giai đoạn 2018-2024, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 27,35% lên 31,25% (tăng 3,90 điểm phần trăm), trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 22,76% xuống 21,52%; dịch vụ giảm từ 44,91% xuống 42,68%. Cơ cấu này phản ánh xu hướng công nghiệp hóa ngày càng rõ, song khu vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Đối với thu hút FDI xanh, sự mở rộng công nghiệp vừa tạo nhu cầu về

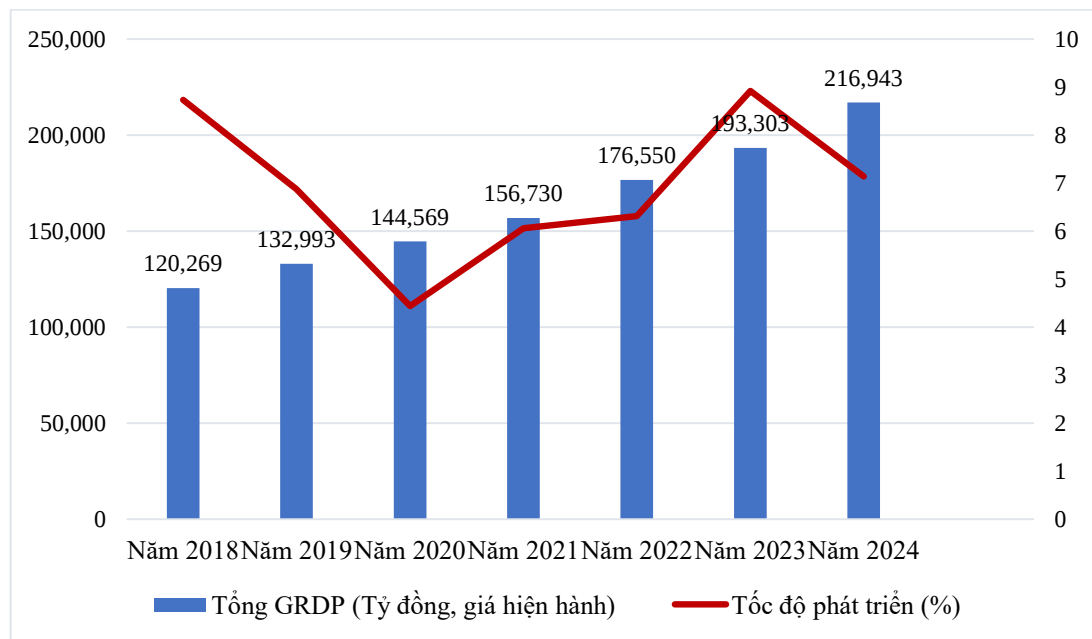
công nghệ sạch, vừa làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc vào mô hình sử dụng nhiều năng lượng và tài nguyên nếu thiếu tiêu chí môi trường.

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.3. Cơ cấu kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An



**Biểu đồ 3.4. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2018 - 2024**

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

Quy mô GRDP theo giá hiện hành tăng từ 120.269 tỷ đồng năm 2018 lên 216.943 tỷ đồng năm 2024, tương ứng tăng 80,4%. Riêng năm 2024, GRDP tăng 9,01%, cao hơn mức 7,09% của cả nước; quy mô kinh tế tăng khoảng 23.640 tỷ đồng so với năm 2023.

Trong giai đoạn 2021-2024, tốc độ tăng GRDP lần lượt đạt 6,13%, 8,78%, 7,14% và 9,01%. Sự gia tăng về quy mô kinh tế tạo ra dư địa tài khóa để tỉnh tái đầu tư vào hạ tầng xanh và các công trình phúc lợi xã hội, yếu tố quan trọng để giữ chân nhà đầu tư và người lao động. Điểm này được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao, đặc biệt là các nhà đầu tư xanh. Nghệ An nổi lên như một điểm đến hấp dẫn cho dòng vốn FDI xanh nhờ hội tụ nhiều lợi thế: vị trí địa lý trung tâm, tài nguyên thiên nhiên phong phú cho năng lượng sạch, hạ tầng hiện đại, quỹ đất công nghiệp rộng lớn, chính sách đầu tư thông thoáng và nguồn nhân lực chất lượng.

Khu kinh tế Đông Nam hiện nay của Nghệ An đang phát triển trở thành khu kinh tế trọng điểm, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ, tiềm năng chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp còn nhiều. Với tiềm năng về đất đai và lao động, lại đang ở thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, dư địa để phát triển công nghiệp tại Nghệ An là rất lớn, đủ hấp dẫn để các nhóm nhà đầu tư nước ngoài chọn là điểm đến.

3.1.2. Thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

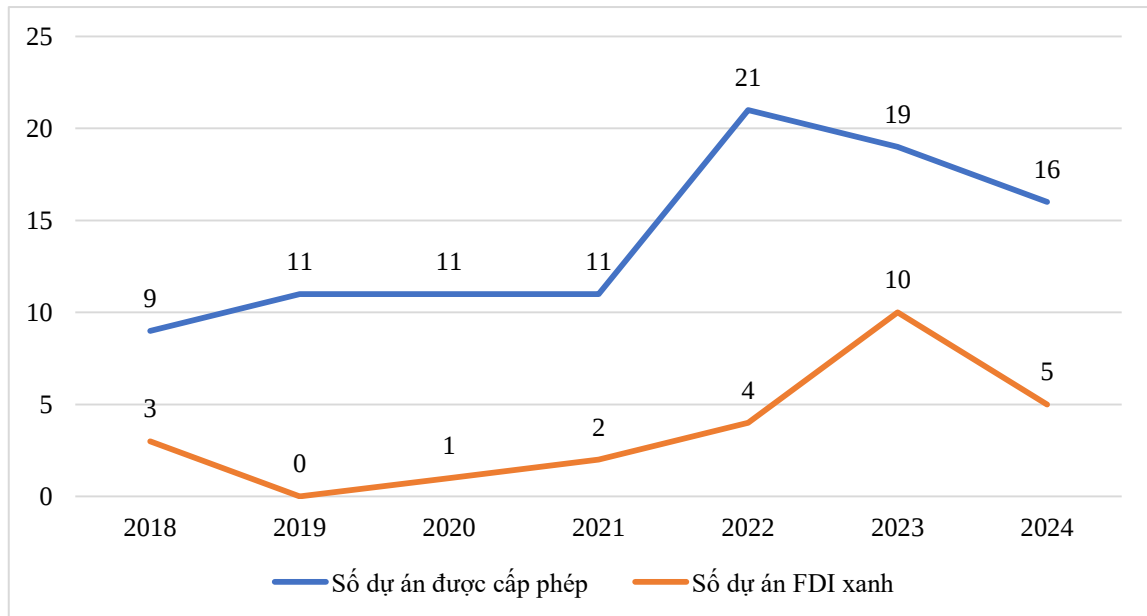
3.1.2.1. Về số lượng dự án, quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Giai đoạn 2018 - 2024, đánh dấu sự thay đổi rõ rệt về vị thế thu hút FDI của Nghệ An, liên tục top 10 cả nước. Năm 2018, tỉnh chỉ thu hút 9 dự án vốn FDI là 25,68 triệu USD, xếp hạng 45/63 tỉnh thành nhưng đã cải thiện vào năm 2020 đạt 169,4 triệu USD - hạng 25, năm 2021 đạt 318,5 triệu USD - hạng 20. Đặc biệt có sự tăng trưởng vượt bậc khi vươn lên thứ 8 trên cả nước về thu hút vốn FDI vào năm

2022 và năm 2024 tổng số vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm đạt trên 61.488 tỉ đồng; trong đó vốn FDI đạt hơn 1,7 tỉ USD. Kết quả này phản ánh sự mở rộng nhanh của quy mô vốn và sự cải thiện lợi thế địa điểm đầu tư, đóng góp quan trọng cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng của tỉnh.

Nhằm đánh giá về vốn FDI xanh, dựa trên lý luận về các dự án FDI xanh được định nghĩa trong luận án, NCS nhận diện các dự án FDI xanh trên cơ sở lĩnh vực hoạt động, đặc tính sản phẩm, công nghệ, quy trình môi trường. Kết quả thể hiện qua biểu đồ 3.5.

Đơn vị: Dự án



**Biểu đồ 3.5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép
giai đoạn 2018 - 2024**

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

Trong xu hướng thu hút vốn FDI, có sự thay đổi rõ rệt về vốn FDI xanh. Số lượng dự án xanh của giai đoạn 2018 - 2021 ở mức thấp, đáng chú ý năm 2019 không thu hút được dự án FDI xanh nào. Tỷ lệ dự án FDI xanh trên tổng dự án FDI thu hút cho thấy giai đoạn này vẫn đang ưu tiên số lượng hơn, các tiêu chí xanh và chủ trương thu hút vốn FDI xanh chưa được định hình rõ nét.

Năm 2022 có sự tăng trưởng cao và số lượng dự án FDI xanh tăng rõ rệt, chiếm 52,63% so với tổng số dự án FDI thu hút. Điều này cho thấy sự định

hướng rõ nét trong chủ trương thu hút vốn FDI của tỉnh. Năm 2024, số lượng dự án có xu hướng giảm nhẹ, số dự án xanh giảm còn 5 (chiếm 31,25%) cho thấy ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế toàn cầu cũng như sự thắt chặt trong các tiêu chí lựa chọn dự án của tỉnh.

Đáng lưu ý, 74,03% tổng vốn FDI xanh đăng ký của cả giai đoạn tập trung vào năm 2023. Mức độ tập trung này cho thấy kết quả thu hút hiện phụ thuộc đáng kể vào một số dự án lớn, trong khi mạng lưới doanh nghiệp hỗ trợ, nhà cung ứng xanh và dịch vụ môi trường chưa phát triển tương xứng. Nói cách khác, Nghệ An đang chuyển từ mô hình thu hút dự án riêng lẻ sang giai đoạn hình thành hệ sinh thái FDI xanh, nhưng quá trình chuyển đổi chưa hoàn tất. Đây là rủi ro về tính bền vững và khả năng duy trì kết quả thu hút vốn giữa các năm.

3.1.2.2. Về cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Về lĩnh vực đầu tư, dòng vốn FDI vào Nghệ An tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo: 133/190 dự án, tương đương 70,0% số dự án và 80,38% tổng vốn đăng ký. Các nhà đầu tư tiếp tục gia tăng tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Nghệ An với các ngành nổi bật như: sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị quang học, lắp ráp linh kiện ô tô, dệt may xuất khẩu, chế biến nông lâm sản, cơ khí chế tạo... Trong đó có 31 dự án thuộc các ngành công nghệ cao (sản xuất điện tử, phụ tùng ô tô, linh kiện quang học, pin hiệu năng cao, v.v.). Nhóm dự án công nghệ cao này thu hút sự hiện diện của nhiều tập đoàn toàn cầu: Luxshare - ICT (Đài Loan), Goertek (Hong Kong), Everwin Precision (Hong Kong), JuTeng (Đài Loan, đối tác Foxconn)... gần đây nhất Foxconn (Singapore) đã đầu tư dự án nhà máy phụ tùng điện tử lớn tại Nghệ An và sự hiện diện của dự án Runergy với tổng vốn đầu tư 440 triệu USD để sản xuất thanh silic đơn tinh thể và đĩa bán dẫn - nguyên liệu cốt lõi cho pin năng lượng mặt trời. Điều này đưa Nghệ An tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị năng lượng tái tạo toàn cầu. Ngoài ra, các dự án năng lượng nhiệt điện như LNG Quỳnh Lập cho thấy chuyển dịch cơ cấu năng lượng của tỉnh sang các nguồn sạch hơn than. Cơ cấu này phản ánh đúng định hướng thu hút đầu tư của Tỉnh: ưu tiên các dự án công nghiệp công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn có tác động lan tỏa.

**Bảng 3.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế
(lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)**

STT	LĨNH VỰC	Số dự án được cấp phép (dự án)		Tổng vốn đăng ký (Triệu USD)	
		±	%	±	%
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	10	5,26	168,42	2,44
2	Khai khoáng	15	7,89	186,29	2,70
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	133	70,00	5.541,44	80,38
4	Nước thải	4	2,11	48,97	0,71
5	Xây dựng	3	1,58	100,79	1,46
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10	5,26	55,68	0,81
7	Vận tải, kho bãi	2	1,05	20,9	0,30
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1	0,53	13	0,19
9	Thông tin và truyền thông	1	0,53	1,3	0,02
10	Hoạt động kinh doanh bất động sản	5	2,63	442,28	6,42
11	Giáo dục và đào tạo	3	1,58	0,42	0,01
12	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1	0,53	4,2	0,06
13	Hoạt động làm thuê công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất, dịch vụ tự tiêu dùng của hộ	2	1,05	310	4,50
Tổng số		190	100,00	6.893,69	100,00

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

Việc các nhà đầu tư công nghệ cao liên tiếp đầu tư vào Nghệ An giúp nâng cao chất lượng dòng vốn FDI, tạo ra giá trị gia tăng lớn và tối ưu hiệu quả sử dụng đất công nghiệp. Điều này cho thấy dòng vốn FDI vào Nghệ An không chỉ tăng về lượng mà còn có sự chuyển biến về chất. Dòng vốn FDI này đã trở thành đòn bẩy trực tiếp cho tăng trưởng công nghiệp của Tỉnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Nghệ An trong quý I và II/2025 ghi nhận tăng 10,38% so với cùng kỳ; riêng ngành chế biến - chế tạo (lĩnh vực chủ lực của FDI) tăng 11,3%. Như vậy, FDI không chỉ là một chỉ số tài chính, mà đã trở thành động lực chính cho tăng trưởng công nghiệp thực chất của Tỉnh.

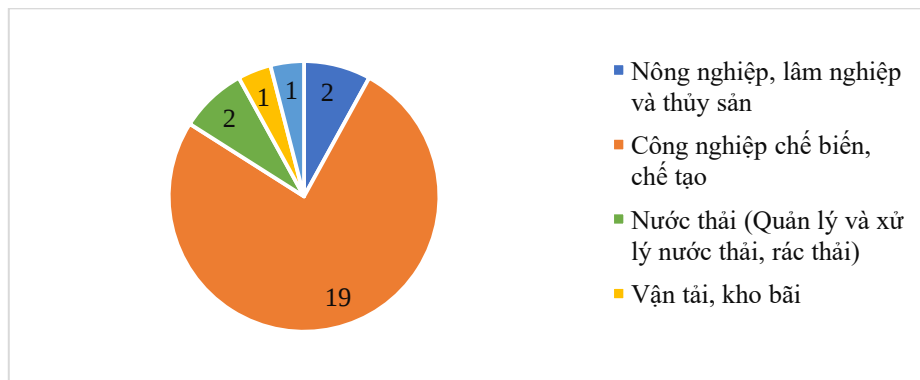
Ngược lại, FDI vào nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 5,26% số dự án và 2,44% vốn đăng ký; lĩnh vực cung cấp nước, quản lý chất thải và nước thải

chiếm 2,11% số dự án và 0,71% vốn. Vận tải, kho bãi, giáo dục, lưu trú và các dịch vụ khác đều có tỷ trọng nhỏ. Sự mất cân đối này cho thấy thu hút FDI mới tập trung vào khâu sản xuất, trong khi các cấu phần hỗ trợ một hệ sinh thái xanh - như xử lý chất thải, logistics phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn và dịch vụ môi trường - còn thiếu. Đây là điểm nghẽn về cơ cấu, làm hạn chế khả năng hình thành chuỗi giá trị xanh hoàn chỉnh tại địa phương.

Mặt khác, vốn FDI xanh tập trung chủ yếu vào các KKT và KCN sinh thái tiêu chuẩn quốc tế, điều này cho thấy hướng đi tích cực trong công tác thu hút các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng xanh hiện đại, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của DN FDI xanh, từ đó tăng sức hút đối với các nhà đầu tư thứ cấp.

Trong đó, các dự án xanh chủ yếu tập trung vào các dự án có quy trình công nghệ cao/công nghệ xanh, đặc biệt là thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo. Điều này cho thấy Nghệ An đã dịch chuyển thu hút vốn FDI sang các ngành công nghiệp hiện đại, ít thâm dụng tài nguyên và có giá trị gia tăng lớn. Tổng vốn FDI xanh thu hút lũy kế đến 31/12/2024 gần 2 tỷ USD (chiếm 28,92% tổng số vốn FDI còn hiệu lực). Tuy nhiên, lĩnh vực nông nghiệp và xử lý nước thải mỗi lĩnh vực có 2 dự án, còn vận tải và bất động sản mỗi lĩnh vực có 1 dự án. Kết quả cho thấy FDI xanh có quy mô dự án tương đối lớn nhưng mức độ đa dạng ngành thấp, tiềm ẩn rủi ro tập trung và chưa phản ánh một cơ cấu đầu tư xanh cân bằng.

Đơn vị: Dự án



Biểu đồ 3.6. Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Về đối tác đầu tư, tính từ 1992 đến nay, Nghệ An đã thu hút vốn FDI từ 21 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó chủ yếu đến từ các nước Đông Á

và ASEAN, với vai trò đáng kể của các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp như VSIP (Singapore) và WHA (Thái Lan). Số liệu cho thấy các dự án FDI ở tỉnh Nghệ An chủ yếu là đối tác Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc và Thái Lan chiếm 84%. Cơ cấu này phù hợp với logic mạng lưới sản xuất khu vực và quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng, nhưng cũng cho thấy mức độ phụ thuộc cao vào một nhóm thị trường nguồn vốn.

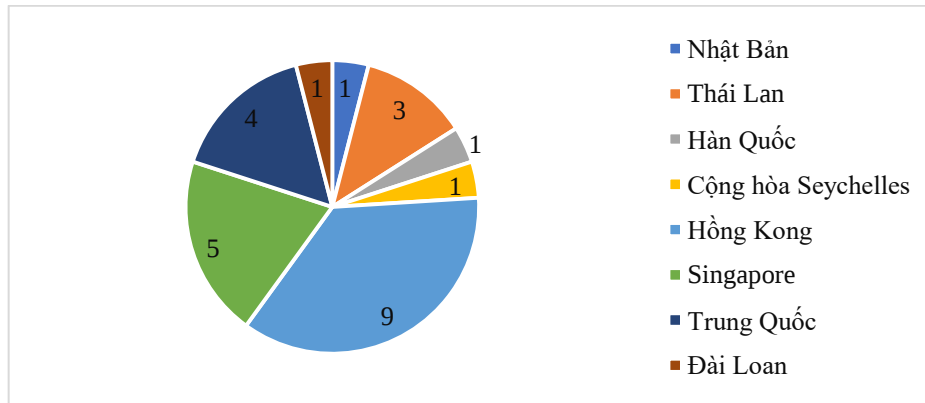
Bảng 3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)

STT	ĐỐI TÁC	Số dự án được cấp phép (dự án)		Tổng vốn đăng ký (Triệu USD)	
		±	%	±	%
1	Ấn độ	6	3,16	22,57	0,33
2	Thái Lan	20	10,53	904,65	13,12
3	Hàn Quốc	38	20,00	243	3,52
4	Trung Quốc	28	14,74	1054,78	15,30
5	Singapo	15	7,89	1065,15	15,45
6	Nhật Bản	17	8,95	1.274,51	18,49
7	Đài Loan	9	4,74	346,28	5,02
8	Lào	1	0,53	1	0,01
9	Hồng Kong	21	11,05	1.496,34	21,71
10	Hà Lan	2	1,05	29,8	0,43
11	Canada	1	0,53	3,5	0,05
12	Anh	5	2,63	115,34	1,67
13	Pháp	1	0,53	19	0,28
14	Đức	2	1,05	15,15	0,22
15	Úc	4	2,11	57,1	0,83
16	Mỹ	2	1,05	7,5	0,11
17	Malaysia	2	1,05	3,99	0,06
18	Ecuador	1	0,53	1,5	0,02
19	Cộng hòa Seychelles	1	0,53	0,43	0,01
20	Samoa	2	1,05	200,1	2,90
21	Anguilla	2	1,05	32	0,46
Tổng số		190	100	6.893,69	100

Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

Sự hội tụ của các nhà đầu tư hàng đầu từ Đông Á và các nhà đầu tư chiến lược ASEAN cho thấy Nghệ An đang được hưởng lợi trực tiếp từ làn sóng tái định vị và đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Cơ cấu đối tác FDI của Nghệ An đã chuyển dịch từ mô hình đa dạng nhưng quy mô nhỏ (Hàn Quốc, Thái Lan - chủ yếu thâm dụng lao động) sang mô hình tập trung vốn lớn từ khu vực Hoa ngữ (Trung Quốc, Hồng Kong, Đài Loan - tập trung công nghệ cao). Điều này đặt ra yêu cầu mới về quản lý lao động (do văn hóa doanh nghiệp khác biệt) và an ninh kinh tế. Trong đó, các dự án FDI xanh chủ yếu của nhà đầu tư Hồng Kong, tiếp đó là Singapore. Chủ yếu các dự án trong lĩnh vực công nghệ chế biến - chế tạo (linh kiện điện tử...) có công nghệ cao, quy trình thân thiện môi trường.

Đơn vị: Dự án



Biểu đồ 3.7. Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh được cấp giấy phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu (lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2024)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

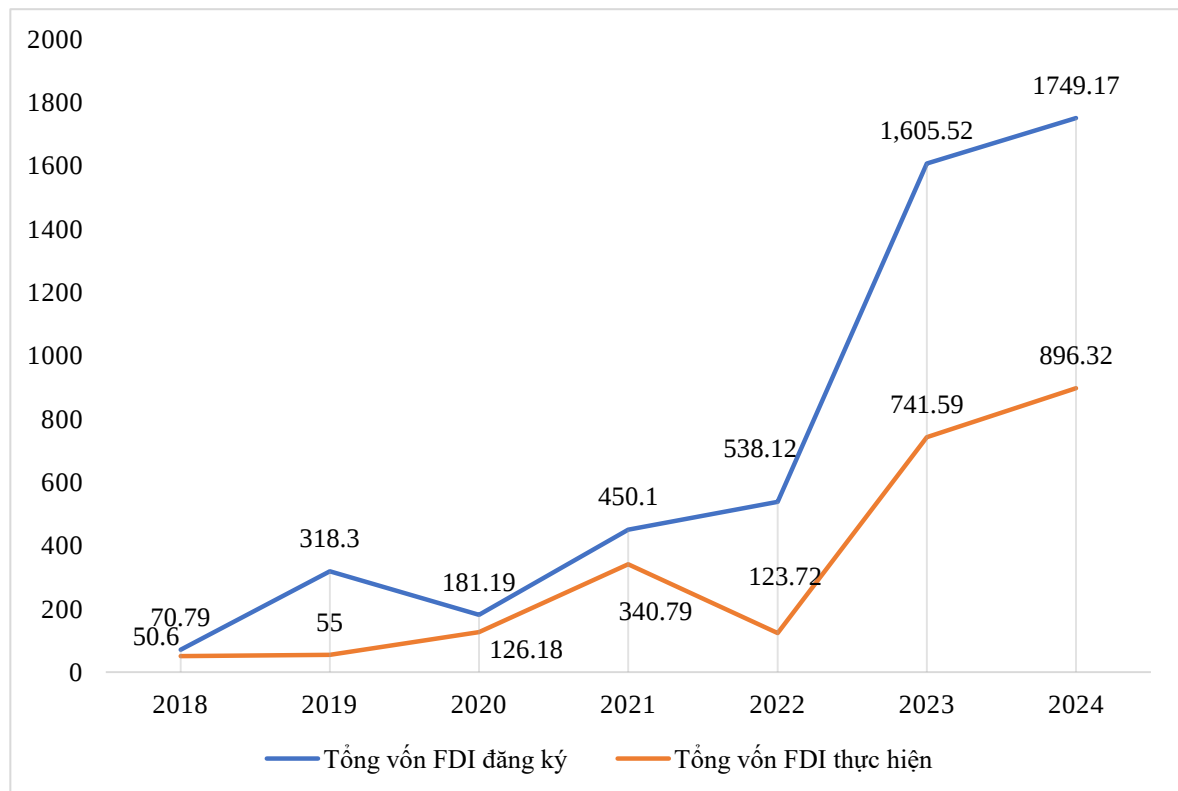
Đối với 25 dự án được phân loại xanh, Hồng Kông chiếm 36%, Singapore 20%, Trung Quốc 16% và Thái Lan 12%; bốn đối tác còn lại mỗi đối tác chiếm 4%. Mức độ tập trung này tạo thuận lợi cho hình thành cụm doanh nghiệp cùng chuỗi cung ứng, nhưng đồng thời làm gia tăng độ nhạy trước biến động thương mại, công nghệ và địa chính trị tại khu vực.

3.1.2.3. Về giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Từ biểu đồ 3.8 có thể thấy quy mô vốn FDI thực hiện tăng từ 50,6 triệu USD năm 2018 lên 896,32 triệu USD năm 2024, tức gấp khoảng 17,7 lần; riêng năm 2024

tăng 20,86% so với năm 2023. Đây là dấu hiệu tích cực về sự chuyển hóa cam kết đầu tư thành năng lực sản xuất. Điều này cho thấy nhiều dự án lớn đã nhanh chóng triển khai xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị để đi vào hoạt động. Trong đó, riêng dự án nhà máy sản xuất bán dẫn Runergy (440 triệu USD) đã giải ngân 9.480,7 tỷ đồng trong năm 2024, chiếm 37,5% tổng vốn FDI thực hiện của cả Tỉnh, vừa cho thấy tiến độ của dự án lớn, vừa phản ánh rủi ro tập trung trong kết quả giải ngân.

Đơn vị: Triệu USD



Biểu đồ 3.8. Kết quả giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

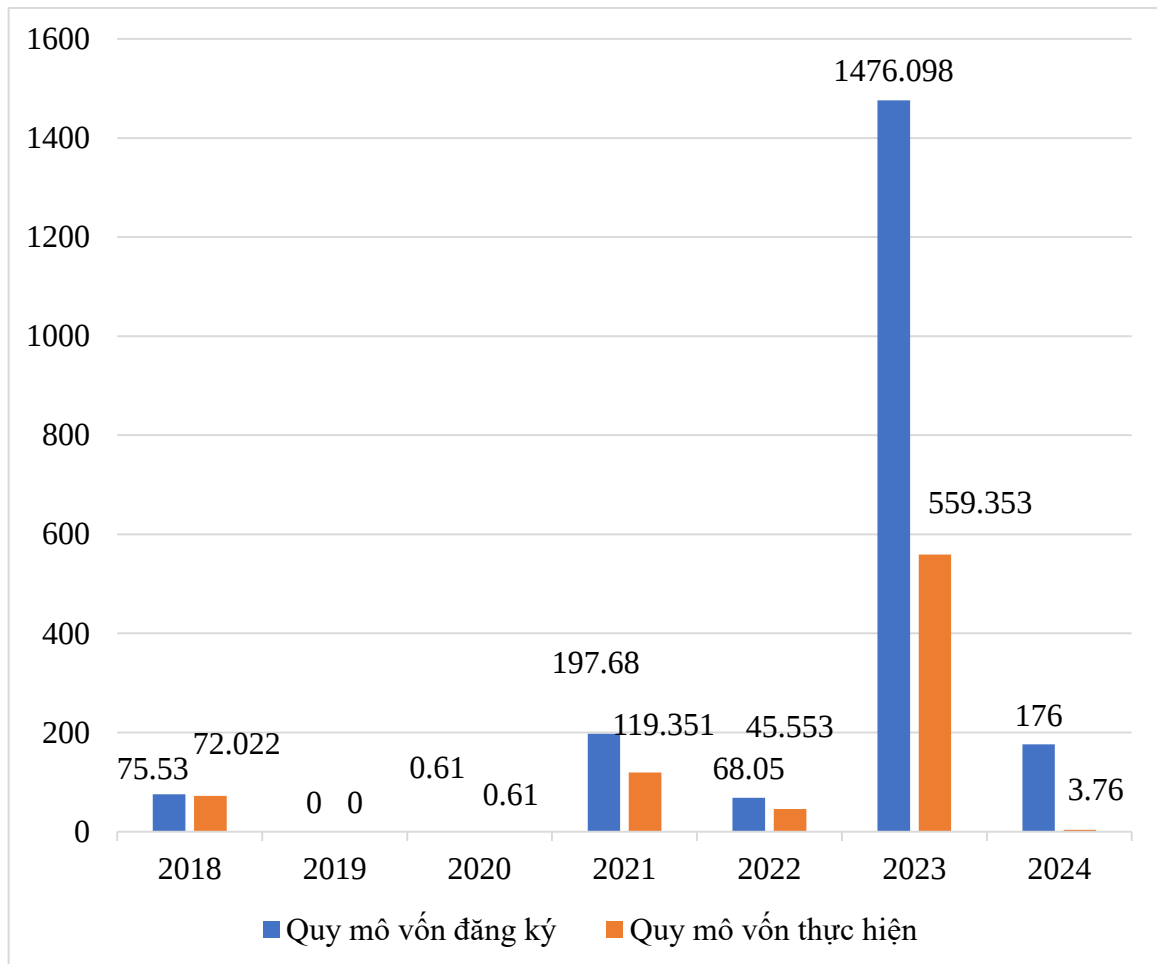
Nguồn: Chi cục thống kê tỉnh Nghệ An

Biểu đồ 3.9 cho thấy giai đoạn 2018 - 2020 quy mô vốn FDI xanh thấp, nhưng có tỷ lệ giải ngân cao. Đặc biệt là dự án sản xuất năng lượng tái tạo - Nhà máy sản xuất viên nén sinh khối Biomass Fuel Việt nam là dự án FDI xanh tiêu biểu. Đến giai đoạn 2021 - 2023 quy mô vốn FDI xanh tăng vọt nhưng tỷ lệ giải ngân thấp, nguyên nhân là các dự án chủ yếu FDI xanh có quy mô lớn, công nghệ cao nên có chu kỳ xây dựng dài, yêu cầu hạ tầng kỹ thuật và thủ tục môi trường phức tạp hơn. Hầu hết các dự án

không chậm tiến độ, mặc dù chưa triển khai xây dựng. Tuy nhiên, năm 2024, vốn thực hiện bằng khoảng 2,14% vốn đăng ký của năm; chênh lệch lớn này có thể phản ánh độ trễ xây dựng, thủ tục môi trường hoặc khác biệt về thời điểm ghi nhận, chứ chưa đủ để kết luận dự án chậm tiến độ.

Từ góc độ quản lý, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện vẫn là tín hiệu cần giám sát vì dự án kéo dài có thể làm lãng phí đất đai và hạ tầng. Tỉnh cần xây dựng cơ chế theo dõi sau cấp phép với các mốc giải ngân, xây dựng, vận hành và chỉ tiêu môi trường; đồng thời áp dụng biện pháp hỗ trợ hoặc thu hồi dự án theo mức độ tuân thủ.

Đơn vị: Triệu USD



Biểu đồ 3.9. Kết quả giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3.2. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2018 - 2024

3.2.1. Thực trạng tạo lập môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng

Để thu hút FDI xanh, lợi thế địa điểm không chỉ là giao thông thuận tiện hay quỹ đất sẵn có, mà phụ thuộc vào khả năng tiếp cận điện phát thải thấp, cấp nước ổn định, xử lý chất thải, hạ tầng số và cơ chế giám sát môi trường. Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các đề án phát triển hạ tầng giao thông trọng điểm hướng tới hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng và phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch xác lập hai khu vực động lực tăng trưởng, bốn hành lang kinh tế và sáu trung tâm đô thị; đồng thời ưu tiên mạng lưới cao tốc, đường ven biển, cảng biển, cảng cạn, đường sắt và trung tâm logistics. Với cấu trúc này nhằm củng cố liên kết của Khu kinh tế Đông Nam trong tổng thể, tạo sức bật mới, kết nối chặt chẽ với các tỉnh lân cận góp phần thu hút đầu tư và phát triển bền vững, tạo nền tảng để bố trí ngành sạch, công nghệ cao và hạ tầng thu hút vốn FDI xanh.

Theo Quyết định 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định đột phá chiến lược “Phát triển 02 khu vực động lực tăng trưởng, gồm thành phố Vinh mở rộng và Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An mở rộng”, “Tập trung đầu tư, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển; trong đó, phát triển mạnh hạ tầng giao thông chiến lược, tạo sự kết nối, lan tỏa phát triển”, “Hình thành và phát triển 04 hành lang kinh tế”, “Tập trung đầu tư 06 trung tâm đô thị”. Điều này cho thấy quyết tâm mạnh mẽ của tỉnh Nghệ An trong tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh. Tuy nhiên, đây là mức mở rộng lớn, tạo dư địa hình thành cụm công nghiệp và chuỗi cung ứng, nhưng cũng phát sinh rủi ro cung đất vượt cầu, phân tán nguồn lực và gia tăng áp lực lên nước, năng lượng, chất thải và hạ tầng xã hội nếu đầu tư không theo giai đoạn.

Bảng 3.3. Tổng hợp các hạng mục đầu tư hạ tầng trọng điểm của tỉnh Nghệ An

Hạng mục	Hoạt động đầu tư và dự án tiêu biểu	Tác động đến thu hút vốn FDI xanh
Khu công nghiệp (KCN) Thế hệ mới	1. VSIP Nghệ An (I & II): Đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn ISO, tích hợp điện mặt trời mái nhà, quy hoạch >30% diện tích cây xanh. 2. WHA Industrial Zone 1 & 2: Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải sinh học không hóa chất; hệ thống hồ điều hòa thông minh.	- Tạo cơ sở hạ tầng xanh cho tỉnh, giúp thu hút các nhà đầu tư lớn cần đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu sang Mỹ/EU/ - Giảm rủi ro môi trường cho các nhà đầu tư
Năng lượng & Điện	1. Điện khí LNG Quỳnh Lập: Thu hút đầu tư FDI cho năng lượng sạch, thay thế điện than. 2. Năng lượng tái tạo: Khuyến khích dự án điện sinh khối (Biomass) và điện mặt trời áp mái tại nhà xưởng.	- Đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định và sạch hơn cho các nhà máy công nghệ cao (vốn rất nhạy cảm với sự cố điện). - Hỗ trợ doanh nghiệp đạt mục tiêu trung hòa Carbon
Logistics & Giao thông	1. Cảng Cửa Lò & Cảng nước sâu: Nâng cấp cầu cảng, luồng lạch cho tàu lớn. 2. Cao tốc Bắc - Nam: Hoàn thiện kết nối giúp rút ngắn thời gian di chuyển.	- Giảm chi phí logistics (chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành). - Giảm phát thải khí nhà kính do rút ngắn quãng đường vận chuyển đường bộ.
Hạ tầng Môi trường & Số	1. Xử lý chất thải: Cấp phép và giám sát các đơn vị xử lý rác thải công nghiệp (như Cty Môi trường Nghệ An). 2. Hạ tầng số: Phủ sóng 5G tại các KCN, chuyển đổi số thủ tục hành chính.	- Giải quyết bài toán rác thải điện tử phát sinh. - Tạo nền tảng cho mô hình "Nhà máy thông minh" (Smart Factory).

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

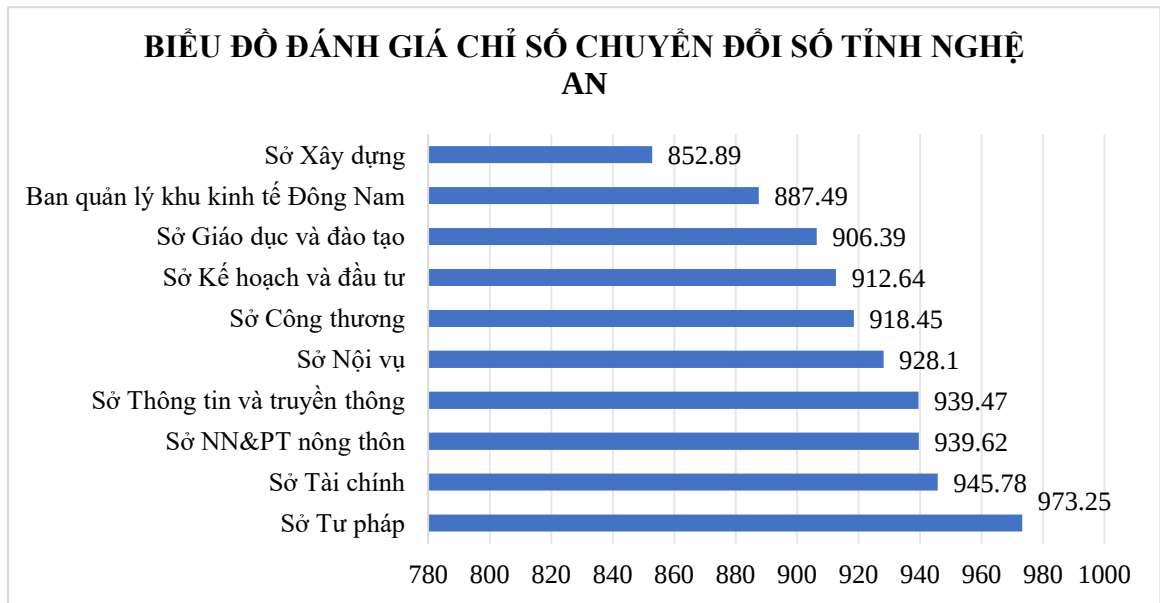
Hệ thống văn bản quy hoạch và đầu tư của Nghệ An thể hiện sự nhất quán cao độ (Phụ lục 1) cho thấy định hướng quy hoạch và tăng trưởng xanh đã được thiết lập tương đối đồng bộ. Điểm khác biệt lớn nhất của Nghệ An là sự sẵn sàng của các KCN thế hệ mới, được đầu tư đồng bộ và hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Các KCN như VSIP, WHA không chỉ cung cấp mặt bằng sạch mà còn đảm bảo hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như hệ thống cấp điện ổn định, nhà máy cấp nước sạch công suất lớn, và đặc biệt là các nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường khắt khe. KCN VSIP Nghệ An đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải công suất

6,000 m³/ngày đêm, đạt chuẩn A của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tương tự, KCN WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An bố trí công suất xử lý nước thải khoảng 3.200-9.000 m³/ngày đêm, có khả năng mở rộng, cùng hệ thống cấp nước, thoát nước và chống ngập. Những cấu phần này làm giảm thời gian chuẩn bị dự án và rủi ro tuân thủ của doanh nghiệp thuê đất.

Việc đầu tư hạ tầng đi trước một bước, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối và hạ tầng KCN sẵn sàng, được xem là yếu tố thu hút các tập đoàn sản xuất lớn. Đối với các nhà đầu tư trong chuỗi cung ứng toàn cầu, vốn có yêu cầu rất cao về hiệu quả logistics và tiêu chuẩn môi trường sản xuất, sự sẵn sàng về hạ tầng của Nghệ An đã giải quyết được những bài toán cơ bản và quan trọng nhất, tạo ra một lợi thế cạnh tranh vượt trội. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những thách thức đặt ra cho tỉnh Nghệ An trong thu hút vốn FDI xanh là sự đồng bộ chưa cao, các hạ tầng giao thông, logistics vẫn còn hạn chế. Năng lượng xanh được cung ứng chưa đủ do nguồn cung điện năng lượng tái tạo chưa được triển khai mạnh mẽ. Việc xử lý rác thải công nghiệp chưa có các khu xử lý rác thải tập trung quy mô lớn, công nghệ hiện đại tương xứng với tốc độ phát triển công nghiệp.

- Tập trung nâng hạng các chỉ số môi trường kinh doanh, chuyển đổi số

Tỉnh Nghệ An đã xác định mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm, thể hiện qua mục tiêu đưa chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) vào nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Đồng thời, Nghị quyết về chuyển đổi số của tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Nghị quyết 09-NQ/TU), Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 (ban hành kèm Quyết định 586/KH-UBND) và Đề án Chuyển đổi số đến năm 2030 (Quyết định 3050/QĐ-UBND) đã vạch ra lộ trình cụ thể để hiện đại hóa nền hành chính và phát triển kinh tế số. Hệ thống văn bản này không chỉ là mệnh lệnh hành chính mà còn là công cụ chính sách thu hút các nhà đầu tư quốc tế. Kết hợp với các chính sách về tăng trưởng xanh đã tạo ra cam kết bền vững, chứng minh tầm nhìn dài hạn của Nghệ An là đối tác của công nghệ và bền vững. Tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động như ban hành các kế hoạch, quyết định liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp sở, ngành và địa phương (DTI). Đến nay, tỉnh đã hoàn thành một số mục tiêu về Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, cho thấy những nỗ lực ban đầu trong việc ứng dụng công nghệ để cải thiện quản trị và dịch vụ công.



Biểu đồ 3.10. Xếp hạng điểm DTI của các đơn vị sở ban ngành tỉnh Nghệ An năm 2024

Nguồn: www.dti.nghean.gov.vn

Theo điểm xếp hạng chỉ số chuyển đổi số ở các đơn vị sở ban ngành tỉnh Nghệ An năm 2024 cho thấy các đơn vị có ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp FDI là Sở tài chính, sở NN&PTNT, Sở công thương, Sở kế hoạch và đầu tư có số điểm cao. Tuy nhiên, các đơn vị như Sở xây dựng, Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam có số điểm khiêm tốn. Cho thấy sự chậm trễ trong chuyển đổi số dẫn đến quy trình thẩm định thủ công, kéo dài, gây ách tắc triển khai các dự án.

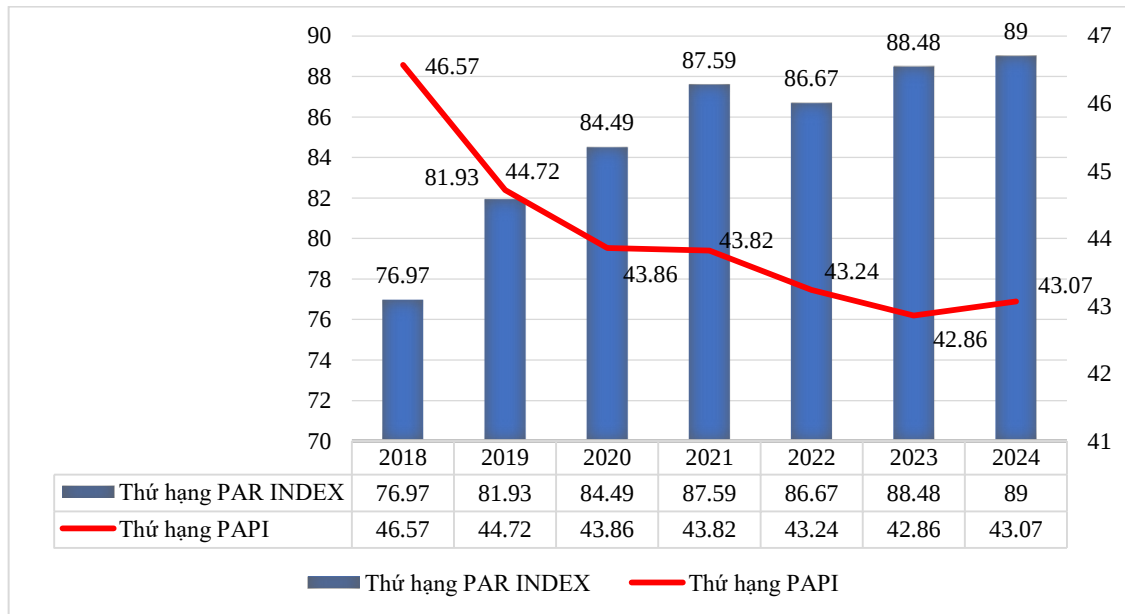
Sự tương phản gay gắt giữa dòng vốn FDI kỷ lục và chỉ số PCI sụt giảm cho thấy một thực tế phức tạp. Các nhà đầu tư FDI quy mô lớn, chiến lược có thể được hưởng các cơ chế đặc thù, được lãnh đạo tỉnh quan tâm và trực tiếp tháo gỡ vướng mắc, giúp họ vượt qua các rào cản hành chính. Các yếu tố vĩ mô như hạ tầng vượt trội và nguồn lao động dồi dào cũng đủ sức hấp dẫn để họ đưa ra quyết định đầu tư.

- Cải cách hành chính

Công tác CCHC được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, được cụ thể hóa trong các nghị quyết của Tỉnh ủy và kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh, nhằm thực hiện mục tiêu tại Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. CCHC của Nghệ An được triển khai theo hướng tập trung vào

việc giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch. Các chỉ số PAR Index, PAPI và SIPAS đóng vai trò là những thước đo định lượng quan trọng, phản ánh hiệu quả của các chính sách này.

Hàng năm, UBND tỉnh Nghệ An ban hành văn bản về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả, khắc phục tồn tại, hạn chế công tác cải cách hành chính và cải thiện các chỉ số PAR INDEX và PAPI.

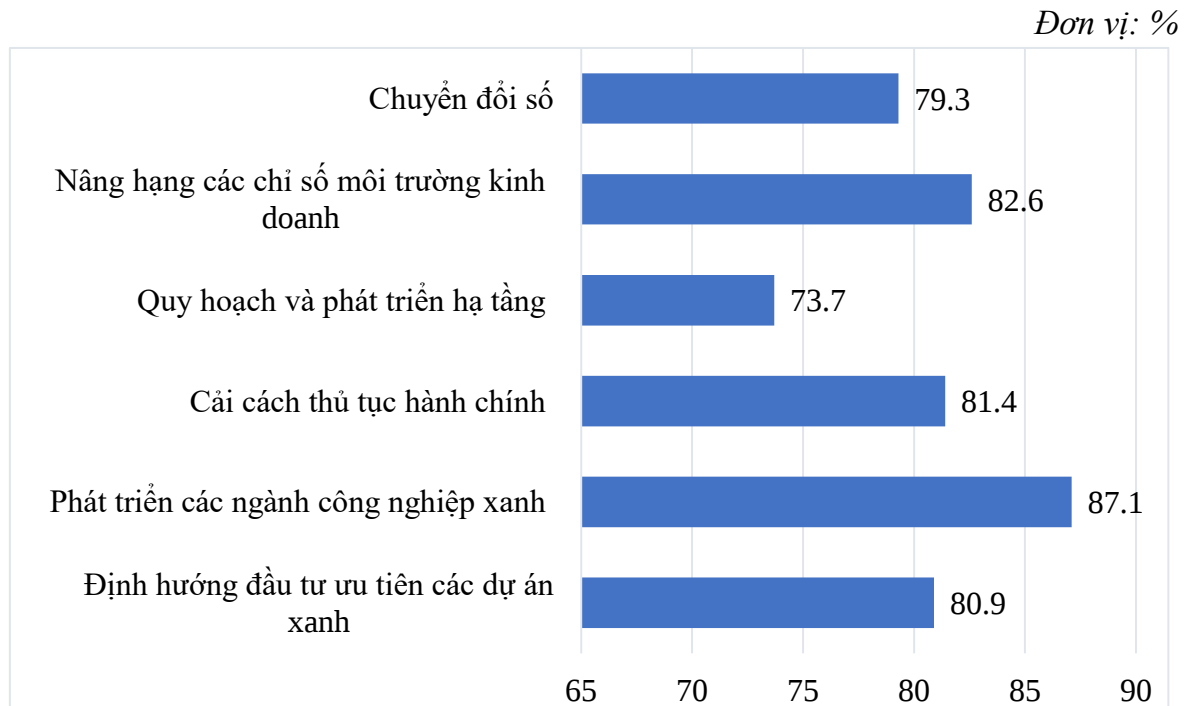


Biểu đồ 3.11. Thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2024

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Sự cải thiện đồng bộ của PAR INDEX và PAPI qua các năm cho thấy nỗ lực của tỉnh, đặc biệt là chỉ số PAR INDEX cho thấy cải cách hành chính đang từng bước được cải thiện.

Nhằm có góc nhìn khách quan về các vấn đề thu hút vốn FDI xanh của chính quyền tỉnh Nghệ An, tác giả tiến hành điều tra xã hội học. Để đánh giá thực trạng tạo lập môi trường thu hút vốn FDI xanh của Chính quyền cấp tỉnh thông qua ý kiến khảo sát của các cán bộ thực thi chính sách với câu hỏi: Trong thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã làm gì để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh? Kết quả thu được về các chỉ tiêu đánh giá môi trường thu hút vốn FDI xanh thể hiện qua biểu đồ 3.12.



Biểu đồ 3.12. Ý kiến của cán bộ đánh giá thực trạng tạo lập môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của Chính quyền tỉnh Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

Biểu đồ 3.12 cho thấy theo đánh giá của cán bộ, Chính quyền tỉnh Nghệ An đã triển khai nhiều hoạt động để tạo lập môi trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh. Cụ thể:

- Hoạt động định hướng đầu tư ưu tiên các dự án xanh: Có 80,9% cán bộ cho biết Nghệ An đã triển khai hoạt động này. Các dự án xanh như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, du lịch sinh thái,... đã được tỉnh Nghệ An chú trọng quy hoạch phát triển.

- Phát triển các ngành công nghiệp xanh: Có 87,1% cán bộ cho biết Nghệ An đã tập trung phát triển các ngành công nghiệp xanh, như sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo,...

- Cải cách thủ tục hành chính: Có 81,4% cán bộ được khảo sát cho biết tỉnh Nghệ An đã chú trọng thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, như thủ tục liên quan đến đăng ký đầu tư, cấp phép xây dựng,... đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư dự án xanh nhằm tạo sức hút đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh. Cùng với cải cách thủ tục hành chính, việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án

xanh cũng nhận được sự xác nhận của 87,6% cán bộ tham gia trả lời, bao gồm các hoạt động như miễn giảm thuế, tiền thuê đất, hỗ trợ đào tạo lao động,...

- Quy hoạch và phát triển hạ tầng: 73,7% cán bộ được khảo sát cho biết tỉnh Nghệ An đã chú trọng việc quy hoạch và phát triển hạ tầng xanh, như hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông,... nhằm thu hút vốn FDI xanh. Một số cán bộ cho biết việc quy hoạch và phát triển hạ tầng luôn được Nghệ An quan tâm triển khai, song trong khâu thực hiện có khi còn vướng mắc do hạn chế về nguồn lực ngân sách.

- Nâng hạng các chỉ số môi trường kinh doanh nhận được sự đồng tình của 82,6% cán bộ tham gia trả lời. Các cán bộ cho biết Nghệ An đã tạo ra môi trường thuận lợi, minh bạch và an toàn cho doanh nghiệp hoạt động, từ đó tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, trong đó có các FDI xanh.

- Chuyển đổi số: Đây là hoạt động nhận được sự xác nhận của 79,3% ý kiến trả lời của cán bộ. Cán bộ cho biết Nghệ An đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong tư duy, chiến lược và các hoạt động thực tiễn trong sử dụng công nghệ số để thay đổi cách thức hoạt động, vận hành nhằm tạo sức hút mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp FDI, trong đó có các FDI xanh đầu tư vào địa bàn tỉnh.

3.2.2. Thực trạng triển khai, cụ thể hóa các chính sách ưu đãi đầu tư xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024

- Chính sách ưu đãi về thuế

Các chính sách ưu đãi thuế TNDN được áp dụng dựa trên quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, đặc biệt là các quy định dành cho khu kinh tế và các lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15 và điểm a, b, khoản 1, Điều 16 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC 07/5/2018 của Bộ Tài chính về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi thuế Nhập khẩu, Xuất khẩu hàng hóa: Quy định tại Điều 14, khoản 1; Điều 15, khoản 1; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bên cạnh các ưu đãi chung, tỉnh Nghệ An ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư qua các giai đoạn: Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/07/2007 về

một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 262/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/07/2007 và số 304/2009/NQ-HĐND ngày 23/12/2009 về một số chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An; Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2010 về việc ban hành chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND, ngày 04 tháng 8 năm 2016 về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025.

Các dự án FDI đầu tư vào KKT Đông Nam, đặc biệt là các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường, được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN cao nhất theo khung pháp luật hiện hành. Cụ thể:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 15 năm.

Miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Ngoài ra, các doanh nghiệp còn được hưởng các chính sách ưu đãi khác như miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) lần đầu, hay các ưu đãi liên quan đến trái phiếu xanh.

Hệ thống ưu đãi thuế của Việt Nam nói chung, được áp dụng tại Nghệ An, có tính cạnh tranh cao so với các quốc gia trong khu vực. Đây là một trong những yếu tố tài chính quan trọng, giúp cải thiện hiệu quả đầu tư và tăng sức hấp dẫn của tỉnh đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Chính sách ưu đãi về đất đai

Quy định tại Điều 8; khoản 6 điểm b; điểm c; Điểm d; theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, khu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao. HĐND tỉnh Nghệ An đã chủ động ban hành các nghị quyết riêng để cụ thể hóa chính sách ưu đãi về đất đai, nổi bật là Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND. Các ưu đãi đầu tư được chia thành:

- Các ưu đãi đầu tư áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2025 gồm: hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào Dự án.

- Các chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư, kinh doanh trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm: hỗ trợ về giá, đơn giá thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ san lấp mặt bằng.

- Các chính sách hỗ trợ dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Đông Nam và ngoài các khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Hỗ trợ san lấp mặt bằng, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến.

Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ ưu đãi cho các dự án đầu tư đặc biệt, Nghị quyết số 23/2024/NQ - HĐND ngày 06/12/2024 Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Theo đó, các lĩnh vực xanh được hỗ trợ ưu đãi rất lớn, điều này khuyến khích các doanh nghiệp FDI xanh đầu tư vào tỉnh. Nghị quyết này quy định rõ chế độ ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất cho các dự án thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư, cụ thể:

Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê (tối đa 50 năm) đối với các dự án đầu tư xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, môi trường.

Miễn tiền thuê đất từ 25 đến 30 năm (sau thời gian xây dựng cơ bản) đối với các dự án xã hội hóa khác, tùy thuộc vào địa bàn đầu tư.

- Các chính sách ưu đãi khác

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Nghệ An ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025. Ngoài ưu đãi về thuế và đất đai, tỉnh còn có các chính sách hỗ trợ khác như hỗ trợ một phần chi phí đào tạo lao động cho các dự án đầu tư, hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng, và hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, giao thông) đến chân hàng rào dự án.

Các chính sách này thể hiện sự đồng hành và chia sẻ của chính quyền tỉnh với nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách hỗ trợ đào tạo lao động đang đối mặt với thách thức lớn. Chỉ số PCI "Đào tạo lao động" của tỉnh tuy có cải thiện nhưng vẫn ở mức trung bình thấp. Thực tế cho thấy, chất lượng và quy mô đào tạo nghề tại địa phương chưa đáp ứng kịp cả về số lượng và chất lượng cho nhu cầu của các dự án FDI công nghệ cao, vốn đòi hỏi lao động có tay nghề và kỷ luật công nghiệp. Đây là một "nút thắt" cần được tháo gỡ để các chính sách hỗ trợ phát huy hiệu quả tối đa.

Để đánh giá hiệu quả của biện pháp ưu đãi đầu tư, khảo sát đối với 58 doanh nghiệp đầu tư trực tiếp FDI xanh tại Nghệ An cho thấy các doanh nghiệp đã nhận được khá nhiều ưu đãi từ chính quyền tỉnh Nghệ An, cụ thể:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Có 51/58 doanh nghiệp cho biết họ được nhận mức ưu đãi này, bao gồm mức thuế suất ưu đãi, miễn, giảm thuế, ưu đãi về thuế nhập khẩu,... Các doanh nghiệp cho biết đây chính là sức hút lớn để các doanh nghiệp đầu tư FDI xanh vào địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Có 54/58 doanh nghiệp cho biết họ được nhận ưu đãi này. Một số đại diện doanh nghiệp cho biết đây là một ưu đãi quan trọng khiến doanh nghiệp quyết định đầu tư vào Nghệ An.

- Được nhận hỗ trợ đầu tư: Có 34/58 doanh nghiệp cho biết họ được nhận hỗ trợ này từ tỉnh Nghệ An. Các hỗ trợ diện này bao gồm chi phí thực hiện thủ tục đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng,... Những hỗ trợ này là cần thiết, theo đánh giá của đại diện doanh nghiệp, để các doanh nghiệp có thể triển khai hoạt động nhanh chóng, hiệu quả hơn tại địa bàn Nghệ An.

- Được nhận hỗ trợ về thủ tục hành chính: Có 42/58 doanh nghiệp xác nhận họ được nhận hỗ trợ diện này. Một số đại diện doanh nghiệp cho biết thủ tục hành chính là khâu khiến họ e ngại nhất, bởi hoàn thiện thủ tục rất mất thời gian và thậm chí là “vô vọng”, nhưng chính sự hỗ trợ nhiệt tình của cán bộ tỉnh Nghệ An khiến công đoạn này được rút ngắn và họ có thể triển khai dự án thuận lợi hơn.

Điểm đặc biệt là, không có doanh nghiệp nào cho biết họ không nhận được hỗ trợ nào từ phía chính quyền. Đây thực sự là tín hiệu tích cực, cho thấy quyết tâm chính trị của tỉnh Nghệ An trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh.

Khi được hỏi về những việc doanh nghiệp phải làm để đạt được những ưu đãi nêu trên, các doanh nghiệp cho biết như sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, các Nghị định hướng dẫn và chính sách đặc thù của Nghệ An: Toàn bộ các doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết họ phải đảm bảo được yêu cầu này. Đại diện các doanh nghiệp cũng cho biết đây là điều kiện tiên quyết và họ không có ý kiến kiến nghị gì về vấn đề này.

Thứ hai, doanh nghiệp thuộc danh mục các lĩnh vực được ưu tiên đầu tư phát triển: Điều kiện này nhận được sự đồng tình của 23/58 đại diện doanh nghiệp. Các đại diện doanh nghiệp cho biết nếu lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên đầu tư phát triển của tỉnh Nghệ An thì thuận lợi hơn, song không vì vậy mà các doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh lại không được chào đón tại đây. Nói như vậy để thấy đây không phải là điều kiện tiên quyết cho việc được nhận những hỗ trợ/ ưu đãi để đầu tư FDI xanh vào địa bàn Nghệ An.

Thứ ba, doanh nghiệp thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư: Có 19/58 đại diện doanh nghiệp xác nhận điều kiện này. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp cho biết đây không phải là điều kiện quan trọng, bởi thực tế, có những doanh nghiệp không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư vẫn có thể được nhận hỗ trợ từ cán bộ tỉnh Nghệ An để đầu tư hiệu quả vào đây.

Điểm đáng lưu ý là, đối với các doanh nghiệp FDI xanh được khảo sát, số ý kiến cho biết doanh nghiệp không cần làm gì, chỉ cần đáp ứng được các điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định là được ưu đãi nhận được sự đồng tình của toàn bộ 58 doanh nghiệp tham gia trả lời. Điều này khẳng định sự cởi mở của Nghệ An trong thu hút vốn đầu tư FDI xanh.

Khi được hỏi về những ưu đãi nêu trên là chung cho các doanh nghiệp FDI hay chỉ dành riêng cho doanh nghiệp FDI xanh, các đại diện doanh nghiệp tham gia trả lời cho biết doanh nghiệp FDI xanh được nhận nhiều ưu đãi hơn so với doanh nghiệp FDI nói chung.

3.2.3. Thực trạng tổ chức xúc tiến đầu tư thu hút FDI xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024

Trên cơ sở triển khai các chiến lược XTĐT chung, để thu hút FDI xanh, Chính quyền tỉnh Nghệ An đã có nhiều chính sách XTĐT tích cực, điều chỉnh hoạt động XTĐT theo hướng trọng tâm, ưu tiên các ngành công nghệ cao, công nghệ hỗ trợ và lĩnh vực phục vụ chuyển đổi xanh, thể hiện trên các hoạt động sau:

Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư

Sự hiện diện ngày càng rõ nét của các doanh nghiệp thuộc chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu cho thấy Nghệ An đã bước đầu nhận diện được xu hướng dịch chuyển sản xuất và xác định tương đối phù hợp một số thị trường, đối tác mục tiêu. Điều này cũng cho thấy các cơ quan XTĐT của tỉnh, đã thực hiện tốt công tác nghiên cứu, phân tích xu hướng dịch chuyển đầu tư và xác định đúng các đối tác mục tiêu tiềm năng. Trên thế giới, giai đoạn quảng bá môi trường đầu tư thường được ghi nhận bởi việc thành lập cơ quan XTĐT cấp quốc gia, việc hình thành các cơ quan XTĐT chuyên trách phản ánh xu hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động nghiên cứu thị trường, quảng bá địa điểm và hỗ trợ nhà đầu tư. Tương tự tại Việt Nam, Cục ĐTNN thành lập năm 2003 đánh dấu bước phát triển mới trong hoạt động XTĐT tại Việt Nam, cả về phạm vi, chức năng cũng như bộ máy tổ chức hoạt động.

Và để triển khai các hoạt động XTĐT có hiệu quả trên địa bàn, UBND tỉnh Nghệ An thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An trên cơ sở hợp nhất các đơn vị theo Quyết định số 509 ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể, đó là Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Nghệ An trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An; Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Xúc tiến Thương mại trực thuộc Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Du lịch trực thuộc Sở Du lịch.

Tuy nhiên, đến ngày 18/7/2025, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 2276/QĐ-UBND phê duyệt Đề án giải thể Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An. Sau sáp nhập, nhằm tinh gọn bộ máy tổ chức, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, chuyển chức năng, nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp về Sở

Tài chính (sau sáp nhập). Sự thay đổi này có thể giúp gắn kết chặt chẽ hơn giữa XTĐT với công tác tham mưu về đầu tư, tài chính, ngân sách và phát triển doanh nghiệp, đồng thời hạn chế sự trùng lặp về chức năng. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi cũng tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn mạng lưới đối tác, phân tán dữ liệu và suy giảm tính chuyên nghiệp của hoạt động XTĐT nếu không duy trì được đội ngũ chuyên trách. Vì thế, đối với thu hút vốn FDI xanh, Nghệ An cần xác lập đầu mối chuyên trách hoặc cơ chế phối hợp liên ngành rõ ràng; xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư mục tiêu; duy trì hoạt động XTĐT tại chỗ; đồng thời đánh giá kết quả bằng chất lượng công nghệ, mức phát thải, liên kết nội địa và đóng góp cho hệ sinh thái kinh tế xanh của tỉnh.

Thực trạng xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư

Công tác tuyên truyền, quảng bá về môi trường đầu tư và thế mạnh trong thu hút đầu tư của tỉnh dưới nhiều hình thức phong phú cụ thể : Phối hợp với các báo, đài trung ương và địa phương để thực hiện các chuyên đề quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư của tỉnh; lồng ghép nội dung quảng bá trong các buổi làm việc với các đoàn nước ngoài; xây dựng các phim ngắn về dữ liệu đầu tư, về sự hấp dẫn của môi trường đầu tư của tỉnh như “Nghệ An - Khẳng định tiềm năng, vươn tầm hội nhập”; “Nghệ An - Khát vọng vươn lên” với các ngôn ngữ Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.

Liên tục cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Nghệ An đến năm 2030, về chính sách ưu đãi đầu tư bằng nhiều thứ tiếng đã tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn dự án phù hợp. Thông tin về hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh luôn được cập nhật thường xuyên trên trang điện tử của các cơ quan của tỉnh, các đơn vị có liên quan...

Hàng năm, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và dịch vụ tỉnh Nghệ An. Các Chương trình nhằm triển khai có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch. Các chương trình nêu rõ mục đích, quan điểm, định hướng chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm,

chương trình chi tiết, kinh phí thực hiện. Các hoạt động xúc tiến đầu tư hiệu quả nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh là:

- Tổ chức các đoàn công tác của tỉnh kết nối đầu tư tại Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và một số nước châu Âu nhằm quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư, chế độ ưu đãi và các dự án cần thu hút đầu tư. Các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh tiếp đón, làm việc (trực tiếp và trực tuyến) với các nhà đầu tư đang có nhu cầu tìm hiểu đầu tư ở địa phương nhằm hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư.

- Phối hợp với các bộ, ban, ngành ở trung ương, các nhà đầu tư hạ tầng, các đối tác chiến lược để quảng bá tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư tại Nghệ An tới các đối tác đầu tư tiềm năng trên thế giới.

Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư

Giai đoạn 2018-2024 cho thấy sự chuyển biến tương đối rõ trong phương thức hỗ trợ nhà đầu tư của Chính quyền tỉnh Nghệ An từ trọng tâm giải quyết thủ tục hành chính sang đồng hành trong toàn bộ vòng đời dự án, bao gồm khảo sát địa điểm, tiếp cận đất đai, cấp phép, tuyển dụng lao động, triển khai xây dựng và vận hành.

Giai đoạn 2018-2020 chủ yếu tạo lập nền tảng thể chế cho việc cải thiện môi trường đầu tư. Tỉnh tập trung rà soát quy hoạch, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, cải cách thủ tục hành chính và kiện toàn đầu mối XTĐT. Việc thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An năm 2020 góp phần tập trung chức năng cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục và hỗ trợ doanh nghiệp. Xét theo lý thuyết chi phí giao dịch, mô hình đầu mối thống nhất có thể làm giảm chi phí tìm kiếm thông tin, hạn chế sự phân tán trách nhiệm và rút ngắn thời gian phối hợp giữa nhà đầu tư với các cơ quan quản lý. Dù vậy, các biện pháp trong giai đoạn này chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư nói chung; bằng chứng về cơ chế hỗ trợ hoặc sàng lọc riêng đối với FDI xanh còn chưa rõ nét.

Giai đoạn 2021-2023 đánh dấu sự chuyển đổi từ cải cách thủ tục đơn lẻ sang chuẩn bị đồng bộ các điều kiện tiếp nhận đầu tư. Phương châm “5 sẵn sàng” của Nghệ An bao gồm: sẵn sàng về quy hoạch, hạ tầng kết nối, mặt bằng đầu tư, nguồn nhân lực và hỗ trợ thủ tục hành chính. Đối với các dự án trong khu công

ng nghiệp, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được công bố có thể rút xuống còn 3-5 ngày; hoạt động hỗ trợ được triển khai từ khi nhà đầu tư khảo sát đến khi dự án đi vào hoạt động. Năm 2023, tỉnh còn hỗ trợ kết nối khoảng 8.000 lao động cho các doanh nghiệp FDI. Đây là sự chuyển biến đáng ghi nhận, bởi khả năng cung ứng lao động và xử lý vướng mắc sau cấp phép có ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án.

Năm 2024 thể hiện xu hướng củng cố chất lượng hỗ trợ và gia tăng hoạt động XTĐT tại chỗ. Nghệ An thu hút gần 1,75 tỷ USD vốn FDI và tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; trong đó, vốn điều chỉnh của các dự án đang hoạt động chiếm tỷ trọng đáng kể. Điều này cho thấy hỗ trợ sau cấp phép, tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện mở rộng dự án có vai trò không kém hoạt động thu hút dự án mới.

Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

Giai đoạn 2018-2024 cho thấy Chính quyền tỉnh Nghệ An đã bước đầu xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số. Giai đoạn 2018-2020 chủ yếu đặt nền móng cho quá trình này thông qua việc nâng cấp các cổng thông tin, phát triển trang thông tin của các sở, ngành và từng bước công khai quy hoạch, danh mục dự án, chính sách ưu đãi trên môi trường mạng. Những hoạt động này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, nhưng dữ liệu vẫn chủ yếu được trình bày dưới dạng văn bản hoặc tệp tài liệu, chưa được chuẩn hóa thành các tập dữ liệu có khả năng tìm kiếm, so sánh và khai thác tự động. Do đó, đây phù hợp hơn khi được nhận định là giai đoạn số hóa thông tin ban đầu, chưa phải quản trị đầu tư dựa trên dữ liệu.

Giai đoạn 2021-2023 đánh dấu bước chuyển từ cung cấp thông tin sang xây dựng công cụ quản lý chuyên biệt. Các phần mềm quản lý đầu tư công, dự án ngoài ngân sách và dữ liệu tại Khu kinh tế Đông Nam góp phần hình thành cơ sở theo dõi dự án xuyên suốt hơn. Điểm tiến bộ cơ bản là dữ liệu không chỉ phục vụ quảng bá, mà còn được sử dụng để giám sát tiến độ, phối hợp xử lý thủ tục và hỗ trợ ra quyết định quản lý.

Quyết định 3819/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng phần mềm giám sát, theo dõi tiến độ dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Nghệ An cho thấy sự quan tâm của Chính quyền

trong việc quản lý, vận hành, sử dụng phần mềm; Đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin, quản lý, theo dõi, truy xuất báo cáo về dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Nghệ An về các nội dung: Thủ tục đầu tư (gồm: chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quy hoạch xây dựng, bảo vệ môi trường, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, cấp giấy phép khai thác khoáng sản, thu hồi đất, bồi thường, GPMB, giao đất/cho thuê đất, phòng cháy chữa cháy, cấp giấy phép xây dựng, ..), tiến độ thực hiện dự án và các nội dung có liên quan khác.

Về mặt quản trị, phần mềm giúp chuẩn hóa luồng thông tin giữa các sở, ngành và địa phương; hỗ trợ phát hiện thủ tục chậm xử lý, dự án chậm tiến độ và những khâu phát sinh trách nhiệm phối hợp. Đây là bước chuyển tích cực từ quản lý hồ sơ rời rạc sang theo dõi dự án theo vòng đời.

Một bước tiến đáng chú ý khác là Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 về Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An. Kế hoạch đặt ra yêu cầu phát triển Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu số của tỉnh, đồng thời đưa dữ liệu dự án đầu tư ngoài ngân sách vào danh mục cung cấp thường xuyên, gồm tên dự án, mục tiêu, tổng vốn đầu tư, địa điểm và tiến độ triển khai. Đây là cơ sở để chuyển dữ liệu đầu tư từ tài nguyên quản lý nội bộ thành nguồn thông tin có thể phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Trong giai đoạn 2023-2024, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch xây dựng và ứng dụng GIS tạo điều kiện tích hợp thông tin theo không gian. Nếu được vận hành đầy đủ, bản đồ số có thể giúp nhà đầu tư xác định vị trí khu công nghiệp, quỹ đất, kết nối giao thông, khoảng cách đến cảng biển, nguồn điện, cấp nước và hạ tầng xử lý môi trường. Đối với thu hút FDI xanh, hạn chế lớn hơn là các hệ thống hiện nay chủ yếu tập trung vào thông tin pháp lý, thủ tục và tiến độ, trong khi dữ liệu phản ánh “chất lượng xanh” của địa điểm và dự án còn thiếu. Vì thế, Chính quyền tỉnh cần bổ sung các lớp dữ liệu về: Công suất và nguồn cung điện tái tạo, cấp nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải, hiện trạng môi trường nền,....

Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư xanh

Bối cảnh kinh tế toàn cầu từ năm 2018 đã bắt đầu chứng kiến những biến động địa chính trị sâu sắc, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và sau đó là đại

dịch COVID-19, dẫn đến xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu (China+1). Đứng trước cơ hội lịch sử từ làn sóng dịch chuyển đầu tư này, chính quyền tỉnh Nghệ An đã nhận thức rõ sự cần thiết phải thay đổi tư duy quản lý và xúc tiến đầu tư. Điều này đòi hỏi một cuộc cách mạng trong công tác xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư: chuyển từ tư duy “trải thảm đỏ thu hút bằng mọi giá” sang chiến lược “thu hút có chọn lọc”, ưu tiên các dự án thân thiện với môi trường, sử dụng công nghệ tiên tiến và có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Khái niệm “FDI Xanh” (Green FDI) bắt đầu trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh. Bước vào giai đoạn 2018 - 2020, tư duy xây dựng danh mục bắt đầu có sự chuyển biến tích cực, gắn liền với sự phát triển của Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp (KCN) trọng điểm. Tỉnh đã chủ động hợp tác với các nhà phát triển hạ tầng KCN chuyên nghiệp hàng đầu khu vực như VSIP và WHA để tái cấu trúc danh mục đầu tư công nghiệp. Thay vì tỉnh tự mình đi mời gọi từng nhà đầu tư nhỏ lẻ vào các khu đất chưa giải phóng mặt bằng, chiến lược mới tập trung vào việc thu hút các nhà đầu tư hạ tầng “đầu đàn”. Chính các đơn vị này, với kinh nghiệm và mạng lưới khách hàng toàn cầu, sẽ đóng vai trò là “nam châm” hút các nhà đầu tư thứ cấp chất lượng cao.

Quy trình xây dựng danh mục trong giai đoạn này bắt đầu tích hợp các yếu tố về quy hoạch sử dụng đất và đánh giá tác động môi trường sơ bộ. Sở Kế hoạch và Đầu tư (cũ) phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam tiến hành rà soát, loại bỏ các dự án không còn phù hợp, đồng thời bổ sung các dự án hạ tầng giao thông kết nối thiết yếu (như đường N5, đường ven biển) vào danh mục ưu tiên đầu tư công để tạo đòn bẩy cho thu hút tư nhân.

Giai đoạn từ năm 2021, đặc biệt sau Hội nghị COP26 với cam kết Net Zero của Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong công tác xây dựng danh mục dự án tại Nghệ An. Trong danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào tỉnh Nghệ An, tỷ trọng các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics và dịch vụ chất lượng cao chiếm ưu thế tuyệt đối. Các dự án bất động sản thuần túy hay khai thác tài nguyên thô bị hạn chế đáng kể.

Một điểm nghẽn lớn trong quá khứ của Nghệ An là hệ thống logistics chưa đồng bộ. Nhận diện điều này, danh mục dự án kêu gọi đầu tư đã dành sự ưu tiên đặc biệt cho hạ tầng cảng biển và giao thông kết nối. Mặt khác, việc xây dựng danh mục dự án theo hướng cụm ngành đã bắt đầu tạo ra những hiệu ứng lan tỏa tích cực. Tại KCN WHA và VSIP, một mạng lưới các nhà máy sản xuất linh kiện phụ trợ (khuôn đúc, dây cáp, bao bì carton, nhựa kỹ thuật) đang hình thành. Điều này giúp tăng tỷ lệ nội địa hóa (dù còn chậm) và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, phân tích thực tế cho thấy sự tham gia của doanh nghiệp bản địa Nghệ An vào chuỗi này vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở cung cấp dịch vụ xây dựng, vận tải, suất ăn công nghiệp và an ninh, chưa thâm nhập sâu vào chuỗi sản xuất cốt lõi.

Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư

Giai đoạn 2018-2024, hợp tác xúc tiến đầu tư của Nghệ An từng bước chuyển từ các hoạt động riêng lẻ sang phương thức liên kết theo mạng lưới. Trong giai đoạn nghiên cứu, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Nghệ An giữ vai trò đầu mối tổ chức và điều phối thực hiện chức năng xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Nghệ An đã không ngừng nỗ lực đổi mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế, đặc biệt là trong hợp tác về xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế. Tỉnh đã vận dụng linh hoạt cơ chế "Chính phủ với Chính phủ" (G2G) và "Doanh nghiệp với Doanh nghiệp" (B2B), tận dụng các phái đoàn ngoại giao để mở cửa cho các nhà phát triển khu công nghiệp và nhà đầu tư tư nhân. Kênh này có vai trò mở cửa thị trường, thiết lập lòng tin và cung cấp bảo đảm thể chế ban đầu. G2B giúp tỉnh trực tiếp truyền tải thông tin về quy hoạch, đất đai, hạ tầng và chính sách; trong khi B2B hỗ trợ chuyển hóa các cơ hội xúc tiến thành quyết định khảo sát, thuê lại đất công nghiệp, xây dựng chuỗi cung ứng và triển khai dự án.

Ngoài ra, rất nhiều các hoạt động hợp tác và tìm kiếm hợp tác xúc tiến đầu tư đã được tỉnh triển khai bằng những chương trình giao lưu, hội nghị, diễn đàn....

Hoạt động xúc tiến tại Nhật Bản năm 2018, với hội nghị thu hút hơn 130 doanh nghiệp và việc tiếp nhận 23 đoàn nhà đầu tư trong năm, trong đó có 17 đoàn nước ngoài và 9 đoàn quay lại khảo sát lần thứ hai, cho thấy Nghệ An đã bước đầu chuyển từ quảng bá đại trà sang tiếp cận và theo dõi các nhà đầu tư mục tiêu. Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị cung ứng điện, hải quan và các nhà phát triển hạ tầng như VSIP, WHA trong quá trình Tập đoàn BYD khảo sát địa điểm năm 2023 là biểu hiện tương đối rõ của cơ chế liên kết G2B-B2B. Mô hình này giúp nhà đầu tư tiếp cận đồng thời các thông tin về địa điểm, năng lượng, logistics và thủ tục hành chính, qua đó rút ngắn quá trình chuẩn bị đầu tư.

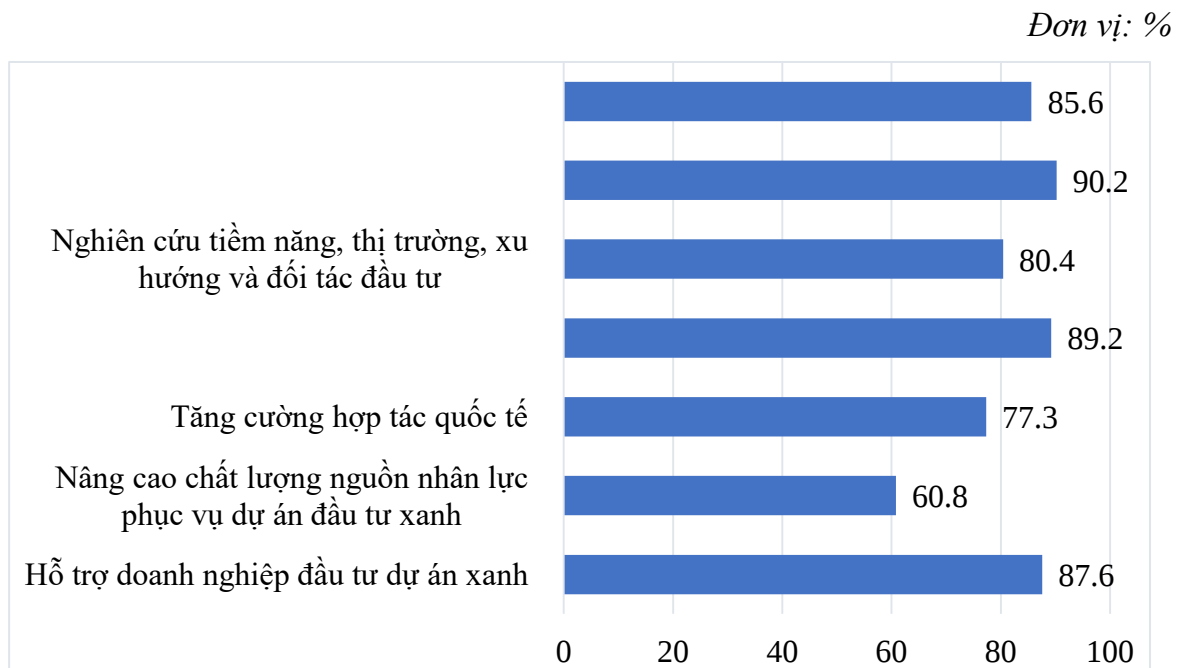
Các đoàn xúc tiến cấp cao, trong đó có chương trình làm việc tại Trung Quốc năm 2024, đã hỗ trợ Nghệ An tiếp cận chính quyền địa phương, nhà đầu tư chiến lược và các nhà phát triển hạ tầng khu công nghiệp. Đây là kênh quan trọng để tạo hiệu ứng bảo chứng và thúc đẩy các cuộc tiếp xúc chuyên sâu sau xúc tiến. Tuy nhiên, theo đánh giá của tác giả, việc tập trung tương đối lớn vào các thị trường Đông Á có thể làm phát sinh rủi ro phụ thuộc về thị trường, công nghệ và chuỗi cung ứng. Vì vậy, tỉnh cần đồng thời mở rộng hợp tác với các đối tác châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Singapore, các định chế tài chính phát triển và mạng lưới công nghệ sạch nhằm đa dạng hóa nguồn FDI xanh.

Bên cạnh đó, các hợp tác trong nước cũng được triển khai mạnh mẽ. Vào tháng 4 năm 2019, TP.HCM và Nghệ An đã ký thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2019-2025. Đây không phải là một cử chỉ mang tính biểu tượng; nó được hỗ trợ bởi dữ liệu đầu tư hữu hình. Hợp tác vận hành trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. TP.HCM cung cấp chuyên môn về xúc tiến thương mại, quản lý du lịch và quy hoạch đô thị, trong khi Nghệ An cung cấp nguồn lực đất đai và lao động. Quan hệ đối tác này đã tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy hàng hóa và chia sẻ kinh nghiệm cải cách hành chính, giúp Nghệ An cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Nhìn chung, hợp tác trong nước và quốc tế đã góp phần mở rộng mạng lưới tiếp cận nhà đầu tư và nâng cao vị thế của Nghệ An. Tuy nhiên, để phục vụ mục tiêu thu hút FDI xanh, tỉnh cần chuyển trọng tâm từ số lượng hội nghị, đoàn công

tác và biên bản ghi nhớ sang chất lượng các cơ hội đầu tư được hình thành. Mạng lưới hợp tác cần được mở rộng tới các quỹ khí hậu, ngân hàng phát triển, tổ chức chứng nhận môi trường, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ sạch; đồng thời xây dựng cơ chế theo dõi sau xúc tiến và bộ tiêu chí sàng lọc dự án xanh. Đây là điều kiện để hoạt động hợp tác không chỉ tạo ra dòng vốn, mà còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cấp chuỗi cung ứng địa phương và cải thiện chất lượng tăng trưởng của tỉnh.

Để đánh giá các biện pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của Chính quyền cấp tỉnh thông qua ý kiến khảo sát của các cán bộ thực thi chính sách với câu hỏi: Trong thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã làm gì để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh?



Biểu đồ 3.13. Ý kiến của cán bộ về những hoạt động XTĐT của Chính tỉnh Nghệ An đã làm để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Nguồn: Điều tra của tác giả

Biểu đồ 3.13 cho thấy theo đánh giá của cán bộ, tỉnh Nghệ An đã triển khai nhiều hoạt động XTĐT để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh. Cụ thể:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ dự án đầu tư xanh: Có 60,8% cán bộ cho biết Nghệ An đã triển khai hoạt động này. Thực tế, nguồn nhân

lực phục vụ dự án đầu tư xanh đang là một khó khăn chung đối với cả nước. Các cán bộ cho biết họ đều ý thức được vai trò của nguồn lao động trong phát triển kinh tế xanh, song việc đào tạo nguồn nhân lực cần một khoảng thời gian đủ dài thì mới phát huy tác dụng và tỉnh Nghệ An đã tập trung các nguồn lực để phát triển khía cạnh này.

- Tăng cường hợp tác quốc tế: Hoạt động này nhận được xác nhận của 77,3% ý kiến trả lời từ phía cán bộ. Các cán bộ cho biết hoạt động này nhằm thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ,... Hoạt động này đã được triển khai mạnh mẽ tại Nghệ An và đang phát huy tác dụng trong thu hút FDI xanh tại đây.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về đầu tư xanh cho người dân, doanh nghiệp: Có 89,2% cán bộ cho biết Nghệ An đã triển khai mạnh mẽ hoạt động này. Việc tuyên truyền này tập trung vào tầm quan trọng của đầu tư xanh, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ và người dân trong sản xuất, tiêu dùng sản phẩm xanh từ đó gián tiếp thúc đẩy đầu tư xanh.

- Hoạt động nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư nhận được sự đồng tình của 80,4% cán bộ tham gia khảo sát. Tỉnh Nghệ An đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tìm hiểu, tìm kiếm đối tác đầu tư và đối tác có tiềm năng đầu tư để có những bước chuyển mình phù hợp nhằm thu hút FDI xanh vào địa bàn tỉnh.

- Hoạt động xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư: Đây là hoạt động được tỉnh Nghệ An triển khai thường xuyên, với 90,2% cán bộ tham gia trả lời xác nhận. Thông qua các cơ quan xúc tiến thương mại và qua các phương tiện truyền thông đại chúng,... Nghệ An đã và đang xây dựng và quảng bá hình ảnh môi trường đầu tư an toàn, minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh vào địa bàn tỉnh. Bên cạnh việc xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư tỉnh Nghệ An, tỉnh cũng đã xây dựng hệ thống thông tin, hệ thống ấn phẩm, tài liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư với 85,6% cán bộ Nghệ An cho biết tỉnh nhà đã thực hiện hoạt động này.

3.2.4. Sàng lọc, thẩm định dự án và giám sát thực hiện cam kết xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018-2024

Công tác sàng lọc dự án tại Nghệ An hiện nay đang vận hành dựa trên một cơ chế kép: các quy định cứng của pháp luật quốc gia và các tiêu chí mềm (chính sách địa phương). Nghệ An đã xác lập một quan điểm nhất quán trong thu hút đầu tư, thường được ví như chính sách “ba không”: Không chấp nhận dự án công nghệ lạc hậu; Không chấp nhận dự án tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường; Không chấp nhận dự án thâm dụng tài nguyên. Đây là bộ lọc sơ cấp quan trọng nhất. Khác với giai đoạn trước khi tỉnh chấp nhận các dự án xi măng, khoáng sản, nay trọng tâm đã chuyển sang các lĩnh vực chế biến, chế tạo và điện tử.

Các dự án không đạt chuẩn bị từ chối ngay từ khâu khảo sát địa điểm. Chính quyền tỉnh đã thể hiện sự kiên quyết trong việc từ chối các nhà đầu tư không chứng minh được năng lực công nghệ hoặc có lịch sử vi phạm môi trường. Điều này tạo ra một tín hiệu thị trường tích cực, định vị Nghệ An là điểm đến của các nhà đầu tư nghiêm túc và bền vững. Tuy nhiên, khái niệm “công nghệ lạc hậu” hay “tiềm ẩn nguy cơ” vẫn mang tính định tính cao, phụ thuộc nhiều vào năng lực chủ quan của hội đồng thẩm định.

Đối với các dự án FDI vào Nghệ An, đặc biệt trong các KCN như WHA hay VSIP, quy trình thẩm định môi trường không chỉ dừng lại ở văn bản ĐTM. Tỉnh yêu cầu nhà đầu tư phải giải trình chi tiết về công nghệ xử lý nước thải cục bộ trước khi đầu nối vào hệ thống tập trung.

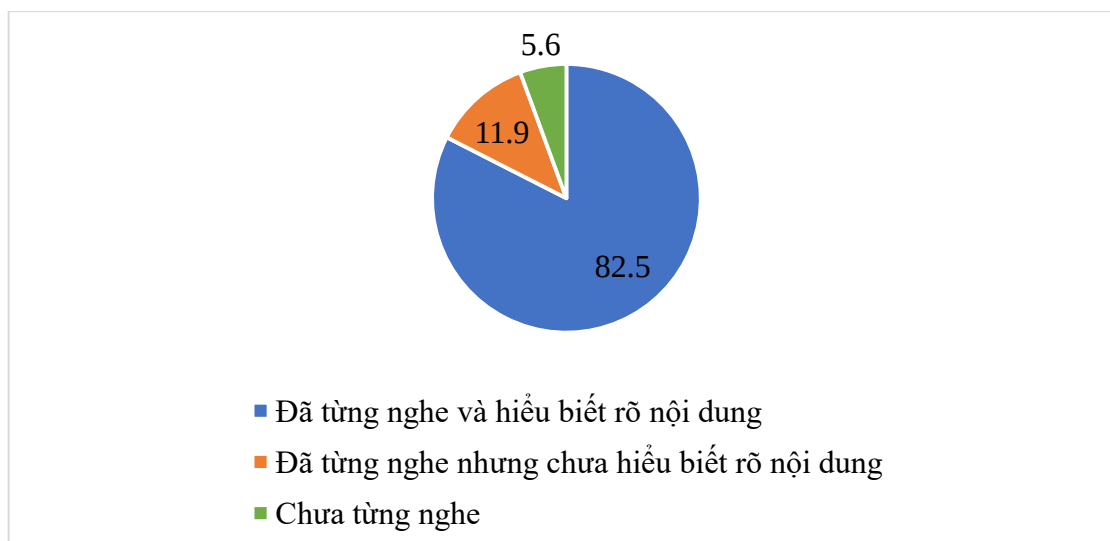
Một yếu tố không thể tách rời trong "cam kết xanh" của doanh nghiệp FDI là nguồn năng lượng sử dụng. Các tập đoàn công nghệ lớn đều có lộ trình sử dụng 100% năng lượng tái tạo (RE100). Do đó, khả năng cung ứng năng lượng sạch của Nghệ An là một tiêu chí thẩm định ngược của nhà đầu tư đối với tỉnh.

Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập với sự quan tâm của Tập đoàn SK (Hàn Quốc) có tổng mức đầu tư hơn 2 tỷ USD là một bước đi chiến lược. Việc chuyển đổi từ quy hoạch điện than sang điện khí LNG giúp giảm đáng kể lượng phát thải carbon của lưới điện địa phương.

Nhằm có góc nhìn khách quan về các vấn đề sàng lọc, thẩm định dự án trong thu hút vốn FDI xanh của chính quyền tỉnh Nghệ An, kết quả khảo sát như sau:

Đối với cán bộ thực thi chính sách đại diện cho Chính quyền cấp tỉnh khi được hỏi về việc thu hút vốn FDI xanh, là yếu tố tiên quyết dẫn dắt dòng vốn FDI chuyển từ "thu hút bằng mọi giá" sang "thu hút có chọn lọc".

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ cán bộ đã từng nghe về việc thu hút vốn trực tiếp nước ngoài xanh

Nguồn: Điều tra của tác giả

Biểu đồ 3.14 cho thấy tỷ lệ cán bộ cho biết họ chưa từng nghe về thu hút vốn FDI xanh chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn, với chỉ 5,6%. Số cán bộ cho biết họ đã từng nghe về vấn đề này rất cao, lên tới 94,4%. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ khá cao đã từng nghe nhưng chưa hiểu biết rõ nội dung.

Nhằm nhận định thực sự các biện pháp thu hút của Chính quyền Nghệ An có hiệu quả với các doanh nghiệp FDI, câu hỏi khảo sát đối với doanh nghiệp FDI là: Yếu tố nào tác động đến quyết định đầu tư tại tỉnh Nghệ An của doanh nghiệp ông/bà? Kết quả khảo sát (biểu đồ 3.18) cho thấy có nhiều yếu tố tác động đến quyết định đầu tư tại tỉnh Nghệ An của doanh nghiệp FDI xanh. Có thể chia thành các nhóm yếu tố như sau:

- Một là, nhóm yếu tố có liên quan đến các ưu đãi/ hỗ trợ dành cho doanh nghiệp, như hỗ trợ về thủ tục hành chính, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng của tỉnh, ưu đãi về thuế (như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu,...), ưu đãi về đất đai (như tiền thuê đất, tiền sử dụng đất). Những ưu đãi này nhận được sự đồng tình của

trên 50 đại diện doanh nghiệp tham gia trả lời. Trong đó, điểm sáng nhất là hỗ trợ về thủ tục hành chính, với 53/58 ý kiến trả lời. Bên cạnh đó, các yếu tố khác tại địa phương, như hoạt động của cơ quan xúc tiến tại địa phương, tư duy chiến lược của lãnh đạo tỉnh về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, định hướng phát triển bền vững và hướng đến việc phát triển kinh tế xanh của tỉnh Nghệ An, hỗ trợ đào tạo về nhân lực, văn hóa và thái độ của cộng đồng cũng là lực hút đối với các doanh nghiệp FDI xanh tại Nghệ An.

- *Hai là*, các yếu tố liên quan đến bối cảnh quốc tế và doanh nghiệp, như động cơ, chiến lược của nhà đầu tư nước ngoài, tiềm năng tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư, môi trường kinh tế thế giới. Những yếu tố này cũng tác động đến quyết định đầu tư của khoảng 45 doanh nghiệp FDI xanh tại Nghệ An.

- *Ba là*, nhóm các yếu tố liên quan đến vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, như lợi thế vị trí địa lý (trung tâm Bắc Trung Bộ, cửa ngõ giao thương giữa miền Bắc với miền Trung, giữa Việt Nam với các nước trong khu vực,...), chuỗi cung ứng và liên kết ngành, hạ tầng khu công nghiệp xanh, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin. Đây là các yếu tố có khả năng chi phối tới quyết định đầu tư của xấp xỉ 40/58 doanh nghiệp được khảo sát.

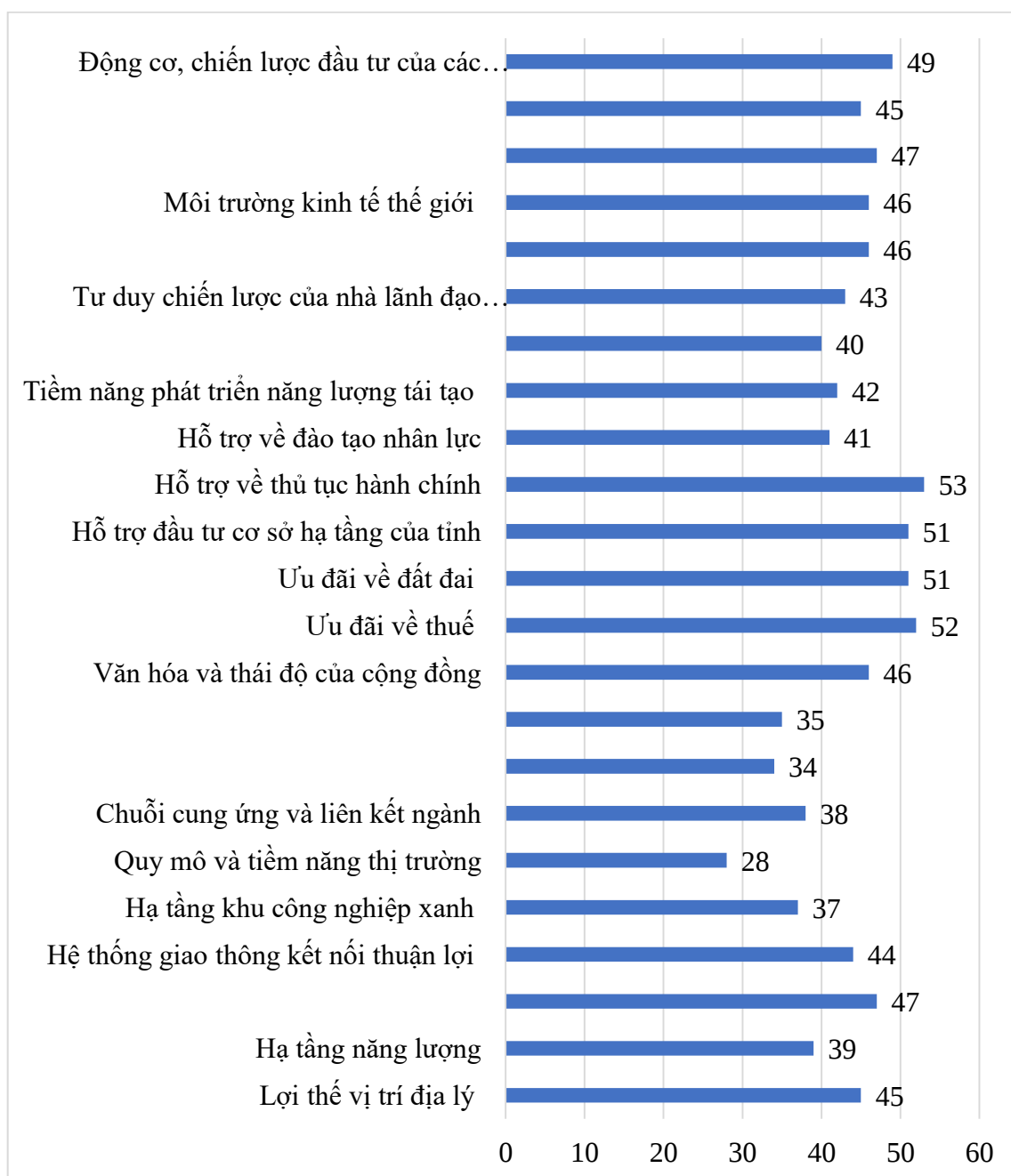
- *Bốn là*, nhóm yếu tố liên quan đến vấn đề lao động tại Nghệ An, như Lực lượng lao động trẻ, năng động và có trình độ ngày càng được nâng cao và chi phí lao động cạnh tranh so với các tỉnh, thành phố khác trong khu vực. Hai yếu tố này có sức hút đối với lần lượt 35 và 34 doanh nghiệp được khảo sát.

- *Năm là*, các yếu tố liên quan đến năng lượng, như tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo và hạ tầng năng lượng, quyết định tới 42 và 39 doanh nghiệp được khảo sát.

- *Sáu là*, yếu tố quy mô và tiềm năng thị trường có sức chi phối thấp nhất, với 28/58 doanh nghiệp xác nhận.

Dữ liệu khảo sát thể hiện mặc dù có nhiều yếu tố chi phối tới quyết định đầu tư trực tiếp xanh của các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Nghệ An song mức độ tác động của các yếu tố lại khác nhau, trong đó, các yếu tố có tác động mạnh nhất là các hỗ trợ từ chính quyền, trong khi yếu tố quy mô và tiềm năng thị trường lại có mức độ tác động thấp hơn.

Đơn vị: Doanh nghiệp



Biểu đồ 3.15. Ý kiến của đại diện doanh nghiệp về các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại Nghệ An

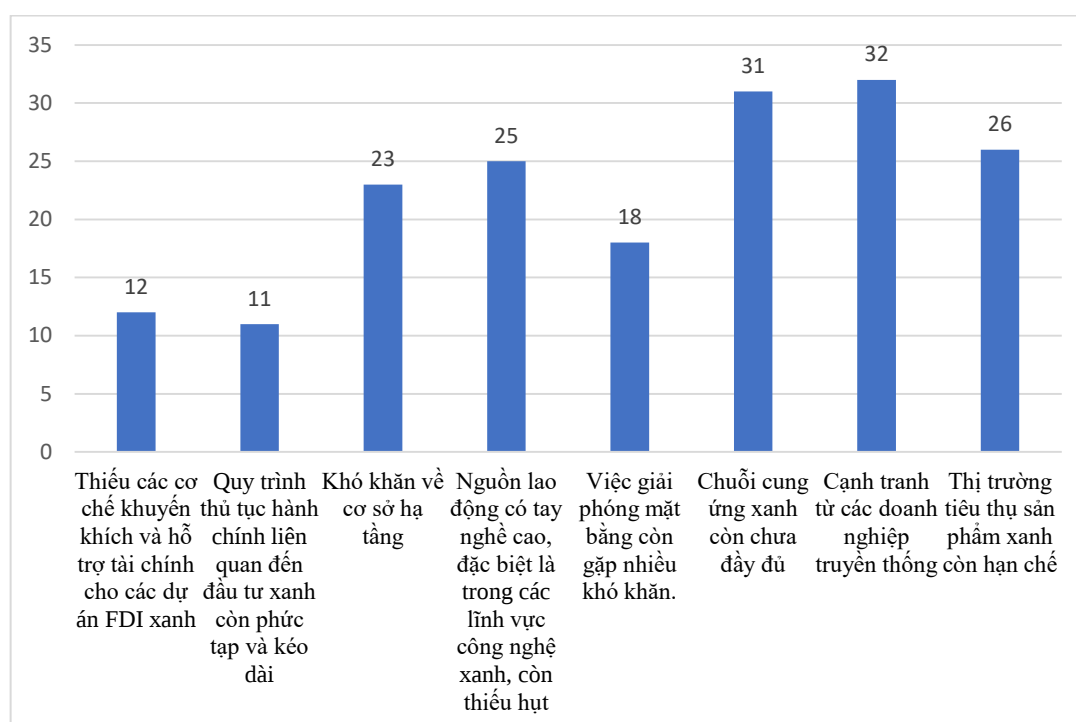
Nguồn: Điều tra của tác giả

Khi được hỏi doanh nghiệp có áp dụng mô hình sản xuất xanh không, có 18 đại diện doanh nghiệp cho biết doanh nghiệp của họ có áp dụng mô hình sản xuất xanh trong toàn bộ quy trình sản xuất; số ý kiến cho biết doanh nghiệp có áp dụng 1

phần mô hình sản xuất xanh là 40 trường hợp. Đặc biệt, không có doanh nghiệp nào trả lời doanh nghiệp của họ không áp dụng mô hình sản xuất xanh.

Nhằm nhận diện những khó khăn, thách thức trong thu hút vốn FDI xanh tại tỉnh Nghệ An, để có cơ sở thực tiễn xác định những rào cản và điểm nghẽn đang kìm hãm dòng vốn FDI vào tỉnh Nghệ An. Nghiên cứu khảo sát đánh giá của cán bộ thực thi và đại diện doanh nghiệp, kết quả như sau:

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.16. Ý kiến của đại diện doanh nghiệp về những khó khăn/thách thức đối với doanh nghiệp FDI xanh tại Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

Biểu đồ 3.16 thể hiện theo ý kiến của đại diện doanh nghiệp được khảo sát, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Nghệ An còn gặp nhiều khó khăn, mức độ khó khăn có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể:

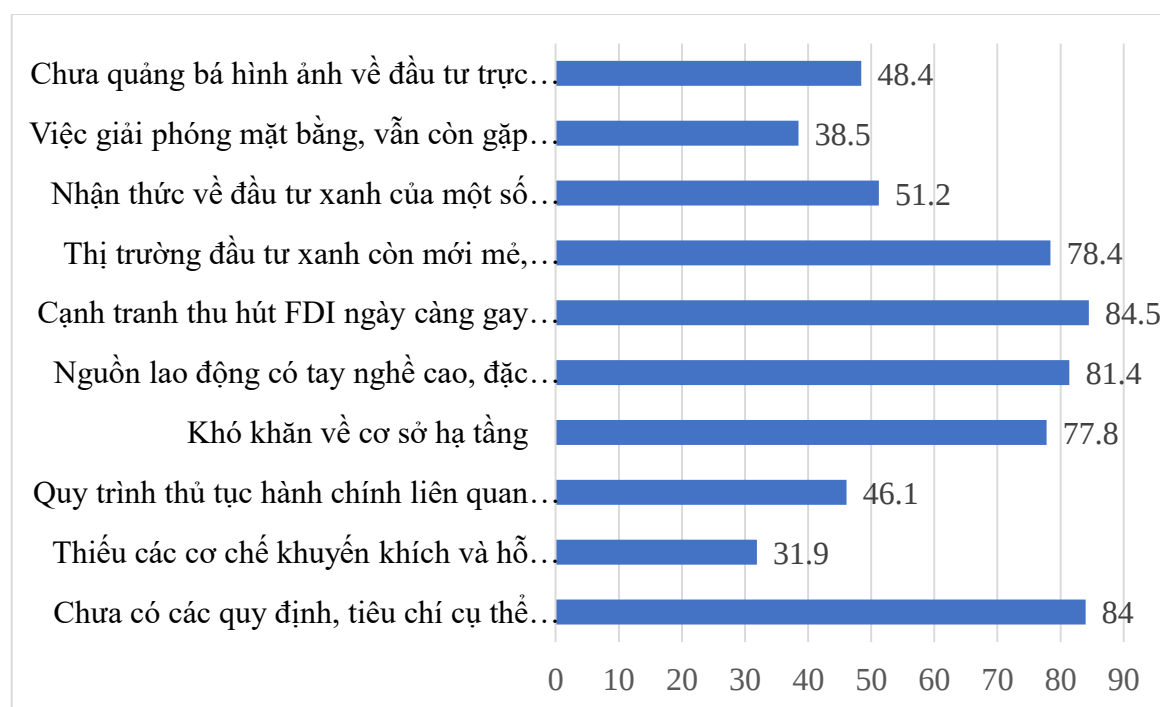
Khó khăn lớn nhất là cạnh tranh từ các doanh nghiệp truyền thống vốn có vốn đầu tư và giá thành thấp hơn. Điều này gây khó khăn cho tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp xanh và có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp FDI xanh.

Chuỗi cung ứng xanh còn chưa đầy đủ, với 31/58 doanh nghiệp xác nhận. Sản phẩm xanh khi các khâu của chuỗi cung ứng đều phải xanh, song một số doanh

ngành cho biết họ bị gián đoạn chuỗi cung ứng vì có những khâu, những công đoạn của sản phẩm chưa xanh. Thị trường tiêu thụ sản phẩm xanh còn hạn chế nhận được sự đồng tình của 26 đại diện doanh nghiệp, vì liên quan đến việc cạnh tranh từ các doanh nghiệp truyền thống, vốn có giá thành sản phẩm thấp hơn trong khi đầu tư xanh tiêu tốn nhiều chi phí hơn. Nguồn lao động còn thiếu hụt, nhất là lao động tay nghề cao trong lĩnh vực sản xuất xanh. Đây không chỉ là khó khăn của riêng tỉnh Nghệ An mà còn là khó khăn chung của cả nước, với 25/58 doanh nghiệp xác nhận. Khó khăn về cơ sở hạ tầng là thách thức đối với 23/58 doanh nghiệp được hỏi. Doanh nghiệp cho biết cơ sở hạ tầng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp trong quá trình đầu tư, vận hành. Các khó khăn còn lại, như giải phóng mặt bằng, thiếu các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các dự án FDI xanh, quy trình thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xanh còn phức tạp và kéo dài nhận được ít ý kiến tán đồng hơn, với lần lượt 18, 12, 11 doanh nghiệp.

Khi được hỏi về những khó khăn/ thách thức trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An, các ý kiến tập trung vào các nội dung sau (biểu đồ 3.17):

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.17. Ý kiến của cán bộ về khó khăn/ thách thức trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

- Khó khăn do chưa có các quy định, tiêu chí cụ thể để sàng lọc hiệu quả các dự án FDI xanh: Nội dung này nhận được sự đồng tình của 84,0% ý kiến trả lời. Các ý kiến cho biết mặc dù Nghệ An đã có định hướng thu hút vốn FDI chất lượng cao, ưu tiên tăng trưởng xanh xong việc thiếu bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá “độ xanh” của dự án gây ra nhiều rủi ro như khó có căn cứ để thẩm định, giám sát, đánh giá dự án có thực sự thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế hay không, khó khăn trong quản lý sau cấp phép triển khai,... Đây là một thách thức chung của nhiều địa phương tại Việt Nam.

- Khó khăn do thiếu các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các dự án FDI xanh: Khó khăn này nhận được sự đồng tình của 31,9% cán bộ tham gia khảo sát. Thực tế, tỉnh Nghệ An đã có nhiều cơ chế hỗ trợ về thủ tục hành chính, hỗ trợ thuế đất, thuế nhập khẩu,... cho doanh nghiệp. Do đó, có thể thấy khó khăn này cơ bản đã được khắc phục tại Nghệ An. Liên quan đến khó khăn này, khó khăn do quy trình thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xanh còn phức tạp và kéo dài nhận được sự đồng tình của 46,1% ý kiến cán bộ. Các cán bộ cho biết tuy đã nỗ lực hết mức để hỗ trợ doanh nghiệp, song các quy định chung, trình tự thủ tục hiện còn khá phức tạp và kéo dài nên cần phải có điều chỉnh trong thời gian tới.

- Khó khăn về cơ sở hạ tầng là khó khăn lớn, theo đánh giá của 77,8% cán bộ tham gia khảo sát. Những khó khăn này bao gồm hệ thống xử lý chất thải, năng lượng tái tạo,... đang là một thách thức không chỉ với Nghệ An mà còn với các địa phương khác, trong đó nguyên nhân lớn nhất xuất phát từ những hạn chế về nguồn lực tài chính.

- Khó khăn về nguồn lao động có tay nghề cao được xác nhận bởi 81,4% cán bộ tham gia khảo sát. Lao động có tay nghề, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ xanh đang là một thách thức đáng kể của Nghệ An nói riêng và nhiều địa bàn trên cả nước nói chung. Mặc dù đã được quan tâm đầu tư xong việc đào tạo lao động cần có thời gian mới đạt được kết quả như kỳ vọng.

- Khó khăn đến từ sự cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt giữa các địa phương trong nước và quốc tế: Khó khăn này được 84,5% cán bộ Nghệ An đồng tình. Các địa phương trên cả nước và các quốc gia đang hết sức chú trọng đến công tác thu hút doanh nghiệp FDI xanh đầu tư nên đã tạo ra thách thức không nhỏ đối với địa bàn tỉnh Nghệ An trong lĩnh vực này.

- Thị trường đầu tư xanh còn mới mẻ, tiềm ẩn nhiều rủi ro là khó khăn được 78,4% cán bộ đồng tình. Giá thành sản phẩm xanh thường cao hơn các sản phẩm theo công nghệ truyền thống, thêm vào đó, đầu tư vốn cho sản phẩm xanh lại cao hơn. Do đó, đây luôn là một thách thức đối với việc thu hút FDI xanh.

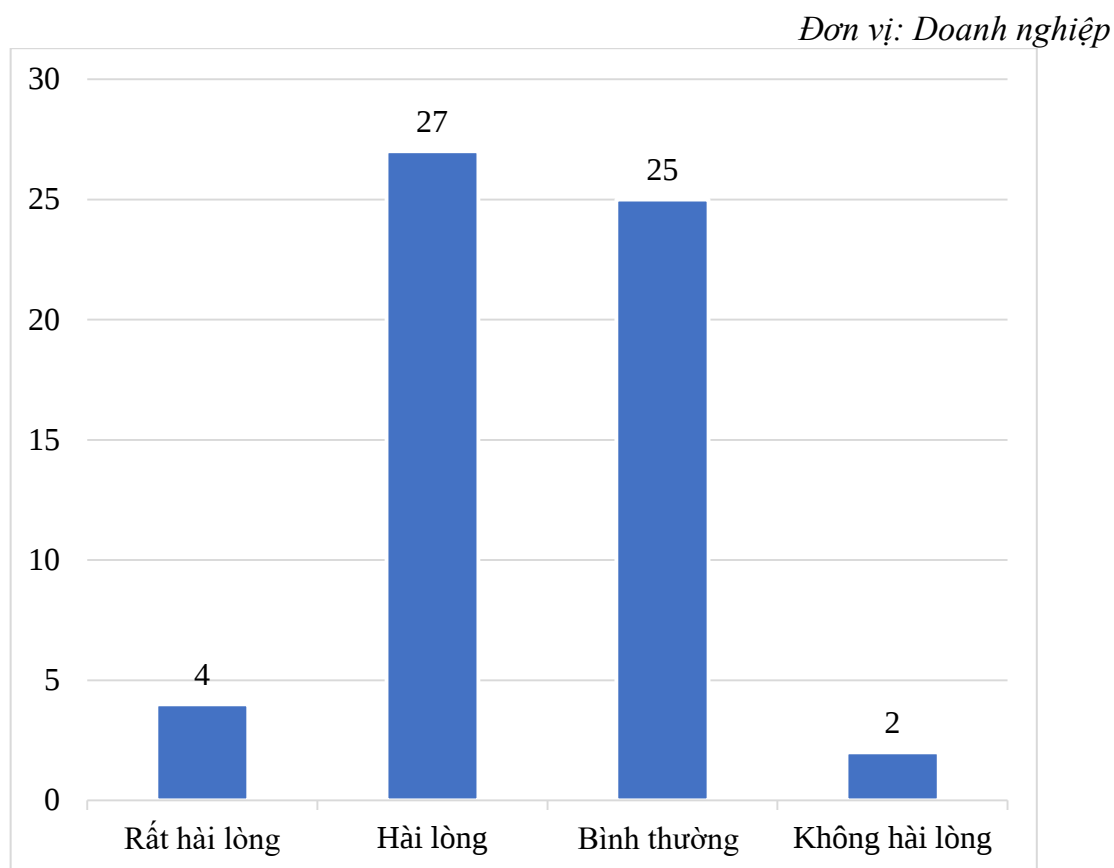
- Khó khăn do nhận thức về đầu tư xanh của một số doanh nghiệp và cơ quan quản lý còn hạn chế và chưa quảng bá hình ảnh về đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh ở Nghệ An có lần lượt 51,2% và 48,4% ý kiến cán bộ đồng tình. Các cán bộ cho biết đây là hai hoạt động được tỉnh Nghệ An triển khai từ rất sớm nên chưa phải là thách thức lớn đối với tỉnh Nghệ An trong thu hút FDI xanh.

- Khó khăn từ việc giải phóng mặt bằng nhận được sự xác nhận của 38,5% cán bộ trả lời. Thu hút FDI xanh là chủ trương lớn của tỉnh và đã được cụ thể hóa bằng rất nhiều hoạt động, trong đó, công tác giải phóng mặt bằng rất được quan tâm xúc tiến. Do đó, đây chưa phải là khó khăn lớn theo đánh giá của đa số cán bộ được khảo sát tại Nghệ An.

Mục tiêu cuối cùng của mọi nỗ lực cải cách hành chính và hoàn thiện hạ tầng là nâng cao mức độ hài lòng của nhà đầu tư. Dựa trên bộ tiêu chí đánh giá về tính minh bạch, cơ sở hạ tầng, và chính sách ưu đãi xanh, kết quả khảo sát dưới đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để định vị lại vị thế của Nghệ An trong mắt nhà đầu tư, đồng thời nhận diện những "điểm nghẽn" làm giảm sút sự hài lòng cần được khắc phục.

Biểu đồ 3.18 thể hiện đa số doanh nghiệp bày tỏ sự hài lòng khi đầu tư vào tỉnh Nghệ An, với 31 đại diện doanh nghiệp trả lời rất hài lòng và hài lòng. Số ý

kiến trả lời bình thường là 25 trường hợp và có 2 doanh nghiệp trả lời không hài lòng. Không có đại diện doanh nghiệp nào trả lời rất không hài lòng.



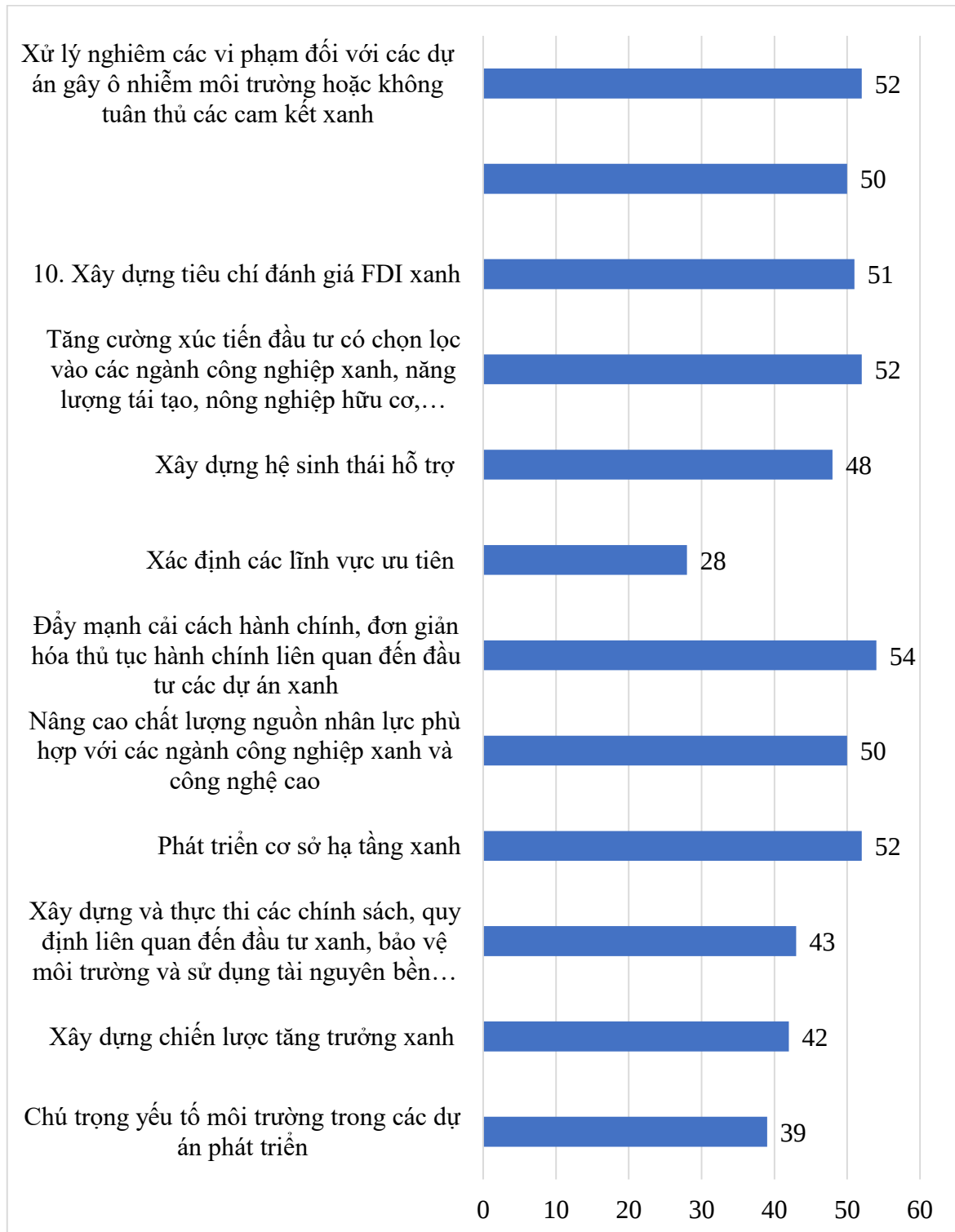
Biểu đồ 3.18. Mức độ hài lòng của doanh nghiệp sau khi đầu tư FDI xanh tại Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

Khi được hỏi về dự định tiếp tục đầu tư lĩnh vực của doanh nghiệp đang hoạt động, kết quả như sau: Có 31/58 doanh nghiệp trả lời tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất lĩnh vực mà doanh nghiệp đang hoạt động. Số doanh nghiệp trả lời giữ nguyên quy mô là 27 trường hợp. Điểm đặc biệt là không có doanh nghiệp nào trả lời đầu tư sang lĩnh vực khác hay dừng lại. Điều đó cho thấy việc đầu tư của doanh nghiệp tại Nghệ An đã đem lại những hiệu quả nhất định cho doanh nghiệp.

Lấy ý kiến đề xuất của các doanh nghiệp về giải pháp thu hút vốn FDI xanh thời gian tới. Biểu đồ 3.19 cho thấy ý kiến của doanh nghiệp về những việc làm chính quyền cần thực hiện nhằm thu hút FDI xanh vào địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đơn vị: Doanh nghiệp



Biểu đồ 3.19. Ý kiến của doanh nghiệp về giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

Giải pháp được nhiều doanh nghiệp đề cập nhất là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, với 54/58 doanh nghiệp. Mặc dù đây đang là thế mạnh của thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh vào tỉnh, song các doanh nghiệp cho rằng tỉnh cần tiếp tục và thực hiện tốt hơn nữa hoạt động này.

Các giải pháp Xử lý nghiêm các vi phạm đối với các dự án gây ô nhiễm môi trường hoặc không tuân thủ các cam kết xanh, tăng cường xúc tiến đầu tư có chọn lọc vào các ngành công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ,... và phát triển cơ sở hạ tầng xanh đều nhận được sự đồng tình của 52/58 doanh nghiệp được hỏi. Xuất phát từ ý kiến của doanh nghiệp về những khó khăn của doanh nghiệp, có thể thấy vấn đề thị trường và khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp truyền thống có chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thấp hơn nên các doanh nghiệp cho rằng việc xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm về môi trường sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp xanh mới tiếp tục khẳng định được vị thế, vai trò của mình. Tương tự như vậy, giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát để các dự án FDI tuân thủ các quy định về môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững trong quá trình hoạt động cũng giúp sàng lọc các doanh nghiệp FDI không tuân thủ các quy định về môi trường.

Xuất phát từ khó khăn được các doanh nghiệp đề cập về chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, giải pháp được các doanh nghiệp đưa ra là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với các ngành công nghiệp xanh và công nghệ cao, với 50/58 doanh nghiệp tán đồng.

Có 48/58 doanh nghiệp đề xuất Nghệ An cần xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ. Điều này là phù hợp với kết quả nghiên cứu khi các doanh nghiệp cho biết một trong các khó khăn của họ là chuỗi cung ứng xanh còn chưa đầy đủ.

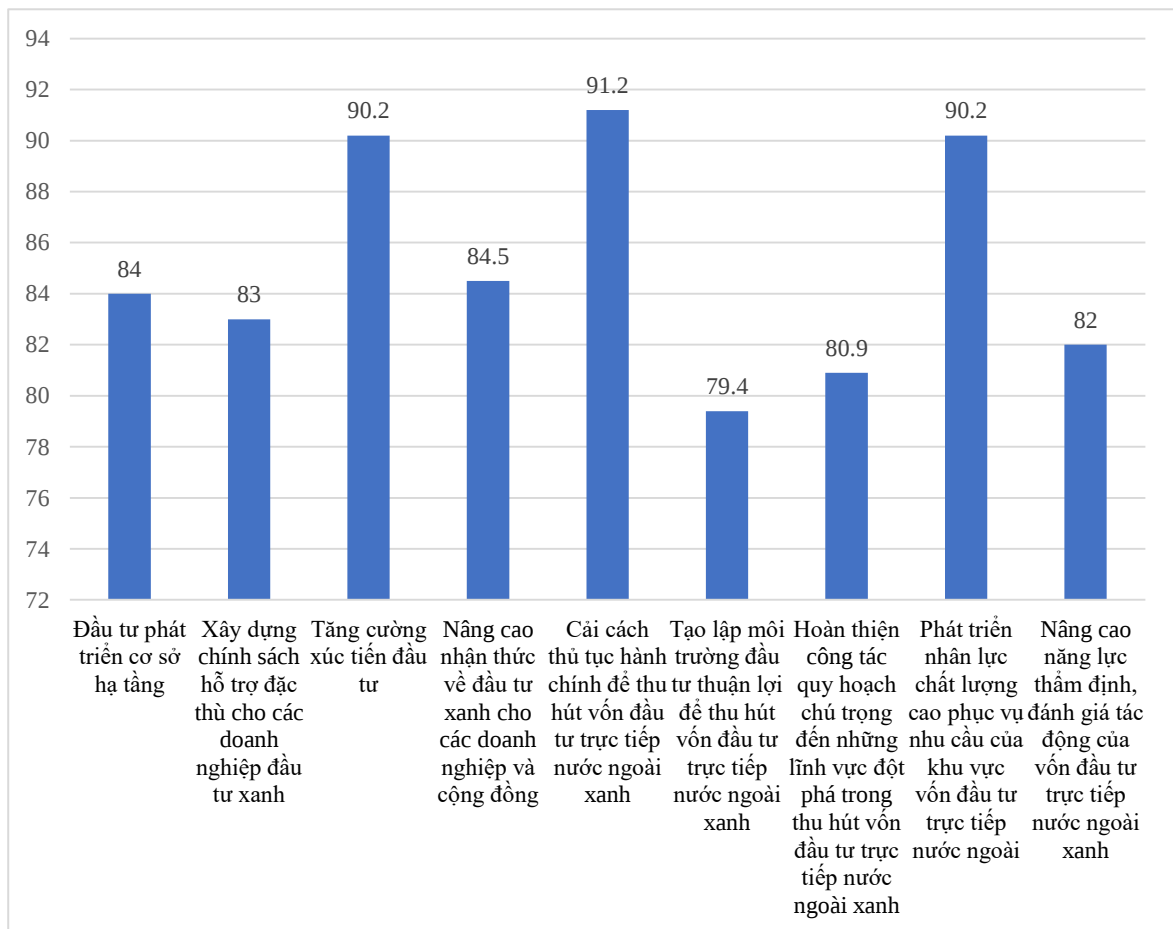
Các giải pháp chú trọng yếu tố môi trường trong các dự án phát triển, xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh và xây dựng và thực thi các chính sách, quy định liên quan đến đầu tư xanh, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững nhận được sự đồng tình của từ 39 đến 43 doanh nghiệp tham gia khảo sát.

Giải pháp xác định các lĩnh vực ưu tiên nhận được sự đồng tình của 28 doanh nghiệp tham gia khảo sát. Thực tế kết quả nghiên cứu cho thấy việc doanh nghiệp

đầu tư vào Nghệ An được nhận các ưu đãi không phụ thuộc vào mức độ ưu tiên của các lĩnh vực sản xuất của tỉnh.

Xuất phát từ đánh giá của cán bộ về những kết quả đã đạt được của Nghệ An, những lợi thế và khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh, các cán bộ được khảo sát đã đưa ra những giải pháp sau nhằm tăng cường công tác này tại Nghệ An (biểu đồ 3.20).

Đơn vị: %



Biểu đồ 3.20. Ý kiến của cán bộ về giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An

Nguồn: Điều tra của tác giả

Xuất phát từ đánh giá của cán bộ về những kết quả đã đạt được của Nghệ An, những lợi thế và khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh, các cán bộ được khảo sát đã đưa ra những giải pháp sau nhằm tăng cường công tác này tại Nghệ An.

Giải pháp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng: Giải pháp này nhận được 84,0% ý kiến đồng tình. Kết quả nghiên cứu đã thể hiện cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư tại Nghệ An, song vẫn là một hạn chế lớn, trong khi đó, đầu tư xanh cần đến cơ sở hạ tầng hiện đại, phát triển, đồng bộ. Do đó, phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại là một trong các điều kiện tiên quyết để thu hút FDI xanh vào địa bàn tỉnh.

Giải pháp xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù cho các doanh nghiệp đầu tư xanh. Giải pháp này nhận được sự ủng hộ của 83,0% ý kiến cán bộ trả lời. Thực tế, tỉnh Nghệ An đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Nghệ An, như hỗ trợ thủ tục hành chính, thuế đất, thuế nhập khẩu,...

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2018-2024

3.3.1. Thành công

Xu hướng thu hút vốn FDI xanh tăng nhanh đã tác động tích cực đến tăng trưởng bền vững của tỉnh

Sự bứt phá về quy mô và vị thế trên bản đồ thu hút vốn FDI cho thấy sự thay đổi về chất. Các dự án FDI mới tập trung mạnh mẽ vào các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử, năng lượng sạch và các nguồn công nghiệp phụ trợ ít gây ô nhiễm. Thể hiện vai trò là động lực tăng trưởng chính của tỉnh.

Hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh thông qua các nhà phát triển hạ tầng chuyên nghiệp

Thành công mang tính bước ngoặt của chính quyền tỉnh Nghệ An là việc thu hút và đồng hành của các nhà phát triển hạ tầng KCN hàng đầu thế giới. Sự hiện diện của các nhà phát triển hạ tầng chuyên nghiệp như VSIP (Singapore) và WHA (Thái Lan) đã thiết lập các tiêu chuẩn mới về xử lý môi trường, không gian xanh lớn, hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn cao và hạ tầng kỹ thuật ổn định, tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội so với các KCN truyền thống.

Một số lĩnh vực có tiềm năng xanh đã bắt đầu được định vị trong chiến lược phát triển của địa phương

Với điều kiện tự nhiên rộng lớn, địa phương có thể phát triển các ngành gắn với lợi thế xanh như nông nghiệp sạch, chế biến nông - lâm sản theo tiêu chuẩn bền vững, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái, logistics xanh, khu công nghiệp sinh thái và công nghiệp hỗ trợ cho chuỗi cung ứng carbon thấp. Việc bước đầu nhận diện

các lĩnh vực này cho thấy địa phương không chỉ dựa vào lợi thế truyền thống, mà đã có xu hướng tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới phù hợp với bối cảnh tăng trưởng xanh. Chính quyền tỉnh đã thành công trong việc thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, tạo nền tảng vững chắc cho chuỗi các giá trị công nghiệp điện tử và bán dẫn tại khu vực Bắc Trung Bộ. Các nhà đầu tư xanh này chủ yếu là những nhà đầu tư lớn không chỉ đóng góp lớn vào ngân sách địa phương và kim ngạch xuất khẩu mà còn đóng vai trò là hạt nhân thu hút hàng loạt nhà đầu tư phụ trợ xanh trong chuỗi cung ứng.

Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư và tạo điểm sáng thu hút vốn FDI xanh

Đây là sự thành công của chính quyền tỉnh Nghệ An nhờ sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy và hành động. Nhận thức rõ vai trò của vốn FDI xanh trong chuyển dịch mô hình tăng trưởng, trong quá trình xúc tiến đầu tư và lựa chọn dự án, chính quyền tỉnh chú ý đến yếu tố công nghệ, mức độ thân thiện môi trường, khả năng sử dụng đất hiệu quả. Đồng thời với đó là các hoạt động cải cách thủ tục hành chính, công khai quy hoạch, chuẩn bị quỹ đất, phát triển khu công nghiệp, tổ chức xúc tiến đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư sau cấp phép và đối thoại doanh nghiệp đã góp phần nâng cao hình ảnh địa phương trong mắt nhà đầu tư. Các chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội về đất đai, hỗ trợ chi phí đào tạo và hạ tầng là điểm sáng thu hút vốn FDI xanh.

3.3.2. Hạn chế

Mặc dù đạt được những thành công trong thu hút vốn FDI xanh nhưng so với tiềm năng, Nghệ An vẫn còn nhiều hạn chế:

Thiếu hụt một hệ sinh thái xanh đồng bộ và bền vững

Hạn chế lớn nhất hiện nay là vốn FDI xanh vẫn chủ yếu tập trung vào các dự án đơn lẻ của các tập đoàn lớn thay vì một hệ sinh thái xanh bền vững. Các doanh nghiệp hỗ trợ trong nước tại Nghệ An còn yếu và thiếu, dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa xanh thấp. Sự liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp địa phương vẫn còn lỏng lẻo, chưa tạo ra được hiệu ứng lan tỏa công nghệ và phương thức quản trị xanh một cách mạnh mẽ.

Hơn nữa, cơ cấu dự án xanh vẫn còn thiên lệch. Trong khi các dự án sản xuất linh kiện điện tử phát triển mạnh, thì các ngành kinh tế xanh then chốt khác như sản xuất năng lượng sạch, công nghệ tái chế chất thải, hay sản phẩm tiết kiệm năng lượng vẫn chưa có sự hiện diện tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Điều này làm

giảm tính đa dạng và khả năng chống chịu của nền kinh tế xanh địa phương trước các biến động của thị trường toàn cầu.

Chỉ số năng lực cạnh tranh và quản trị môi trường chưa tương xứng

Các dự án FDI xanh chất lượng cao thường có yêu cầu rất khắt khe về tính minh bạch và hiệu quả quản trị của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Nghệ An, mặc dù có cải thiện, vẫn cho thấy những điểm yếu cố định ở một số chỉ số thành phần. Điều này cho thấy môi trường kinh doanh vẫn còn những rào cản hành chính gây phiền hà cho doanh nghiệp, làm giảm sức hấp dẫn của tỉnh đối với những nhà đầu tư xanh vốn đòi hỏi sự chuẩn mực cao về pháp lý.

Việc thiếu các dịch vụ hỗ trợ như tư vấn về kinh tế tuần hoàn, tín chỉ carbon hay đào tạo về ESG đang là một rào cản lớn khiến các dự án FDI xanh khó có thể vận hành tối ưu tại địa phương.

Năng lực thẩm định và giám sát công nghệ còn nhiều lỗ hổng

Đây là một thách thức lớn của Nghệ An khi mà cơ chế sàng lọc dự án xanh chưa rõ ràng. Hiện vẫn thiếu các bộ công cụ định lượng và đội ngũ chuyên gia độc lập có trình độ cao để đánh giá sâu về dây chuyền công nghệ, mức độ phát thải carbon và hiệu quả sử dụng tài nguyên của dự án ngay từ khâu cấp phép.

Hệ thống giám sát hậu kiểm cũng chưa thực sự phát huy hiệu quả. Thực tế cho thấy có một số dự án ban đầu được cấp phép dựa trên các cam kết xanh nhưng trong quá trình triển khai lại bộc lộ những khía cạnh thâm dụng tài nguyên hoặc không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết. Lỗ hổng trong giám sát sau đầu tư dẫn đến rủi ro khi các nhà đầu tư lợi dụng các ưu đãi dành cho ngành xanh nhưng thực tế sản xuất vẫn gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương.

Thiếu hụt nguồn nhân lực có chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực ngành xanh

Hiện tượng thiếu hụt nguồn nhân lực ngành xanh là một hạn chế lớn trong thu hút vốn FDI xanh. Mặc dù số lượng lao động dồi dào, nhưng chất lượng ngành xanh và công nghệ cao rất thấp. Các doanh nghiệp FDI xanh rất lo ngại về vấn đề

này, khi mà lao động chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu thực tế cho các dây chuyền sản xuất hiện đại. Sự thiếu hụt này ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án cũng như hạn chế chuyển giao công nghệ.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Quy hoạch phát triển ngành xanh của tỉnh chưa rõ ràng, tỉnh thu hút vốn FDI xanh còn dàn trải, thiếu định vị ngành mũi nhọn.

- Năng lực thực thi không đồng đều khi vẫn có khoảng cách lớn giữa quyết tâm của lãnh đạo tỉnh và năng lực giải quyết thủ tục của bộ máy cấp sở, ngành, địa phương. Quy trình hành chính ở cấp sở, phòng vẫn còn tình trạng đùn đẩy, kéo dài thời gian, thậm chí còn phát sinh chi phí không chính thức, làm nản lòng các nhà đầu tư xanh vốn yêu cầu sự chuẩn mực.

- Chưa có quy định, tiêu chí cụ thể để sàng lọc hiệu quả các dự án FDI xanh từ cấp Trung ương đến địa phương. Còn thiếu hệ thống dữ liệu đầu tư - môi trường - đất đai - hạ tầng được số hóa và liên thông. Khi thiếu dữ liệu, việc sàng lọc, ưu đãi, hậu kiểm và đánh giá hiệu quả FDI xanh dễ mang tính định tính, phụ thuộc vào hồ sơ do nhà đầu tư cung cấp.

- Nguồn ngân sách địa phương còn hạn hẹp nên chưa thể đầu tư nhiều vào hệ thống hạ tầng dùng chung hiện đại như trung tâm xử lý chất thải công nghiệp tập trung, mạng lưới điện thông minh hay các hệ thống tái sử dụng nước thải quy mô lớn.

- Năng lực quản trị xanh của chính quyền địa phương còn hạn chế. Quản lý đầu tư vẫn còn thiên về thủ tục hành chính và giải quyết hồ sơ, trong khi năng lực phân tích công nghệ, quản trị carbon, kiểm kê phát thải, ESG và giám sát dựa trên dữ liệu còn hạn chế.

- Các ưu đãi đầu tư cho ngành xanh chưa có nhiều đặc thù, chủ yếu vẫn là những ưu đãi chung của các địa phương trong thu hút vốn FDI.

3.3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Các tỉnh lân cận và các trung tâm công nghiệp lớn như luôn có những chính sách linh hoạt và hạ tầng vượt trội để thu hút các dự án xanh chất lượng nhất. Nếu

Nghệ An đặt ra tiêu chuẩn môi trường quá cao mà không kèm theo các ưu đãi đặc thù hấp dẫn, tình sẽ đối mặt với nguy cơ mất các nhà đầu tư lớn vào tay các đối thủ cạnh tranh.

- Thị trường tài chính xanh tại Việt Nam mới ở giai đoạn sơ khai, các cơ chế về tín chỉ carbon, trái phiếu xanh vẫn chưa hoàn thiện, gây khó khăn cho doanh nghiệp FDI trong việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển bền vững. Mặt khác, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp truyền thống có vốn đầu tư và giá thành thấp hơn do đó thị trường tiêu thụ sản phẩm xanh còn hạn chế, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Hệ thống đào tạo nghề chưa bắt kịp nhu cầu chuyển đổi sang các ngành công nghệ mới (bán dẫn, năng lượng) hay ngành xanh, dẫn đến tình trạng thiếu hụt cục bộ nhân lực kỹ thuật cao.

- Chuỗi cung ứng xanh chưa đầy đủ, rất ít doanh nghiệp tham gia, mà nếu có tham gia thì vẫn nhiều khâu, nhiều công đoạn chưa xanh gây gián đoạn. Các biến động địa chính trị và sự đứt gãy chuỗi cung ứng khiến các nhà đầu tư FDI xanh thận trọng hơn trong việc cam kết các tiêu chuẩn xanh khắt khe nếu các yếu tố đầu vào tại địa phương chưa sẵn sàng.

Chương 4

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN

4.1. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN

4.1.1. Quan điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An

Nghiên cứu cho thấy chính quyền địa phương trong thu hút vốn FDI xanh thường nỗ lực cân bằng giữa việc mở rộng quy mô vốn và siết chặt tiêu chuẩn môi trường, điều này dẫn đến các vấn đề nghiêm trọng như: mâu thuẫn trong chính sách, rào cản nhận diện xanh lỏng lẻo, nói lỏng hậu kiểm, hình thành các dự án không tương thích năng lực hấp thụ nội địa...

Vì thế, NCS đề xuất quan điểm thu hút vốn FDI xanh làm cơ sở đề xuất giải pháp như sau:

Thứ nhất, thu hút vốn FDI xanh phải gắn với lợi thế so sánh xanh và nhất quán với mục tiêu, định hướng phát triển bền vững của tỉnh

Tỉnh Nghệ An có những điều kiện lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, lao động, hạ tầng, tiềm năng năng lượng. Vì thế, trong thu hút vốn FDI xanh, tỉnh cần nhận diện đúng lợi thế so sánh xanh của địa phương để định hình dòng vốn vào những ngành, lĩnh vực có khả năng tạo giá trị cao, phù hợp với tiềm năng phát triển của tỉnh mà không gây tổn hại hay áp lực đến tài nguyên và môi trường của địa phương.

Theo Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng phát triển của tỉnh là “phát triển kinh tế nhanh, bền vững dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số”, với ba trụ cột là kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, đồng thời coi bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu xuyên suốt [20]. Vốn FDI xanh chính là động lực quan trọng góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng suất và hình thành các ngành công nghiệp mới dựa trên công nghệ cao, năng lượng sạch và mô hình

sản xuất phát thải thấp. Do đó, thu hút vốn FDI xanh được xác định là động lực thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh.

Thứ hai, thu hút vốn FDI xanh phải gắn với thể chế môi trường nghiêm ngặt

Giả thuyết của tác giả Porter, Michael E., and Claas van der Linde (1995) [113], chỉ ra rằng quy định môi trường nghiêm ngặt nhưng được thiết kế hợp lý sẽ thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, bù đắp chi phí tuân thủ và nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh. Các nhà đầu tư FDI xanh sở hữu công nghệ nguồn và chiến lược ESG có xu hướng chủ động tìm kiếm các địa phương có thể chế môi trường nghiêm ngặt để giảm thiểu rủi ro pháp lý thay vì thể chế môi trường lỏng lẻo như các nhà đầu tư FDI truyền thống. Do đó, thể chế môi trường nghiêm ngặt không phải là rào cản chi phí mà là công cụ tạo lập lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030 xác định rõ mục tiêu hướng tới “thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội”, đồng thời đẩy mạnh xanh hóa sản xuất, tiêu dùng bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu [29]. Trên nền tảng đó, thu hút vốn FDI xanh phải gắn chặt với các chuẩn mực về công nghệ sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên, quản lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn và bảo vệ hệ sinh thái ven biển, miền núi, thay vì chấp nhận dự án thâm dụng năng lượng và tài nguyên để đổi lấy tăng trưởng ngắn hạn.

Thứ ba, thu hút vốn FDI xanh phải được gắn kết hữu cơ với xanh hóa vốn FDI hiện hữu

Đây là quan điểm có ý nghĩa quan trọng trong quản lý vốn FDI bởi hai trạng thái thu hút này không thể vận hành biệt lập. Thu hút vốn FDI xanh nhằm thiết lập tiêu chuẩn xanh và tạo áp lực kéo cho thị trường thì việc hỗ trợ tài khóa và kỹ thuật để xanh hóa vốn FDI hiện hữu giúp nâng cấp mặt bằng công nghệ chung của toàn tỉnh. Nhưng phải phân định rõ hai trạng thái này để vừa siết chặt đầu vào, vừa giám sát chặt chẽ đầu ra. Đảm bảo hai nội dung này là trụ cột hỗ trợ trong quản lý vốn FDI xanh cấp tỉnh.

Thứ tư, thu hút vốn FDI xanh phải gắn với năng lực quản trị của chính quyền cấp tỉnh

Vốn FDI xanh đòi hỏi về minh bạch thể chế, chất lượng quy hoạch, hạ tầng xanh, dữ liệu môi trường, thủ tục liên thông, năng lực thẩm định công nghệ... vì thế, chính quyền cấp tỉnh phải không ngừng nâng cao năng lực quản trị, trở thành chủ thể kiến tạo môi trường đầu tư xanh.

Nghệ An đang từng bước hình thành bộ tiêu chí lựa chọn dự án gắn với tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn số và mức độ lan tỏa đối với khu vực doanh nghiệp trong tỉnh. Trong bối cảnh đó, vốn FDI xanh vừa là đối tượng điều chỉnh của các công cụ quản lý mới dựa trên dữ liệu và công nghệ số, vừa là tác nhân góp phần hoàn thiện hệ sinh thái quản trị hiện đại của Nghệ An. Quan điểm thu hút vốn FDI xanh của chính quyền tỉnh Nghệ An trong bối cảnh bộ tứ trụ cột kinh tế, xã hội, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh gắn với bảo vệ môi trường là coi FDI xanh như một “đòn bẩy cấu trúc” để tái định hình mô hình tăng trưởng. Điều này đòi hỏi, tỉnh phải xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, vận hành dựa trên nền tảng số và pháp quyền, chủ động “chọn nhà đầu tư” thay vì bị động “chờ dự án”.

Thứ năm, thu hút vốn FDI xanh phải hướng đến lan tỏa giá trị xanh sang khu vực kinh tế tư nhân của địa phương và nâng cao chất lượng đời sống người dân

Mục tiêu thu hút vốn FDI xanh không chỉ là bổ sung vốn, mà còn là tạo giá trị lan tỏa sang khu vực kinh tế tư nhân của địa phương. Vì vậy, chính quyền cấp tỉnh cần quan tâm đến khả năng kết nối giữa doanh nghiệp FDI xanh với doanh nghiệp nội địa, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, nhà cung ứng địa phương và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Khi doanh nghiệp nội địa tham gia được vào chuỗi cung ứng xanh, các tiêu chuẩn về công nghệ, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quản trị carbon và trách nhiệm xã hội sẽ có điều kiện lan tỏa rộng hơn trong nền kinh tế địa phương.

Mặt khác, vốn FDI xanh không chỉ được kỳ vọng tạo việc làm, tăng thu ngân sách, mà còn phải góp phần nâng cao kỹ năng lao động, tạo cơ hội việc làm bền vững tại chỗ, giảm áp lực di cư lao động, hỗ trợ phát triển hạ tầng xã hội tại các khu vực có khu công nghiệp và khu kinh tế. Các dự án FDI trong lĩnh vực điện tử, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng sạch được thiết kế để gắn với hệ thống đào tạo nghề, đại

học và các chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó biến chuyển đổi số và chuyển đổi xanh thành cơ hội nâng cấp “vốn con người”, chứ không chỉ là yêu cầu kỹ thuật đối với doanh nghiệp.

4.1.2. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An

Trên cơ sở các quan điểm trên, NCS đề xuất các mục tiêu thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An sau:

Thứ nhất, tăng quy mô vốn FDI xanh gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu dòng vốn. Đối với thu hút vốn FDI thông thường thì mục tiêu hàng đầu là tăng quy mô vốn đăng ký và tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GRDP của tỉnh. Tuy nhiên, với thu hút vốn FDI xanh phải là tốc độ tăng trưởng của các dự án có hiệu suất sử dụng năng lượng cao, ứng dụng công nghệ sạch và có mức phát thải ròng tiệm cận bằng không. Như vậy, quy mô vốn chỉ có ý nghĩa khi đi cùng với chất lượng công nghệ, hiệu quả tài nguyên và mức độ phù hợp với định hướng phát triển xanh của địa phương.

Thứ hai, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, hiện đại. Điều này đòi hỏi tỉnh phải định hướng cơ cấu dòng vốn FDI xanh vào Nghệ An phải phù hợp với chiến lược phát triển xanh của địa phương. Gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực kinh tế trụ cột, tạo động lực mới cho công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng, dịch vụ logistics và du lịch, vừa hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng tăng tỉ trọng các phân khúc giá trị gia tăng cao và giảm dần các phân khúc giá công đơn giản.

Thứ ba, nâng cao năng lực công nghệ, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực địa phương. Vốn FDI xanh vào các lĩnh vực công nghệ xanh, quy trình sản xuất sạch, tiêu chuẩn quản trị tiên tiến vì thế đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao. Vì thế, thu hút vốn FDI xanh không chỉ hướng tới mục tiêu tạo việc làm mà còn là nâng cao năng suất lao động, trình độ lao động, thúc đẩy đào tạo nghề, phát triển kỹ năng xanh.

Thứ tư, tăng tỷ lệ liên kết dọc giữa các doanh nghiệp FDI xanh với các doanh nghiệp vệ tinh nội địa. Thu hút vốn FDI xanh kỳ vọng tạo ra hiệu ứng lan tỏa về công nghệ, quản trị, tiêu chuẩn môi trường và năng lực tham gia chuỗi cung ứng. Vì

thể với mục tiêu này, tỉnh cần chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp địa phương tham gia vào chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI xanh, buộc các doanh nghiệp nội địa không ngừng tự cải tiến quy trình, đổi mới công nghệ, nâng chuẩn sản xuất và cải thiện năng lực cạnh tranh.

Thứ năm, nâng cao năng lực quản trị xanh của chính quyền cấp tỉnh. Định hướng thu hút vốn FDI xanh không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh mà còn là minh chứng cho năng lực quản trị xanh của chính quyền cấp tỉnh. Thông qua quá trình thu hút vốn FDI xanh, chính quyền địa phương kỳ vọng sẽ không ngừng hoàn thiện quy hoạch, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực chuyển đổi số, năng lực thẩm định, giám sát xanh.

4.2. BỐI CẢNH MỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI XANH TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.2.1. Bối cảnh bên ngoài tỉnh Nghệ An

- Siết chặt chuẩn carbon trên thị trường xuất khẩu, tạo áp lực “xanh hóa” chuỗi cung ứng

Từ ngày 1/1/2026, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của Liên minh châu Âu (CBAM) chuyển sang giai đoạn “chính thức”, nhà nhập khẩu phải mua chứng chỉ CBAM cho các mặt hàng như thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện, hydro... thay vì chỉ báo cáo như giai đoạn chuyển tiếp 2023 - 2025 [42]. CBAM được thiết kế để đánh thuế carbon lên hàng nhập khẩu, song về bản chất nó buộc nhà sản xuất ngoài EU, trong đó có doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, phải giảm cường độ phát thải nếu muốn duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường này. Đến giai đoạn 2026 - 2027, EU còn thảo luận mở rộng CBAM sang một số sản phẩm hoàn thiện, do đó hiệu ứng lan tỏa tới các ngành sản xuất phụ trợ và công nghiệp nhẹ cũng sẽ rõ nét hơn [72]. Điều này có tác động trực tiếp đến thu hút vốn FDI xanh vào Nghệ An: các tập đoàn toàn cầu khi lựa chọn địa điểm xây dựng nhà máy phục vụ thị trường EU sẽ ưu tiên những tỉnh có khả năng cung cấp điện sạch hơn, có hệ thống quản lý môi trường tin cậy, có sẵn dịch vụ đo lường, báo cáo, kiểm chứng phát thải và có hạ tầng logistics đủ mạnh để tối ưu toàn bộ “dấu chân carbon” của chuỗi cung ứng.

- Giai đoạn thực thi mạnh cam kết Net Zero, ETS và JETP của Việt Nam. Bảo vệ môi trường trở thành nhiệm vụ trung tâm cùng với phát triển kinh tế xã hội nêu trong Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

Từ 2026 trở đi, Việt Nam đẩy mạnh thực hiện các cam kết khí hậu sau COP26, trong đó mục tiêu trung hòa phát thải ròng vào năm 2050 trở thành định hướng xuyên suốt [44]. Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP), được cụ thể hóa bằng Kế hoạch huy động nguồn lực công bố cuối năm 2023, định hướng dòng vốn quốc tế hỗ trợ Việt Nam đẩy nhanh chuyển dịch khỏi điện than, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo và nâng cấp lưới điện trong giai đoạn đến 2030 [45]. Từ 2025, Việt Nam đã khởi động giai đoạn thí điểm hệ thống mua bán phát thải (ETS) cho các ngành phát thải lớn như thép, xi măng, nhiệt điện, với giai đoạn thí điểm kéo dài đến 2029. Các doanh nghiệp trong các ngành này nhận phân bổ hạn ngạch cho 2025 - 2026, nếu vượt hạn ngạch sẽ phải mua thêm tín chỉ. Khi bước sang năm 2026, chi phí carbon nội địa bắt đầu trở thành biến số thực sự trong bài toán tài chính của dự án FDI, đặc biệt là các dự án công nghiệp nặng, thâm dụng năng lượng. Nhà đầu tư có xu hướng tìm những địa điểm mà ở đó có thể dễ dàng đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, tích hợp năng lượng tái tạo và huy động tín chỉ carbon chất lượng cao. Điều này tạo không gian cho những địa phương chủ động xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp phát thải thấp, trong đó Nghệ An là một ứng viên tiềm năng nếu triển khai quyết liệt các định hướng xanh trong quy hoạch tỉnh. Đi song hành với ETS và JETP là việc điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, trong đó đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tăng mạnh tỷ trọng năng lượng tái tạo, cắt giảm dần nhiệt điện than và phát triển thêm công suất lưu trữ để hấp thụ nguồn điện gió, điện mặt trời [37].

- Giai đoạn tăng tốc của Chiến lược tăng trưởng xanh và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài

Giai đoạn 2026 - 2030 là nửa sau của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2021- 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg) và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh 2021 - 2030 (Quyết định 882/QĐ-TTg). Trọng tâm của giai đoạn này là giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP, xanh hóa

ngành sản xuất và khuyến khích khu vực tư nhân, bao gồm FDI, dẫn dắt đầu tư xanh. Cùng lúc, Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài 2021 - 2030 (Quyết định 667/QĐ-TTg) cũng bước vào giai đoạn thực thi sâu, trong đó ưu tiên dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện môi trường. Từ 2026 trở đi, có thể dự báo rằng các bộ, ngành trung ương sẽ tăng cường lồng ghép tiêu chí xanh vào quy trình thẩm định, cấp phép và giám sát dự án FDI; các ưu đãi thuế, đất đai và hạ tầng sẽ ngày càng gắn với cam kết môi trường, chuyển giao công nghệ và mức độ đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh. Đối với Nghệ An, điều này có nghĩa là các dự án FDI không đáp ứng được tiêu chí về công nghệ sạch, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý chất thải hiện đại sẽ rất khó được chấp thuận hoặc gia hạn, trong khi các dự án FDI xanh sẽ được “thêm điểm” trong cạnh tranh với các địa phương khác.

- Thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung giai đoạn 2026 - 2030

Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 376/QĐ-TTg năm 2024) và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng (Quyết định 1281/QĐ-TTg năm 2024) được thiết kế để biến vùng này thành cực tăng trưởng mới, với hạ tầng giao thông, cảng biển, logistics và đô thị động lực được đầu tư mạnh đến năm 2030. Từ 2026, khi các dự án giao thông trục dọc Bắc Trung Bộ, mở rộng cảng biển, sân bay và hạ tầng số của vùng từng bước hoàn thành, cạnh tranh thu hút FDI xanh nội vùng sẽ trở nên gay gắt hơn. Các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình... đều cùng lúc khai thác lợi thế cảng biển, khu kinh tế ven biển, năng lượng và công nghiệp chế biến. Đây vừa là áp lực, vừa là động lực buộc Nghệ An phải khác biệt hóa chiến lược FDI xanh, ví dụ bằng cách tập trung vào các cụm công nghiệp công nghệ cao gắn với logistics, giáo dục - đào tạo, trung tâm nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thay vì chỉ “chạy đua ưu đãi”.

4.2.2. Bối cảnh bên trong Nghệ An từ 2026 trở đi

- Định hướng chiến lược của tỉnh Nghệ An, trong đó vốn FDI xanh là một yếu tố quan trọng để thực hiện quy hoạch tỉnh, xác lập mô hình tăng trưởng mới

Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 1059/QĐ-TTg) xác định mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân

đạt khoảng 10,5% - 11%/ năm, cơ cấu GRDP chuyển dịch mạnh sang công nghiệp xây dựng và dịch vụ. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (Quyết định 625/QĐ-TTg năm 2024) yêu cầu huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư, trong đó vốn FDI được coi là một trong những động lực chủ yếu [31] (mục tiêu vốn FDI đăng ký giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 4,5 đến 5 tỉ đô la Mỹ, cao hơn đáng kể so với giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời nhấn mạnh thu hút có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng lớn) [34]. Điều này cũng đồng nghĩa, FDI nói chung và FDI xanh nói riêng không còn là “phần bổ sung” mà là thành tố bắt buộc để đạt các chỉ tiêu tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao năng suất của tỉnh.

- Những yêu cầu khắt khe trong thu hút FDI để thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh đến 2030

Giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn triển khai chính sách thu hút vốn FDI nói chung và vốn FDI xanh (như quy hoạch sử dụng đất, cơ chế tài chính xanh, chương trình nâng cấp công nghệ sạch...) mạnh mẽ hơn. Điều này tạo áp lực đối với các dòng vốn FDI xanh đầu tư vào dự án mới sẽ phải đáp ứng hệ tiêu chí môi trường khắt khe hơn, từ công nghệ xử lý chất thải, mức tiêu thụ năng lượng đến khả năng tham gia kinh tế tuần hoàn. Ưu tiên tiếp cận đất đai, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công được định hướng cho các ngành, dự án giúp thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh như năng lượng tái tạo, thiết bị điện tử tiết kiệm năng lượng, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao và các mô hình khu công nghiệp sinh thái. Vốn FDI xanh, vì thế vừa được “ưu tiên”, vừa bị “sàng lọc” nhiều hơn trong giai đoạn sau 2026.

- Mở rộng không gian công nghiệp và nâng cấp hạ tầng logistics

Không gian công nghiệp và hạ tầng logistics của tỉnh Nghệ An bước vào giai đoạn hoàn thiện theo quy hoạch. Khu kinh tế Đông Nam đã được định hướng mở rộng lên khoảng 80 nghìn héc ta, trong đó khoảng 15 nghìn héc ta đất công nghiệp, trở thành một trong những khu kinh tế quy mô lớn của cả nước. Song song, VSIP Nghệ An triển khai giai đoạn 2 tại Thọ Lộc (Diễn Châu) với quy mô khoảng 500 héc ta, đang san lấp và đã thu hút dự án dệt may quy mô lớn đầu tiên, mở ra “cực công nghiệp mới” ở phía Bắc của tỉnh. Đến sau 2026, khi hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp mới được hoàn thiện hơn, Nghệ An sẽ có khả năng “đón” các dòng vốn FDI quy mô lớn cần quỹ đất tập trung, hạ tầng đồng bộ và kết nối giao thông tốt.

Đây là điều kiện cần cho các dự án FDI xanh trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện tử, linh kiện, thiết bị năng lượng tái tạo, vật liệu mới, bởi các nhà đầu tư này thường yêu cầu cao về hạ tầng điện, nước, xử lý nước thải đạt chuẩn quốc tế, đồng thời cần khả năng mở rộng dây chuyền trong tương lai. Về logistics, tỉnh đang triển khai kế hoạch đầu tư gần 16.000 tỉ đồng để nâng cấp hệ thống cảng biển Nghệ An đến năm 2030, với mục tiêu nâng công suất thông qua lên 22,25 đến 26,75 triệu tấn hàng hóa, trong đó 180.000 đến 240.000 TEU container, cùng hệ thống 9 bến cảng với 27 - 29 cầu cảng. Từ 2026 trở đi, khi một số hạng mục trọng điểm của cảng Cửa Lò và hệ thống logistics liên quan được hoàn thiện, chi phí và thời gian vận chuyển hàng xuất khẩu sẽ giảm, tăng sức hấp dẫn của Nghệ An đối với vốn FDI xanh định hướng xuất khẩu sang các thị trường khó tính. Ngoài ra, việc tinh chỉnh thuận đầu tư các khu nhà ở công nhân tiêu chuẩn cao cho các nhà máy như Luxshare ICT, dự kiến hoàn thành trong năm 2026 là điểm cộng đối với các nhà đầu tư toàn cầu quan tâm đến trách nhiệm xã hội và tiêu chuẩn ESG.

- Chuyển đổi phương thức thu hút vốn FDI: từ “trải thảm” sang “chọn lọc xanh” ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI xanh trong thời gian tới

Giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tăng mạnh vốn FDI đăng ký nhưng đồng thời nâng chất lượng, tỉnh có xu hướng: (i) Thiết kế bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư gắn với yêu cầu về công nghệ, mức độ tự động hóa, hiệu quả sử dụng tài nguyên, khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước và cam kết môi trường; (ii) Gắn ưu đãi đầu tư với các “điều kiện xanh” cụ thể hơn, như: tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, chứng chỉ môi trường quốc tế, mức đầu tư cho xử lý chất thải, tái chế ...; (iii) Tăng cường thẩm định tác động môi trường ngay từ khâu lựa chọn nhà đầu tư, thay vì chỉ xử lý vi phạm ở giai đoạn vận hành. Những thay đổi này tác động trực tiếp tới cấu trúc dòng vốn FDI, các dự án FDI xanh có khả năng tiếp cận đất đai và ưu đãi tốt hơn, trong khi các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao sẽ dần bị loại khỏi “danh mục ưu tiên”.

Tóm lại, trong giai đoạn tới từ nay đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bối cảnh mới cả trong và ngoài tỉnh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng cường thu hút vốn FDI xanh vào tỉnh Nghệ An theo ba hướng:

- Thứ nhất, nhu cầu thu hút vốn FDI xanh đáp ứng yêu cầu về thị trường xuất khẩu, chi phí carbon nội địa và tiêu chuẩn ESG sẽ tăng lên.

- *Thứ hai*, các tiêu chuẩn vốn FDI xanh tăng lên đặt ra yêu cầu Nghệ An phải xây dựng hệ sinh thái thể chế, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ đủ xanh nếu muốn cạnh tranh trong phân khúc FDI chất lượng cao.

- *Thứ ba*, tạo cơ hội để tái cấu trúc danh mục vốn FDI theo hướng ưu tiên dự án công nghệ cao, ít phát thải, gắn kết sâu với doanh nghiệp địa phương, qua đó biến FDI xanh thành động lực trung tâm cho mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

4.3. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI XANH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG 2045

4.3.1. Phát triển hệ sinh thái xanh và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa

Hạn chế lớn của Nghệ An là thiếu hệ sinh thái xanh đồng bộ, chủ yếu thu hút các dự án FDI xanh đơn lẻ, tỷ lệ nội địa hóa xanh còn thấp và thiếu liên kết giữa các nhà đầu tư vốn FDI xanh với các doanh nghiệp nội địa. Vì thế để giải quyết vấn đề này, chính quyền cấp tỉnh cần chuyển từ tư duy thu hút dự án xanh sang tư duy kiến tạo hệ sinh thái xanh, đặt vốn FDI xanh trong cấu trúc liên kết gồm doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp vệ tinh, nhà cung ứng nội địa, khu công nghiệp sinh thái, hạ tầng xử lý môi trường, nguồn nhân lực xanh, dịch vụ tài chính xanh,...

Trước hết, UBND tỉnh cần quy hoạch và phát triển các cụm liên kết ngành xanh dựa trên lợi thế so sánh của địa phương. So với các địa phương lân cận, Nghệ An nổi trội với quỹ đất khu công nghiệp và lao động dồi dào, du địa phát triển công nghiệp rất lớn, tiềm năng năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và dịch vụ logistics. Vì thế, thay vì mời gọi các dự án phân tán, chính quyền cấp tỉnh tập trung xác định các cụm ngành tiềm năng. Trong mỗi cụm ngành cần xác định vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp FDI xanh, khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nội địa.

Thứ hai, chính quyền tỉnh cần xây dựng chương trình hành động nâng chuẩn ESG cho các doanh nghiệp nội địa để chủ động tham gia chuỗi cung ứng xanh. Các doanh nghiệp FDI xanh đứng trước sức ép khắt khe từ thị trường tiêu thụ xanh, nên đòi hỏi về các nhà cung ứng phải đạt chuẩn ESG. Do đó, các doanh nghiệp nội địa cần chủ động nâng chuẩn ESG để tham gia vào chuỗi giá trị xanh. Điều đó đòi hỏi

UBND tỉnh sử dụng ngân sách đầu tư công để tài trợ chi phí chuyển đổi cho các doanh nghiệp nội địa. Nội dung hỗ trợ bao gồm tư vấn cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý môi trường, tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, kiểm kê phát thải....

Thứ ba, chính quyền cấp tỉnh cần thiết lập cơ chế kết nối thường xuyên giữa doanh nghiệp FDI xanh và doanh nghiệp nội địa. Tổ chức diễn đàn kết nối cung - cầu, hình thành liên minh các nhà cung ứng bản địa đạt chuẩn sinh thái. Doanh nghiệp FDI tham gia chương trình phải cam kết ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm dài hạn nếu doanh nghiệp nội địa đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và ESG như thỏa thuận. Cũng như công bố nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường đối với nhà cung ứng nhằm giúp các doanh nghiệp nội địa có chiến lược đầu tư phù hợp.

4.3.2. Cải cách thủ tục hành chính liên thông, giảm thiểu bất định thể chế

Với hạn chế về chỉ số PCI của Nghệ An là một trong những rào cản làm giảm sức hấp dẫn của tỉnh đối với dòng vốn FDI xanh. Khác với các nhà đầu tư thông thường, nhà đầu tư FDI xanh đòi hỏi không chỉ là chi phí đất đai, lao động, ưu đãi thuế mà còn là minh bạch thể chế, thời gian xử lý hành chính, nhất quán trong thực thi tiêu chuẩn xanh. Ngoài ra, việc áp dụng Thuế tối thiểu toàn cầu (GMT) làm giảm đáng kể lợi thế của các ưu đãi thuế truyền thống. Trong bối cảnh này, chất lượng điều hành kinh tế, sự minh bạch và tốc độ xử lý thủ tục hành chính trở thành yếu tố cạnh tranh sống còn để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư chất lượng cao.

Cải cách hành chính không chỉ là rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính một cách cơ học, mà là số hóa và chuẩn hóa quy trình liên thông. Do đó, tỉnh cần gia tăng thứ hạng PCI của tỉnh để cải thiện, củng cố niềm tin của nhà đầu tư; Giảm thời gian và chi phí không chính thức của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo điểm đến đầu tư minh bạch, an toàn và hiệu quả; Tăng lợi thế cạnh tranh để thu hút các dự án FDI xanh, công nghệ cao.

Mục tiêu của giải pháp là xây dựng môi trường thu hút đầu tư minh bạch, hiệu quả, chi phí thấp và có tính dự báo cao. Nội dung giải pháp với chủ thể thực

hiện là chính quyền cấp tỉnh tập trung vào giải quyết bốn vấn đề cốt lõi. *Thứ nhất*, chuyển đổi số toàn diện trong quản lý đầu tư. Cần thiết ứng dụng CNTT tích hợp tất cả các thủ tục minh bạch và kịp thời. Số hóa 100% dữ liệu quy hoạch, quy trình tiếp nhận và thẩm định dự án trực tuyến nhằm đảm bảo nhà đầu tư có thể truy cập công khai, dễ dàng thực hiện và ra quyết định; *Thứ hai*, trao quyền cho các Ban quản lý trong việc phê duyệt và giải quyết các thủ tục cho nhà đầu tư, thiết lập cơ chế phối hợp liên thông một cửa có thời hạn xử lý rõ ràng; *Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện thực hiện triển khai bộ chỉ số DDCI để đánh giá hiệu quả điều hành của từng sở, ban, ngành và địa phương. Công khai hàng năm để tạo áp lực cải cách hành chính từ bên trong; *Thứ tư*, áp dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để tự động theo dõi, cảnh báo tiến độ xử lý hồ sơ, loại bỏ chi phí tuân thủ phi chính thức của doanh nghiệp. Để thực hiện giải pháp này đòi hỏi sự cam kết của lãnh đạo tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt ngân sách đầu tư cho hạ tầng số và nền tảng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

4.3.3. Nâng cao năng lực thẩm định, đánh giá tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Năng lực thẩm định yếu kém thường bắt nguồn từ việc thiếu các công cụ đo lường rõ ràng khiến cán bộ thẩm định đánh giá dựa trên cảm tính hoặc mô tả định tính của nhà đầu tư. Vì thế, mục tiêu của giải pháp này là xây dựng bộ tiêu chí FDI xanh nhằm tăng khả năng sàng lọc, lựa chọn được các dự án xanh thực chất, đồng thời loại bỏ hoặc hạn chế các dự án “gắn nhãn xanh” hình thức, các dự án FDI công nghệ trung bình nhưng được quảng bá là thân thiện môi trường, đóng góp không đáng kể cho phát triển xanh của tỉnh.

Nội dung cốt lõi của giải pháp là phải có một bộ tiêu chí khoa học và một phương pháp thẩm định rõ ràng. Trên cơ sở bộ tiêu chí chung về thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án vốn FDI đang được hoàn thiện ở cấp quốc gia, UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, phát triển một bộ tiêu chí thẩm định dành riêng cho các dự án vốn FDI xanh phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Thứ nhất, nhóm tiêu chí về kinh tế bên cạnh các chỉ tiêu truyền thống như tổng vốn đầu tư, đóng góp vào ngân sách, kim ngạch xuất khẩu... thì bổ sung các

chỉ tiêu đánh giá tác động nâng cao năng suất lao động, đổi mới công nghệ, hiệu ứng lan tỏa và đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh. Các gợi ý về nhóm chỉ tiêu này có thể tham chiếu từ nghiên cứu đánh giá chất lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ hai, nhóm tiêu chí về môi trường cần đi xa hơn yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn pháp luật hiện hành, bằng cách lượng hóa các chỉ báo liên quan đến mức tiêu thụ năng lượng trên một đơn vị sản phẩm, cường độ phát thải khí nhà kính, mức độ sử dụng nước và tỷ lệ tái sử dụng nước, tỷ lệ chất thải được tái chế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong dây chuyền sản xuất, cũng như khả năng thích ứng với rủi ro biến đổi khí hậu.

Thứ ba, nhóm tiêu chí về xã hội cần xem xét tạo việc làm có chất lượng, mức độ an toàn lao động, bình đẳng giới, đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động, tác động đối với cộng đồng địa phương, nhất là người dân bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất và tái định cư. Những nội dung này vừa phản ánh yêu cầu chung của phát triển bền vững, vừa gắn trực tiếp với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Thứ tư, nhóm tiêu chí về thể chế và quản trị cần đánh giá mức độ tuân thủ chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, tính minh bạch tài chính, khả năng thực hiện các quy định về báo cáo bền vững, cũng như cam kết lâu dài với địa phương. Khung chính sách đầu tư vì phát triển bền vững của tổ chức quốc tế và các hướng dẫn về lồng ghép thông tin môi trường, xã hội và quản trị vào báo cáo doanh nghiệp là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa các tiêu chí này.

Cơ chế vận hành phải kết hợp tiền kiểm và hậu kiểm đặt ra yêu cầu về nâng cao năng lực cán bộ, tổ chức bộ máy và quy trình phối hợp. Vì thế, các Bộ, ngành cần triển khai các chương trình đào tạo bắt buộc và chuyên sâu về quản trị xanh, kinh tế môi trường, đánh giá chi phí lợi ích có tính đến chi phí và lợi ích môi trường, phân tích vòng đời sản phẩm, đánh giá rủi ro khí hậu, tài chính xanh và các tiêu chuẩn môi trường quốc tế. Cần bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích hiện đại như mô hình tính toán phát thải khí nhà kính, phần mềm mô phỏng tác động môi trường, mô hình đánh giá đa tiêu chí, cũng như kỹ năng đọc hiểu báo cáo bền vững và báo cáo môi trường của doanh nghiệp.

4.3.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực/ngành xanh

Với mục tiêu của giải pháp là xây dựng được lực lượng lao động tại Nghệ An có trình độ, kỹ năng cao, kỷ luật và thích ứng nhanh, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp FDI xanh trong giai đoạn 2025-2030. Cụ thể: (1) Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh, trong đó chú trọng đào tạo tay nghề trung và cao cho các ngành công nghiệp trọng điểm; (2) Đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật của các dự án FDI trên địa bàn bằng nguồn nhân lực địa phương, giảm phụ thuộc lao động ngoài tỉnh hoặc chuyên gia nước ngoài; (3) Xây dựng được đội ngũ nhân lực chất lượng cao gồm kỹ sư, chuyên viên R&D, quản lý cấp trung người Việt đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp FDI công nghệ cao; (4) Hình thành mối liên kết bền vững giữa hệ thống giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp FDI. Song song, cải thiện trình độ ngoại ngữ (Anh, Hàn, Trung...) của lực lượng lao động để thuận lợi trong môi trường làm việc đa quốc gia.

Nội dung triển khai chi tiết: *Thứ nhất*, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu lao động của khu vực FDI xanh. Ngay giai đoạn 2025-2026, chính quyền cấp tỉnh cần tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp FDI hiện có và dự báo cho các ngành sẽ thu hút (điện tử, cơ khí, chế biến, năng lượng...). Trên cơ sở đó, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2025-2035 với trọng tâm phục vụ các ngành xanh chủ lực.

Thứ hai, nâng cao năng lực hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học địa phương. UBND tỉnh ưu tiên đầu tư nâng cấp 1-2 trường Đại học, cao đẳng... thành trường chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia và tiếp cận chuẩn quốc tế. Đầu tư gồm nâng cấp cơ sở vật chất (xưởng thực hành, thiết bị mô phỏng hiện đại), cập nhật giáo trình theo công nghệ mới và đào tạo lại đội ngũ giảng viên theo hướng thực hành. Đồng thời, chính quyền tỉnh đóng vai trò là bộ đỡ thể chế kết nối các trường Đại học, cao đẳng địa phương với các tập đoàn FDI xanh, khuyến khích các trường hợp tác với doanh nghiệp FDI trong xây dựng chương trình đào tạo: doanh nghiệp tham gia thiết kế khóa học, cử chuyên gia giảng dạy một số chuyên đề, tiếp nhận sinh viên thực tập. Việc gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn sẽ giúp sinh viên ra

trường đáp ứng ngay công việc, rút ngắn khoảng cách đào tạo và sử dụng. Tỉnh có thể liên doanh với các tập đoàn lớn mở trường đào tạo chuyên biệt để cung cấp kỹ sư chất lượng cho khu vực FDI xanh. Đồng thời, liên kết với các đại học hàng đầu cả nước và quốc tế (liên kết chương trình, mở phân hiệu) để nâng tầm chất lượng đào tạo.

Thứ ba, triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng và ngoại ngữ quy mô lớn. Sở LĐ-TB&XH (nay là Sở Nội Vụ) cùng Ban Quản lý KKT Đông Nam tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn (3-6 tháng) về kỹ năng nghề cho lao động địa phương chuyển từ nông nghiệp, dịch vụ sang làm công nghiệp. Về ngoại ngữ, triển khai mở các lớp tiếng Anh giao tiếp, tiếng Hàn, tiếng Trung tại các khu tập trung nhiều công nhân (vùng phụ cận KCN) thông qua cơ sở giáo dục đào tạo tại địa phương.

Thứ tư, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao. Ngoài đào tạo tại chỗ, Nghệ An cần có chiến lược thu hút nhân tài và chuyên gia. Trước hết, chính quyền tỉnh xây dựng chính sách đãi ngộ để mời gọi người Nghệ An ở ngoại tỉnh hoặc nước ngoài trở về làm việc. Nhiều lao động kỹ thuật của tỉnh đang làm việc tại các khu công nghiệp phía Nam hoặc xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, Nhật Bản; tỉnh có thể phối hợp doanh nghiệp FDI liên hệ, tạo cơ hội việc làm. Song song, khuyến khích doanh nghiệp FDI tự đào tạo và nâng cấp lao động: có chính sách khen thưởng những doanh nghiệp tích cực đào tạo tay nghề, nâng lương cho lao động địa phương, hoặc có lộ trình “nội địa hóa” vị trí quản lý. Chính quyền có thể hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo chuyên gia (như gửi đi học các khóa nâng cao trong nước, nước ngoài) cho doanh nghiệp. Cuối cùng, trong trường hợp thiếu chuyên gia đặc thù, tỉnh nên tạo điều kiện thuận lợi để thu hút chuyên gia nước ngoài đến làm việc: thủ tục cấp phép lao động nhanh, hỗ trợ trường quốc tế cho con em chuyên gia, đảm bảo an ninh và môi trường sống tốt (nhà ở, y tế, giải trí). Sự hiện diện của chuyên gia giỏi sẽ kèm theo việc họ truyền thụ kiến thức, công nghệ cho lao động Việt Nam, nâng cao chất lượng nhân lực chung.

Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sẽ tác động trực tiếp và sâu rộng đến hiệu quả của dòng vốn FDI xanh tại Nghệ An. *Trước hết*, các doanh nghiệp FDI xanh sẽ giảm hẳn tình trạng thiếu hụt lao động kỹ năng, giúp hoạt động sản xuất kinh

doanh diễn ra thông suốt. Khi nhu cầu nhân lực được đáp ứng tại chỗ, doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất nhanh hơn, đồng thời tiết kiệm chi phí tuyển dụng từ nơi khác. *Thứ hai*, lực lượng lao động có tay nghề cao sẽ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. *Thứ ba*, nguồn nhân lực dồi dào và chất lượng trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng của môi trường đầu tư tỉnh. Các nhà đầu tư mới sẽ xem đây là yếu tố then chốt khi ra quyết định. Họ có xu hướng chọn nơi có sẵn đội ngũ kỹ thuật viên, kỹ sư giỏi để tiết kiệm chi phí đào tạo ban đầu. *Thứ tư*, lao động địa phương được nâng cao trình độ cũng tạo điều kiện cho chuyển giao công nghệ thuận lợi hơn. Khi công nhân, kỹ sư đủ khả năng tiếp thu công nghệ mới, các doanh nghiệp FDI xanh sẽ mạnh dạn đưa các quy trình sản xuất tiên tiến vào vận hành ở Nghệ An, thậm chí thiết lập trung tâm R&D, thiết kế tại chỗ.

4.3.5. Đổi mới chính sách ưu đãi đầu tư

Cơ sở đặt ra yêu cầu đổi mới chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng xanh

Khung pháp lý về đầu tư của Việt Nam, đặc biệt là Luật Đầu tư năm 2025 số 143/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/03/2026 xác lập hệ thống ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư (điều 15) với trọng tâm là các ngành nghề thực hiện mục tiêu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, kinh tế số, cụm liên kết ngành, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường, phát triển cơ sở hạ tầng,... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để địa phương như Nghệ An đổi mới cách thiết kế, lựa chọn, điều kiện hóa, phối hợp và giám sát ưu đãi để ưu đãi đầu tư trở thành công cụ thu hút vốn FDI xanh thực chất. Bên cạnh đó, Việt Nam đã ban hành nhiều ưu đãi thuế chuyên biệt đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường. Trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang được vận hành, việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư phải gắn chặt với yêu cầu bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn công nghệ.

Đổi mới nội dung ưu đãi từ “mở rộng về lượng” sang “chọn lọc theo chất lượng xanh”

Thứ nhất, cần đổi mới nội dung chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng chuyển trọng tâm từ thu hút bằng mọi giá sang thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước

ngoài xanh, có hàm lượng công nghệ, có đóng góp đáng kể cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tạo việc làm chất lượng cao. Quan điểm “chọn lọc” này cần được thể hiện rõ trong các văn bản quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, các quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cũng như các quy định nội bộ về áp dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh.

Trong thiết kế cụ thể, UBND tỉnh cần ưu tiên mức ưu đãi cao nhất cho các dự án thuộc các ngành nghề ưu đãi đầu tư cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến xanh hóa như năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ thân thiện môi trường, sản xuất thiết bị và dịch vụ môi trường, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, trung tâm đổi mới sáng tạo về chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Các dự án có hàm lượng công nghệ thấp, tiêu tốn tài nguyên hoặc tiềm ẩn rủi ro ô nhiễm chỉ nên được hưởng mức ưu đãi thấp hoặc không được hưởng ưu đãi, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn thẩm định chặt chẽ hơn về môi trường và sử dụng đất.

Thứ hai, cần chuyển từ mô hình ưu đãi “đầu vào” sang mô hình ưu đãi “theo kết quả xanh”. Thay vì chỉ căn cứ vào quy mô vốn đăng ký, thời hạn dự án hoặc số lao động sử dụng để cấp ưu đãi, chính quyền tỉnh cần từng bước gắn các ưu đãi với chỉ tiêu thực hiện như lượng phát thải giảm, tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, tỷ lệ nội địa hóa xanh, mức chi cho nghiên cứu và phát triển, tỷ lệ lao động được đào tạo lại về kỹ năng xanh. Cách tiếp cận này giúp khuyến khích nhà đầu tư cam kết dài hạn với mục tiêu xanh, đồng thời cho phép chính quyền tỉnh “ràng buộc” trách nhiệm của doanh nghiệp thông qua các tiêu chí đo lường cụ thể.

Thứ ba, nội dung ưu đãi cần được thiết kế theo dạng “gói giải pháp” kết hợp nhiều công cụ thay vì chỉ tập trung vào miễn giảm thuế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy ngoài ưu đãi thuế, các công cụ như hỗ trợ lãi suất cho dự án xanh, bảo lãnh tín dụng, hợp đồng mua bán sản phẩm theo giá bảo đảm trong một thời gian nhất định, chứng chỉ đầu tư xanh và các công cụ tài chính xanh khác có vai trò quan trọng trong việc giảm rủi ro cho nhà đầu tư tiên phong. Chính quyền tỉnh cần nghiên cứu để hình thành các gói ưu đãi kết hợp giữa ưu đãi thuế, ưu đãi tiền thuê đất, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hỗ trợ tiếp cận tín dụng xanh, hỗ trợ thủ tục môi trường, qua đó tạo nên lợi thế cạnh tranh về tổng thể chứ không chỉ cạnh tranh bằng mức giảm thuế.

Đổi mới phương thức thiết kế và áp dụng ưu đãi theo hướng minh bạch, có điều kiện và có thời hạn

Một trong những hạn chế phổ biến của chính sách ưu đãi đầu tư tại nhiều địa phương là tình trạng ưu đãi dàn trải, thiếu điều kiện ràng buộc cụ thể và thiếu cơ chế đánh giá lại sau một thời gian áp dụng. Để khắc phục hạn chế này, chính quyền tỉnh cần đổi mới phương thức thiết kế và áp dụng ưu đãi theo một số hướng cơ bản.

Thứ nhất, mọi ưu đãi phải gắn với điều kiện ràng buộc rõ ràng về môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội. Khi cấp ưu đãi, cơ quan nhà nước cần quy định cụ thể các ngưỡng tối thiểu về công nghệ, về tiêu chuẩn phát thải, về mức sử dụng năng lượng tái tạo, về quản lý chất thải và về đóng góp cho chuyển giao công nghệ xanh. Các điều kiện này cần được đưa vào quyết định chủ trương đầu tư, hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tạo cơ sở pháp lý để giám sát và xử lý vi phạm, bao gồm cả việc điều chỉnh, thu hồi ưu đãi trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng cam kết.

Thứ hai, ưu đãi cần được quy định có thời hạn rõ ràng và có cơ chế rà soát định kỳ. UBND tỉnh có thể áp dụng cơ chế rà soát giữa kỳ, ví dụ sau năm năm hoặc bảy năm, để đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí xanh, mức độ thực hiện cam kết đầu tư, từ đó xem xét điều chỉnh mức ưu đãi, gia hạn hoặc chấm dứt ưu đãi.

Thứ ba, một trụ cột quan trọng của đổi mới chính sách ưu đãi là minh bạch thông tin. Chính quyền tỉnh cần công khai đầy đủ, dễ tiếp cận các quy định về ưu đãi, các tiêu chí xác định dự án được hưởng ưu đãi, các quy trình thủ tục, cũng như danh sách các dự án đang được hưởng ưu đãi trên các cổng thông tin chính thức. Việc công khai này không chỉ giúp nhà đầu tư tiềm năng dễ dàng tiếp cận thông tin mà còn góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thẩm định và cấp ưu đãi.

Thứ tư, trong điều kiện Chính phủ đang triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý đầu tư, chính quyền tỉnh cần gắn đổi mới chính sách ưu đãi với xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đầu tư, áp dụng chữ ký số, cơ sở dữ liệu dùng chung và hệ thống quản lý một cửa điện tử, qua đó giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tăng tính dự đoán của môi trường ưu đãi đối với nhà đầu tư.

Đổi mới ưu đãi dựa trên đặc thù không gian phát triển và mô hình chính quyền hai cấp ở Nghệ An

Nghệ An có những không gian phát triển rất khác nhau, từ khu kinh tế ven biển Đông Nam với định hướng công nghiệp nặng, công nghiệp hỗ trợ và logistics, đến các khu công nghiệp nội địa, các vùng nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch sinh thái. Vì vậy, đổi mới chính sách ưu đãi đầu tư cần dựa trên đặc thù không gian để tránh “một khuôn mẫu cho mọi nơi”. HĐND tỉnh cần ban hành Nghị quyết chuyên đề về chính sách hỗ trợ đầu tư có điều kiện xanh đặc thù của tỉnh, giám sát chặt chẽ quy trình phê duyệt ưu đãi, đảm bảo tính minh bạch. UBND tỉnh ban hành các quyết định cụ thể hóa Nghị quyết, đề xuất chi tiết như sau:

Đối với khu kinh tế ven biển và các khu công nghiệp, chính sách ưu đãi cần tập trung vào các dự án công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, năng lượng sạch, logistics xanh, sản xuất thiết bị môi trường, điện tử và công nghệ thông tin thân thiện môi trường. Mức ưu đãi cần cao hơn mặt bằng chung của tỉnh, song phải gắn với các điều kiện nghiêm ngặt về công nghệ, quản lý môi trường và sử dụng đất.

Đối với các vùng nông nghiệp, miền núi và trung du, ưu đãi đầu tư cần hướng vào phát triển nông nghiệp xanh, kinh tế sinh thái, công nghiệp chế biến sâu gắn với nông nghiệp, lâm nghiệp bền vững, năng lượng tái tạo quy mô phù hợp. Chính sách ưu đãi có thể kết hợp giữa ưu đãi về thuế, hỗ trợ phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng điện và nước, cùng với hỗ trợ đào tạo lao động địa phương, qua đó vừa nâng cao khả năng tiếp nhận dự án đầu tư, vừa góp phần giảm chênh lệch phát triển giữa các vùng.

Mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu phải xác định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền cấp huyện trong việc áp dụng ưu đãi đầu tư, đặc biệt là ưu đãi theo địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn. Việc đổi mới chính sách ưu đãi cần gắn với cơ chế phân cấp và phối hợp, bảo đảm thống nhất về tiêu chí và mức ưu đãi trên toàn tỉnh nhưng vẫn cho phép linh hoạt trong tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong thẩm định môi trường, thẩm định đất đai và thẩm định công nghệ, tránh tình trạng “ưu đãi chồng chéo” hoặc “ưu đãi nhưng không giám sát”.

- Kết hợp ưu đãi tài chính với công cụ tài chính xanh, cơ chế chia sẻ rủi ro

Một xu hướng quan trọng trong chính sách khuyến khích đầu tư xanh hiện nay là chuyển từ ưu đãi thuần về thuế sang kết hợp linh hoạt giữa ưu đãi tài chính và các công cụ tài chính xanh. UBND tỉnh cần nghiên cứu khả năng phối hợp với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để triển khai các chương trình tín dụng xanh, quỹ hỗ trợ dự án đầu tư nước ngoài xanh, trong đó ngân sách tỉnh có thể tham gia một phần vốn môi hoặc chấp nhận chịu một phần rủi ro để thu hút dự án tiên phong. Các ưu đãi thuế, ưu đãi tiền thuê đất nên được thiết kế như “phần bù” trong một gói giải pháp tài chính tổng thể, khuyến khích nhà đầu tư lựa chọn công nghệ sạch và tham gia sâu vào chuỗi giá trị xanh.

Đồng thời, cần nghiên cứu áp dụng các công cụ mang tính thị trường như hạn ngạch phát thải, đánh đổi hạn ngạch phát thải hoặc phí môi trường ở mức phù hợp, kết hợp với ưu đãi cho các doanh nghiệp giảm phát thải vượt khung quy định. Cách tiếp cận này sẽ giúp chuyển gánh nặng từ ưu đãi thuần túy sang tạo động lực kinh tế cho hành vi đầu tư xanh.

- Tăng cường học hỏi kinh nghiệm quốc tế và bảo đảm tương thích với cam kết hội nhập

Đổi mới chính sách ưu đãi đầu tư của chính quyền tỉnh cần đặt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài với nhiều địa phương khác trong khu vực và trên thế giới. Trong quá trình đổi mới chính sách ưu đãi đầu tư, UBND tỉnh cần tham chiếu các nguyên tắc tốt về quản trị ưu đãi, bao gồm minh bạch, trung lập cạnh tranh, hiệu quả chi phí, có cơ chế đánh giá thường xuyên và giảm thiểu tác động méo mó đối với thị trường.

4.3.6. Hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư

Việc hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng xanh vào tỉnh Nghệ An trong thời gian tới không diễn ra trong khoảng trống chính sách, mà được đặt trên nền tảng tổng hợp gồm căn cứ lý luận, căn cứ pháp lý và định hướng chiến lược cấp quốc gia, căn cứ quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh, căn cứ thực tiễn vận động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và xu hướng đầu tư

xanh, cũng như căn cứ từ kinh nghiệm của các địa phương đi trước. Trên cơ sở đó, các giải pháp xây dựng và hoàn thiện chiến lược xúc tiến đầu tư của Nghệ An cần bảo đảm vừa bám sát đường lối chung, vừa phản ánh đặc thù phát triển của tỉnh trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, căn cứ vào bối cảnh và xu hướng vận động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh trên phạm vi toàn cầu và tại Việt Nam

Trong kỷ nguyên chuyển đổi xanh và cam kết trung hòa carbon, các tập đoàn đa quốc gia đang điều chỉnh chiến lược đầu tư theo hướng ưu tiên những điểm đến có môi trường thể chế ổn định, chi phí cạnh tranh, đồng thời đáp ứng các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị. Các cam kết giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng sạch đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với quốc gia tiếp nhận đầu tư về tiêu chuẩn công nghệ và chuẩn mực môi trường.

Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó xu hướng “đầu tư xanh” đang nổi lên rõ nét. Báo cáo về thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và xu hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Việt Nam cho thấy quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký và giải ngân liên tục đạt mức cao trong giai đoạn gần đây, đồng thời tỷ trọng các dự án trong các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất thiết bị xanh, năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ sạch có xu hướng gia tăng, phản ánh nhu cầu của nhà đầu tư đối với mô hình phát triển bền vững.

Thứ hai, căn cứ vào đường lối, chiến lược và chính sách cấp quốc gia về hợp tác đầu tư nước ngoài, tăng trưởng xanh và cam kết trung hòa carbon

Đối với Việt Nam, hoàn thiện chiến lược xúc tiến đầu tư của một địa phương không thể tách rời khung khổ định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở cấp quốc gia. Nghị quyết số 50 NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế và chính sách nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã xác định rõ yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy thu hút theo số lượng sang chú trọng chất lượng, hiệu quả, bảo đảm định hướng ưu tiên đối với các dự án công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, có cam kết bảo vệ môi trường và tăng cường liên kết với khu vực kinh tế trong nước.

Thứ ba, căn cứ vào quy hoạch, định hướng phát triển và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh Nghệ An

Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ từ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định rõ mục tiêu đưa Nghệ An trở thành trung tâm kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, phát triển theo hướng bền vững, dựa trên khai thác hiệu quả các tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội và lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Quy hoạch đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao tiêu chuẩn môi trường, quản lý sử dụng đất hiệu quả, phát triển đô thị xanh và hạ tầng thông minh, qua đó tạo ra khuôn khổ định hướng quan trọng để Nghệ An xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư hướng tới các ngành xanh. Chiến lược xúc tiến đầu tư phải trở thành công cụ cụ thể hóa các mục tiêu quy hoạch, chuyển hóa các định hướng về không gian, ngành nghề, cơ cấu kinh tế và định hướng xanh thành danh mục ưu tiên thu hút đầu tư, gói thông điệp, gói hỗ trợ và chương trình xúc tiến phù hợp với từng thị trường và từng nhóm nhà đầu tư.

Thứ tư, căn cứ vào thực tiễn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư của Nghệ An trong thời gian qua

Bối cảnh chuyển hướng chiến lược của tỉnh càng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới công tác xúc tiến đầu tư. Đây là căn cứ thực tiễn cho thấy sự cần thiết phải hoàn thiện hơn nữa khâu xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và có tính khả thi cao trong giai đoạn tới.

4.4. KIẾN NGHỊ

4.4.1. Kiến nghị đối với Chính phủ và các cơ quan trung ương

4.4.1.1. Kiến nghị hoàn thiện khung thể chế và định hướng chiến lược quốc gia về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Thứ nhất, kiến nghị Chính phủ và các cơ quan trung ương tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết số 50 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 theo hướng gắn chặt hơn với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát thải ròng bằng không. Nghị quyết số 50 đã nhấn mạnh yêu cầu thu hút có chọn lọc các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, có quản trị hiện đại và liên kết sâu với doanh nghiệp trong nước.

Thứ hai, kiến nghị Chính phủ rà soát và điều chỉnh Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định hướng dẫn theo hướng tích hợp có hệ thống các nguyên tắc lựa chọn, ưu đãi và giám sát dự án FDI xanh. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã có bước tiến khi quy định công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường, khuyến khích công nghệ sạch và sản phẩm thân thiện môi trường. Cần bổ sung các quy định về “định hướng ưu tiên đầu tư xanh” ngay trong hệ thống luật, để trở thành căn cứ pháp lý cho các địa phương như Nghệ An từ khâu xúc tiến, sàng lọc đến cấp phép và giám sát dự án.

Thứ ba, để bảo đảm tính thống nhất giữa mục tiêu thu hút FDI xanh và mục tiêu tăng trưởng xanh, Chính phủ cần tiếp tục chỉ đạo các bộ lồng ghép nội dung Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh vào chiến lược ngành, quy hoạch vùng và chương trình phát triển kinh tế xã hội, trong đó có quy hoạch và chiến lược thu hút FDI. Điều này giúp địa phương như Nghệ An có cơ sở pháp lý để gắn các chỉ tiêu về cường độ phát thải, tỷ trọng năng lượng tái tạo, tỷ lệ sản xuất xanh với chỉ tiêu thu hút FDI theo ngành, theo không gian lãnh thổ, thay vì chỉ coi FDI là nguồn vốn bổ sung cho tăng trưởng thuần túy.

4.4.1.2. Kiến nghị về xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn nhận diện vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh và cơ chế sàng lọc dự án

Một nút thắt quan trọng hiện nay là Việt Nam chưa có danh mục phân loại xanh thống nhất ở tầm quốc gia, khiến việc nhận diện dự án xanh và triển khai tín dụng xanh, tài chính xanh gặp khó khăn. Nhiều nghiên cứu về hạ tầng tài chính xanh chỉ ra rằng hệ thống quy định và định nghĩa cụ thể về danh mục ngành, lĩnh vực xanh chưa được chuẩn hóa, dẫn tới mỗi tổ chức tín dụng áp dụng một cách khác nhau. Chính phủ cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện và ban hành danh mục phân loại xanh quốc gia, bảo đảm tương thích với các thông lệ quốc tế, đồng thời phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Danh mục này cần đưa ra các tiêu chí định lượng cho từng ngành, từng loại hình dự án, bao gồm tiêu chí về cường độ phát thải, hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, mức độ đóng góp vào kinh tế tuần hoàn, mức độ chuyển giao công nghệ xanh và tác động xã hội.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế sàng lọc FDI dựa trên tiêu chí xanh ở tầm quốc gia. Bộ Tài chính cùng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần phối hợp xây dựng bộ công cụ đánh giá nhanh dự án FDI theo cả hai chiều: rủi ro môi trường và đóng góp xanh. Bộ công cụ này nên được số hóa, tích hợp vào hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, để các tỉnh như Nghệ An có thể áp dụng thống nhất trong quá trình thẩm định chủ trương và cấp phép đầu tư.

4.4.1.3. Kiến nghị về chính sách tài chính, thuế và tín dụng xanh dành cho vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Để nâng cao sức hấp dẫn của các dự án FDI xanh, đặc biệt tại địa bàn còn hạn chế về năng lực tích lũy trong nước như Nghệ An, Chính phủ cần hoàn thiện hệ thống công cụ tài chính và chính sách thuế theo hướng tạo chênh lệch khuyến khích đủ lớn giữa dự án xanh và dự án truyền thống.

Một là, kiến nghị Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu, xây dựng gói ưu đãi thuế có điều kiện đối với nhà đầu tư FDI xanh. Các ưu đãi này có thể bao gồm kéo dài thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với thiết bị công nghệ xanh, miễn giảm tiền thuê đất đối với dự án xây dựng hạ tầng xanh như nhà máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống năng lượng tái tạo trong khu công nghiệp sinh thái hoặc khu công nghiệp sạch.

Hai là, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hạ tầng tài chính cho tín dụng xanh. Cần sớm ban hành danh mục phân loại xanh quốc gia, hoàn thiện hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động tín dụng, đồng thời xem xét xây dựng các cơ chế chia sẻ rủi ro và bảo lãnh tín dụng cho dự án FDI xanh quy mô lớn, nhất là dự án có yếu tố đổi mới sáng tạo, thời gian thu hồi vốn dài.

Ba là, kiến nghị Chính phủ xây dựng cơ chế khuyến khích phát hành trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh hoặc các công cụ tài chính hỗn hợp để huy động nguồn lực cho hạ tầng xanh, khu công nghiệp sinh thái và dự án FDI xanh chiến lược. Việc đa dạng hóa công cụ tài chính không chỉ tạo thêm nguồn lực cho Nghệ An đầu tư hạ tầng đón FDI xanh mà còn giúp phân tán rủi ro, thu hút các nhà đầu tư tổ chức, quỹ đầu tư quốc tế quan tâm đến lĩnh vực khí hậu và môi trường.

4.4.1.4. Kiến nghị về đầu tư và điều phối phát triển kết cấu hạ tầng xanh, đồng bộ hỗ trợ Nghệ An

Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn và huy động các nguồn vốn ODA, vốn khí hậu để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng liên vùng kết nối Nghệ An với các trung tâm kinh tế khác trong khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, đặc biệt là hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc, đường sắt, cảng biển nước sâu, logistics và hạ tầng số. Hạ tầng kết nối tốt giúp giảm chi phí giao dịch, nâng cao sức cạnh tranh của khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp của Nghệ An, qua đó hấp dẫn hơn đối với các tập đoàn FDI xanh trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hỗ trợ Nghệ An triển khai các dự án năng lượng sạch và năng lượng tái tạo có ý nghĩa chiến lược, bao gồm các dự án điện gió, điện mặt trời, sinh khối và dự án điện khí hóa lỏng, phù hợp với Quy hoạch điện toàn quốc đã được điều chỉnh.

4.4.1.5. Kiến nghị về tăng cường năng lực quản lý nhà nước và điều phối đa cấp đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Một là, Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và NHNN xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về FDI xanh cho đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch, đầu tư, tài nguyên môi trường, công thương và tài chính ở địa phương. Chương trình cần cập nhật các khung chính sách quốc gia, tiêu chí phân loại xanh, công cụ đánh giá vòng đời sản phẩm và phương pháp thẩm định dự án dưới góc độ phát thải và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hai là, kiến nghị thiết lập cơ chế phối hợp đa cấp trong quản lý FDI xanh. Ở cấp trung ương, cần có nhóm công tác liên ngành về FDI xanh và tăng trưởng xanh, đảm nhiệm việc rà soát chính sách, giải quyết vướng mắc liên quan đến các dự án FDI xanh quy mô lớn, có tính chất liên tỉnh. Ở cấp địa phương, bao gồm Nghệ An, cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong việc tiếp nhận, thẩm định, giám sát dự án FDI, bảo đảm yêu cầu “một cửa liên thông” nhưng vẫn tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn môi trường và xã hội.

Ba là, cần hoàn thiện hệ thống thông tin và báo cáo thống nhất về FDI xanh. Chính phủ có thể chỉ đạo xây dựng một phân hệ riêng trong cơ sở dữ liệu quốc gia

về đầu tư để theo dõi các chỉ tiêu về phát thải, sử dụng năng lượng, liên kết công nghệ và chuyển giao tri thức của dự án FDI xanh. Nghệ An và các địa phương khác sẽ có công cụ đánh giá định kỳ đóng góp của FDI xanh đối với mục tiêu tăng trưởng xanh, qua đó điều chỉnh kịp thời định hướng thu hút và sử dụng vốn.

4.4.1.6. Kiến nghị về xúc tiến đầu tư xanh ở tầm quốc gia gắn với định vị Nghệ An là cực tăng trưởng công nghiệp xanh

Chính phủ cần xây dựng chiến dịch xúc tiến đầu tư xanh, trong đó Nghệ An được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm ở vùng Bắc Trung Bộ. Chiến dịch cần nhấn mạnh lợi thế của Việt Nam về cam kết khí hậu, chiến lược tăng trưởng xanh và môi trường chính trị ổn định, đồng thời giới thiệu cụ thể các cơ hội đầu tư xanh tại Nghệ An như khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp nằm trên hành lang kết nối cảng biển, các dự án năng lượng sạch, nông nghiệp thông minh và công nghiệp phụ trợ cho chuyển đổi năng lượng.

Hoàn thiện và vận hành hiệu quả cổng thông tin quốc gia về FDI xanh, cung cấp dữ liệu cập nhật về quy hoạch, quỹ đất sạch, hạ tầng, ưu đãi và tiêu chí môi trường của các dự án tại các địa phương. Nghệ An cần được hỗ trợ để tích hợp đầy đủ thông tin về danh mục dự án kêu gọi đầu tư xanh, các chỉ số về môi trường kinh doanh và tiến độ thực hiện các cam kết tăng trưởng xanh.

4.4.1.7. Kiến nghị về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kinh tế tuần hoàn và cơ chế thử nghiệm chính sách cho vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế thử nghiệm chính sách có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình FDI xanh có yếu tố kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo cao, trước hết tại một số địa phương có cam kết mạnh về tăng trưởng xanh, trong đó bao gồm Nghệ An. Cơ chế thử nghiệm có thể áp dụng cho các lĩnh vực như tái chế chất thải công nghiệp để tái sử dụng làm nguyên liệu, sử dụng năng lượng tái tạo trong khu công nghiệp, mô hình công nghiệp sinh thái với cộng sinh năng lượng và vật chất, hay nền tảng số hỗ trợ đo lường phát thải và giao dịch tín chỉ carbon. Trong khuôn khổ sandbox, các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước được áp dụng một số cơ chế linh hoạt về thủ tục, tiêu chuẩn và cơ chế chia sẻ rủi ro, song vẫn chịu giám sát chặt về môi trường và an toàn.

Khuyến khích Chính phủ và các bộ, ngành xây dựng chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo xanh dành riêng cho địa phương còn dư địa phát triển như Nghệ An, kết nối quỹ đổi mới sáng tạo quốc gia, các quỹ khí hậu quốc tế với doanh nghiệp FDI xanh và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương.

4.4.2. Kiến nghị đối với chính quyền tỉnh Nghệ An

4.4.2.1. Kiến nghị đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

HĐND tỉnh giữ vai trò định hướng, quyết định nguồn lực và giám sát quá trình thu hút vốn FDI xanh của tỉnh. Do đó, HĐND tỉnh phát huy vai trò của mình thông qua các Nghị quyết về thu hút vốn FDI xanh, phát triển hạ tầng xanh, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi cung ứng xanh và đào tạo nhân lực xanh.

Thứ nhất, HĐND tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ trọng tâm như số hóa dữ liệu đầu tư, phát triển khu công nghiệp sinh thái, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa nâng chuẩn xanh, cải cách thủ tục hành chính, các chương trình hợp tác 3 nhà.

Thứ hai, HĐND tỉnh cần tăng cường giám sát hiệu quả thu hút vốn FDI xanh, không chỉ dừng lại ở số vốn đăng ký, tỷ lệ giải ngân mà mở rộng sang các chỉ tiêu về chất lượng công nghệ, mức phát thải, hiệu quả sử dụng năng lượng, tỷ lệ nội địa hóa xanh và cam kết môi trường của doanh nghiệp FDI xanh.

Thứ ba, HĐND tỉnh định hướng tỷ lệ mua sắm công xanh để kích cầu thị trường. Việc ban hành Nghị quyết về tỷ lệ mua sắm công xanh là một cam kết thể chế mạnh mẽ giúp các doanh nghiệp FDI xanh yên tâm đầu tư chiều sâu, tạo ra các chu kỳ vốn dài hạn tại địa phương.

4.4.2.1. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ thể trung tâm trong tổ chức thực hiện các giải pháp thu hút vốn FDI xanh. Do đó, UBND tỉnh cần thay đổi tư duy quản lý, chuyển đổi mạnh mẽ vai trò kiến tạo, điều phối và giám sát hệ sinh thái FDI xanh.

Trước hết, UBND tỉnh cần ban hành các chương trình hoặc kế hoạch hành động trung và dài hạn, trong đó xác định rõ ngành nghề ưu tiên, địa bàn ưu tiên, tiêu chí lựa chọn, cơ chế phối hợp nội bộ. Các kế hoạch này gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược tăng trưởng xanh.

Thứ hai, UBND tỉnh cần chỉ đạo xây dựng cơ chế “một cửa xanh liên thông” nhằm xử lý liên thông các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường. Cơ chế này áp dụng nguyên tắc số hóa toàn trình để các sở ngành tự động chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung, tuyệt đối không yêu cầu doanh nghiệp nộp đi nộp lại các thành phần hồ sơ đã có trong hệ thống.

Thứ ba, UBND tỉnh cần thành lập tổ công tác liên ngành về thu hút vốn FDI xanh hoặc cơ chế điều phối tương đương. Nhiệm vụ của tổ công tác này là xử lý các điểm nghẽn trong xúc tiến, thẩm định, cấp phép, hạ tầng, nhân lực, môi trường và liên kết doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận, phân tích thực trạng thu hút vốn FDI xanh tỉnh Nghệ An, sử dụng tổng hợp bộ dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thông qua điều tra xã hội học với hai đối tượng cán bộ thực thi chính sách và doanh nghiệp FDI, luận án rút ra những kết luận sau đây:

Thứ nhất, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã góp phần luận giải khái niệm, đặc điểm, vai trò của FDI xanh và nội hàm của thu hút vốn FDI xanh tại địa phương; đồng thời làm rõ sự khác biệt giữa thu hút FDI theo nghĩa truyền thống với thu hút FDI theo định hướng xanh, đặt trọng tâm vào chất lượng dòng vốn, trình độ công nghệ, hiệu quả sử dụng tài nguyên, mức độ thân thiện với môi trường và đóng góp đối với phát triển bền vững. Luận án cũng đã xây dựng được khung phân tích về thu hút vốn FDI xanh ở cấp tỉnh, bao gồm nội dung thu hút, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng, qua đó góp phần bổ sung thêm cơ sở khoa học cho nghiên cứu và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn, luận án đã phân tích tương đối toàn diện thực trạng thu hút vốn FDI xanh tại tỉnh Nghệ An trong thời gian qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỉnh Nghệ An đã từng bước cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, quan tâm hơn đến chất lượng dự án đầu tư, tăng cường cải cách thủ tục hành chính, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế và đẩy mạnh xúc tiến đầu tư. Những nỗ lực đó đã tạo điều kiện để địa phương thu hút được một số dự án FDI có yếu tố công nghệ, sản xuất sạch hơn và phù hợp hơn với định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, luận án cũng chỉ ra rằng kết quả thu hút vốn FDI xanh của Nghệ An vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Số lượng và quy mô các dự án FDI xanh còn hạn chế; cơ cấu ngành nghề thu hút chưa thật sự nổi bật theo định hướng xanh; liên kết giữa khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước còn yếu; năng lực hấp thụ, tiếp nhận và lan tỏa công nghệ xanh

còn chưa cao. Bên cạnh đó, hệ thống tiêu chí nhận diện và sàng lọc dự án FDI xanh tại địa phương chưa đầy đủ, chính sách ưu đãi và hỗ trợ còn thiếu tính chuyên biệt, hoạt động xúc tiến đầu tư xanh chưa thật sự chuyên sâu, và công tác giám sát việc thực hiện các cam kết về môi trường của nhà đầu tư trong một số trường hợp còn chưa chặt chẽ. Những hạn chế này bắt nguồn từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó là chất lượng thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, năng lực quản trị địa phương và bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt giữa các địa phương.

Thứ ba, luận án đề xuất các giải pháp gắn với yêu cầu chuyển từ tư duy thu hút FDI theo số lượng sang thu hút FDI theo chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Trong đó, trọng tâm là hoàn thiện định hướng, quy hoạch và chính sách thu hút FDI xanh; xây dựng tiêu chí sàng lọc dự án phù hợp với mục tiêu phát triển xanh của tỉnh; nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển hạ tầng kỹ thuật... Đồng thời, luận án cũng đề xuất một số kiến nghị đối với Trung ương nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế về đầu tư xanh, phát triển xanh, tài chính xanh và cơ chế phối hợp hỗ trợ địa phương trong thu hút các dòng vốn đầu tư chất lượng cao.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Hoàng Thị Thúy Hằng, Trương Thị Mỹ Nhân (2024), "Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh của các nước và xu hướng dịch chuyển", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số 14 tháng 07/2024 (880) - Năm thứ 57, tr. 199- 201.
2. Hoàng Thị Thúy Hằng (2025), "Nâng cao chất lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Nghệ An", *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 02 Tháng 03/2025 (845), tr. 172- 174.
3. Hoàng Thị Thúy Hằng (2026), “Tăng cường thu hút FDI vào phát triển công nghiệp xanh tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí Kinh tế - Tài chính, chuyên trang Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính online*, Số 102 tháng 01/2026.
<https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn/tang-cuong-thu-hut-fdi-vao-phat-trien-cong-nghiep-xanh-tinh-nghe-an-140101.html>
4. Hoàng Thị Thúy Hằng (2026), “Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI xanh tại tỉnh Nghệ An trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Kinh tế - Tài chính, chuyên trang Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính online*, Số 103 tháng 01/2026.
<https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn/cac-yeu-to-anh-huong-den-thu-hut-fdi-xanh-tai-tinh-nghe-an-trong-boi-can-moi-142951.html>
5. Hoàng Thị Thúy Hằng (2026), “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*,
<https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/26/thu-hut-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-xanh-vung-dong-bang-song-hong-trong-boi-can-moi/>
6. Hoàng Thị Thúy Hằng (2026), “Attracting new generation of foreign direct investment in Nghe An”, *Vietnam economic financial review*, Vol 2 issue 1, February, 2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Hồng Biên (2023), *Thu hút nguồn vốn FDI của Nhật Bản nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh*, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Xanh hoá FDI*. <https://ipcs.mpi.gov.vn/xanh-hoa-fdi>.
3. Bùi Huy Cường (2023), *Nghiên cứu chất lượng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn các tỉnh vùng thủ đô Hà Nội*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Phúc Hải, Hồ Đình Bảo, Vũ Mạnh Linh (2019), *Tổng quan nghiên cứu về vai trò của khu vực FDI đối với phát triển bền vững, Kỷ yếu hội thảo “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững”*, Hà Nội.
5. Hồ Thị Hiền (2017), *Hoàn thiện môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Nghệ An*, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài (VAFIE) (2022), *Báo cáo FDI 2022: Thách thức và cơ hội thu hút FDI xanh và chuyển đổi số*, [https://vafie.org.vn/fdi/bao-cai-fdi-2022-thach-thuc-va-co-hoi-thu-hut-fdi-xanh-va-chuyen-doi-so-1317. Truy cập ngày 20/04/2026].
7. Cao Tấn Huy (2019), *Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: Nghiên cứu Vùng kinh tế Đông Nam Bộ*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Kinh tế Việt Nam (2025), *Chiến lược thu hút FDI nâng vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu*. <https://vneconomy.vn/chien-luoc-thu-hut-fdi-nang-vi-the-viet-nam-trong-chuoi-gia-tri-toan-cau.htm>. [Truy cập ngày 01/07/2025].
9. Trần Thị Tuyết Lan (2014), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Thanh Mai (2021), *Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*, ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội.

11. Lê Trọng Nghĩa (2024), "Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh từ Liên minh châu Âu vào Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 05, tháng 3/2024.
12. Trương Thị Mỹ Nhân (2023), *Attracting green foreign investment in Vietnam in new context* (Dịch: Thu hút đầu tư nước ngoài xanh ở Việt Nam trong bối cảnh mới) đăng trên tạp chí Tài chính bản Tiếng Anh số 3/2023.
13. Nguyễn Thị Oanh (2019), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động FDI ở khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
14. Đỗ Thanh Quang (2023), *Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh*, Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội.
15. Lê Như Quỳnh (2022), *Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam đến năm 2030*, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.
16. Phạm Đức Tài (2023), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Học viện Tài chính, Hà Nội.
17. Phan Hữu Thắng (2025), FDI xanh quyết định tương lai tăng trưởng của Việt Nam. Website: <https://vnbusiness.vn/fdi-xanh-quyet-dinh-tuong-lai-tang-truong-cua-viet-nam.html>. [Truy cập ngày 10/3/2026].
18. Bành Thị Thảo (2022), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Nghệ An*, Học viện Tài chính, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Thơ (2023), *Nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa*, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
20. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
21. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*.
22. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh*.

23. Nguyễn Thị Thương (2023), "Thực trạng tác động của đầu tư nước ngoài tới môi trường sinh thái tại Việt Nam", *Tạp chí Công thương*.
24. Lê Mai Trang (2023), "Thực trạng thu hút FDI và xu hướng thu hút FDI xanh tại Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 28. <https://kinhtevadubao.vn/thuc-trang-thu-hut-fdi-va-xu-huong-thu-hut-fdi-xanh-tai-viet-nam-28539.html>
25. Nguyễn Xuân Trung (2012), *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Đinh Đức Trường (2016), *Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến môi trường sinh thái ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu KH&CN cấp Bộ, Mã số B2013-06-19.
27. Đào Thị Thanh Tú, Vũ Thị Anh Thư (2020), Nguồn vốn cho đầu tư xanh: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam. <https://hvnh.edu.vn/tapchi/vi/thang-4-20/dao-thi-thanh-tu-vu-thi-anh-thu-nguon-von-cho-dau-tu-xanh-kinh-nghiem-quoc-te-va-khuyen-nghi-cho-viet-nam-359.html>. [Truy cập ngày 20/04/2026].
28. Đào Hoàng Tuấn (2023), *Huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư xanh từ khu vực nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030*, Đề tài cấp Bộ.
29. Ủy ban nhân dân (2021), *Quyết định số 3560/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030*.
30. Nguyễn Thị Ngọc Yến (2021), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Việt Nam từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 đến nay: Thực trạng và giải pháp*, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

II. Trang Web:

31. <https://baochinhphu.vn/ke-hoach-thuc-hien-quy-hoach-tinh-nghe-an-thoi-ky-2021-2030-tam-nhin-den-nam-2050-10224071115483107.htm?utm>
32. <https://baonghean.vn/en/chot-nam-2024-nghe-an-dat-moc-moi-ve-thu-hut-fdi-dung-dau-mien-trung-thu-8-ca-nuoc-10288688.html?utm>. [Truy cập ngày 10/3/2026].
33. <https://baonghean.vn/en/vsip-nghe-an-bieu-tuong-hop-tac-quoc-te-dong-luc-phat-trien-ben-vung-10307710.html?utm>. [Truy cập ngày 10/3/2026].

34. <https://baonghean.vn/thu-hut-fdi-buoc-but-pha-ngoan-muc-cua-nghe-an-10305770.html?utm>
35. <https://diendandoanhnghiep.vn/phuong-thuc-moi-trong-thu-hut-dau-tu-tai-nghe-an-10136204.html?utm>
36. <https://historyofeconomicthought.mcmaster.ca/ricardo/Principles.pdf>
37. https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luong/chinh-thuc-phe-duyet-quy-hoach-dien-viii-dieu-chinh.html?utm_sou
38. <https://nghean.gov.vn/new-events/prime-minister-approves-nghe-an-provincial-planning-for-the-2021-2030-period-with-a-vision-to-20-605917>. [Truy cập ngày 10/3/2026].
39. <https://nghean.gov.vn/xa-hoi/den-cuoi-nam-2024-ty-le-lao-dong-qua-dao-tao-cua-tinh-tang-len-70-1-712388>. [Truy cập lúc 30/01/2025]
40. <https://nhandan.vn/quang-ninh-day-manh-thu-hut-dau-tu-post900368.html>
41. <https://saovang.thanhhoa.gov.vn/kinh-te-ha-tang-va-do-thi/fe39a7da7f3d5f5fe61a5be6d5f619be-627273>
42. https://taxation-customs.ec.europa.eu/carbon-border-adjustment-mechanism_en?utm
43. <https://vnfdi.vn/thanh-hoa-doi-moi-trong-thu-hut-fdi/>
44. <https://www.vietnam-briefing.com/news/cop26-climate-change-vietnams-commitment-reducing-emissions.html/?utm>
45. <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-just-energy-transition-partnership-resource-mobilization-plan-unpacked.html/?utm>
46. <https://www.vietnamplus.vn/quang-ninh-thu-hut-lan-song-dich-chuyen-fdi-toan-cau-post1070910.vnp>
47. https://www.wto.org/English/news_e/pres96_e/pr057_e.htm
48. https://www.oecd.org/en/publications/fdi-qualities-policy-toolkit_7ba74100-en.html?utm
49. <https://laodong.vn/thoi-su/thanh-hoa-dung-thu-9-ca-nuoc-ve-thu-hut-fdi-1676478.lido>
50. <https://vnfdi.vn/thanh-hoa-doi-moi-trong-thu-hut-fdi/>. [Truy cập tháng 03 năm 2026].
51. <https://vnfdi.vn/thanh-hoa-doi-moi-trong-thu-hut-fdi/>. [Truy cập tháng 03 năm 2026].
52. <http://caicachhanhchinh.gov.vn/tin-tuc/tinh-quang-ninh-ket-qua-cai-cach-hanh-chinh-nam-2025>

III. Tài liệu tiếng Anh

53. Alan C. Shapiro (2008), *Foundations of Multinational Financial Management*, Wiley.
54. Ali, N. and Hussain, H. (2017) Impact of Foreign Direct Investment on the Economic Growth of Pakistan. *American Journal of Economics*, 7, 163-170.
55. Alia AlMazrouie & Haitham Nobanee (2020), *Green Foreign Direct Investment: A Mini-Review*, SSRN Electronic Journal/.
56. AlMazrouie, Alia and Nobanee, Haitham (2020), *Green Foreign Direct Investment: A Mini-Review*. <https://ssrn.com/abstract=3538782> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3538782>
57. Amendolagine, V., Hansen, U. E., Lema, R., Rabellotti, R., & Ribaudo, D. (2023). "Do green foreign direct investments increase the innovative capability of MNE subsidiaries?" *World Development*.
58. Amendolagine, V., Lema, R., & Rabellotti, R. (2021). Green foreign direct investments and the deepening of capabilities for sustainable innovation in multinationals: Insights from renewable energy. *Journal of Cleaner Production*, 310, 127381.
59. Amendolagine, V., Lema, R., Ribaudo, D., & Hansen, U. E. (2023). Do green foreign direct investments increase the innovative capability of MNE subsidiaries? *World Development*, 170, 106342.
60. B. Bergougui & Syed M. Murshed (2023), *Spillover effects of FDI inflows on output growth: An analysis of aggregate and disaggregated FDI inflows of 13 MENA economies*, Australian Economic Papers.
61. BloombergNEF. (2026), *Energy Transition Investment Trends 2026*. BNEF.
62. Boateng & cs (2015), *Examining the determinants of inward FDI: Evidence from Norway*, *Economic Modelling* 47.
63. Castellani, D., Marin, G., Montresor, S., & Zanfei, A. (2022), Greenfield foreign direct investments and regional environmental technologies. *Research Policy*, 51(1), 104405.
64. Castelli et al. (2025), Bridging innovation and regulation: what drives FDI into EU regions?. <https://www.suerf.org/publications/suerf-policy-notes-and-briefs/bridging-innovation-and-regulation-what-drives-fdi-into-eu-regions/>. [Truy cập ngày 20/04/2026].

65. David Ricardo (1817), *On The Principles of Political Economy and Taxation*, John Murray.
66. Davide Castellani, Giovanni Marin, Sandro Montresor, Antonello Zanfei (2022), *Greenfield foreign direct investments and regional environmental technologies*, Research Policy Volume 51, Issue 1, January 2022, 104405
<https://doi.org/10.1016/j.respol.2021.104405>
67. Davies, R. B., Ghodsi, M., & Guadagno, F. (2025). Innovation interactions: Multinational spillovers and local absorptive capacity. *wiiw Working Paper*, No. 265. The Vienna Institute for International Economic Studies.
68. Davies, R. B., Kogler, D. F., & colleagues. (2025), Multinational spillovers and local absorptive capacity. *wiiw Working Paper*, Vienna Institute for International Economic Studies.
69. Dornean, A.; Chiriac, I.; Rusu, V.D (2022), *Linking FDI and Sustainable Environment in EU Countries*, Sustainability 2022,14, 196.
70. Dunning, J. H., & Lundan, S. M. (2008), *Multinational Enterprises and the Global Economy*. 2nd ed.
71. E. Beyza Satoğlu ^a, Jessica Rae Salmon ^b (2024), Environmental policy stringency and foreign direct investment: A study considering the impact of country-income level. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0360544224031797?utm>. [Truy cập ngày 10/1/2025].
72. E. Borensztein, J. De Gregorio, J-W. Lee (1998), How Does Foreign Investment Affect Growth?, *Journal of International Economics*.
73. EU faces rift over carbon border tax revisions.
74. Famanta, M., Randhawa, A. A., & Yajing, J. (2024). “The impact of green FDI on environmental quality in less developed countries.” *Heliyon*.
75. Fang & cs (2023), *FDI Quality, Green Technology Innovation and Urban Carbon Emissions: Empirical Evidence from China*, Sustainability.
76. Fang, J., Wang, X., & colleagues. (2023), FDI quality, green technological innovation and urban carbon emissions: Evidence from Chinese cities.
77. Florence Jaumotte, Jaden Kim, Samuel Pienknagura, and Gregor Schwerhoff (2024), Policies to Foster Green FDI: Best Practices for Emerging Markets and Developing Economies: Staff Climate Note, SDN 2024/004. (2024). Washington, DC. (Co-author).

78. Francesca Micocci, Mahdi Ghodsi and Armando Rungi (2025), FDI and innovation dynamics: The role of foreign corporate groups and technological pathways in domestic green innovation, Working Paper 266 - WIIW.
79. Ghodsi (2025), *FDI for innovative and green growth: Europe needs a smarter strategy*. <https://wiiw.ac.at/fdi-for-innovative-and-green-growth-europe-needs-a-smarter-strategy-n-691.html>. [Truy cập ngày 20/04/2026].
80. Ghodsi, M., Micocci, F., & Rungi, A. (2025), FDI and innovation dynamics: The role of foreign corporate groups and technological pathways in domestic green innovation. wiiw Working Paper No. 266.
81. Golub, S. S., Kauffmann, C., & Yeres, P. (2011), Defining and measuring green FDI: An exploratory review of existing work and evidence. OECD Working Papers on International Investment, 2011/02.
82. Gopalan & Sharipova (2021), *What attracts Greenfield foreign direct investment inflows to Asia? Evidence from firms' motives*, Transnational Corporations Review.
83. Haudi & cs (2020), *Analysis of Most Influential Factors To Attract Foreign Direct Investment*, Journal of Critical Reviews.
84. IEA. (2025), World Energy Investment 2025. International Energy Agency, Paris.
85. IMF (2009), *Balance of Payments and International Investment Position Manual (BPM6)*. [67] 66
86. IMF (2024), Climate Policies as a Catalyst for Green FDI <https://www.imf.org/-/media/files/publications/wp/2024/english/wpiea2024046-print-pdf.pdf>].
87. Jaumotte et al., (2024), Policies to Foster Green FDI: Best Practices for Emerging Market and Developing Economies. <https://www.imf.org/en/publications/staff-climate-notes/issues/2024/10/08/policies-to-foster-green-fdi-best-practices-for-emerging-market-and-developing-economies-555062?utm>
88. Jaumotte, F., Kim, J., Pienknagura, S., & Schwerhoff, G. (2024), Policies to Foster Green FDI: Best Practices for Emerging Market and Developing Economies. IMF Staff Climate Note 2024/004.

89. Jeffrey L Furman, Michael E Porter, Scott Stern (2002), The determinants of national innovative capacity, *Research Policy*, Volume 31, Issue 6, August 2002, Pages 899-93.
90. Khun Sokang (2018), The Impact of Foreign Direct Investment on the Economic Growth in Cambodia: Empirical Evidence, *International Journal of Innovation and Economic Development*.
91. Lei Chen, Lijun HU, Fang He, Heqi Zhang (2024), Environmental Regulation, Foreign Direct Investment, and Green Total Factor Productivity: An Empirical Test Based on Chinese City-Level Panel Data. <https://www.mdpi.com/2071-1050/16/13/5620?utm>. [Truy cập ngày 20/02/2025].
92. Lise Johnson (2017), *Green Foreign Direct Investment in Developing Countries*. <https://scholarship.law.columbia.edu/sustainable-investment-staffpubs/12>
93. Mahamane Famanta a, Abid Ali Randhawa, and Yajing Jiang (2024), *The Impact of Green FDI on Environmental Quality in Less Developed Countries: A Case Study of Load Capacity Factor based on PCSE and FGLS Techniques*, *Heliyon* 10 (7): e28217. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844024042488>.
94. Mahamane Famanta ^a, Abid Ali Randhawa ^a, Jiang Yajing ^b (2024), *The impact of green FDI on environmental quality in less developed countries: A case study of load capacity factor based on PCSE and FGLS techniques*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844024042488?utm>. [Truy cập website ngày 10/11/2025].
95. Mahdi Ghodsi, *FDI for innovative and green growth: Europe needs a smarter strategy*. Website: <https://wiiw.ac.at/fdi-for-innovative-and-green-growth-europe-needs-a-smarter-strategy-n-691.html>.
96. Mai, T. D., & Tran, D. Q. C. (2023), *Attracting green FDI in vietnam-current situation and solutions*, *GPH-International Journal of Business Management*, 6(09), 30-44. <https://doi.org/10.5281/zenodo.8338188>].
97. Mehakdeep Singh & cộng sự (2025), The role of green foreign direct investment in promoting green gdp, Website: <https://ijmrtjournal.com/wp-content/uploads/2025/12/the-role-of-green-foreign-direct-investment.pdf>. [Truy cập ngày 10/3/2026].

98. Mehakdeep Singh & cộng sự (2025), The role of green foreign direct investment in promoting green GDP, Website: <https://ijmrtjournal.com/wp-content/uploads/2025/12/the-role-of-green-foreign-direct-investment.pdf>. [Truy cập ngày 10/3/2026].
99. Micocci, F., Ghodsi, M. & Rungi, A. (2025). FDI and innovation dynamics: The role of foreign corporate groups and technological pathways in domestic green innovation. wiiw working Paper No. 266. The Vienna Institute for International Economic Studies (wiiw), June.
100. Mohamed Abdouli & Sami Hammami (2018), Economic Growth, Environment, FDI Inflows, and Financial Development in Middle East Countries: Fresh Evidence from Simultaneous Equation Models, Springer Science+Business Media.
101. Mohammad A. Fadhil and Mahmoud K. Almsafr (2014), Foreign Direct Investment and Economic Growth Literature Review from 1994 to 2012, Procedia - Social and Behavioral Sciences.
102. OECD (2011), *Towards Green Growth*, OECD Publishing. <http://dx.doi.org/10.1787/9789264111318-en>.
103. OECD (2015), *Policy Framework for Investment (PFI)*, https://www.oecd.org/en/publications/policy-framework-for-investment-2015-edition_9789264208667-en.html
104. OECD (2021), *FDI Qualities: Indicators for Green Growth*. OECD Publishing.
105. OECD (2022), FDI Qualities Policy Toolkit. OECD Publishing, Paris.
106. OECD (2022), Measuring Environmental Policy Stringency in OECD Countries: An update of the OECD composite EPS indicator. OECD Economics Department Working Papers.
107. OECD (2025), OECD Benchmark Definition of Foreign Direct Investment (Fifth Edition), OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/7f05c0a3> Website: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2025/03/oecd-benchmark-definition-of-foreign-direct-investment-fifth-edition_38a25baf/7f05c0a3-en.pdf.

108. OECD (2026), *FDI Qualities Review of Viet Nam*. OECD Publishing, Paris.
109. Peter J Buckley et al. (2012), *Japanese foreign direct investment in India: An institutional theory approach*, *Business History* 54(5):1-32.
110. Phung, T. Q., Rasoulinezhad, E., & Thi Thu, H. L. (2022/2023), How are FDI and green recovery related in Southeast Asian economies? *Economic Change and Restructuring*, 56, 3731-3751.
111. Pienknagura, S. (2024), *Climate Policies as a Catalyst for Green FDI*. IMF Working Paper WP/24/46.
112. Pienknagura, S. (2024), *Climate Policies as a Catalyst for Green FDI*. IMF Working Paper WP/24/46.
<https://www.imf.org/en/publications/wp/issues/2024/03/01/climate-policies-as-a-catalyst-for-green-fdi-545450?utm>
113. Porter, Michael E., and Claas van der Linde (1995), "Toward a New Conception of the Environment-Competitiveness Relationship." *Journal of Economic Perspectives* 9 (4): 97-118.DOI: 10.1257/jep.9.4.97.
114. Rodr3guez-Pose & Crescenzi (2008), *Research and Development, Spillovers, Innovation Systems, and the Genesis of Regional Growth in Europe*, *Regional Studies*, February 2008 - 42(1):51-67.
115. Sandrina B.Moreira (2009), *The determinants of foreign direct investment: what is the evidence for Africa*, *Poi3sis - Revista do Programa de P3s-Gradua33o em Educa33o* 2(1).
116. Satoęlu, E. B., & Salmon, J. R. (2024). Environmental policy stringency and foreign direct investment: A study considering the impact of country-income level. *Energy*, 312, 133403.
117. Stephen S. Golub (2011), *Defining And Measuring Green FDI: An Exploratory Review Of Existing Work And Evidence*, OECD Working Papers On International Investment.
118. Stephen S. Golub et al (2011), *Defining and Measuring Green FDI: An Exploratory Review of Existing, Work and Evidence*, OECD Working Papers on International Investment 2011/02.

119. Thanh Quang Phung & Ehsan Rasoulinezhad & Hang Luong Thi Thu, (2023), *How are FDI and green recovery related in Southeast Asian economies?*, Economic Change and Restructuring, Springer, vol. 56(6), pages 3735-3755, December.
120. UN (2011), <https://www.unep.org/resources/report/towards-green-economy-pathways-sustainable-development-and-poverty-eradication-10>.
121. UN Environment (2017), *Green foreign direct investment in developing countries*. <https://www.effectivecooperation.org/sites/default/files/documents/Green%20Foreign%20Direct%20Investment%20in%20Developing%20Countries.pdf>.
122. UNCTAD (2003), *FDI Policies for Development: National and International Perspectives*, <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2003>.
123. UNCTAD (2008), *Creating an institutional environment conducive to increased foreign investment and sustainable development*, Accra, Ghana.
124. UNCTAD (2010), *World Investment Report 2010: Investing in a low-carbon economy*.
125. UNCTAD (2013), *Promoting Low-Carbon Investment*.
126. UNCTAD (2016), *Promoting green FDI: Practices and Lessons from the Field*, No5. The IPA ofserver. <https://unctad.org/news/promoting-green-fdi-practices-and-lessons-field>.
127. UNCTAD (2017), *Promoting Foreign Investment in the Sustainable Development Goals*.
128. UNCTAD (2022), *World Investment Report 2022 & Investment Policy Framework for Sustainable Development*, <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2022>.
129. UNCTAD (2023), *World Investment Report: Investing in Sustainable Energy for All*.
130. UNCTAD. (2016). *Promoting green foreign direct investment: Practices and lessons from the field*. The IPA Observer, No. 5. UNCTAD Investment and Enterprise Division.
131. UNCTAD. (2025). *World Investment Report 2025: International investment in the digital economy*. UNCTAD, Geneva.
132. United Nations Environment (2017), *Green Foreign Direct Investment in Developing Countries*.

133. V.Amendolagine, R.Lema, R.Rabellotti (2021), *Green foreign direct investments and the deepening of capabilities for sustainable innovation in multinationals: insights from renewable energy*, Journal of Cleaner Production Volume 310, 10 August 2021, 127381. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2021.127381>
134. Vito Amendolagine, Ulrich Elmer Hansen, Rasmus Lema, Roberta Rabellotti, Dalila Ribaudó (2023), *Do green foreign direct investments increase the innovative capability of MNE subsidiaries?*. World Development, Volume 170, October 2023.
135. Vu, T. M. N. (2017), *The FDI attracting policy of Malaysia towards green growth and some suggestions for Vietnam*, Journal of International Economics and Management, 94, 35-45. <https://jiem.ftu.edu.vn/index.php/jiem/article/view/165>
136. WB (2012), *Inclusive Green Growth: The Pathway to Sustainable Development*.
137. WB (2016), *Climate Investment Opportunities in Emerging Markets -* <https://documents1.worldbank.org/curated/en/602971510740408248/pdf/121277-WP-IFC-Climate-Investment-Opportunity-Report-Dec-PUBLIC.pdf?utm>. [Truy cập ngày 20/11/2024].
138. World Association of Investment Promotion Agencies (2010), *Investment Promotion Agencies and Sustainable FDI: Moving Toward the Fourth Generation of Investment Policies*.
139. World Bank (2010), *World Development Report 2010: Development and Climate Change. The International Bank for Reconstruction and Development*.
140. Y.Zheng (2023), *Spillover from Green FDI: Evidence from Green Innovation in China*. <https://yz-yangzheng.github.io/publication/greenfdijmp/>
141. Zhan, J. (2020), *Green FDI, sustainability and development*. Transnational Corporations Journal, UNCTAD.
142. Zheng, Y. (2023) Knowledge spillover from green FDI: Evidence from green innovation in China. Working paper, Yang Zheng.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NGHỆ AN (TÍNH ĐẾN 31/12/2024)

Phân loại	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung chính
Quy hoạch tổng thể	1059/QĐ - TTg	14/09/2023	Thủ tướng Chính phủ	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
Khu kinh tế Đông Nam	4514/QĐ - UBND	25/11/2021	UBND Tỉnh	Đề án phát triển KKT Đông Nam thành động lực tăng trưởng
Công nghệ hỗ trợ	4109/QĐ - UBND	22/12/2022	UBND Tỉnh	Đề án phát triển Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
Môi trường đầu tư	235/QĐ-UBND	24/01/2022	UBND Tỉnh	Đề án Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025
Tăng trưởng xanh	3560/QĐ-UBND	01/11/2023	UBND Tỉnh	Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030
Dự án WHA (Mới)	1706/QĐ-TTg	31/12/2024	Thủ tướng Chính phủ	Chủ trương đầu tư dự án WHA Industrial Zone 2 - Nghệ An (thuộc KCN Nam Cẩm D), tỉnh Nghệ An

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

**PHỤ LỤC 2. DIỄN BIẾN CHỈ SỐ PCI VÀ MỘT SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN
CỦA NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2018 - 2024**

Chỉ số thành phần	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<i>Xếp hạng</i>	<i>19</i>	<i>18</i>	<i>18</i>	<i>30</i>	<i>23</i>	<i>N/A</i>	<i>N/A</i>
PCI Tổng hợp	64,08	66,64	64,73	64,74	66,60	N/A	N/A
Gia nhập thị trường	7,57	7,78	7,39	6,99	6,77	7,33	7,92
Tiếp cận đất đai	7,08	6,63	6,54	6,94	6,69	6,25	7,01
Tính minh bạch	6,43	6,95	6,04	6,10	6,11	6,74	5,92
Chi phí thời gian	6,18	6,74	7,61	7,54	7,05	7,37	6,54
Chi phí không chính thức	4,71	5,86	6,22	6,50	6,97	6,43	6,45
Cạnh tranh bình đẳng	4,94	6,57	6,35	4,21	6,75	5,37	5,10
Tính năng động	5,6	5,79	6,31	6,27	6,82	6,70	6,12
Chính sách hỗ trợ DN	7,49	6,57	6,78	7,57	6,64	7,56	8,01
Đào tạo lao động	6,44	6,86	6,25	5,82	5,05	5,65	5,64
Thiết chế pháp lý	5,9	6,55	6,53	6,59	7,50	6,71	7,68

Nguồn: Báo cáo VCCI - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH DỰ ÁN FDI XANH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2018 - 2024

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Ngày cấp	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Lĩnh vực/Sản phẩm	Quốc gia	Tình hình triển khai	Vốn đầu tư thực hiện (USD)
1.	Nhà máy sản xuất viên nén sinh khối Biomass Fuel Việt Nam	Công ty TNHH Biomass Fuel Việt Nam	30/01/2018	28.300.000	Sản xuất viên nén gỗ sạch thân thiện môi trường từ nguồn nguyên liệu địa phương. Dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, cung cấp nhiên liệu bền vững cho các nhà máy, đặc biệt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản	Nhật Bản	Đã hoạt động	28.300.000
2.	Dự án tiện ích hạ tầng WHAUP Nghệ An	Công ty Cổ phần WHAUP Nghệ An	28/02/2018	10.000.000	Cung cấp các giải pháp tiện ích công nghiệp tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm cấp nước, xử lý nước thải và các giải pháp năng lượng tại Khu công nghiệp WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An. Dự án hạ tầng này cam kết bền vững với hệ thống xử lý nước thải tiên tiến, đảm bảo môi trường và cung cấp nguồn nước sản xuất ổn định cho các nhà đầu tư.	Thái Lan	Đã hoạt động	6.492.132,69
3.	Nhà máy innovative manufacturing solutions vietnam	Công ty TNHH Innovative Manufacturing Solutions Vietnam	06/04/2018	37.230.000	chuyên sản xuất và lắp ráp các loại linh kiện điện tử. Các sản phẩm chính bao gồm linh kiện điện tử, loa và tai nghe điện thoại. Nhà máy hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ cao tại khu công nghiệp.	Hàn Quốc	Đã hoạt động (2018)	37.230.000
4.	Dự án Công ty TNHH Ocean Products Việt Nam	Ocean Product Holding	12/11/2020	610.000	Chuyên sản xuất sản phẩm từ dầu cá	Cộng hòa Seychelles	Đã hoạt động	610.000
5.	Dự án Công ty TNHH Công nghệ Everwin	Công ty TNHH công nghệ Everwin	06/01/2021	194.680.000	Dự án chuyên sản xuất cầu kiện điện tử, linh kiện thiết bị truyền thông, đáp ứng	Hồng Kong	Đã hoạt động một	116.351.692,32

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Ngày cấp	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Lĩnh vực/Sản phẩm	Quốc gia	Tình hình triển khai	Vốn đầu tư thực hiện (USD)
	Precision (Việt Nam)	Precision (Việt Nam)			nhu cầu sản phẩm điện tử dân dụng, đóng góp lớn vào sự phát triển công nghiệp công nghệ cao của tỉnh Nghệ An		phần	
6.	Nhà máy công nghệ CURRENT POWER (Việt Nam)	Công ty TNHH Công nghệ Current Power (Việt Nam)	21/06/2021	3.000.000	Chuyên sản xuất và kinh doanh linh kiện ô tô điện. Đây là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm phụ trợ cho ngành công nghiệp xe điện, sản phẩm thân thiện với môi trường	Hồng Kong	Đã hoạt động	3.000.000
7.	Trung tâm kho vận SIS Nghệ An	Công ty TNHH dịch vụ hạ tầng Sembcorp Nghệ An	25/07/2022	19.400.000	là dự án kho vận hậu cần hiện đại, Cung cấp diện tích mặt sàn cho thuê quy mô lớn. Dự án chú trọng phát triển bền vững, nằm gần TP. Vinh (trước đây), thuận tiện kết nối giao thông và cảng biển	Singapore	Chưa triển khai xây dựng	
8.	GOERTEK MICROELECTRONICS VINA	Công ty TNHH Goertek Microelectronics Vina	30/08/2022	38.000.000	Chuyên sản xuất các linh kiện điện tử và âm thanh chính xác với công nghệ cao	Hồng Kong	Đã hoạt động	38.000.000
9.	Dự án khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường Zhong Cheng Việt Nam	Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường Zongcheng Việt Nam	21/12/2022	3.500.000	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic 8.450 tấn sản phẩm/năm. là vật liệu thân thiện với môi trường, dễ phân hủy sinh học, khả năng tái chế cao và hạn chế rác thải nhựa, giúp bảo vệ tài nguyên rừng	Trung Quốc	Chưa triển khai xây dựng	1.499.750
10.	Dự án tiện tích hạ tầng WHAUP Nghệ An - Giai đoạn 2	Công ty Cổ phần WHAUP Nghệ An	28/12/2022	7.150.000	Cung cấp nước và dịch vụ thoát nước trong các KCN	Thái Lan	Chưa triển khai xây dựng	5.943.800

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Ngày cấp	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Lĩnh vực/Sản phẩm	Quốc gia	Tình hình triển khai	Vốn đầu tư thực hiện (USD)
11.	Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Và Kinh Doanh Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Thọ Lộc (Giai Đoạn 1)	Công ty TNHH VSIP Nghệ An	08/02/2023	164.598.000	Đầu tư xây dựng hạ tầng KCN: 500ha	Singapore	Chưa triển khai xây dựng	63.323.510,37
12.	Công ty TNHH Fu Wing Interconnect Technology (Nghệ An)	Công ty TNHH Fu Wing Interconnect Technology (Nghệ An)	12/04/2023	200.000.000	Chuyên sản xuất và gia công các linh kiện điện tử và thiết bị viễn thông	Singapore	Chưa triển khai xây dựng	150.000.000
13.	Nhà máy KHKT Luxvisions Innovation Nghệ An	Công ty TNHH KHKT Luxvisions Innovation (Nghệ An)	08/05/2023	60.000.000	Sản xuất linh kiện điện tử: Modul camera: 700 nghìn sản phẩm/năm Lắp ráp máy in: 290 nghìn sản phẩm/năm	Hồng Kong	Chưa triển khai xây dựng	20.000.000
14.	Nhà máy sản xuất thanh silic đơn tinh thể và đĩa bán dẫn	Công ty TNHH công nghệ Runergy (Việt Nam)	22/06/2023	440.000.000	14.635 tấn thanh silic/năm; 995.000.000 tấm đĩa bán dẫn 182mm/năm	Thái Lan	Đã hoạt động	102.000.000
15.	Dự án Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam	Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam	01/08/2023	165.000.000	Sản xuất hợp kim nhôm cao cấp, cung ứng nguyên liệu cho các dự án sản xuất điện tử.	Hồng Kong	Chưa triển khai xây dựng	82.000.000
16.	Dự án vật liệu điện tử JunHao Việt Nam	Công ty TNHH vật liệu điện tử JunHao Việt Nam	22/08/2023	1.500.000	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn; sản xuất sản phẩm từ plastic, là vật liệu thân thiện với môi trường, dễ phân hủy sinh học, khả năng tái chế cao và hạn chế rác thải nhựa, giúp bảo vệ tài nguyên rừng	Hồng Kong	Chưa triển khai xây dựng	532.904
17.	Nhà máy công nghệ Luxshare (Việt Nam)	Công ty TNHH Công nghệ Luxshare (Việt Nam)	25/08/2023	35.000.000	Bộ sạc thường, bộ sạc xe hơi, bộ sạc không dây, bộ đàm, cáp tốc độ cao, linh kiện điện tử cho bộ sạc thường, bộ sạc xe hơi, bộ sạc không dây	Hồng Kong	Chưa triển khai xây dựng	14.010.000

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Ngày cấp	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Lĩnh vực/Sản phẩm	Quốc gia	Tình hình triển khai	Vốn đầu tư thực hiện (USD)
18.	Dự án đầu tư cơ sở mới Sunny Automotive Quang Học Vina	Summit Optical Investment Limited	20/09/2023	150.000.000	Sản xuất linh kiện quang học 65.000.000 sản phẩm/năm	Hồng Kong	Chưa triển khai xây dựng	59.956.950
19.	Dự án Nhà máy công nghệ Everwin Precision (Nghệ An)	Công ty TNHH công nghệ Everwin Precision (Việt Nam)	05/12/2023	115.000.000	Vỏ, linh kiện, khuôn mẫu và bộ phận bằng kim loại ứng dụng cho thiết bị thông minh và ô tô năng lượng mới: 40.000.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng	Hồng Kong	Đang triển khai xây dựng	7.529.811
20.	Nhà máy Radiant Opto- Electronics Việt Nam Nghệ An	Công ty TNHH Radiant Opto - Electronics Việt Nam Nghệ An	20/12/2023	145.000.000	Sản xuất linh kiện điện tử, Cho thuê nhà xưởng, cung cấp dịch vụ lưu trú	Đài Loan	Chưa triển khai xây dựng	60.000.000
21.	Dự án điện tử TopGoal Việt Nam	Công ty TNHH Điện tử Topgoal Việt Nam	17/07/2024	100.000.00	Sản xuất linh kiện điện tử 900.000 sản phẩm/năm	Trung Quốc	Chưa triển khai xây dựng	3.610.000
22.	Dự án điện tử King Conn Nghệ An	Singapore King Conn Electronic Co.Pte.Ltd	24/07/2024	3.000.000	Sản xuất linh kiện điện tử	Singapore	Chưa triển khai xây dựng	
23.	Công ty TNHH Leader Tech Việt Nam	Công ty TNHH Leader Tech Việt Nam	31/07/2024	20.000.000	Sản xuất linh kiện điện tử: 104.800.000 sản phẩm/năm	Đài Loan - Trung Quốc	Chưa triển khai xây dựng	
24.	Dự án Công ty TNHH Topgoal SMT Việt Nam	Công ty TNHH Điện tử Topgoal Việt Nam	12/09/2024	3.000.000	Sản xuất linh kiện điện tử 980.000 sản phẩm/năm	Trung Quốc	Chưa triển khai xây dựng	150.000
25.	Nhà máy sản xuất ác quy tính năng cao	Công ty TNHH Tập đoàn Tianneng (Việt Nam)	31/12/2024	50.000.000	Sản xuất ác quy công nghệ cao, chu kỳ sâu cho xe điện và năng lượng mới, với vốn đầu tư gần 40 triệu USD trên diện tích hơn 11 ha	Singapore	Chưa triển khai xây dựng	

PHỤ LỤC 4. PHIẾU KHẢO SÁT

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN DOANH NGHIỆP

Xin chào ông/bà!

Tôi đang thực hiện Luận án Tiến sĩ: “*Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An*”. Rất mong ông/bà trả lời khách quan, trung thực vào các câu hỏi dưới đây. Những thông tin mà ông/bà cung cấp chỉ nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học (ông/bà không phải điền tên vào phiếu này).

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!

Hướng dẫn trả lời: Ông/bà **khoanh tròn** vào phương án phù hợp với quan điểm của ông/bà.

PHẦN I: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp của ông/bà hoạt động trong lĩnh vực:
 - ☐ Năng lượng tái tạo
 - ☐ Công nghiệp sản xuất - chế biến:
 - ☐ Nông nghiệp hữu cơ
 - ☐ Công nghiệp hỗ trợ
 - ☐ Dịch vụ kỹ thuật - công nghệ xanh
 - ☐ Khác:
2. Năm doanh nghiệp bắt đầu đầu tư tại Nghệ An:
3. Doanh nghiệp có áp dụng mô hình sản xuất xanh không?
 - ☐ Có, toàn bộ quy trình sản xuất:
 - ☐ Có, một phần:
 - ☐ Không áp dụng

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Hướng dẫn: Ông/bà vui lòng đánh dấu vào mức độ đồng ý với từng phát biểu dưới đây theo thang điểm từ 1 - Hoàn toàn không đồng ý đến 5 - Hoàn toàn đồng ý.

A. MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
A1	Chính quyền địa phương có cam kết mạnh mẽ trong việc phát triển đầu tư					
A2	Các quy định, chính sách về đầu tư xanh rõ ràng và dễ tiếp cận					
A3	Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xanh được đơn giản hóa					
A4	Cơ chế giám sát và thực thi chính sách môi trường được thực hiện hiệu quả					

B. CƠ SỞ HẠ TẦNG XANH

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
B1	Hạ tầng khu công nghiệp tại Nghệ An phù hợp với tiêu chuẩn xanh					
B2	Có hệ thống xử lý chất thải thân thiện với môi trường					
B3	Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió					
B4	Hạ tầng công nghệ thông tin và kết nối Internet hỗ trợ sản xuất xanh hiệu quả					

C. LỢI THẾ ĐỊA PHƯƠNG

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
C1	Nghệ An có vị trí chiến lược thuận lợi cho thương mại và vận chuyển					
C2	Nguồn nhân lực tại địa phương đáp ứng được yêu cầu công nghệ xanh					
C3	Chi phí lao động và vận hành tại Nghệ An cạnh tranh so với khu vực					
C4	Thị trường nội địa và khu vực tiềm năng cho sản phẩm xanh					

D. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
D1	Tỉnh có chiến lược phát triển bền vững và ưu tiên ngành công nghiệp xanh					
D2	Các chính sách ưu đãi đầu tư có ưu tiên cho doanh nghiệp xanh					
D3	Chính quyền có hoạt động xúc tiến đầu tư chọn lọc cho FDI xanh					
D4	Doanh nghiệp được hỗ trợ tiếp cận công nghệ xanh và tài chính xanh					

E. RÀO CẢN TRONG VIỆC ĐẦU TƯ FDI XANH

E1. Rào cản từ môi trường bên ngoài (thể chế - hạ tầng - thị trường)

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
E1_1	Thiếu các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các dự án đầu tư xanh					
E1_2	Quy trình và thủ tục hành chính cho đầu tư xanh còn phức tạp, kéo dài					
E1_3	Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất xanh (xử lý chất thải, năng lượng tái tạo...) chưa đáp ứng nhu cầu					
E1_4	Chuỗi cung ứng xanh tại địa phương chưa đầy đủ					
E1_5	Thị trường tiêu thụ sản phẩm xanh còn hạn chế					
E1_6	Việc giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều trở ngại					

E2. Rào cản nội tại từ phía doanh nghiệp

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
E2_1	Doanh nghiệp thiếu nguồn nhân lực có tay nghề cao trong lĩnh vực công nghệ xanh					
E2_2	Doanh nghiệp gặp khó khăn khi cạnh tranh với các doanh nghiệp truyền thống có chi phí thấp hơn					
E2_3	Khả năng tài chính nội tại chưa đủ mạnh để đầu tư vào các giải pháp công nghệ xanh tiên tiến					

F. Ý ĐỊNH TIẾP TỤC ĐẦU TƯ FDI XANH

Mã	Phát biểu	1	2	3	4	5
F1	Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng quy mô đầu tư xanh tại Nghệ An trong 3-5 năm tới					
F2	Doanh nghiệp duy trì quy mô hiện tại của các dự án FDI xanh					
F3	Doanh nghiệp chuyển hướng đầu tư sang lĩnh vực khác vì lý do chiến lược hoặc ưu đãi					
F4	Doanh nghiệp không tiếp tục đầu tư FDI xanh tại Nghệ An trong thời gian tới					

Câu 19: Ông/bà vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

1. **Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ
2. **Năm sinh** (ông/bà sinh năm bao nhiêu):.....
3. **Thành phần dân tộc:** 1. Kinh 2. Khác
4. **Trình độ chuyên môn:**
 1. Sơ - Trung cấp
 2. Cao đẳng - Đại học
 3. Sau đại học
 4. Khác (xin ghi rõ)
6. **Nơi ông/bà cư trú thuộc:**
 1. Đô thị 2. Nông thôn

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CÁN BỘ CHÍNH SÁCH

Xin chào ông/bà!

Tôi đang thực hiện Luận án Tiến sĩ: “*Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An*”. Rất mong ông/bà trả lời khách quan, trung thực vào các câu hỏi dưới đây. Những thông tin mà ông/bà cung cấp chỉ nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học (ông/bà không phải điền tên vào phiếu này).

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!

Hướng dẫn trả lời: Ông/bà khoanh tròn vào phương án phù hợp với quan điểm của ông/bà.

Câu 1: Ông/bà đã từng nghe về việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh chưa?

1. Đã từng nghe và hiểu biết rõ nội dung
2. Đã từng nghe nhưng chưa hiểu biết rõ nội dung
3. Chưa từng nghe

Câu 2: Trong thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã làm gì để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh?

1. Định hướng đầu tư ưu tiên các dự án xanh (như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, du lịch sinh thái,...)
2. Phát triển các ngành công nghiệp xanh (như sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo,...)
3. Cải cách thủ tục hành chính (như thủ tục liên quan đến đăng ký đầu tư, cấp phép xây dựng,... đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư dự án xanh)
4. Quy hoạch và phát triển hạ tầng (như hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông,...)
5. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án xanh (như miễn giảm thuế, tiền thuê đất, hỗ trợ đào tạo lao động,...)
6. Nâng hạng các chỉ số môi trường kinh doanh
7. Chuyển đổi số
8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ dự án đầu tư xanh

9. Tăng cường hợp tác quốc tế (để thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ,...)
10. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về đầu tư xanh cho người dân, doanh nghiệp
11. Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư
12. Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư
13. Xây dựng hệ thống thông tin, hệ thống ấn phẩm, tài liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư
14. Khác (xin ghi rõ)

Câu 3: Theo ông/bà, những yếu tố nào dưới đây có tác động đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Nghệ An hiện nay?

1. Lợi thế vị trí địa lý (trung tâm Bắc Trung Bộ, cửa ngõ giao thương giữa miền Bắc với miền Trung, giữa Việt Nam với các nước trong khu vực,...)
2. Hệ thống giao thông kết nối thuận lợi (gồm đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu)
3. Lực lượng lao động trẻ, năng động và có trình độ học vấn ngày càng được nâng cao
4. Chi phí lao động cạnh tranh so với các tỉnh, thành phố khác trong khu vực
5. Các khu công nghiệp được quy hoạch bài bản, đồng bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường
6. Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn (ưu đãi về thuế, tiền thuê đất và các thủ tục hành chính,...)
7. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo (như điện gió và điện mặt trời)
8. Định hướng phát triển bền vững, và hướng đến việc phát triển kinh tế xanh của tỉnh Nghệ An
9. Tư duy chiến lược của nhà lãnh đạo về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh
10. Hoạt động của cơ quan xúc tiến tại địa phương
11. Môi trường kinh tế thế giới
12. Hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI quốc tế

13. Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài
14. Động cơ, chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài
15. Khác (xin ghi rõ)

Câu 4: Những khó khăn/ thách thức trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An?

1. Chưa có các quy định, tiêu chí cụ thể để sàng lọc hiệu quả các dự án FDI xanh
2. Thiếu các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các dự án FDI xanh
3. Quy trình thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xanh còn phức tạp và kéo dài
4. Khó khăn về cơ sở hạ tầng (như xử lý chất thải, năng lượng tái tạo,...)
5. Nguồn lao động có tay nghề cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ xanh, còn thiếu hụt
6. Cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt giữa các địa phương trong nước và quốc tế
7. Thị trường đầu tư xanh còn mới mẻ, tiềm ẩn nhiều rủi ro
8. Nhận thức về đầu tư xanh của một số doanh nghiệp và cơ quan quản lý còn hạn chế
9. Việc giải phóng mặt bằng, vẫn còn gặp nhiều khó khăn
10. Chưa quảng bá hình ảnh về đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh ở Nghệ An
11. Khác (xin ghi rõ)

Câu 5: Theo ông/bà, có những giải pháp nào nhằm tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An?

1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng
2. Xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù cho các doanh nghiệp đầu tư xanh
3. Tăng cường xúc tiến đầu tư
4. Nâng cao nhận thức về đầu tư xanh cho các doanh nghiệp và cộng đồng
5. Cải cách thủ tục hành chính để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh
6. Tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh

7. Hoàn thiện công tác quy hoạch chú trọng đến những lĩnh vực đột phá trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh
8. Phát triển nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu của khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
9. Nâng cao năng lực thẩm định, đánh giá tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh
10. Tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng và lợi thế của tỉnh trong lĩnh vực đầu tư xanh
11. Khác (xin ghi rõ)

Câu 6: Ông/bà vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

Năm sinh (ông/bà sinh năm bao nhiêu):.....

Thành phần dân tộc: 1. Kinh 2. Khác

Trình độ chuyên môn:

1. Sơ - Trung cấp
2. Cao đẳng - Đại học
3. Sau đại học
4. Khác (xin ghi rõ)

Ông/bà là: 1. Cán bộ 2. Lãnh đạo, quản lý

Nơi ông/bà cư trú thuộc:

1. Đô thị 2. Nông thôn

Xin trân trọng cảm ơn ông/bà!